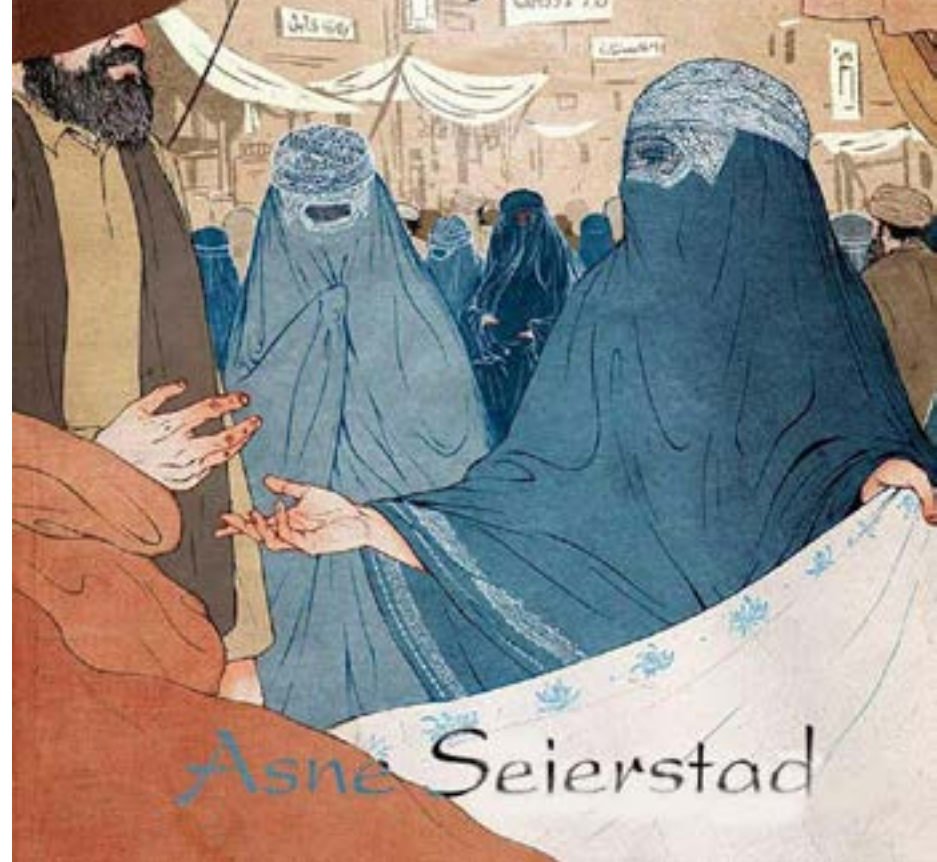


The Bookseller Of Kabul

Ông Hàng Sách & Kabul



Asne Seierstad

Ông hàng sách ở Kabul

The bookseller of Kabul

Asne Seierstad

Người dịch: Trung Nguyên



Paris * 07.2025

Bìa : *NXB Hôi Nhà Văn*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Ông hàng sách ở Kaboul

The bookseller of Kabul

ASNE SEIERSTAD

NGƯỜI DỊCH: TRUNG NGUYỄN

MỤC LỤC

Lời nói đầu	11
1. Đi hỏi vợ	31
2. Hỏa thiêu	46
3. Tội ác và trừng phạt	78
4. Tự vẫn và bài ca	110
5. Chuyển đi giao dịch	119
6. Em có muốn anh phải buồn không?	183
7. Lối lên thiên đường bị cấm	213
8. Một đám cưới hạng ba	245

9. Vị nữ trưởng lão	273
10. Cám dỗ	308
11. Tiếng gọi của Ali	330
12. Mùi bụi	407
13. Mưu toan	450
14. Thượng Đế có thể chết không?	480
15. Căn phòng buồn	503
16. Người thợ mộc	526
17. Oussama, mẹ tôi	605
18. Trái tim tan nát	659
19. Lời bạt	700

Lời nói đầu

Sultan Khan là một trong những người đầu tiên tôi gặp khi đến Kaboul tháng Mười Một năm 2001. Lúc đó tôi vừa trải qua sáu tuần sống cùng những người chỉ huy của Liên minh Phương Bắc, từ vùng sa mạc giáp biên giới Tadjikistan đến vùng đồng cỏ phía bắc Kaboul băng qua những dãy núi Hindou Kouch và thung lũng Panshir. Tôi đã đi theo các cuộc tấn công của họ chống quân Taliban¹, nằm ngủ trên nền sỏi đá, 1 Taliban là những sinh viên thân học được đào tạo trong các

trong những căn lều đắp bằng đất, sát gần mặt trận và di chuyển trên xe quân sự, trên lưng ngựa và đi bộ.

Khi bọn taliban sụp đổ, tôi đã đến Kaboul cùng với Liên minh Phương Bắc. Trong một cửa hàng sách tôi gặp một người đàn ông lịch sự tóc đã muối tiêu. Sau nhiều tuần sống trong bụi thuốc súng và trên sỏi đá, chỉ nghe toàn chuyện chiến thuật chiến tranh và diễn biến chiến sự, bây giờ được giở những trang sách và trò chuyện về văn học và lịch sử quả thật có một hương vị gì đó như là được giải phóng. Những ngăn sách của Sultan Khan đầy ắp các tác phẩm nhiều thứ tiếng, các tuyển tập thơ ca và truyền thuyết của Afganistan, các sách lịch sử,

trường Hồi giáo miền phí gọi là madrasa. Từ năm 1996 đến năm 2001 họ chiếm được toàn bộ Afganistan sau một cuộc nội chiến ác liệt và thiết lập một chế độ cai trị khắc nghiệt trên khắp đất nước.

các tiểu thuyết... Là tay buôn sành sỏi, ông đã để ý thấy tôi lần đầu đến cửa hàng của ông đã bê về đến bảy cuốn sách. Thường, lúc rồi, tôi bước vào hàng ông nhìn qua đôi ba tác phẩm và trò chuyện với ông hàng sách kỳ lạ này, vốn là một người Afganistan ái quốc đã bao lần phải thất vọng vì đất nước của mình.

– Thoạt tiên, những người cộng sản đốt sách của tôi, rồi bọn moudjahidin² đến cướp, trước khi bọn taliban lại đốt sạch, ông ta kể.

Một buổi tối, ông mời tôi dùng bữa ở nhà ông. Cả gia đình ông tụ họp đông đủ, ngồi ngay trên nền nhà, quanh một bữa cơm thịnh soạn: một trong những người vợ của ông, các con trai, các bà chị em gái, người em trai của ông, mẹ

2 Tức những chiến binh thành chiến theo đạo Hồi, trung thành với tổng thống Daoud, người bị lật đổ và bị giết năm 1993.

ông, và vài người anh em họ. Sultan kể chuyện, các cậu con ông cười và đùa nghịch. Không khí thoải mái, càng làm rõ sự đối lập giữa bữa ăn tối này với những bữa ăn cùng những người chỉ huy trên các vùng núi.

Tôi nhận ra ngay là những người đàn bà rất ít nói. Cô vợ vừa mới lớn rất đẹp của Sultan đứng lặng lẽ bên cánh cửa, tay bế con, không hề nói một lời. Người vợ kia của ông không có mặt tối hôm đó. Những người đàn bà khác trả lời các câu hỏi, những lời khen món ăn ngon, nhưng không bao giờ tự mình bắt chuyện.

Ra về tôi tự nhủ: Afganistan là vậy đấy. Thật đáng viết về cái gia đình này.

Hôm sau, tôi đến tìm Sultan ở hiệu sách của ông và trình bày với ông ý định

của tôi.

– Rất cảm ơn, ông chỉ nói có vậy.

– Vâng, nhưng vậy thì tôi phải được sống cùng gia đình ông.

– Xin mời.

Tôi phải đi theo ông, sống đúng như gia đình ông đang sống, như ông, các bà vợ của ông, các cô em gái, các cậu con trai của ông.

– Xin mời, ông lặp lại.

Vậy đó, vào một ngày Tháng Hai u ám, tôi đã đến ở cùng gia đình Khan, toàn bộ đồ đoàn vốn vẹn có chiếc máy tính xách tay, các cuốn sổ ghi chép, bút máy, một cái điện thoại vệ tinh cùng quần áo và giày dép tùy thân. Những thứ khác đã biến mất trên đường đi của tôi,

đâu đó bên Ouzbékistan.

Tôi được đón tiếp nồng nhiệt. Tôi cảm thấy thoải mái trong những chiếc áo dài Afghanistan mà những người phụ nữ trong nhà đã cho tôi mượn ngay. Để ngủ, người ta cho tôi một chiếc chiếu cạnh Leila, người có nhiệm vụ chăm cho tôi chẳng bao giờ phải thiếu thứ gì.

Chị là cháu bé của tôi, cô gái mười chín tuổi ấy bảo tôi như vậy ngay buổi tối đầu tiên. Tôi sẽ chăm sóc chị, cô hứa với tôi, mỗi lần tôi vừa thức giấc là cô đã bật dậy ngay.

Mỗi mong muốn nhỏ của tôi đều phải được thỏa mãn, Sultan đã ra lệnh cho cô như vậy. Mãi về sau tôi mới biết bất cứ kẻ nào không tuân lệnh đó đều sẽ bị phạt.

Suốt ngày người ta cho tôi ăn và uống nước trà. Dần dà tôi thâm nhập vào cuộc sống của gia đình Khan. Các thành viên trong gia đình nói khi nào họ thích, chứ không phải khi tôi đặt các câu hỏi cho họ. Khi tôi cầm cuốn sổ tay ghi chép, thường họ chẳng thích nói, họ chỉ cời mở lúc đi dạo ở cửa hàng tạp hóa, trên xe buýt, hay lúc đã về khuya. Nhiều khi họ tự động trả lời những câu hỏi mà tôi thậm chí không hề nghĩ đến.

Tôi không có thời gian để học tiếng dari, thổ ngữ Ba Tư của gia đình này, nhưng tôi đã gặp may, vì nhiều thành viên trong nhà biết tiếng Anh. Bất thường chăng? Quả là tôi đã khám phá Kaboul thông qua một gia đình rất không bình thường: trong một đất nước ba phần tư dân số mù chữ, những người bán hàng sách rất hiếm.

Câu chuyện này trước hết là câu chuyện về một gia đình Afghanistan. Có hàng triệu gia đình Afghanistan và gia đình này không hề là tiêu biểu. Nó thuộc một giai cấp trung lưu, nếu ta có thể nói đến một giai cấp như vậy trong xã hội Afghanistan. Một số người trong gia đình này đã được đi học, nhiều người biết đọc biết viết. Họ không thiếu tiền và không chết đói.

Nếu tôi muốn sống trong một gia đình Afghanistan hoàn toàn điển hình, thì tôi sẽ phải sống ở nông thôn, trong một thị tộc ở đó không ai biết đọc biết viết và ở đó mỗi ngày là một cuộc chiến đấu để sống còn. Tôi đã không chọn gia đình Khan vì nó đại diện cho tất cả các gia đình khác, mà vì nó khiến tôi thích thú.

Tôi muốn câu chuyện này có vẻ hư

cầu, tuy nhiên nó dựa trên cả một trải nghiệm thật mà tôi đã là người chứng kiến hay những diễn viên chính ở đây đã kể lại với tôi. Khi tôi viết những gì những con người ở đây suy nghĩ hay cảm nhận, tôi đã căn cứ trên những điều họ nói với tôi rằng họ đã nghĩ hay cảm nhận như thế trong hoàn cảnh đó. Nhiều độc giả hỏi làm sao tôi đoán được những gì diễn ra trong đầu họ. Đương nhiên tôi không phải là nhà văn cái gì cũng biết tất: khi tôi ghi lại một đối thoại nội tâm, một suy tính, ấy là người ta đã kể lại cho tôi.

Sultan không cho phép bất cứ ai khác được ở trong nhà này, do vậy những người phiên dịch của tôi là chính Sultan, Mansur và Leila. Tất nhiên điều đó khiến họ có ảnh hưởng lớn đến câu chuyện kể về lịch sử của gia đình này, nhưng tôi đã đối chiếu nhiều cách giải thích khác

nhau và đặt cùng những câu hỏi giống nhau, lúc thì với Sultan, lúc thì với Mansur hay Leila làm thông ngôn.

Sultan đã học được ở một nhà ngoại giao mà ông ta dạy cho tiếng dari một thứ tiếng Anh phong phú và sáng tạo; cô em gái Leila của ông nói một thứ tiếng Anh hoàn hảo, học được ở các lớp buổi tối khi cô còn bé, và theo gương Mansur, ở trường khi gia đình lánh nạn tại Pakistan.

Người con trưởng của Sultan, bằng tiếng Anh trôi chảy, có thể thổ lộ với tôi những nghi ngờ, những mối tình, những điều anh cầu xin Thượng Đế. Vậy đấy anh đã tâm sự với tôi anh đã mong muốn được tẩy rửa tâm hồn về mặt tôn giáo như thế nào và đã dẫn tôi đi theo trong cuộc hành hương của anh, khi đó tôi là một người bạn đường thứ tư vô hình.

Tôi cũng đã tham gia chuyến đi giao dịch ở Peshawar và Lahore, cuộc săn đuổi bọn Al-Qaida, các lần đi mua sắm ở cửa hàng bách hóa, lần đi tắm hơi (theo lối Thổ Nhĩ Kỳ), tham dự lễ cưới và các công việc chuẩn bị lễ cưới, các lần đến thăm trường, đến bộ Giáo dục, đến sở Cảnh sát và nhà tù.

Ngược lại, có những việc khác tôi không đích thân trải nghiệm, như số phận bi thảm của Jamila hay những lầm lạc của Rahimullah. Người ta cũng kể cho tôi nghe chuyện Sultan đi hỏi vợ, câu chuyện này được các nhân vật trong cuộc thuật lại: Sultan, mẹ ông, Sonya, bố mẹ cô, những người chị em, người anh trai và Sharifa.

Mọi người đều biết tôi sống trong nhà họ để viết một cuốn sách; khi họ muốn tôi không nói đến một chuyện nào

đó, họ bảo cho tôi biết. Tuy vậy tôi đã chọn biến họ thành vô danh cũng như những nhân vật khác trong câu chuyện này. Không ai bảo tôi phải làm như vậy, nhưng tôi thấy nên thế.

Cuộc sống hằng ngày của tôi là cuộc sống của gia đình này. Được đánh thức dậy từ buổi bình minh bởi những tiếng kêu của bọn trẻ và những mệnh lệnh của những người đàn ông, tôi sắp hàng chờ đến lượt trước phòng tắm hay chuỗi vào đó khi mọi người đã dùng xong. Đôi khi, may mắn, còn có nước nóng, nhưng tôi đã nhanh chóng học biết được cái bổ mát của một cốc nước lạnh dội lên mặt. Suốt ngày hoặc tôi sống cùng những người phụ nữ, lúc ở nhà, lúc đi thăm họ hàng hay đi cửa hàng bách hóa, hoặc cùng Sultan và các cậu con trai của ông, ở hiệu sách, trong thành phố hay đi đây đi đó.

Buổi tối, tôi ăn tối cùng gia đình và uống chè xanh cho đến giờ đi ngủ.

Dẫu tôi có là khách mời, rất nhanh chóng gia đình đã trở thành thân thuộc đối với tôi. Hào phóng và cởi mở, mọi người đã dành cho tôi một sự đón tiếp kỳ lạ. Tuy nhiên quả thật tôi hiếm khi nổi giận đến vậy đối với một người khác, tôi hiếm khi cãi nhau và cảm thấy muốn đánh một ai đó bằng những ngày tôi sống ở gia đình Khan. Bao giờ cũng là những lý do đó khiến tôi không thể kìm chế được: cách đàn ông đối xử với đàn bà. Định kiến về ưu thế của đàn ông ăn sâu đến mức đặc biệt lắm nó mới bị trăn cãi.

Hẳn tôi được coi như một thứ sinh vật lưỡng tính. Là một người phụ nữ phương Tây, tôi có thể sống giữa những người đàn bà cũng như đàn ông. Nếu tôi

là một người đàn ông, tôi sẽ không bao giờ có thể sống ở đây được như tôi đã sống, gần các bà vợ của Sultan đến thế, mà không gây ra những lời bàn tán xì xào. Đồng thời việc tôi là một người đàn bà, hay một sinh vật lưỡng tính, chẳng bao giờ gây ra bất cứ vấn đề gì trong thế giới những người đàn ông. Trong các ngày lễ, khi đàn ông và đàn bà phải sống cách biệt nhau, tôi là người duy nhất có thể tự do đi lại từ phòng này sang phòng khác.

Tôi cũng không phải chịu các ràng buộc khắc nghiệt về y phục như những người đàn bà Afganistan và tôi có thể đi lại bất cứ nơi nào tôi muốn. Tuy nhiên tôi thường trùm áo burkha³, đơn giản là để được yên thân. Trên các đường phố

3 Burkha: áo choàng của phụ nữ Hồi Giáo, trùm kín từ đầu đến quá mắt cá chân, chỉ trước mắt có một mạng lưới dày cho phép nhìn thấy lờ mờ những gì diễn ra trước mặt.

Kaboul, một người đàn bà phương Tây thường lôi kéo nhiều sự chú ý không mong muốn.

Dưới tấm burkha, tôi tha hồ quan sát mọi người tùy thích, mà không bị người ta nhìn lại. Tôi có thể đi theo các thành viên của gia đình khi chúng tôi đi ra ngoài mà không bị mọi người tập trung chú ý vào tôi. Vô danh tính trở thành một sự giải phóng, là nơi ẩn náu duy nhất của tôi, bởi vì ở Kaboul hầu như chẳng có nơi nào người ta có thể sống được chỉ một mình.

Tôi đã sử dụng chiếc burkha để nhập vai một người đàn bà Afganistan, để cảm biết được cái cảm giác, khi trên một chiếc xe buýt trống một nửa, mà lại phải chen nhau ở ba hàng ghế cuối cùng chật cứng dành riêng cho phụ nữ, cái cảm giác phải co mình lại trong một thùng

xe taxi vì có một người đàn ông đã ngồi ở hàng ghế sau, cái cảm giác được coi là một cái burkha cao lớn và hấp dẫn và nhận được lời khen cái burkha đầu tiên của một người qua đường. Tôi đã thấy dần dần tôi đâm ra ghê tởm cái burkha đến mức nào, nó siết chặt trán tôi và khiến tôi đau đầu đến mức nào, cái mạng lưới của nó hạn chế tầm nhìn đến mức nào, nó gò bó và bí bức, khiến người ta nhanh chóng ngột ngạt đến chừng nào, ta phải hết sức chú ý đến cái chỗ ta bước đến chừng nào vì không thể nhìn thấy được bàn chân mình, nó bắt bụi, bắn đi nhanh chóng đến mức nào, và thật thoải mái sung sướng đến mức nào được hất tung ra khi đã trở về đến nhà.

Cuối cùng tôi đã sử dụng burkha làm vật che chở khi tôi cùng với Sultan đi theo con đường nguy hiểm dẫn đến

Jalalabad và chúng tôi phải qua đêm ở một nơi nghỉ chân nguy hiểm tại biên giới, hay khi chúng tôi đi ra ngoài đêm khuya. Nói chung, phụ nữ Afganistan chẳng mấy khi đi ra ngoài với một nắm tờ trăm đô la và một cái máy tính xách tay, vậy nên khoác burkha giúp tôi tránh được bọn cướp.

Tôi đã sống ở Kaboul mùa xuân đầu tiên sau khi bọn taliban bỏ chạy. Mùa xuân ấy phập phồng một hy vọng mong manh. Dân chúng vui mừng vì bọn chúng đã rút đi, họ không còn phải sợ đám cảnh sát tôn giáo hành hạ trên đường phố, phụ nữ lại được đi lại một mình ngoài đường, họ có thể đi học, con gái được đến trường. Nhưng mùa xuân ấy cũng vẫn còn in đậm những nỗi thất vọng mấy chục năm qua. Tại sao bây giờ tình hình lại khá lên được?

Suốt mùa xuân, đất nước tương đối thanh bình, người ta có lạc quan hơn. Người ta toan tính các dự án, phụ nữ bỏ burkha ở nhà ngày càng nhiều, một số phụ nữ đã bắt đầu làm việc, những người lưu vong trở về.

Cũng như trước đây, chế độ lưỡng lự giữa truyền thống và hiện đại, giữa các thống lĩnh chiến tranh và các thống lĩnh bộ lạc. Trong tình trạng hỗn loạn ấy, vị cầm đầu Hamid Karzaï cố tạo nên một thế cân bằng và xác định một định hướng chính trị. Là người bình dân, ông không có quân đội cũng chẳng có đảng phái, trong một đất nước đầy súng đạn và những bọn phiến loạn đang chiến đấu.

ở Kaboul, tình hình tương đối yên tĩnh, bắt chấp hai vụ sát hại hai vị bộ trưởng, cuộc mưu sát một vị thứ ba và việc tiếp tục các cuộc tấn công chống

lại dân chúng. Đa số người dân tin vào những người lính ngoại quốc vẫn tuần tra trên các đường phố: “Không có họ, thì sẽ có nội chiến mất thôi”.

Tôi đã ghi lại những gì tôi đã nhìn thấy và nghe thấy và cố gắng tập hợp lại trong câu chuyện này những cảm xúc của tôi về một mùa xuân ở Kaboul, khi một số người cố vượt qua mùa đông để sinh sôi nảy nở trong khi những người khác thấy mình phải tiếp tục chịu kiếp “ăn bụi” thôi, như Leila sẽ nói.

Ásne Seierstad

Oslo, ngày 1 tháng 6-2002

Kính tặng bố mẹ tôi

“Migozarad! [Rồi sẽ qua cả thôi mà!]

(Câu viết lên tường một quán trà ở Kaboul)

1. Đi hỏi vợ

Khi Sultan cho là đã đến lúc tìm một người vợ mới, thì chẳng ai muốn giúp ông cả. Trước tiên, ông đến gặp mẹ.

– Hãy bằng lòng với người vợ con đã có!

Ông bèn nói với người chị cả.

– Tôi quý người vợ cả của cậu lắm.

Những người chị em khác của ông

cũng trả lời ông hết như vậy. Bà cô ông thì bảo:

– Như vậy là mày làm nhục Sharifa đấy.

Sultan cần được giúp đỡ. Một người muốn lấy vợ không thể tự mình đi hỏi, phong tục Afganistan đòi hỏi phải có một người phụ nữ trong gia đình người đàn ông đứng ra xin hỏi và xem xét kỹ cô dâu hơn để coi cô có xứng đáng không, có được dạy dỗ tốt và có khá giả không. Vậy mà bất kể thế nào chẳng có ai chung quanh Sultan muốn dính dáng vào việc này.

Sultan đã chọn ba cô gái trẻ. Cả ba đều đẹp và khoẻ mạnh, đều xuất thân từ cùng thị tộc với ông. Trong gia đình Sultan, người ta chỉ cưới người ngoài thị tộc trong những trường hợp đặc biệt, vì cho

rằng lấy người họ hàng gần gũi với mình là khôn ngoan và chắc chắn hơn, tốt hơn cả là lấy anh em hay chị em họ.

Thoạt tiên Sultan thử nhắm Sonya, mười sáu tuổi. Cô có đôi mắt màu hạnh nhân đục và mái tóc đen nhánh. Người ta bảo cô ta nở nang và chăm làm. Gia đình cô nghèo, có họ hàng khá gần với ông. Bà cố ngoại cô và bà cố ngoại Sultan là hai chị em.

Trong khi Sultan suy tính làm sao tự mình lấy được người mình thích, thì bà vợ cả của ông thản nhiên vui sướng, không hề hay biết một cô gái trẻ, sinh ra đúng vào năm bà cưới Sultan, từ nay đang chiếm hết tâm trí ông chồng. Đã năm mươi tuổi và trải qua bao nhiêu lầm bụi, Sharifa đã bắt đầu già, cũng như chính Sultan vậy. Bà đã sinh cho ông ba người con trai và một con gái. Đối với

một người ở vị thế của ông, đã đến lúc tìm một người vợ khác.

Cuối cùng người em trai ông bảo:

– Thôi thì tự anh cứ đi mà hỏi lấy.

Sau khi suy nghĩ ít nhiều, Sultan biết rằng đó là giải pháp duy nhất, và một buổi sáng ông đến nhà cô gái. Bố mẹ cô đón tiếp người anh em họ này rất vồn vã. Sultan có tiếng là người hào phóng và các cuộc thăm viếng của ông bao giờ cũng được hoan nghênh. Bà mẹ Sonya đun nước và pha trà. Ngồi dựa vào dây gối đặt dọc tường, họ trao đổi những lời chào hỏi cho đến khi Sultan thấy đã tới lúc thuận lợi để trình bày lời thỉnh cầu của mình.

– Cháu có một người bạn muốn được cưới Sonya.

Đây không phải là lần đầu tiên có người đến hỏi Sonya, cô đẹp và chăm làm; nhưng họ thấy cô còn quá trẻ. Bố Sonya là người tàn phế. Một cuộc đánh nhau bằng dao đã cắt đứt nhiều dây thần kinh cột sống của ông và ông bị liệt. Khi Sonya lấy chồng, cô có thể mang về cho bố mẹ nhiều tiền và do vậy họ chờ đợi một chỗ hời hơn những người đã đến dạm hỏi trước đây.

– Anh ta giàu có, Sultan mở đầu. Anh ta làm cùng ngành với cháu, là người có học vấn và đã có ba cậu con trai. Nhưng vợ anh ta đã bắt đầu già.

– Răng anh ta thế nào? bố mẹ cô gái hỏi ngay, ý muốn nói đến tuổi anh bạn họ.

– Cũng gần giống như răng cháu. Hai bác cứ đoán xem.

Già đấy, họ nghĩ thầm. Dẫu sao đó cũng không nhất thiết là một trở ngại: người đi hỏi cô gái càng lớn tuổi, thì càng phải trả nhiều tiền. Cái giá của một cô gái tùy thuộc vào tuổi tác, nhan sắc, các khả năng và cương vị xã hội của cô.

Khi Sultan đã trình lời khẩn cầu của mình, bố mẹ cô nói đúng câu trả lời đã đoán trước được: “Nó còn trẻ quá.” Trả lời cách khác thì cũng bằng đem bán cô gái với giá quá rẻ cho anh chàng giàu có chưa quen biết mà Sultan đã giới thiệu bằng những lời lẽ tâng bốc kia. Họ cố không tỏ ra quá nhiệt tình; nhưng họ biết Sultan sẽ trở lại, vì Sonya trẻ và đẹp.

Ngày hôm sau, ông đến lặp lại lời khẩn cầu của mình. Vẫn những đối thoại ấy, câu trả lời ấy. Song lần này, ông được gặp Sonya mà ông đã không nhìn thấy kể từ khi cô còn là một đứa bé. Cô hôn

tay ông, vì lòng kính trọng đối với người họ hàng lớn tuổi hơn, và ông hôn lên mái tóc cô. Sonya nhận ra bầu không khí trầm nặng và thu mình lại dưới cái nhìn dò xét của ông cậu Sultan.

– Tôi đã tìm được cho cô một người đàn ông giàu có, cô nghĩ sao? Ông hỏi.

Sonya cúi nhìn xuống. Trả lời sẽ là vi phạm mọi thông tục. Một người con gái không được quyền có ý kiến về việc người ta hỏi mình làm vợ.

Ngày thứ ba, Sultan trở lại, và lần này, ông nói rõ đề nghị của người hỏi cưới. Một chiếc nhẫn, một chiếc vòng đeo cổ, hoa tai và vòng tay – tất cả đều bằng vàng đỏ. Mọi thứ quần áo cô thích. Ba trăm ki-lô gạo, một trăm năm mươi ki-lô dầu ăn, một con bò cái, vài con cừu và năm mươi triệu đồng afgani, tức hơn

bốn trăm đô la đôi chút.

Bố Sonya quá bằng lòng với cái giá được đưa ra và yêu cầu được gặp mặt con người bí mật đã đề nghị món cống vật nọ. Sultan còn bảo đảm anh ta thuộc cùng thị tộc, song họ cũng không thể nào xác định được đó là ai hay nhớ lại đã gặp lần nào chưa.

– Ngày mai, Sultan hứa, hai bác sẽ thấy một bức ảnh của anh ta.

Hôm sau, bà cô của ông, mà ông đã có lo lót chút ít, nhận lời nói rõ cho bố mẹ Sonya biết tên tuổi thật của người muốn cưới cô. Bà mang theo một tấm ảnh – một tấm ảnh của chính Sultan – và dứt khoát yêu cầu họ trả lời trong một tiếng đồng hồ. Nếu họ nhận lời, Sultan sẽ rất biết ơn, còn nếu không thì quan hệ giữa đôi bên vẫn tốt như lâu nay. Điều

duy nhất ông không chấp nhận là những thương lượng bất tận theo kiểu “có thể được, mà cũng có thể không”.

Bố mẹ Sonya đồng ý ngay trước khi một giờ kết thúc. Họ đánh giá cao bản thân Sultan cũng như tài sản và địa vị của ông. Trong nhà kho, Sonya khóc. Khi điều bí mật đã được rõ và lời cầu hôn đã được chấp nhận, người em trai của bố cô đến gặp cô.

– Người xin cưới chính là cậu Sultan đấy. Cháu có đồng ý không?

Sonya không thốt ra một lời nào, mắt đầm lệ, đầu cúi xuống, cô giấu mình sau tấm khăn choàng dài.

– Bố mẹ cháu đã đồng ý, ông chú giải thích. Đây là cơ hội duy nhất để cháu có thể nói ý muốn của cháu.

Cô chờ người ra, tê đống vì khiếp sợ. Cô biết rằng cô không muốn con người ấy, nhưng cũng biết cô phải tuân theo ý bố mẹ. Làm vợ Sultan, cô sẽ leo lên cao hơn nhiều bậc trong tôn ti xã hội Afganistan. Cái giá cao của cô dâu sẽ giải quyết được rất nhiều vấn đề, món tiền có được sẽ giúp các anh em trai của cô mua được những người vợ tốt. Sonya câm lặng. Số phận cô đã được quyết định: không nói gì tức là đồng ý. Hôn ước được ký, ngày cưới được ấn định.

Sultan trở về nhà báo tin vui. Ông thấy vợ ông là Sharifa, mẹ ông và các chị em gái ông đang ngồi trên nền nhà quanh mâm cơm có món rau bi na. Sharifa, tưởng chuyện đùa, cười phá lên và đùa trả lại với ông, cũng như bà mẹ của Sultan, không thể nào tin được rằng ông có thể đi hỏi vợ mà không có sự đồng ý

của họ. Các chị em gái của ông thì lặng thinh.

Không ai muốn tin, cho đến khi ông đưa ra chiếc khăn tay và những món của ngọt mà một người đi hỏi vợ nhận được của bố mẹ cô dâu làm bằng chứng hôn ước.

Sharifa khóc suốt hai mươi ngày.

– Tôi đã làm gì xấu xa nào? Nhục nhã quá chừng! Tại sao anh không còn yêu tôi?

Sultan van bà hãy tỉnh trí lại. Không người nào trong gia đình ủng hộ ông, ngay cả các con trai của ông cũng vậy. Nhưng không ai dám nói bất kỳ điều gì. ý muốn của Sultan bao giờ cũng phải được thực hiện.

Sharifa không thể nào nguôi. Theo

bà sự lẳng nhục tệ hại nhất là chồng bà đã đi chọn một người phụ nữ mù chữ thậm chí chưa học xong lớp dự bị trong khi bà đã được đào tạo thành giáo viên tiếng Ba Tư.

– Cô ta có gì hơn tôi nào? Bà thốn thức.

Sultan không đếm xỉa đến những giọt nước mắt của vợ.

Không ai muốn dự lễ đính hôn. Tuy nhiên Sharifa đã phải can đảm nuốt lấy nỗi sỉ nhục của mình, mà trang điểm cho buổi tiếp khách.

– Tôi muốn mọi người thấy rằng bà đồng ý với tôi và ủng hộ tôi. Tương lai, chúng ta sẽ cùng sống chung với nhau và bà phải tỏ cho Sonya thấy rằng bà vui vẻ tiếp nhận cô ấy, ông ra lệnh.

Bao giờ Sharifa cũng tuân theo sở thích của chồng và bây giờ bà chịu ông điều tệ hại nhất: bà nhường ông cho một người phụ nữ khác. Thậm chí ông còn đòi Sharifa tự tay đeo nhẫn vào ngón tay cho ông và cho Sonya.

Hai mươi ngày sau ngày đi hỏi, lễ đính hôn trọng thể được tiến hành. Sharifa cố làm cứng và khoát chiếc mặt nạ của mình, mặc dầu những người họ hàng nữ của bà cố hết sức tước đi ở bà chiếc mặt nạ ấy.

Thật kinh khủng! họ bảo. Ông ấy quá ư độc ác! Hẳn bà phải đau khổ vô cùng.

Hai tháng sau, người ta tiến hành lễ cưới, vào dịp năm mới theo đạo Hồi. Sharifa từ chối tham dự.

– Tôi không thể, bà giải thích với chồng.

Những người phụ nữ trong gia đình đứng về phía bà. Không ai mua áo mới, không ai son phấn như thường lệ vào dịp lễ cưới. Họ để đầu tóc bình thường, họ cười mà như nhăn nhó – để tỏ lòng kính trọng người đã bị loại, không còn chia xẻ chiếc giường ngủ cùng Sultan, chiếc giường từ nay được dành riêng cho cô dâu trẻ rụt rè nọ. Còn ngôi nhà của họ, thì ngược lại, tất cả họ phải cùng nhau chia xẻ, cho đến khi cái chết chia tách họ ra.

2. Hỏa thiêu

Vào một buổi chiều lạnh giá mùa thu năm 1999, một ngọn lửa vui vẻ chiếu sáng suốt nhiều giờ cái giao điểm ngã tư Charhai-i-Sadarat ở Kaboul. Trẻ con chen chúc quanh các ngọn lửa chiếu chập chờn trên các khuôn mặt bẩn thỉu và tinh nghịch của chúng. Bọn trẻ đường phố chơi trò đổ xem đứa nào đến gần được lửa hơn. Người lớn thì chỉ lén nhìn qua trước khi vội vã tránh xa giàn thiêu. Như thế là cẩn thận hơn, bởi vì ai cũng biết đây không phải là một đồng cũi do những người gác đường phố đốt

lên để sưởi ấm bàn tay, mà là một ngọn lửa để vinh danh Thượng Đế.

Chiếc áo váy của hoàng hậu Saroya chai cứng lại trước khi biến thành than, đôi cánh tay trắng và thanh nhã cũng như khuôn mặt nghiêm trang của bà cũng cùng chung số phận. Cùng bị cháy thiêu với bà là chồng bà, vua Amanullah, cùng vô số những chiếc huân chương của ông. Toàn bộ dòng họ hoàng gia cháy thiêu cùng với những cô gái nhỏ mặc trang phục dân gian, những người lính moudjahidin cưỡi ngựa và vài người nông dân ở một chợ tại Kandahar.

Vào cái ngày tháng Mười Một đó, cảnh sát tôn giáo tiến hành một cách chu đáo công việc của họ tại hiệu sách của Sultan Khan và tẩy sạch các ngăn tất cả những quyển sách có in hình sinh vật, những tấm bưu ảnh vô tội và các công

trình tra cứu lớn khô khan đều cháy rụi.

Quanh đồng lửa thiêu, cạnh bọn trẻ con, là những viên cảnh sát tôn giáo, trang bị roi, gậy dài và súng kalachnikov⁴. Đối với những con người ấy, tất cả những người yêu thích các hình minh họa, sách vở, tác phẩm điêu khắc, âm nhạc, múa, phim ảnh và tự do tư tưởng đều bị coi là kẻ thù của nhân dân.

Ngày hôm ấy, họ chỉ chú ý đến các tranh ảnh, bỏ qua các văn bản tà thuyết dù chúng có nằm ngay trước mắt họ. Đám lính không biết đọc và không thể phân biệt được giữa học thuyết chính thống của taliban và cái bị coi là tà thuyết. Ngược lại họ phân biệt được giữa tranh ảnh và văn bản, sinh vật sống và đồ vật bất động.

⁴ Tên một loại súng tiểu liên sản xuất tại Nga.

Cuối cùng, chỉ còn lại tro tàn, theo gió bay tán ra trộn lẫn vào cái bẩn thỉu, bụi đường và cống rãnh Kaboul. Còn lại ông hàng sách, bị tước mất một số những tác phẩm yêu quý nhất của ông. Hai người lính kèm hai bên, ông bị ném lên xe. Đám lính đóng cửa và niêm phong cửa hàng và Sultan bị bắt giam vì tội hoạt động chống đạo Hồi.

Cũng may là bọn người khốn nạn có vũ trang kia không nhìn kỹ phía sau các ngăn sách, Sultan nghĩ thầm trên đường đến sở cảnh sát. Nhờ một thiết bị khôn ngoan, ông đã giấu kín những quyển sách bị cấm nghiêm nhất của ông. Ông chỉ đưa chúng ra khi có người hỏi riết lắm và ông đánh hơi là người đáng tin cậy.

Sultan đã chờ đợi vụ bị bắt giam này. Từ nhiều năm nay ông bán sách, tranh

ảnh và các văn bản bất hợp pháp. Bọn lính thường đến đe dọa ông, chúng đã mang đi vài cuốn. Ông đã nhận được những lời cảnh cáo phát ra từ những cấp cao hơn của chế độ taleb⁵ và thậm chí còn bị triệu đến bộ Văn hóa, trong khuôn khổ những nỗ lực của các nhà cầm quyền đưa ông hàng sách năng động này vào mục tiêu phục vụ taliban.

Sultan Khan sẵn sàng bán đôi ba cuốn sách của taliban. Là người có tư tưởng tự do, ông cho rằng mọi tiếng nói đều cần được nghe. Ngoài cái chủ thuyết tâm tối của họ, ông cũng mong đưa đến cho họ những cuốn sách lịch sử, các ấn phẩm khoa học, các tác phẩm về hệ tư tưởng đạo Hồi và đương nhiên các tiểu thuyết và tác phẩm thơ.

Đối với taliban, tranh luận là một tà

⁵ Tức chế độ taliban.

thuyết, hoài nghi là một tội lỗi. Nghiên cứu cái gì khác kinh Coran là vô ích và nguy hiểm. Khi họ nắm quyền ở Kaboul, mùa thu năm 1999, các chuyên gia ở tất cả các bộ đều bị thải hồi và được thay thế bằng các mollah [Giáo sĩ đạo Hồi.]. Mục đích của họ là tái lập cái xã hội mà Đấng Tiên Tri Mahomet đã sống trên bản đảo A-rập hồi thế kỷ thứ VII. Họ đi đến chỗ đưa các mollah chẳng biết chút gì về kỹ thuật đi thương lượng với các công ty dầu hỏa ngoại quốc.

Sultan cảm thấy dưới thời taliban, đất nước ngày càng tăm tối, nghèo khổ và bịt bùng. Nhà cầm quyền chống lại mọi sự hiện đại hóa và chẳng hề mong muốn cũng chẳng hiểu và chấp nhận các ý tưởng về tiến bộ hay phát triển kinh tế. Họ phỉ nhổ mọi tranh luận khoa học, dù là chúng do thế giới phương tây hay hồi

giáo đề xướng. Bản tuyên ngôn của họ trước hết gồm có mấy điểm nói về cách thức trùm kín người và ăn mặc, đàn ông phải tuân thủ các giờ cầu kinh và đàn bà bị tách ra khỏi phần còn lại của xã hội. Những người cầm quyền không hiểu đúng lịch sử đạo Hồi và lịch sử Afghanistan. Và cũng chẳng quan tâm đến những chuyện đó.

Ngồi trong xe với bọn người taliban vô học này, Sultan Khan tức tối thấy đất nước bị các chiến binh và mollah lãnh đạo. Về phần ông, ông là người theo đạo Hồi, nhưng ôn hòa. Ông cầu Đấng Allah⁶ mỗi buổi sáng, nhưng thường hay bỏ qua bốn buổi cầu kinh khác trong ngày, trừ khi bị cảnh sát tôn giáo kéo đến đền thờ Hồi giáo gần nhất cùng với

6 Giáo lý đạo Hồi chỉ công nhận một Đấng Tối Cao, tức Thượng Đế hay Allah, và sứ giả của Người trên trần gian là Đấng Tiên Tri Mahomet

những người khác họ nhặt được ngoài đường. Ông miễn cưỡng tuân thủ việc nhịn ăn dịp lễ ramadan, không ăn trong thời gian từ khi mặt trời mọc đến khi mặt trời lặn, chỉ khi người ta nhìn thấy ông. Trung thành với hai người vợ của mình, ông nuôi dạy các con nghiêm khắc và bảo ban cho chúng trở thành những người Hồi giáo tốt biết kính sợ Thượng Đế. Đối với bọn taliban ông chỉ có khinh bỉ, coi là đám thầy tu nông dân. Quả là những người chỉ huy phong trào Hồi giáo đến từ những vùng nghèo khổ và bảo thủ nhất của đất nước, nơi có tỷ lệ người biết chữ thấp nhất.

Chính Bộ Tăng Tiến Đức Hạnh và Ngăn Ngừa Thối Hư, được biết nhiều hơn dưới cái tên là Bộ Thuần Phong Mỹ Tục, là nơi đã bắt ông. Trong lúc bị thẩm vấn ở nhà tù, Sultan Khan vượt bộ râu,

dài bằng bàn tay, như taliban quy định, ông cũng kéo lại ngay ngắn bộ shalwar kamiz, cái này cũng đúng theo chuẩn mực - áo dài đến gối, quần phủ mắt cá - và kiêu hãnh trả lời:

– Các ông có thể đốt sách của tôi, các ông có thể làm hỏng cuộc đời tôi, thậm chí có thể giết tôi, nhưng không bao giờ có thể tiêu diệt được lịch sử Afghanistan.

Sách là toàn bộ cuộc đời của Sultan. Ngay từ nhà trường, đọc sách và lịch sử đã thu hút ông hoàn toàn. Sinh ra trong một gia đình nghèo, ông đã lớn lên trong những năm năm mươi ở Deh Khudaù-dad, vùng ngoại ô Kaboul. Cả mẹ lẫn bố ông đều không biết đọc, nhưng họ cùp cum nuôi ông và người anh cả của ông ăn học. Người chị sinh ngay trước ông không bao giờ được đặt chân đến trường. Ngày nay cố lắm bà mới biết đoán được

giờ giấc. Dù sao người ta nuôi bà cũng chỉ là để mà gả chồng.

Người ta đặt nhiều cao vọng vào Sultan. Trở ngại đầu tiên là con đường đến trường mà cậu bé không chịu đi vì không có giày. Mẹ cậu đuổi cậu ra khỏi nhà.

Con vẫn có thể đi đấy, con sẽ biết, bà vừa nói vừa cốc lên đầu cậu.

Rất nhanh chóng cậu tìm được tiền để tự mua lấy giày; suốt thời gian đi học cậu làm việc cật lực. Trước khóa học và tất cả các buổi chiều, cậu đóng gạch để kiếm tiền cho gia đình. Cậu chỉ nói với bố mẹ một nửa số tiền kiếm được, chỗ còn lại cậu để dành để mua sách.

Sultan khởi sự nghề bán sách từ tuổi mới trưởng thành. Ông học một lớp đào tạo kỹ sư, nhưng không tìm được các

sách cần thiết. Trong một lần đi thăm Téhéran cùng với ông chú, tình cờ ở một cái chợ đầy ắp hàng hóa của thành phố này, ông bắt gặp tất cả các cuốn sách ông vẫn tìm. Ông mua nhiều cuốn và bán lại cho các bạn đồng khóa ở Kaboul với giá gấp đôi. Vậy là một ông hàng sách đã ra đời và Sultan được cứu thoát.

Với tư cách là kỹ sư, Sultan chỉ tham gia hai công trường ở Kaboul trước khi niềm say mê sách vở kéo ông ra khỏi thế giới xây dựng. Các phiên chợ sách ở Téhéran mê hoặc ông hơn cả. Những người dân quê lượn lờ quanh các quầy sách của thủ đô Ba Tư, sách cũ và sách mới, sách cổ và sách hiện đại, và khám phá ra những cuốn ông không bao giờ ngờ có thể tồn tại trên đời này. Ông mua từng thùng đầy các tác phẩm thơ Ba Tư, sách nghệ thuật và lịch sử và, để bán cho

chạy, thứ đắt hàng nhất là sách dành cho các kỹ sư.

Trở về Kaboul, ông mở cửa hàng sách nhỏ đầu tiên của mình, nằm lọt giữa các hàng bán gia vị và các quán chả nướng ở khu phố trung tâm. Đây là vào những năm bảy mươi, xã hội giao động giữa truyền thống và hiện đại. Zaher Shah, vị nhiếp chính hơi lười biếng theo phái tự do, đang cai trị. Ý đồ hiện đại hóa đất nước của ông ta gây ra những phê phán nghiêm khắc từ phía những người theo đạo. Khi khoảng một tá các mollah phản đối việc những người phụ nữ thuộc hoàng tộc không mặc áo choàng phủ kín người xuất hiện trước công chúng, họ bị bỏ tù. Số trường đại học và trường học nói chung khắp nước tăng lên đáng kể và cùng lúc các cuộc biểu tình cũng tăng lên. Chúng vấp phải sự đàn áp mạnh mẽ

và nhiều sinh viên bị giết. Mặc dầu không có tuyển cử tự do, các đảng phái và các nhóm chính trị phát triển nhiều, từ cực tả đến tôn giáo chính thống. Các nhóm đấu tranh với nhau và không khí bất an lan tràn. Sau ba năm không có mưa và một nạn đói tai họa năm 1973, nền kinh tế ngưng trệ; trong khi Zaher Shah sang Ý để khám bệnh, Daoud, người anh em họ của nhà vua chiếm lấy chính quyền sau một cuộc đảo chính và chấm dứt nền quân chủ.

Chế độ của tổng thống Daoud còn đàn áp hơn cả chế độ của người anh em họ của ông ta, nhưng hiệu sách của Sultan lại phát đạt. Ông bán các sách và tạp chí của các nhóm chính trị khác nhau, từ mác-xít đến chính thống tôn giáo. Mỗi buổi sáng ông đi xe đạp đến cái quán sách của ông ở Kaboul và buổi tối trở về

nhà bố mẹ ở làng. Ông chẳng gặp vấn đề gì ngoài những lời than phiền không dứt của mẹ, giục ông phải lấy vợ và giới thiệu cho ông hết cô này đến cô khác, lúc thì một cô em họ lúc thì một cô láng giềng. Sultan chưa thấy cần xây dựng một gia đình. Bắt đầu cùng lúc với nhiều phụ nữ, ông chẳng hề vội quyết định. Ông muốn tự do đi đây đi đó và đi Téhéran, Tachkent và Mạc Tư Khoa, ông có một cô bạn gái người Nga, tên là Ludmilla.

Vài tháng trước cuộc xâm lược của Liên Xô vào tháng Chạp năm 1979, Sultan phạm sai lầm đầu tiên. Nur Muhammad Taraki, là người cộng sản rất cứng rắn, cai trị ở Kaboul. Tổng thống Daoud và toàn bộ gia đình ông ta, cho đến đứa bé sơ sinh, đều bị sát hại trong một cuộc đảo chính. Các nhà tù chật cứng người hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó, hàng

chục ngàn người chống đối chính trị bị bắt, bị tra tấn và hành hình.

Những người cộng sản, muốn áp đặt sự thống trị của họ, cố loại trừ các nhóm Hồi giáo. Những người moudjahidin – những chiến binh thánh chiến – bèn tiến hành một cuộc đấu tranh vũ trang chống lại chế độ, cuộc đấu tranh về sau sẽ phát triển thành một chuộc chiến tranh du kích thật sự chống lại Liên Xô.

Những người moudjahidin bao gồm rất nhiều hệ tư tưởng và dòng phái, các nhóm khác nhau xuất bản các sách ủng hộ djihad [tức cuộc thánh chiến.] – tức cuộc đấu tranh chống lại chế độ ngoại đạo –, công cuộc hồi giáo hóa đất nước. Chính quyền tỏ ra cứng rắn đối với những ai có phần liên hệ với họ và nghiêm cấm việc in và tán phát các tài liệu của họ. Mà Sultan thì lại bán cả sách của moudjahi-

din lẫn cộng sản. Ngoài ra ông lại có thói thích sưu tập và không thể không mua vài quyển trong số các sách đã đến tay ông để rồi đem bán lại với giá đắt hơn. Ông giấu bên dưới quầy những cuốn bị cấm ngặt nhất.

Rất nhanh chóng, ông bị tố giác. Một khách hàng bị bắt trong tay có những cuốn sách mua ở cửa hàng của ông. Trong một cuộc lùng soát, cảnh sát tìm thấy nhiều cuốn sách cấm. Cuộc hỏa thiêu đầu tiên được nhóm lên. Sultan phải chịu những cuộc tra vấn khó khăn, bị đánh đập và kết án một năm tù. Người ta xếp ông vào hạng tù chính trị, ở đây bút, giấy và sách đều bị cấm ngặt. Suốt nhiều tháng, ông chỉ chăm chăm nhìn vào tường. Cuối cùng ông dùng chỗ lương thực mẹ ông vẫn tiếp tế cho ông mua chuộc được người cai tù và mỗi tuần kiếm được cái

để đọc. Ngồi kín trong những bức tường đá thô cứng này, niềm mê say đối với văn hóa và văn học trong ông càng nhân lên gấp mười lần, ông đắm mình vào thơ và lịch sử đất nước ông.

Đến khi ra tù, ông càng kiên định hơn bao giờ hết quyết chiến đấu cho công cuộc phổ biến kiến thức về nền văn hóa và lịch sử Afganistan. Ông tiếp tục bán cách sách cấm, của phe du kích Hồi giáo cũng như của phe cộng sản đối lập thân Trung Hoa, nhưng có thận trọng hơn trước.

Nhà cầm quyền luôn theo dõi ông và, năm năm sau, ông lại bị bắt. Sau song sắt, một lần nữa, ông lại có thời gian ngiên ngẫm về thơ ca Ba Tư. Ông lại bị buộc thêm một tội mới: thành phần tiểu tư sản, một trong những lời nguyên rửa tệ hại nhất trong hệ từ ngữ cộng sản. Bởi

vì ông kiếm tiền theo kiểu tư bản.

Bấy giờ, chế độ cộng sản ở Afganistan, ngay giữa những đau khổ của chiến tranh, cố xóa bỏ xã hội bộ lạc để thay thế nó bằng chế độ cộng sản vui vẻ. Các nỗ lực tập thể hóa nông nghiệp sẽ rất đau đớn đối với dân chúng. Nhiều người nông dân nghèo từ chối những phần đất tước đoạt của những điền chủ giàu, vì theo Hồi giáo gieo trồng trên đất cướp đoạt của người khác là đi ngược lại Hồi giáo. Nông thôn vùng dậy, các dự án cho một xã hội cộng sản chẳng mấy thành công. Dần dần các nhà cầm quyền từ bỏ ý định của họ, chiến tranh lên đến đỉnh điểm. Trong sáu năm một triệu rưỡi người Afganistan đã bỏ mạng.

Khi “anh chàng tư bản tiểu tư sản” ra khỏi nhà tù, thì anh ta đã ba mươi lăm tuổi đầu. Cuộc chiến chống Liên Xô,

diễn ra chủ yếu ở nông thôn, đã để lại Kaboul tương đối nguyên vẹn. Người ta lo công việc hằng ngày. Lần này, mẹ ông thuyết phục được ông cưới vợ. Bà tìm được nàng Sharifa xinh đẹp và tươi tắn, con gái một viên tướng. Họ cưới nhau, có được ba con trai và một con gái, hai năm một.

Liên Xô rút khỏi Afganistan năm 1989, mọi người đều hy vọng cuối cùng sẽ có hòa bình. Như vậy là không tính đến những người moudjahidin, họ không chịu hạ vũ khí, vì chính quyền Kaboul vẫn được Liên Xô ủng hộ. Tháng Năm năm 1992, những người moudjahidin chiếm Kaboul và nội chiến toàn diện bùng nổ. Căn hộ mà gia đình đã mua trong chung cư xô-viết Microyan, nằm ngay sát chiến tuyến. Tên lửa bắn vào tường, đạn phá vỡ cửa kính và xe tăng

chạy ngay trên quảng trường trước nhà. Sau khi đã qua một tuần nằm bệt trên nền nhà để tránh đạn, Sultan lợi dụng một lúc tạm ngớt mưa đạn vài giờ đồng hồ đưa gia đình chạy sang Pakistan.

Trong thời gian ông ở bên ấy, cửa hàng sách của ông bị cướp phá, cùng với thư viện quốc gia. Nhiều cuốn sách có giá trị bị đem bán cho các nhà sưu tập đổi lấy một mẫu bánh mì hay đem đổi lấy xe tăng, đạn và lựu đạn. Khi ông trở về từ Pakistan để thăm lại cửa hàng của mình, chính Sultan cũng đi mua những bản sách lấy cắp ở thư viện và có được những món áp-phe rất hời. Với vài chục đô la, ông tậu được những bản sách cổ nhiều thế kỷ, đặc biệt những cuốn sách năm trăm năm tuổi, từ Ouzbékistan đưa sang, về sau chính phủ Ouzbékistan phải gạ mua lại của ông với giá hai mươi lăm

nghìn đô la. Ông cũng mua được tác phẩm xuất bản cá nhân của nhà thơ ông rất hâm mộ Zaher Shad, tuyệt tác sử thi Shâh-nâmé của Ferdowski. Với giá không đáng kể, ông mua được nhiều tác phẩm quý từ tay những tên kẻ cướp không đọc được đến tên tác phẩm.

Sau bốn năm bị dội bom, Kaboul chỉ còn là đồng đồ nát và mất năm mươi nghìn dân. Ngày 27 tháng Chín năm 1996, người Kaboul thức dậy trong một thành phố đã tắt lạng các cuộc chiến. Ngày hôm trước, Ahmad Shad Massoud cùng với các đoàn quân của ông ta đã vừa đánh vừa tháo lui trong thung lũng Panshir. Trong thời gian chiến tranh mỗi ngày có đến một ngàn quả tên lửa dội xuống thủ đô Afganistan, thì lúc này nơi đây lại hoàn toàn im lặng.

Trước dinh tổng thống, hai người bị

treo cổ ở một tấm biển chỉ đường. Người cao lớn hơn, đâm máu từ đầu đến chân, bị thiến, các ngón tay dập nát, thân hình và mặt bị đánh bầm và bị một phát đạn vào trán. Người kia bị bắn và bị treo cổ và người ta đã nhét đầy các túi ông ta những đồng afgani, đồng tiền Afganistan, để tỏ dấu hiệu khinh bỉ. Đây là tổng thống cũ Muhammad Najibullah và người em trai ông ta. Najibullah là một người bị căm ghét. Là người đứng đầu cảnh sát mật trong thời Liên Xô xâm lược Afganistan, khi cầm quyền, ông đã ra lệnh hành quyết tám mươi nghìn kẻ thù của nhân dân. Từ năm 1986 đến năm 1992, ông đứng đầu đất nước, được người Nga ủng hộ. Khi những người moudjahidin đến, với Burhanuddin Rabbani làm tổng thống và Massoud làm bộ trưởng quốc phòng, Najibullah bị quản thúc trong khu nhà của Liên Hiệp Quốc.

Khi quân taliban chiếm các vùng phía đông Kaboul và chính phủ moudjahidin quyết định tháo chạy, Massoud đề nghị người tù lỗi lạc của mình đi theo ông ta. Lo sợ cho tính mệnh của mình ở bên ngoài thủ đô, Najibulah chọn ở lại cạnh những người lính gác các ngôi nhà của Liên Hiệp Quốc. Ông ta cũng nghĩ rằng với danh nghĩa là người pachtoun ông có thể thương lượng với những người pachtoun theo taliban. Ngày hôm sau, tất cả lính gác biến mất. Các lá cờ trắng – màu sắc thiêng liêng của taliban – phấp phới trên các đền thờ Hồi giáo.

Đây hoài nghi, cư dân Kaboul vây quanh tấm biển chỉ đường ở quảng trường Ariana. Họ nhìn những người bị treo cổ và lặng lẽ đi về nhà. Chiến tranh đã chấm dứt. Một cuộc chiến tranh khác

sắp bắt đầu: cuộc chiến tranh chống lại những niềm vui của nhân dân.

Taliban thiết lập trật tự và công lý bằng cách tung ra một cuộc tấn công nhằm vào nghệ thuật và văn hóa Afganistan. Chế độ đốt sách của Sultan và ra mắt ở bảo tàng Kaboul tay cầm rìu, với nhân chứng là chính vị bộ trưởng Bộ Văn hóa của họ.

Khi họ đến, bảo tàng chẳng còn gì đáng kể. Tất cả hiện vật đã bị cướp trong nội chiến. Những đồ gốm có từ thời Alexandre Đại Đế xâm chiếm đất nước này, những thanh gươm thời các cuộc chiến chống lại Gengis Khan [Thành Cát Tư Hãn.] và các bộ lạc du mục Mông Cổ của ông ta, những bức tiểu họa Ba Tư và những đồng tiền vàng đã biến mất. Phần lớn chúng ngày nay bị phân tán khắp thế giới

trong tay những nhà sưu tầm vô danh. ít cái được cứu thoát trước khi cuộc cướp phá thực sự bắt đầu.

Tuy vậy vẫn còn những bức tượng lớn của các vị vua và các ông hoàng Afghanistan, cũng như các tượng Phật hàng nghìn năm tuổi và các tranh tường. Cũng giống như lúc chúng đến cửa hàng sách của Sultan, bọn lính liền ra tay. Trước những cặp mắt đăm lệ của những người trông coi viện bảo tàng, quân taliban đập tan tành những gì còn lại của bộ sưu tập. Chúng vung rìu cho đến khi chỉ còn lại các chân bệ tro bụi giữa đám bụi đá mù mịt và những mẫu đất sét. Trong một buổi, chúng đã triệt hạ những bằng chứng của một lịch sử hàng nghìn năm. Sau cuộc tàn sát, chỉ còn sót lại một câu trích dẫn từ kinh Coran ghi trên một tấm

đá nhỏ có trang trí, mà viên bộ trưởng Bộ Văn hóa thấy có thể để yên.

Khi những tên đao phủ tàn sát nghệ thuật đó rút khỏi ngôi nhà đã bị ném bom, vốn đã nằm sát chiến tuyến suốt thời nội chiến, những người trông coi bảo tàng đứng lại giữa đồng cỏ nát. Họ kính cẩn nhặt lấy những mảnh vỡ, đặt chúng vào các thùng và dán nhãn ghi chú. Trong một số trường hợp, có thể nhận ra nguồn gốc của chúng: bàn tay của một bức tượng, lọn tóc của một bức khác. Rồi họ xếp các thùng dưới tầng hầm, hy vọng một ngày nào đó các bức tượng sẽ được phục chế.

Sáu tháng trước khi taliban sụp đổ, các bức tượng Phật khổng lồ ở Bamiyan cũng bị đánh mìn. Có tuổi đến gần hai nghìn năm, đây là tài sản văn hóa

lớn nhất của Afghanistan. Khối thuốc nổ mạnh đến nỗi chẳng còn nhặt được mảnh vụn nào.

Chính là dưới cái chế độ đó mà Sultan Khan thực hiện việc cứu lấy những mảnh của nền văn hóa Afghanistan. Sau cuộc hỏa thiêu chỗ bọc giao thông, ông được trả tự do nhờ lo lót và ngay trong ngày hôm đó ông đã đập vỡ cái niêm phong ở hiệu sách của ông. Đứng giữa những gì còn lại trong kho báu của mình, ông òa khóc. Với một cây bút dạ, ông vạch ngang dọc và bôi xóa lên tất cả các hình sinh vật in trong các cuốn sách lọt khỏi tay bọn lính. Như vậy còn hơn là thấy chúng bị đốt cháy. Cuối cùng ông nảy ra một ý hay hơn, và lấy những tấm danh thiếp của ông dán đè lên các hình ảnh. Bằng cách đó ông che chúng lại để sau này có thể lại khai chúng ra, vừa ký

tên mình lên tác phẩm. Có thể đến một ngày nào đó ông sẽ được gỡ các tấm danh thiếp ấy ra.

Nhưng chế độ ngày càng trở nên tàn nhẫn hơn. Mỗi năm đường lối riết róng – và mục tiêu phải theo đúng các quy tắc của Mahomet – ngày càng được siết chặt hơn. Một lần nữa, Sultan lại bị bộ trưởng Bộ Văn hóa triệu lên.

– Một số người muốn hỏi đến tính mạng anh và tôi không thể che chở cho anh, ông ta giải thích.

Chính vào lúc ấy, mùa hè năm 2001, ông quyết định rời bỏ đất nước. Ông xin thị thực đi Canada cho mình, cho hai bà vợ, các con trai và cô con gái. Bấy giờ, hai bà vợ và các con ông sống ở Pakistan và chán ghét tình trạng lưu vong, nhưng Sultan biết rằng ông không thể từ bỏ các

cuốn sách của ông. Ông hiện có ba hiệu sách ở Kaboul, người em út của ông làm ở một trong ba hiệu đó, cậu con trai cả của ông là Mansur, mười sáu tuổi, làm ở một hiệu khác, còn chính ông đứng hiệu thứ ba.

Ông chỉ bày lên quầy một phần nhỏ các sách của ông. Phần lớn, gần mười nghìn bản, được giấu trong kho thành phố. Ông không thể để mất bộ sưu tập của ông, kết quả ba mươi năm lao động. Ông không thể để cho bọn taliban hay những binh lính khác tiếp tục hủy hoại linh hồn của đất nước Afganistan. Hơn nữa, ông còn có một kế hoạch bí mật, một ước mơ: khi không còn bọn taliban nữa và Afganistan đã có được một chính phủ đáng tin cậy, ông tự hứa sẽ hiến số sách của ông cho thư viện nghèo nàn của thành phố, nơi ngày trước trưng bày

hàng chục vạn đầu sách. Hay cũng có thể ông sẽ mở thư viện của chính ông, tự ông sẽ giữ vai người thủ thư quả cảm.

Bị đe dọa tính mạng, Sultan Khan xin được thị thực đi Canada. Nhưng ông sẽ không bao giờ đến đó. Trong khi các bà vợ chuẩn bị chuyển đi và thu xếp hành lý, ông tìm ra đủ mọi lý do để trì hoãn. Hoặc là ông chờ sách, hoặc hiệu sách bị đe dọa, hoặc một người bà con vừa mất. Bao giờ cũng có một trở ngại nào đó.

Rồi đến ngày 11 tháng Chín. Khi bom dội xuống, Sultan chạy sang Pakistan ở cùng các bà vợ. Ông ra lệnh cho Yunus, một trong những người em trai chưa lập gia đình của ông, ở lại để trông nom các hiệu sách.

Khi bọn taliban sụp đổ, hai tháng sau các cuộc tấn công khủng bố ở Hoa

Kỳ, Sultan là một trong những người đầu tiên trở về Kaboul. Cuối cùng ông đã có thể bày đầy trên các quầy tất cả các cuốn sách ông yêu thích. Bán cho người ngoại quốc đi tìm của lạ những cuốn sách lịch sử trong đó các minh họa đã bị bôi nhọ nhem bằng bút dạ và đã được gỡ những tấm danh thiếp dán đè lên hình các sinh vật. Ông đã có thể trưng ra những cánh tay trắng nõn của hoàng hậu Saroya và khuôn ngực phủ kín vàng của đức vua Amanullah.

Một buổi sáng, ngồi trong gian hàng của ông, cốc trà bốc khói trên tay, ông ngắm nhìn Kaboul đang sống lại. Trong khi suy tính cách thực hiện ước mơ của mình, ông nhớ lại một câu trích dẫn của Ferdowsi, nhà thơ yêu thích của ông: “Để thành công trên đường đời, đôi khi

phải là sói, mà đôi khi lại phải là cừu”. Đã đến lúc là sói.

3. Tội ác và trừng phạt

Từ tất cả các phía những hòn đá rít lên ném vào các cây cọc. Phần lớn đều trúng mục tiêu. Người đàn bà không thét lên, nhưng chẳng mấy chốc một tiếng rú vang lên từ trong đám quần chúng. Một người đàn ông lực lưỡng tìm được một hòn đá rất đẹp, to và đầy góc cạnh, ông ta ra sức ném, sau khi đã ngắm kỹ bà ta. Hòn đá trúng ngay vào giữa bụng bà, mạnh đến nỗi dòng máu tuôn ra đầu tiên buổi chiều hôm ấy thấm

qua cả tấm burkha. Điều đó khiến quần chúng hoan hô vang dậy. Một hòn đá khác cùng cỡ trúng vào vai bà ta. Máu phun ra và tiếng hoan hô lại vang lên.

Sharifa, người vợ bị ruồng bỏ, bị phế truất, sống ở Peshawar. Bà biết rằng Sultan sắp đến, nhưng ông chẳng thèm báo chính xác ông rời Kaboul khi nào, nên suốt ngày này qua ngày khác lúc nào bà cũng chờ ông.

Mỗi bữa ăn bà đều sửa soạn cứ như chồng bà sắp đến nơi rồi. Một con gà thật béo, rau bi na mà ông rất thích, món nước sốt xanh có gia vị làm ngay ở nhà. Quần áo sạch sẽ, là cẩn thận, đặt trên giường. Thư từ được xếp ngăn nắp trong một cái hộp.

Hết giờ nay đến giờ khác trôi qua. Bà gói con gà lại, chỗ rau bi-na có thể hâm

lại và món nước sốt thì đặt vào tủ hốc tường. Bà quét nhà, rửa các tấm rèm, lau lợp bụi vịnh cửa. Bà ngồi, thở dài, khóc đôi chút. Không phải bà thấy thiếu vắng ông, cái bà thấy thiếu vắng là cuộc sống ngày trước của bà, là vợ của một ông chủ hàng sách thành đạt, được kính trọng và lịch sự, là mẹ của các con trai và con gái bà. Là người vợ được yêu quý.

Có lúc bà thấy ghét ông vì ông đã làm tan nát cuộc đời bà, đã cướp đi mất các con bà, đã làm nhục bà trước mắt thiên hạ. Sultan và Sharifa cưới nhau đã hai mươi năm và ông lấy vợ hai đã hai năm nay. Sharifa sống như một người đàn bà đã li dị chồng, nhưng lại không được tự do. Sultan vẫn tiếp tục chi phối mỗi bước đi của bà. Ông đã quyết định bà sẽ phải ở lại Pakistan để giữ ngôi nhà nơi ông cất những quyển sách quý nhất

của ông. ở đây có một cái máy tính, một cái điện thoại, từ đây ông có thể gửi các bưu kiện cho khách hàng, có thể nhận các thư từ điện tử, mọi việc không thể làm ở Kaboul, nơi bưu điện, điện thoại và dịch vụ thông tin không hoạt động. Bà phải ở lại đây vì như vậy thuận tiện cho Sultan.

Sharifa không có khả năng li dị. Nếu một người đàn bà đòi li dị, bà hầu như chẳng có chút quyền nào cả. Con cái sẽ theo cha, thậm chí ông có thể cấm chúng không được gặp mẹ. Bà sẽ làm nhục gia đình mình, thường bị hắt hủi, và tất cả của cải đều thuộc về chồng. Sharifa sẽ phải sống ở nhà một người anh em trai của mình.

Trong thời gian nội chiến, đầu những năm chín mươi, và suốt những năm dưới chế độ taliban, toàn bộ gia đình Khan

sống ở Peshewar, trong quận Hayatabad, nơi chín trong mười người dân là người Afghanistan. Nhưng hết người này đến người khác, họ lần lượt trở về Kaboul, những người anh em trai, chị em gái, Sultan, Sonya, các con trai của bà, trước tiên là Mansur, mười sáu tuổi, rồi Aimal, mười hai tuổi, cuối cùng là Eqbal, mười bốn tuổi. Chỉ có Sharifa và đứa con gái út của bà là Shabnam, còn ở lại. Họ mong Sultan sẽ đưa họ trở về Kaboul, gần gia đình và bạn bè của họ. Ông hứa với họ mãi, nhưng bao giờ cũng có một trở ngại nào đó xảy đến. Ngôi nhà đổ nát ở Peshawar, nơi trú ẩn tạm thời tránh bom đạn ở Afghanistan, đã trở thành chốn biệt giam đối với Sharifa. Bà không thể dời chỗ ở nếu không được chồng cho phép.

Năm đầu tiên sau khi Sultan cưới vợ lẽ, bà sống chung cùng họ. Bà thấy Sonya

dốt nát và chẳng biết làm việc gì cả. Có thể cô ta cũng không đến nỗi lười biếng, nhưng Sultan không để cho cô động chân động tay. Sharifa nấu bếp, dọn ăn, giặt giũ, soạn giường. Lúc đầu nhiều khi Sultan hú hí với với Sonya trong phòng ngủ nhiều ngày liên tiếp, lúc lúc lại gọi trà hay nước. Từ phòng ngủ văng ra những tiếng thì thầm và tiếng cười, đôi khi những tiếng động xé nát trái tim Sharifa.

Bà cố dẹp nỗi ghen tuông và làm ra mặt một người vợ mẫu mực. Bố mẹ và bạn bè của bà bảo rằng bà đáng tặng giải người vợ cả. Không bao giờ nghe thấy bà than phiền bị ruồng bỏ, gây gổ với Sonya hay nói xấu cô ta.

Những ngày trăng mật nóng hổi nhất đã qua, Sultan rời căn phòng vợ chồng để trở lại với ông việc của ông và hai người đàn bà bây giờ quay tròn quanh nhau.

Sonya còn bận đánh phấn lên cái mũi của cô và thử các bộ áo váy mới, trong khi bà cố đóng vai mẹ gà đáng kính. Bà đảm nhận lấy những công việc nặng nhọc nhất và dần dà dạy Sonya cách thức nấu các món ăn Sultan ưa thích, chuẩn bị áo sống cho ông, đun nước đến bao nhiêu độ thì vừa cho các lễ tắm gội của ông và những việc khác mà một người vợ phải tỏ tường.

Nhưng còn nổi nhục, nổi nhục... Nếu việc một người đàn ông lấy vợ hai, thậm chí vợ ba, cũng chẳng phải là chuyện bất thường, thì cũng chẳng vì thế mà kém nhục nhã cho bà. Người vợ bị hắt hủi dầu sao cũng bị coi là không còn được việc gì nữa. Sharifa càng cảm thấy điều đó, khi chồng bà tỏ ra ưa thích cô vợ trẻ quá lộ liễu.

Sharifa phải cố tự giải thích vì sao ông lại tái hôn. Bà phải bịa ra rằng chẳng phải là bà không còn được việc gì nữa, mà có những ngoại cảnh đã đẩy bà ra ngoài cuộc. Bà kể cho người muốn biết chuyện rằng bà đã phải mổ một cái u ở vòi trứng và bác sĩ đã bảo bà nếu muốn sống sót thì không được để cho chồng ngủ cùng nữa. Bà khẳng định rằng chính bà đã khuyên Sultan tái hôn và đã chọn Sonya cho ông, và còn nói thêm dấu sao ông ấy cũng là đàn ông.

Đối với Sharifa, căn bệnh tưởng tượng nọ còn đỡ nhục nhã hơn là thú nhận rằng chính bà, người mẹ những đứa con của ông, đã không còn hấp dẫn đối với ông nữa. Gần như là theo lời khuyên y tế mà ông ta đã tái hôn. Khi muốn tăng thêm ấn tượng, đôi mắt ướm long lanh bà còn kể thêm rằng bà thương yêu Sonya

như em gái ruột của bà và Lafita, đứa con mới sinh của cô, như là con bà đẻ ra.

Khác với Sultan, phần lớn những người đàn ông đa thê, suốt nhiều chục năm, vẫn giữ một sự cân bằng hoàn hảo trong việc sử dụng các bà vợ của họ: một đêm với bà này, một đêm với bà khác. Thường các bà sinh con cùng một lúc và chúng lớn lên như anh em chị em. Mỗi người mẹ bo bo lo sao cho con mình cũng được chăm sóc, đầy đủ quần áo và quà cáp như con bà vợ kia. Không hiếm khi họ thật sự hằn thù nhau và không bao giờ nói chuyện với nhau. Nhiều bà khác chịu chấp nhận chồng lấy nhiều vợ bởi vì đó là quyền của ông và đôi khi cuối cùng họ trở thành bạn bè tốt của nhau. Thường khi kẻ tình địch trở thành vợ hai ngoài ý muốn của mình, vì bố mẹ họ ép. Ít cô gái trẻ mong muốn trở thành

vợ một người đàn ông đã lớn tuổi: trong khi người vợ cả đã được hưởng những năm tháng trẻ trung của ông ta, thì họ chỉ được hưởng một tuổi già của ông. Trong một số trường hợp, chẳng bà nào còn ham muốn ông và họ lấy làm mừng không phải ngủ với ông hằng đêm.

Đôi mắt đẹp màu hạt dẻ của Sharifa nhìn ngơ ngác vào khoảng không, đôi mắt ngày xưa Sultan từng tuyên bố là đẹp nhất Kaboul. Bây giờ chìm giữa hai hàng mi nặng trĩu và những nếp nhăn nhỏ, chúng đã không còn long lanh nữa. Làn da tái của Sharifa đã lổm đổn những vết thâm mà bà cẩn thận giấu dưới lớp trang điểm. Trước nay đôi chân ngắn của bà đã được bù lại bằng làn da rất trắng. Đối với phụ nữ Afganistan, tiêu chuẩn thanh nhã quan trọng nhất là có được một thân hình cao ráo và nước da xanh tái.

Gìn giữ lấy vẻ tươi trẻ của mình là một cuộc chiến đấu thường trực và bà giấu việc kỳ thực bà hơn ông mấy tuổi. Bà tự nhuộm tóc để giấu đi mái tóc đã ngả xám của mình, nhưng chẳng làm sao giấu được nỗi đau buồn lộ trên khuôn mặt.

Từng bước nặng trĩu, bà đi qua căn phòng. Chồng và ba đứa con trai đi Kaboul đã khiến bà có phần vô công rồi nghề. Bà bật ti vi và nhìn một cuốn phim hành động của Mỹ, một bộ phim phiêu lưu trong đó những người hùng đẹp đẽ và khỏe mạnh chiến đấu chống lại những con rồng, những quái vật và những bộ xương và cuối cùng chiến thắng những đại diện của cái ác. Sharifa chăm chú, mặc dầu lời đối thoại bằng tiếng Anh, thứ tiếng bà không biết. Khi hết phim, bà gọi điện thoại cho người chị dâu, rồi

đứng dậy và ra nhìn qua cửa sổ. Từ tầng một, có thể nhìn thấy rất rõ tất cả những gì diễn ra ở sân sau được vây kín bằng những bức tường cao ngang đầu người. Cũng giống như ở sân sau nhà bà, ở đây giăng đầy quần áo phơi.

Dẫu sao, ở Hayatabad, chẳng cần nhìn cũng biết được tất. Nhắm mắt lại, ngồi trong phòng của mình, cũng có thể biết được bà hàng xóm đang nghe nhạc pop Pakistan cực mạnh, bọn trẻ đang hò hét còn những đứa khác thì đang chơi đùa, một người mẹ đang mắng con, một người đàn bà đang rũ một tấm thảm, một người khác đang giặt quần áo ngoài nắng hay đang thái tỏi, còn món ăn trong bếp bà hàng xóm thì đang cháy. Những gì không biết được bằng tiếng động và bằng mùi, thì lại được tiết lộ qua những lời đồn. Chúng lan tỏa đi như những làn

thuốc súng trong cái khu phố này nơi mỗi người tự coi mình là kẻ giữ gìn đức hạnh cho những người khác.

Sharifa sống trong căn hộ xây cũ kỹ lở lói này và cái sân sau bé tí trát xi-măng của nó cùng với ba gia đình khác. Không thấy Sultan đến, bà bước xuống gặp các bà hàng xóm. Bên dưới tất cả đàn bà trong nhà cộng thêm đôi bà khác được chọn lựa kỹ lưỡng ở các nhà chung quanh đã tập hợp đông đủ. Tất cả các buổi chiều thứ năm, họ họp nhau ở đây để làm lễ nazar, một thứ lễ tôn giáo. Để ngồi lê đôi mách và cầu nguyện.

Họ siết chặt khăn quàng trên đầu, trái thảm cầu nguyện quay về hướng Mecca, cúi rạp xuống, đọc kinh, ngẩng lên, lại đọc kinh, lại cúi rạp xuống, tất cả bốn lần. Họ lặng lẽ cầu xin Thượng Đế, chỉ có đôi môi họ mấp máy. Mỗi lần các

tắm tắm cầu nguyện vừa trống người, người khác đã thay vào.

*Nhân danh Người, Đấng Rất Mực Độ
Lượng, Đấng Rất Mực Khoan Dung*

*Mọi lời ca ngợi và biết ơn đều dâng
lên Thượng Đế, Đấng Chủ Tể của vũ trụ*

*Đấng Rất Mực Độ Lượng, Đấng Rất
Mực Khoan Dung Đức Vua của Ngày
Phán Xử*

*Chúng con chỉ thờ phụng một mình
Ngài và chỉ với riêng Ngài chúng con cầu
xin được cứu giúp*

*Xin Ngài dẫn dắt chúng con theo con
đường Ngay Chính*

Tiếng cầu nguyện thì thầm vừa dứt, đã nghe rộn lên những tiếng nói chuyện phấp phấp ồn ào. Đám phụ nữ ngồi trên

những chiếc gối đặt dọc tường. Trên tấm vải bạt đánh xi trái ngay nền đất đã đặt đầy những chiếc tách và cốc nhỏ. Người ta mang đến trà có pha đậu khấu vừa mới hâm lại, một món ăn ngọt trắng miệng làm bằng bánh bích-quy và đường. Tất cả các bà đưa hai bàn tay lên trước mặt và cầu kinh lần nữa, tiếng cầu nguyện thì thầm quanh chỗ thức ăn: *la ilaha illa Allah Mohammadour rasou lou Allah* – chỉ có một bậc thần thánh là Thượng Đế và Mahomet là đáng tiên tri của Người.

Đọc kinh xong, họ lại đưa hai bàn tay lên vuốt mặt. Từ mũi đưa lên trán, đưa lên rồi đưa xuống trên hai gò má, từ vào cằm, trước khi đặt trước miệng, cứ như là họ nuốt lấy lời cầu nguyện. Từ đời mẹ truyền đến đời con gái, họ đã được dạy dỗ rằng những gì ta cầu xin trong lễ nazar sẽ được toại nguyện nếu ta tỏ ra

xứng đáng. Những lời cầu xin này bay thẳng đến chỗ Allah và Người sẽ quyết định có cho ta được toại nguyện hay không. Sharifa cầu sao cho Sultan đón bà, cả bà và Shabnam, trở về Kaboul, để bà được sống gần các con.

Khi mọi người đã cầu xin Thượng Đế thực hiện các lời nguyện của mình xong, nghi thức chính của ngày thứ năm có thể bắt đầu: ăn một món ngọt tráng miệng, uống trà có pha đậu khấu và trao đổi những tin tức mới nhất. Sharifa nói đôi lời về việc Sultan sắp đến, nhưng chẳng ai nghe bà. Đã rất xa rồi cái thời tấn bi kịch tay ba của vợ chồng bà được đem ra làm chuyện chê cười ở đường phố số 13 Hayatabad. Bây giờ Saliqa, mười sáu tuổi, mới là đầu đề chủ yếu của những lời đồn đại ác hiểm. Bị nhốt chặt trong một căn phòng nhỏ, sau khi phạm phải

một tội không thể tha thứ hai ngày trước đó, cô nằm, mặt mày bê bết máu, lưng ngang dọc những vết phồng rộp đỏ.

Mất mở to, những người phụ nữ chưa biết được hết chi tiết câu chuyện chong tai lắng nghe. Tội lỗi của Saliqa bắt đầu từ sáu tháng trước, vào cái buổi chiều Shabnam, cô con gái của Sharifa, vẽ bí mật mang đến cho cô ta một mảnh giấy nhỏ.

– Em đã hứa không tiết lộ tên người gửi thư, nhưng đây là của một người con trai, cô bé hăng hái và kích động thì thảo. Cậu ấy không dám ra mặt, nhưng em biết cậu ta.

Shabnam liên tục mang về những bức thư mới của cậu con trai nọ, đây những hình quả tim bị mũi tên xuyên ngang, với dòng chữ “I love you” nét chữ

con trai góc cạnh, những bức thư ca ngợi sắc đẹp của cô gái. Gặp cậu con trai nào Saliqa cũng tưởng như đấy chính là tác giả bí mật của những bức thư nọ. Cô ăn mặc chải chuốt, chải bóng mái tóc và nguyên rửa tấm khăn choàng dài mà ông chú cô bắt cô phải che.

Một hôm mảnh giấy nhỏ chỉ dẫn rằng cậu ta sẽ đứng cạnh một cây cọc màu đen cách không xa nơi cô ở vào lúc 16 giờ và cậu sẽ mặc áo pun màu đỏ. Khi bước ra khỏi nhà, Saliqa run bắn người lên. Cô trang điểm khác hẳn mọi ngày và mặc đồ nhung màu xanh nhạt, đeo những đồ trang sức cô mê nhất, vòng tay bằng vàng và dây chuyền nặng. Cô đi với một người bạn gái và cố lắm mới dám bước qua trước cậu con trai cao và gầy mặc áo pun đỏ nọ. Cậu quay mặt đi chỗ khác, không nhìn cô.

Bây giờ thì đến lượt cô viết thư. “Ngày mai, anh phải quay mặt lại”, cô viết trước khi trao mảnh thông điệp cho Shabnam, người đưa thư hăng hái và chu đáo. Nhưng lần này nữa, cậu vẫn không quay mặt lại. Lần thứ ba, cậu chỉ thoáng quay lại. Saliqa cảm thấy trái tim mình tụt hẫng xuống ruột, cô bước đi như máy. Chờ đợi kéo dài trở thành ám ảnh yêu đương. Chẳng phải vì cậu ta quá đẹp trai, nhưng cậu là tác giả những dòng thư nọ. Suốt nhiều tháng dài, họ trao đổi thư từ và những cái nhìn vụng trộm.

Tiếp theo việc cô nhận thư của một cậu con trai và, cầu xin Thượng Đế che chở cho, đã trả lời thư cậu, lại thêm những tội lỗi khác. Tội thứ hai là cô đã đem lòng yêu một người không phải do bố mẹ cô chọn. Mà cô lại biết bố mẹ sẽ không ưa cậu ta đâu. Không nghề ng-

hiệp, cũng chẳng có đồng nào, gia đình cậu không ra gì. ở Hayatabad, ý muốn của gia đình mới là quyết định. Người chị của Saliqa đã lấy chồng sau năm năm đấu tranh chống lại bố. Cuộc đấu tranh kết thúc khi cặp tình nhân đã nuốt mỗi người một lọ thuốc và phải đi rửa ruột ở bệnh viện. Chỉ đến lúc đó bố mẹ họ mới chịu nhượng bộ.

Một hôm, tình cờ Saliqa và Nadim gặp nhau. Mẹ cô đi chơi một tuần ở nhà họ hàng tại Islamabad và ông chú cô có việc vắng nhà suốt một ngày, chỉ có vợ ông ở nhà. Saliqa nói với bà cô đến nhà một người bạn gái.

– Cháu có được phép không đấy? bà thím hỏi.

Ông chú giữ vai trò chủ gia đình trong khi bố Saliqa sống ở một trại di

cư bên Bỉ, ở đây ông chờ được cấp giấy phép cư trú để có thể làm việc và gửi tiền về cho người thân, thậm chí, còn hơn thế nữa, có thể đưa tất cả họ sang bên ấy.

– Mẹ cháu bảo sau khi đã làm xong mọi việc trong nhà thì cháu có thể qua thăm cô bạn, Saliqa nói dối.

Cô không đến nhà bạn gái, mà đi tìm Nadim, chỉ riêng hai người với nhau.

– Chúng ta không thể nói chuyện ở đây, cô vừa nói vừa thở khi họ gặp nhau giả như tình cờ ở một góc đường.

Cậu gọi một chiếc taxi và đẩy cô lên xe. Saliqa chưa bao giờ lên một chiếc taxi cùng một người con trai không quen, cổ họng cô nghẹn lại. Họ dừng lại cạnh một công viên, một trong những công viên hỗn hợp ở Peshawar.

Trong nửa tiếng đồng hồ, họ ngồi nói chuyện trên một chiếc ghế dài. Nadim phác ra những dự tính to lớn về tương lai, cậu sẽ mua một cửa hàng hay trở thành người buôn thảm. Saliqa hoảng sợ khi nghĩ có người sẽ nhìn thấy họ. Không đầy một giờ sau khi rời nhà, cô đã trở về. Nhưng đã náo động cả lên rồi, vì Shabnam đã nhìn thấy Nadim đưa cô lên taxi và đã báo lại với Sharifa, đến lượt bà, bà lại báo lại với người vợ của ông chú.

Khi Saliqa về đến nhà, cô bị vả ngay một cái tát đing người vào mồm. Bà thím nhốt cô vào một căn phòng trước khi gọi điện cho mẹ cô ở Islamabad. Ông chú về, cả gia đình bước vào phòng và buộc cô phải kể lại những gì cô đã làm. Ông chú run lên vì giận khi nghe nhắc đến chuyện chiếc taxi, chuyện công viên và chiếc ghế dài. Ông tìm được một đoạn

dây cáp dài và đánh lên lưng cô, cứ đánh cô mãi trong khi bà thím giữ lấy cô. Ông tát cô cho đến khi máu tuôn ra ở mũi và miệng.

– Mà đã làm gì, hả? Mà đã làm gì? Đồ điểm! ông thét lên. Mà gieo nhục cho cả gia đình! Một vết nhơ. Một nhánh dòng họ bệnh hoạn!

Tiếng quát tháo của ông vang lên trong phòng và bay qua cửa sổ các nhà hàng xóm. Chẳng bao lâu sau, mọi người đã biết rõ tội lỗi của Saliqa. Cái tội lỗi khiến cô bị phạt hôm nay, bị nhốt và cầu khẩn Allah xin được Nadim đến hỏi cô làm vợ, bố mẹ cô đồng ý, Nadim tìm được việc làm ở một cửa hàng buôn thảm, và họ được sống cùng nhau.

– Nó đã dám lên xe taxi với một đứa con trai, thì chắc chắn nó còn dám làm

bao nhiêu chuyện khác nữa, Nasrin, một người bạn gái của thím cô nhận xét, vừa ném một cái nhìn khinh bỉ về phía mẹ Saliqa.

Nasrin ăn món bánh ngọt tráng miệng, vừa chờ đợi người ta phản ứng lại lời nói của mình.

– Nó mới đi tới công viên thôi, chẳng nên đánh nó dữ quá như vậy, Shirin, làm nghề thầy thuốc, phản đối.

– Nếu chúng tôi không can ngăn thì Saliqa đã bỏ mạng trong nhà thương rồi, Sharifa nói thêm. Suốt đêm qua nó cầu nguyện mãi, cho đến giờ cầu kinh sáng, bà nói tiếp, chúng mất ngủ khiến bà có thể nhìn thấy rõ cô bé khốn khổ.

Các bà thở dài, một bà thì thầm một lời cầu nguyện. Tất cả họ đều đồng ý

rằng Saliqa đã sai lầm khi đi gặp Nadim ở công viên, nhưng họ có ý kiến khác nhau về chỗ đó chỉ là một chuyện không vâng lời hay là một tội lớn.

– Thật nhục nhã quá chừng! Nhục nhã quá chừng! Mẹ Saliqa than thở.

– Làm sao tôi lại có thể có một đứa con gái như thế này?

Các bà bàn nên làm gì bây giờ đây. Nếu cậu ta xin cưới cô gái, thì người ta có thể quên đi nỗi nhục, nhưng mẹ Saliqa không muốn nhận cậu ấy làm con rể. Gia đình cậu nghèo, cậu chẳng bao giờ được đi học và suốt ngày lang thang ngoài đường. Cậu chỉ có được việc làm ở một cửa hàng bán thảm nhưng cũng đã bị mất việc rồi. Nếu Saliqa lấy cậu, nó sẽ phải sống ở nhà bố mẹ cậu, vì chúng sẽ không thể có nhà.

Mẹ cậu ấy là một người mẹ không tốt, một bà khắt định. Nhà cửa thì bẩn và đồ nát. Bà ta rất lười biếng và bạ đâu đi đó.

Một bà đã luống tuổi nhớ đến bà nội Nadim.

Khi họ sống ở Kaboul, bạ ai họ cũng tiếp, bà ta kể trước khi hạ giọng tâm sự. Thậm chí có lúc đàn ông đến nhà bà ấy khi bà ta ở nhà một mình. Mà lại không phải là họ hàng.

Tôi rất kính trọng bà, một bà nói với mẹ Saliqa, nhưng tôi phải nhận rằng tôi luôn nghĩ con bé Saliqa quả hay làm đom, lúc nào cũng son phấn, lúc nào cũng ăn diện. Lẽ ra bà phải thấy nó có những ý nghĩ không trong sạch chứ.

Họ im lặng một lúc, cứ như họ đều

đồng ý với nhau nhưng không muốn nói ra, vì nể mẹ Saliqa. Một bà chùi mồm, đã tới lúc nghỉ đến bữa trưa. Những bà khác lần lượt đứng dậy. Sharifa bước lên thang gác, lên đến căn hộ ba gian của bà. Bà đi qua trước căn phòng nơi Saliqa bị giam, cô bé sẽ phải ở đấy cho đến khi gia đình cô quyết định hình phạt.

Sharifa thở dài. Bà nhớ đến hình phạt đối với cô em chồng của mình.

Jamila thuộc gia đình rất danh giá, cô giàu có, đức hạnh, và tươi đẹp như một bông hoa. Người em trai của Sharifa đã chặt bóps được một món tiền lớn ở Canada và do vậy đã có thể lấy được mỹ nhân mười tám tuổi này. Đám cưới thật khác thường, có đến năm trăm khách mời, bữa tiệc thịnh soạn, cô dâu rực rỡ. Jamila chưa bao giờ gặp mặt người em trai của Sharifa trước ngày cưới, mọi sự

đều do bố mẹ cô sắp đặt. Chàng rể, một người đàn ông tứ tuần cao lớn và mảnh dẻ, từ Canada bay thẳng về đây để làm lễ cưới theo phong tục Afganistan. Họ sống cùng nhau hai tuần, rồi ông ta ra đi để lo chuyện thị thực cho Jamila, để cô có thể sang bên ấy cùng ông. Trong khi chờ đợi, cô sống ở nhà những người anh em trai của Sharifa và vợ họ. Nhưng thời hạn xin được thị thực kéo dài hơn dự tính.

Sau ba tháng cô bị bắt quả tang ngoại tình. Cảnh sát đã báo cho họ biết có một người đàn ông lén vào phòng cô qua đường cửa sổ. Họ chưa bao giờ bắt được anh chàng nọ, nhưng những người anh em trai của Sharifa tìm thấy cái điện thoại di động của anh chàng trong phòng Jamila, bằng chứng cô đã đi lại với anh ta. Gia đình Sharifa lập tức hủy cuộc hôn nhân và tống Jamila về nhà bố mẹ cô. Cô

bị nhốt trong một căn phòng trong khi diễn ra cuộc họp gia đình kéo dài hai ngày.

Ba ngày sau, người em trai của Jamila đến gặp Sharifa báo tin chị gái mình đã chết vì vướng điện ở cái quạt máy. Ngày hôm sau người ta chôn cô. Rất nhiều hoa, nhiều bộ mặt trầm ngâm. Bà mẹ và các cô chị em gái khóc mãi. Mọi người đều tiếc cho cuộc đời ngắn ngủi của Jamila.

Người ta bàn tán:

– Đám tang cũng tuyệt vời như đám cưới.

Sharifa có một băng video ghi hình đám cưới, nhưng người em trai Jamila đến mượn lại. Cậu ta không bao giờ đem trả, không được giữ bất cứ băng có nào chứng tỏ đám cưới đã được cử hành. Tuy

nhiên Sharifa còn giữ được mấy tấm ảnh hiếm hoi mà bà có. Cô dâu chú rể trông có vẻ cứng đờ và nghiêm trang khi họ cùng nhau cắt chiếc bánh cưới. Rất thân nhiên, Jamila trông thật trang nhã trong chiếc áo dài và tấm khăn choàng của cô trắng tinh như chính sự ngây thơ, mái tóc đen và đôi môi đỏ thắm. Sharifa thở dài. Quả đúng là Jamila đã phạm một tội nặng, nhưng vì đại dốt chứ cô không phải là người xấu.

Cô ấy không đáng chết. Nhưng Allah ngự trị, bà lẩm nhẩm trước khi thì thầm một lời cầu nguyện.

Tuy nhiên có một điều bà không sao hiểu nổi, đó là hai ngày họp hội đồng gia đình, và bà mẹ Jamila, chính mẹ ruột cô, đã chấp nhận để cho người ta giết chết cô. Cuối cùng chính bà đã phái các cậu con trai của mình đi giết đứa con gái của

mình. Trong căn phòng người chị gái của chúng, chúng đã cùng nhau phủ một cái gối lên mặt cô, và cùng đè mạnh xuống, mỗi lúc một mạnh hơn, cho đến khi cô tắt thở.

Trước khi quay lại với mẹ chúng.

4. Tự vẫn và bài ca

Ở Afghanistan, khát vọng yêu đương của một người đàn bà là điều cấm kỵ. Nó bị bộ luật về danh dự của các thị tộc cũng như các mollah cấm. Thanh niên nam nữ không thể có bất cứ quyền gì về việc được gặp gỡ nhau, yêu nhau và chọn lựa. Tình yêu chẳng có gì giống với tình ca, trái lại có thể trở thành một tội lỗi lớn, bị kết án chết. Những kẻ không tuân theo bị tàn sát một cách lạnh lùng. Khi chỉ một trong hai người bị tử

hình, thì bao giờ đó cũng là người phụ nữ, không có ngoại lệ.

Những người đàn bà trẻ trước hết là những vật trao đổi hay đem bán. Hôn nhân là một thỏa ước giữa các gia đình hay trong nội bộ các gia đình. Lợi ích của nó đối với thị tộc là nhân tố quyết định – tình cảm ít khi được tính đến. Từ nhiều thế kỷ nay, phụ nữ Afganistan phải cam chịu sự bất công mà họ là nạn nhân. Tuy nhiên vẫn thấy có những lời chứng của những người phụ nữ dưới hình thức bài hát hay thơ. Đó là những bài hát không phải để mà nghe và tiếng vang của chúng chỉ hạn chế ở vùng núi và sa mạc.

Họ phản kháng bằng “lối tự vẫn hay bằng tiếng hát”, nhà thơ Afganistan Sayd Bahodine Majroud đã viết như vậy trong một quyển sách về thơ của những

người phụ nữ pachtoun⁷. Với sự giúp đỡ của người chị dâu, ông đã tập hợp những bài thơ này. Majroud đã bị những người chính thống ám sát năm 1988 ở Peshawar. Những bài thơ và câu xướng này đều thuộc truyền thống dân gian và được truyền lại bên các giếng nước, trên đường ra đồng, ở lò bánh mì. Chúng nói đến những tình yêu bị cấm đoán, trong đó người tình, chẳng có ngoại lệ nào, là một người khác với người chồng, và về nỗi căm ghét đối với người chồng thường luống tuổi hơn đó. Chúng cũng biểu lộ niềm kiêu hãnh được làm người phụ nữ và sự gan dạ của họ. Những bài thơ này có tên là landay, có nghĩa là “tuyệt cú”. Chỉ hạn chế trong vài câu, ngắn gọn và

7 Tự văn và tiếng hát, thơ ca dân gian của phụ nữ pachtoun, của Sayd Bahodine Majroud, dịch từ tiếng pachtoun, André Velter và tác giả phỏng theo và giới thiệu. Tủ sách “Hiểu biết phương Đông”, Gallimard. Tất cả các bài thơ dẫn ra sau đây đều lấy từ cuốn sách này và từ cuốn Phụ nữ Afganistan, của Isabelle Delloye, Phébus. (Chú thích của tác giả).

có nhịp điệu, như “một tiếng thét, một cơn thịnh nộ, một nhát đoản kiếm”, Majroud viết như vậy.

Hỡi bọn người tàn bạo, các người có thấy một lão già lôi ta vào giường của y

Và còn hỏi vì sao ta khóc và bứt tung cả tóc!

Ôi Thượng Đế! Người lại gửi đến cho con toàn đêm đen Và con lại run rẩy từ đầu đến chân, bởi con phải bước lên chiếc giường con căm ghét.

Tuy nhiên, những người phụ nữ, trong các bài thơ này, cũng còn biết vùng dậy, họ sẵn sàng đánh đổi cuộc đời họ vì tình yêu, trong một xã hội mà niềm dục vọng bị cấm đoán và sự trừng phạt thì vô cùng tàn nhẫn.

Hãy đưa tay anh đây cho em, hỡi

*người tình của em và cùng nhau ta đi ra
đồng*

*Để hai ta cùng yêu nhau hay cùng ngã
xuống dưới những lưỡi dao.*

*Tôi nhảy xuống sông, nước chẳng
cuốn tôi đi*

*“Cái thằng bé ghê tởm” lai gặp may
rồi, lần nào tôi cũng được sông tấp lên bờ.*

*Sáng sớm mai người ta sẽ giết chết em
vì anh*

*Vậy phần anh, anh chó nói rằng em
không yêu anh.*

Phần lớn những tiếng kêu thét ấy đều nói đến nỗi tuyệt vọng và một cuộc sống không được sống. Một người đàn bà cầu xin Thượng Đế trong kiếp sau được làm đá chứ đừng làm đàn bà. Không bài thơ

nào nói đến niềm hy vọng. Trái lại, tuyệt vọng tràn lan. Chúng nói đến việc những người đàn bà ấy có được sống bao nhiêu đâu, họ chẳng được hưởng bao nhiêu từ nhan sắc, sự trẻ trung của họ, họ có biết được bao nhiêu đâu niềm hạnh phúc của tình yêu.

Em đẹp hơn cả một đóa hồng.

Trong tình yêu của anh, em trở thành vàng như một quả cam. Trước đây em nào có biết đến khổ đau;

Vậy nên em đã mọc thẳng như cây tùng.

Những bài thơ ấy cũng rất ngọt ngào. Với một sự “thành thật tàn nhẫn”, người đàn bà ngợi ca “thân thể của mình, tình yêu xác thịt và trái cấm” – cứ như họ muốn gây sốc cho đám đàn ông, “khiêu

khích cái tính chất nam giới của các ông”.

Hãy đặt môi anh trên môi em

Những hãy để cho lưỡi em được tự do để em còn nói lời yêu anh. Hãy ôm em trong vòng tay anh, hãy siết chặt em đã,

Rồi sau đó anh mới có thể bám chặt vào cặp đùi êm như nhung của em.

Những hãy để cho lưỡi em được tự do để em còn nói lời yêu anh.

Hãy ôm em trong vòng tay anh, hãy siết chặt em đã,

Rồi sau đó anh mới có thể bám chặt vào cặp đùi êm như nhung của em.

Miệng em dâng hết cho anh đây, hãy nghiêng lấy đi, đừng sợ gì hết.

*Nó đâu phải là đường mà anh có thể
làm cho tan ra.*

Em dâng hiến miệng em cho anh đây.

*Nhưng sao anh lại khuấy chiếc hũ
nước của em? Cho nó ướt đầm cả rồi đây
này.*

Anh sẽ biến thành tro ngay

*Nếu em phóng cái nhìn say đắm vào
anh.*

5. Chuyển đi giao dịch

Buổi sáng vẫn còn lạnh giá. Vầng mặt trời chiếu những tia nắng đầu tiên lên ngọn núi. Trong cái quang cảnh lảm bủi, màu nâu đang ngả sang xám ấy, những sườn núi dốc đứng tro toàn đá, những tảng đá lúc nào cũng có thể rơi xuống gây lở núi tàn phá, vãi xuống toàn sỏi và đất sét rin rít dưới móng chân ngựa. Mọc nhô lên giữa các tảng đá, những cây cúc gai cào xước chân bọn buôn lậu, đám người lưu vong và

các chiến binh chạy trốn. Một mối đe dọa chèo các con đường mòn chạy mất hút vào sau những đồng sỏi và đá.

Đấy chính là con đường buôn lậu giữa Afganistan và Pakistan. Buôn lậu đủ thứ và bất kể thứ gì, từ vũ khí, thuốc phiện, thuốc lá cho đến những hộp Coca. Những con đường mòn này đã có từ nhiều thế kỷ. Bọn taliban và bọn chiến binh A rập Al Qaida đã sử dụng những con đường này khi chúng hiểu rằng cuộc chiến đấu ở Afganistan đã thất bại và rút lui về các tỉnh theo chế độ bộ lạc của Pakistan. Đấy là những con đường mòn chúng sử dụng khi bọn chúng trở lại đánh nhau với lính Mỹ – cái bọn ngoại đạo đang chiếm đóng một phần đất thánh Hồi giáo. Trong các băng nhóm ở biên giới, cả nhà cầm quyền Afganistan lẫn nhà cầm quyền Pakistan chẳng kiểm

soát được chút gì. Mỗi bộ lạc pachtoun kiểm soát một khu vực của mình ở hai phía biên giới. Cái khoảng trống quyền lực ấy, phi lý là vậy, song đã ăn sâu trong luật pháp Pakistan. ở Pakistan, nhà cầm quyền có thể thực thi quyền lực trên các con lộ tráng nhựa và trong phạm vi hai mươi mét mỗi bên đường. Vượt quá hai mươi mét ấy, trị vì luật pháp của các bộ lạc.

Buổi sáng hôm ấy, ông hàng sách Sultan Khan đi qua trước mặt đám lính biên phòng. Cách đấy không đầy một trăm mét là cảnh sát Pakistan. Khi người, ngựa và lừa đóng yên nặng trĩu còn đứng xa con lộ một khoảng cách nhất định, thì đám cảnh sát nọ chẳng làm gì được họ.

Ngược lại, nếu nhà cầm quyền không thể kiểm sát được dòng người ấy, thì nhiều người đi đường lại bị chặn lại

“buộc phải đóng thuế” bởi những người có vũ trang, thường là những người dân làng bình thường. Sultan đã đề phòng. Sonya đã khâu chỗ tiền của ông vào dưới ống tay áo, tài sản của ông đựng trong một bao đường bần thủ. Ông mặc bộ shalwar kamiz cũ nhất của mình.

Cũng như đối với phần đông người Afganistan, ông không được phép vượt qua biên giới Pakistan. Việc ông có một gia đình, một ngôi nhà và công việc của ông ở bên ấy, con gái ông đi học bên ấy, chẳng làm thay đổi chút nào tình hình – ông không được nhênh tiếp. Chịu sức ép của cộng đồng quốc tế, Pakistan đã đóng cửa biên giới, nhằm ngăn bọn khủng bố và du kích taliban chạy trốn vào nước này. Biện pháp vô dụng, vì bọn khủng bố và binh lính không có thói quen trình diện ở đồn biên phòng

tay cầm hộ chiếu. Chúng đi cùng những con đường mòn Sultan vẫn dùng khi ông sang giao dịch bên ấy. Như vậy đấy, mỗi ngày có hàng nghìn người từ Afganistan đổ sang Pakistan.

Các con ngựa nhọc nhằn leo núi. Sultan, cao lớn và kênh càng, cưỡi ngựa không có yên. Dẫu đã khoát bộ quần áo cũ nhất, trông ông vẫn có vẻ ăn mặc đàng hoàng, chòm râu vẫn cắt gọn như bất cứ lúc nào, chiếc mũ dẫu đội ngay ngắn trên đầu. Ngay cả khi hoảng hốt kìm chặt cương ngựa, trông ông vẫn có vẻ một con người phong nhã đi dạo chơi vùng núi để ngắm cảnh. Nhưng cách ngồi lưng ngựa của ông không vững, chỉ cần một bước hụt chân là có thể ngã ngay xuống vực. Về phần nó, con ngựa lặng lẽ bước đi trên những con đường đã quen, chẳng quan tâm gì đến người đang ngồi

trên lưng. Sultan quấn chặt cái túi đường quý giá vào tay. Trong túi chứa những cuốn sách ông định in lậu cho hiệu sách của ông và bản phác thảo cái văn kiện ông hy vọng sẽ là bản hợp đồng của đời ông.

Phía sau ông là những người Afgan-istan đang muốn đi vào cái đất nước đã đóng cửa này. Những người phụ nữ cưỡi ngựa, đi thăm họ hàng, những cậu sinh viên trở lại trường đại học Peshawar sau khi đã dự lễ àùd cùng gia đình, cũng có thể có đôi người đi làm công việc giao dịch. Sultan chẳng có gì phải lo lắng. Ông nghĩ đến bản hợp đồng của mình, chăm chú vào dây cương và nguyên rủa nhà cầm quyền Pakistan. Trước hết là một ngày đi xe hơi từ Kaboul đến biên giới, sau đó là một đêm nghỉ lại bản thủ ở biên giới, rồi trọn một ngày cưỡi ngựa,

đi bộ và đi xe mui trần. Đi theo đường chính, từ biên giới đến Peshawar chỉ mất một tiếng đồng hồ. Sultan cảm thấy mất phẩm giá khi phải nhập cảnh lậu vào Pakistan, bị coi là hạng người hạ đẳng. Ông cho rằng sau tất cả những gì người Pakistan đã làm cho chế độ taleb – giúp đỡ tài chính, vũ khí, ủng hộ về chính trị – họ đã tỏ ra giả dối khi đột ngột quay sang làm tay sai cho Hoa Kỳ và đóng cửa biên giới đối với người Afghanistan.

Ngoài A Rập Xê-út và Các Tiểu Vương Quốc A Rập Thống nhất, Pakistan là nước duy nhất công nhận chế độ taleb. Nhà cầm quyền Pakistan mong muốn người pachtoun giữ quyền kiểm soát Afghanistan bởi vì đây là một tộc người sống ở cả hai phía biên giới và chịu ảnh hưởng thật sự của Pakistan. Bọn taliban, hầu hết là người pachtoun, là tộc

người quan trọng nhất ở Afganistan và chiếm gần bốn mươi phần trăm dân số. Về phía Bắc, người tadjik đông hơn. Khoảng một trong bốn người Afganistan là người tadjik. Liên minh Phương Bắc đã chiến đấu một cách cay đắng chống lại taliban và được sự ủng hộ của người Mỹ sau ngày 11 tháng Chín, gồm trước hết là người tadjik, tộc người mà người Pakistan ngờ vực. Từ khi taliban sụp đổ, người tadjik đã có được rất nhiều quyền lực trong chính phủ, nhiều người Pakistan cho rằng như vậy là họ bị kẻ thù bao vây bốn phía, ấn Độ phía đông và Afganistan phía tây.

Tuy nhiên, đối với phần đông người Afganistan những thù hằn chủng tộc rất hiểm. Các xung đột nảy sinh chủ yếu từ những cuộc tranh giành quyền lực giữa các thống lãnh chiến tranh khác nhau

lôi kéo được nhóm tộc người của mình vào cuộc chiến chống lại một nhóm tộc người khác. Người tadjik sợ người pachtoun có quá nhiều quyền lực và sẽ tàn sát họ khi xảy ra một cuộc chiến tranh mới. Người pachtoun sợ người tadjik cũng vì những lý do đó. ở vùng bắc của đất nước, quan hệ giữa người ouzbek và người hazaras cũng hết như thế. Và chẳng, những cuộc đánh nhau giữa các thống lãnh chiến tranh trong cùng một tộc người cũng thường xảy ra.

Sultan chẳng mấy để ý đến chuyện dòng máu nào chảy trong huyết quản của mình và của người khác. Mẹ là người pachtoun, bố là người tadjik, cũng giống như nhiều người Afganistan khác, ông là một thứ hỗn hợp thật tốt. Về phương diện hành chính, ông là người tadjik, vì quan hệ tộc người truyền theo dòng bố.

Ông nói các thứ tiếng của cả hai nhóm, tiếng pachtoun và tiếng dari – thổ ngữ Ba Tư do người tadjik nói. Đối với Sultan, đã đến lúc người Afganistan để cho chiến tranh lùi vào quá khứ và cùng nhau đoàn kết để xây dựng đất lại nước. Ông mong ước Afganistan có thể khắc phục được quãng đường đã để lỡ so với các nước láng giềng, nhưng hy vọng của ông xem ra rất mong manh. Sultan lấy làm thất vọng về đồng bào của mình. Trong khi ông làm việc cật lực để phát triển công cuộc kinh doanh của ông, ông buồn vì những người tiêu phí tất cả tài sản để đi sang Mecca.

Vài ngày trước hôm lên đường sang Pakistan, ông có một cuộc trò chuyện với người em họ Wahid, chủ một cửa hàng nhỏ buôn bán phụ tùng ô tô, công việc mới bắt đầu có đà đôi chút. Wahid kể với

ông rằng anh ta đã dành dụm đủ tiền để
đáp máy bay sang Mecca.

– Cậu tin rằng việc đó sẽ giúp cậu
cầu nguyện được sao? Sultan hỏi anh ta,
giọng chế riễu. Trong Kinh Coran có dạy
rằng chúng ta phải làm việc, phải tự giải
quyết lấy các vấn đề của mình, phải đổ
mồ hôi, gian khó. Mà chúng ta, người
những Afganistan, chúng ta lại lười
biếng, chúng ta chỉ thích cầu xin được
giúp đỡ, của phương Tây hay của Allah.

– Nhưng trong kinh Coran cũng
có dạy rằng chúng ta phải vinh danh
Thượng Đế, Wahid cãi lại.

– Đấng tiên tri Mahomet chắc là
sẽ phải khóc nếu ngài nghe được tất cả
những lời cầu xin, tất cả những tiếng kêu
gào và tất cả những lời cầu nguyện nhân
danh Ngài đó. Nếu ta muốn khôi phục đất

nước, thì cứ đập đầu xuống đất mãi cũng chẳng được gì. Tất cả những gì chúng ta biết là khăn vải, cầu kinh và đánh nhau. Nhưng những lời cầu nguyện chẳng có giá trị gì sắt nếu người ta không chịu làm việc. Chúng ta không thể chờ đợi ân huệ của Thượng Đế! Sultan đã hét lên như vậy, trong khi nói quá hăng. Chúng ta mò mẫm đi tìm một con người thần thánh trong khi cái có thể giúp chúng ta là một cái bệ thối lò!

Ông biết rằng ông đã khiêu khích người em họ của mình, nhưng đối với Sultan lao động là điều quan trọng nhất. Đây là điều ông cố gắng khắc sâu vào tâm trí các con ông, đây là nguyên tắc chỉ đạo cuộc đời ông. Đây là lý do vì sao ông đã bắt các con ông ngừng đến trường và để cho chúng làm việc trong các cửa hàng

của ông, để chúng giúp ông xây dựng một đế chế.

– Nhưng đi đến Mecca là một trong năm cột trụ của đạo Hồi, người em họ ông phản đối. Muốn trở thành một người Hồi giáo tốt, phải tin Thượng Đế, cầu nguyện, nhịn ăn, bố thí và đi đến Mecca⁸.

– Cũng có thể là chúng ta đi đến Mecca, Sultan kết luận. Nhưng lúc ấy chúng ta phải xứng đáng với điều đó, chúng ta phải đến đó để cảm ơn, chứ không phải để cầu xin.

Lúc này, hân Wahid đang trên đường

8 Theo kinh Coran, năm “cột trụ của đạo Hồi” là: - lời tuyên thệ (shahada), giống như lời quy y của đạo Phật, - cầu kinh (salât) năm lần mỗi ngày, ngày thứ sáu cầu kinh ở đền, - trai giới (sawm), trong tháng ramadan Hồi giáo, - bố thí (zakât), ban đầu là để giúp đỡ người nghèo trong cộng đồng, - hành hương (haji) đến Mecca (tức Mecca), ít ra một lần trong đời.

đi đến Mecca, với đôi găng tay trắng của người hành hương, Sultan nghĩ thầm. Ông cười khẩy và lau mồ hôi trên trán. Mặt trời đứng bóng. Cuối cùng con đường mòn đã bắt đầu đổ dốc. Trên một lối đi của súc vật trong một thung lũng nhỏ, những chiếc xe mui trần đang đứng chờ. Những chiếc taxi của Khyber Pass⁹. Đưa những vị khách không mời mà đến vào đất nước này, ông chủ của chúng thu được khá tiền.

Ngày xưa một con đường tơ lụa đã đi qua đây, con đường buôn bán giữa các nền văn minh lớn thời bấy giờ, Trung Hoa và La Mã. Tơ lụa được chuyển sang phương tây còn vàng, bạc và len thì chở sang phương đông.

Trong hơn một nghìn năm, những
9 Khyber Pass hay còn gọi là Khaybar Pass là một hẻm vực núi hẹp và độc đạo rất hiểm yếu nằm giữa hai nước Afganistan và Pakistan.

kẻ không được ưa thích đã đi qua Khyber Pass. Người Ba Tư, người Hy Lạp, người Nguyên Mông, người Mông Cổ, người Afganistan và người Anh đã tìm cách chinh phục ấn Độ bằng cách đưa quân đội của họ đi qua đây. Vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên, Darius, vua Ba Tư, chiếm phần lớn Afganistan và băng qua Khyber Pass tiếp tục tiến đến tận sông Indus. Hai trăm năm sau, các vị tướng của Alexandre Đại Đế dẫn các đoàn quân của mình qua Khyber Pass, ở chỗ hẹp nhất của nó chỉ một con lạc đà chất nặng hay hai con ngựa bước song song có thể đi qua. Gengis Khan đã tàn phá một phần con đường tơ lụa, trong khi những du khách hòa bình hơn, như Marco Polo, thì chỉ đi theo vết những đoàn người đổ về phương đông. Từ thời Darius cho đến lúc người Anh đi qua đây, các đoàn quân xâm lược luôn vấp

phải sự kháng cự mạnh mẽ của các bộ lạc pachtoun sống ở các vùng lân cận. Từ khi người Anh rút đi vào năm 1947, các nhóm người đó lại kiểm soát lối đi này và vùng đất đến tận Peshawar. Mạnh nhất là nhóm Afridis, với những chiến binh đáng sợ.

Vũ khí vẫn là thứ ta nhìn thấy ngay sau khi vượt qua biên giới. Dọc theo con đường chính về phía đất Pakistan, đều đặn hiện những chữ Khyber Rifles, khắc trên đá hay viết trên các tấm biển bản thủ giữa quang cảnh trần trụi. Khyber Rifles là tên một loại súng, mà cũng là tên của đội cảnh binh tộc người thiểu số đảm bảo an ninh vùng này. Tộc người này có những thứ quan trọng phải được bảo vệ. Ngôi làng nằm ngay phía bên kia biên giới nổi tiếng vì cái chợ buôn lậu

của nó, tại đó haschich¹⁰ và vũ khí được bán với giá rẻ. ở đây không ai hỏi giấy phép mang vũ khí, nhưng đi vào lãnh thổ Pakistan với vũ khí trên người thì có nguy cơ bị phạt tù nhiều năm.

Giữa những ngôi nhà bằng đất, nổi lên những lâu đài trắng lệt, được xây bằng tiền bất chính. Những thành trì nhỏ bằng đá và những ngôi nhà truyền thống pach-toun, chung quanh có tường đất cao vây bọc, rải rác trên sườn núi. thỉnh thoảng nhô lên vài bức tường bê tông, được gọi là những chiếc răng rồng, do người Anh xây dựng hồi thế chiến thứ hai để phòng một cuộc tấn công của các xe tăng Đức vào ấn Độ. Nhiều vụ bắt cóc người ngoại quốc đã xảy ra trong những vùng tộc người thiểu số khó kiểm soát này và nhà

10 Một loại cây gai dầu ấn Độ, nhựa chiết ra từ lá và hoa của cây này có chất dưỡng thần, dùng lâu có thể gây nghiện, được coi là một loại thuốc phiện nhẹ.

cầm quyền Pakistan đã có những biện pháp nghiêm ngặt. Ngay trên con đường chính đi Peshawar, có quân đội Pakistan tuần tra, người ngoại quốc cũng không được phép lái xe mà không có hộ tống. Những người hộ tống lăm lăm súng đã lên đạn cho đến tận Peshawar. Không có giấy tờ đầy đủ, người ngoại quốc không được phép rời Peshawar đi về phía biên giới Afganistan.

Sau khi đã chạy xe hai tiếng đồng hồ trên những con đường hẹp, một bên là núi, bên kia là vực, Sultan còn phải đi ngựa tiếp vài giờ nữa trước khi đến được đồng bằng và nhìn thấy Peshawar. Ông bắt một chiếc taxi để đi về thành phố, đến đường số 103 Hayatabad.

Đêm đã xuống lúc Sharifa nghe tiếng gõ cửa. Vậy là cuối cùng ông ấy đã đến. Bà chạy xuống thang gác để đón ông.

Ông mệt và người bám đầy bụi bẩn. Ông trao cho bà cái túi đường để bà mang lên cất cho ông.

– Ông đi đường có tốt không?

– Phong cảnh thật đẹp. Cảnh mặt trời lặn thì tuyệt vời.

Trong khi ông tắm rửa, bà chuẩn bị bữa ăn và bày chén đĩa lên mặt khăn trải trên tấm nệm, ngay trên nền nhà giữa những chiếc gối mềm. Sultan từ trong phòng tắm bước ra sạch sẽ, quần áo vừa là, ông nhìn chỗ bát đĩa bà đã bày, vẻ không bằng lòng.

– Tôi không thích bát đĩa bằng thủy tinh, trông chúng thật tầm thường, cứ như bà vừa mua ở một tiệm bách hóa tầng dưới.

Sharifa dọn ngay chúng đi và đi tìm bát đĩa bằng sứ.

– Tôi thích thế này hơn, thế này ăn ngon miệng hơn.

Ông kể những tin tức mới nhất ở Kaboul, bà thì kể chuyện ở Hayatabad. Họ không gặp nhau đã nhiều tháng. Họ nói chuyện con cái, họ hàng và dự tính kế hoạch những ngày tới. Mỗi lần sang Pakistan, Sultan phải đi thăm viếng những người họ hàng còn chưa trở về Afganistan. Trước hết là những người có thành viên trong gia đình đã mất kể từ lần trước, rồi đến những người bà con gần nhất, trước khi thăm những người xa nhất trong dòng họ có thể đến được, tùy theo thời gian ông có được. Sultan than phiền về việc ông phải đi thăm những người chị em, anh em rể, ông nhạc bà nhạc của các bà chị em, anh chị

em họ của Sharifa. Không thể giữ bí mật về việc ông đã đến đây, trong thành phố này mọi người đều tỏ tường mọi chuyện. Vả chẳng các cuộc thăm viếng xã giao đó là tất cả những gì còn lại trong cuộc hôn nhân của Sharifa. Việc ông tỏ ra thân tình với những người họ hàng của bà và coi bà như là vợ ông khi ông đến thăm họ, đấy là tất cả những gì bà còn có thể đòi hỏi ở ông.

Lịch thăm viếng đã được sắp xếp xong, Sharifa còn phải kể cho ông nghe những tin tức mới nhất ở tầng dưới – những chuyện ngông cuồng của Saliqa nữa

– Bà có biết rằng nó là một con điếm? Sultan kêu lên, ông nằm dài như một hoàng đế La Mã. Nó là thế đấy!

Sharifa phản đối, thậm chí Saliqa nào có gặp riêng cậu con trai kia.

– Đây là chuyện tâm địa con người, chuyện tâm địa! Sultan trả lời. Nếu hôm nay Saliqa còn chưa làm điểm, thì nay mai nó dễ dàng trở thành điểm. Nó đã chọn cậu con trai chẳng được việc gì kia, chẳng bao giờ tìm được việc làm, làm sao nó có thể có đủ tiền để mua những gì nó muốn, đồ trang sức và quần áo đẹp? Khi một cái nồi đun đã không có nắp, thì bất cứ thứ gì cũng có thể rơi tồm vào đó. Rác rưởi, đất cát, bụi bặm, sâu bọ, lá khô. Gia đình Saliqa đã sống như thế đó, như một cái nồi không có vung. Một lô rác rưởi đã rơi vào đó. Cha nó thì đi vắng và ngay khi ông ta có mặt cũng chẳng bao giờ thấy ông ta ở nhà. Bây giờ, ông ta đã ở bên Bỉ đến ba năm rồi mà không cách gì xin được giấy tờ để cho

gia đình sang bên đó với ông ta, Sultan cười khẩy. Chính ông ấy cũng là một kẻ tầm thường. Vừa mới lăm chằm biết đi Saliqa đã tìm một cậu con trai để lấy làm chồng. Tình cờ mà nó đã rơi đúng vào cái thằng Nadim nghèo khổn và chẳng được việc gì đó. Nhưng trước đây nó đã tìm cách dụ dỗ thằng Mansur, bà có nhớ không?

Lúc này, ông hàng sách cũng bị những chuyện ngồi lê đôi mách chi phối.

– Mẹ nó cũng dính dấp vào chuyện này, Sharifa nhớ lại. Lúc nào bà ấy cũng hỏi xem đã đến lúc tìm vợ cho nó chưa. Bao giờ tôi cũng trả lời là còn quá sớm, nó còn phải đi học đã. Điều tôi lo nhất cho Mansur, là nó lấy phải một người vợ tự phụ và chẳng được việc gì cả như Saliqa. Khi Yunus, em trai ông đến Peshawar, bà ấy cũng đã hỏi cậu ta như vậy,

nhưng cả cậu ấy cũng không muốn một đứa con gái dễ dãi như Saliqa.

Họ bàn luận tường tận về tội lỗi của Saliqa. Nhưng họ còn bao nhiêu họ hàng để mà nói xấu nữa.

– Bà chị họ của bà thế nào? Sultan cười phá lên.

Một trong những người chị gái họ của Sharifa đã để cả đời để chăm sóc bố mẹ mình. Khi họ chết, bà đã bốn mươi lăm tuổi và những người anh em trai của bà đã gả bà cho một ông góa đang cần tìm một người mẹ cho các con của ông. Sultan chẳng bao giờ chán câu chuyện đó.

– Bà ấy hoàn toàn thay đổi sau khi lấy chồng. Bà ấy đã trở thành đàn bà, ông vẫn chế riễu. Nhưng bà ấy chẳng bao giờ

có con, như vậy là bà ấy đã hết đứt căn bệnh hằng tháng của bà trước khi lấy chồng. Nghĩa là: chẳng đêm nào nghỉ!

– Có thể là vậy đấy, Sharifa đánh liều. Ông có nhớ trước khi lấy chồng bà ấy gầy đét như thế nào không, bây giờ thì bà ấy đã hoàn toàn thay đổi, chắc chắn là đêm nào bà ấy cũng ướt đầm cả thôi.

Sharifa đặt một bàn tay lên miệng và phá lên cười. Đôi vợ chồng dường như đã lấy lại được sự thân mật ngày trước, cả hai họ nằm dài dưới đất, vắn mình trên những tấm khăn ở hai bên mâm cơm.

– Bà có nhớ bà cô của bà mà bà đã nhìn qua ổ khóa không? Cuối cùng bà ấy đã khòem cả người xuống, ông chồng muốn làm chuyện đó đằng sau mà, Sultan cười.

Chuyện này lại gợi lên chuyện nọ. Như những đứa trẻ, Sultan và Sharifa cười rúc rích khi nhắc lại những chuyện tình dục trong gia đình mình.

Trên bề mặt, Afganistan có vẻ vô tính. Đàn bà giấu mình dưới những tấm burkha và dưới tấm burkha của họ quần áo to và rộng. Họ mặc quần dài bên dưới áo trong và, ngay cả đằng sau những bức tường trong nhà, áo hở cổ rất hiếm. Đàn ông và đàn bà không cùng họ hàng không được ở chung trong một phòng. Họ không được nói chuyện với nhau, cũng không được ăn uống cùng nhau. ở nông thôn, ngay cả trong các đám cưới, đàn ông và đàn bà mỗi bên phải nhảy múa riêng.

Nhưng bên dưới cái bề mặt ấy, lại hết sức sôi sục. Bất chấp tội chết, người Afganistan cũng có những người tình

nam và nữ. Trong các thành phố, vẫn có gái điếm mà các cậu con trai và đám đàn ông tìm đến trong khi chờ lấy được một người vợ.

Tình dục có vị trí của nó trong các huyền thoại và các truyện kể. Sultan say mê các truyện do nhà thơ Rumi viết cách đây đã tám trăm năm trong tác phẩm Mesvini của ông. Trong cuốn sách đó ông đã sử dụng chuyện tính dục để minh họa cho ý tưởng về những gì không nên bắt chước người khác một cách mù quáng. Sultan kể cho Sharifa:

– Một bà góa nọ có một con lừa mà bà ta rất yêu. Nó dắt bà ta khắp nơi bà phải đi và bao giờ cũng tuân theo lệnh bà. Rồi nó có hơi yếu sức và chóng mệt hơn trước. Lại biếng ăn nữa. Bà góa không hiểu vì sao và một đêm nọ bà ra xem thử nó có ngủ không. Trong nhà kho, bà thấy

cô đẩy tó gái của bà đang nằm dài trong rơm, bên dưới con lửa. Đêm nào cũng lại thấy cảnh ấy, người đàn bà góa lấy làm tò mò và bà tự bảo ta cũng muốn thử một cái xem sao. Bà cho cô gái đi công chuyện mấy ngày và tự mình nằm dài trong rơm bên dưới con lửa. Khi người đẩy tó gái trở về, thì thấy bà góa đã chết. Thì ra bà góa đã không luồn một trái bầu vào cái ấy của con lửa để làm cho nó ngán bót đi trước khi hiến mình cho nó. Chỉ cái phần còn lại cũng đã quá đủ rồi.

Sau khi đã cười thỏa thuê, Sultan ngồi dậy, sửa lại quần áo và đi mở hộp thư điện tử của ông. Nhiều trường đại học bên Mỹ yêu cầu ông gửi cho họ các tạp chí những năm bảy mươi, tên các nhà sưu tập bản thảo cổ, nhà in ở Lahore gửi cho ông một bảng dự toán in bưu ảnh sau khi giá giấy đã tăng. Bưu

ảnh là nguồn thu nhập chính của Sultan, ông bán một đô la ba tấm, bằng cái giá ông phải trả để in sáu mươi tấm. Mọi việc bây giờ rất trôi chảy, khi bọn taliban không còn ở đấy nữa và ông có thể bán bất cứ thứ gì ông muốn.

Ngày hôm sau ông đọc thư từ, đi đến các hiệu sách, đến bưu điện, nhận và gửi các bưu kiện và thực hiện các cuộc thăm viếng xã giao chẳng bao giờ hết của ông. Trước tiên là đến chia buồn với một người chị em họ có chồng mới chết vì ung thư, rồi một cuộc thăm viếng thú vị một người anh em họ chuyên bán bánh pizza bên Đức có việc đi qua Pakistan. Người anh em họ này, tên là Saùd, trước là kỹ sư hàng không ở Ariana Air, cái hãng ngày trước là niềm tự hào của Afghanistan. Bây giờ, ông ta tính chuyện trở về với gia đình và quay lại làm việc

ở Ariana. Trước đây ông mong dầu sao cũng dành dụm được tiền. Nghề giao bánh pizza bên Đức nói chung có khá hơn nghề kỹ sư hàng không ở Afganistan. Hơn nữa, ông cũng chưa giải quyết được vấn đề ông sẽ khó tránh khỏi ngay khi trở về: ông có vợ và các con ở Peshawar, ở bên Đức ông lại có một người vợ thứ hai. Nếu ông trở về Kaboul, họ sẽ phải cùng sống dưới một mái nhà, là điều Saùd rất lo ngại. Bà vợ cả của ông làm ngơ về chuyện bà hai, bà chưa bao giờ nhìn thấy mặt bà ấy và chồng bà vẫn gửi tiền về cho bà đúng như ông phải làm. Chuyện gì sẽ xảy ra khi họ sống chung với nhau?

Những ngày ở Peshawar này rất mệt nhọc. Một người bà con bị đuổi ra khỏi ngôi nhà đang thuê, một người khác muốn được giúp đỡ để dựng một cơ sở

kinh doanh, một người thứ ba xin vay tiền. Rất ít khi Sultan cho tiền người thân. Do ông khá thành đạt, người ta thường nhờ ông giúp đỡ trong những dịp thăm viếng xã giao như thế này, nhưng, nói chung, ông từ chối, thường cho rằng đây là những người lười biếng và họ phải tập tữ xoay xở lấy hay ít ra cũng phải chứng tỏ họ có khả năng trước khi nhận được đồng tiền và, theo Sultan, ít người được như vậy.

Khi vợ chồng đi thăm viếng, Sharifa cố giữ sao cho cuộc nói chuyện không bị tắc tị. Bà kể chuyện, gây cười. Sultan thường chỉ im lặng nghe, đôi khi nhắc đến chuyện những người không chịu lao động hay chuyện công việc của ông; nhưng, khi, bằng một tiếng, ông báo đã đến lúc đứng lên, thì vợ chồng liền ra về, Shabnam theo sau. Họ đi im lặng trên các

đường phố Hayatabad phủ đầy bồ hóng và bước qua các đồng rác, trong khi hai buồng phổi hít đầy không khí ô uế của các con hẻm.

Một buổi tối, Sharifa ăn mặc đặc biệt cẩn thận trước khi đi thăm những người họ hàng xa. Những người họ hàng lúc thường thậm chí không hề có tên trong danh sách gấp gở của vợ chồng bà, dầu họ sống cách đây chỉ vài mét. Sharifa bước đi khéo léo trên đôi guốc cao kều, trong khi Sultan và Shabnam tay nắm tay, uể oải bước theo sau.

Họ được đón tiếp nồng nhiệt. Chủ nhà mời hoa quả khô và nhiều loại hạt khác nhau, kẹo caramen và trà. Trước tiên họ nói những câu xã giao và bàn những tin tức mới nhất. Đám con cái lắng nghe bố mẹ chúng nói chuyện. Shabnam cắn hạt đào lạc và buồn chán. Một trong

những đứa con gọi mãi không thấy xuất hiện, đó là Belqisa, mười ba tuổi. Cô bé lánh mặt là đúng, bởi vì tối nay quả là người ta bàn về chuyện cô.

Sharifa đã đến nhiều lần cũng vì chuyện này, lần này có Sultan miễn cưỡng đi cùng bà để chứng tỏ việc xin cưới là nghiêm túc. Họ đến đây nhân danh Yunus, cậu em trai út của Sultan. Cách đây hai năm cậu ta đã chọn Belqisa, khi cậu lưu vong sang Pakistan, bấy giờ cô ấy còn là một đứa bé. Cậu đã nhờ Sharifa chuyển lời cầu hôn của cậu. Bản thân cậu chưa bao giờ nói chuyện với cô gái.

Họ vẫn nhận được đúng nguyên câu trả lời ấy: “Nó còn bé quá.” Ngược lại, bố mẹ cô sẵn lòng gả cho Yunus cô chị, Shirin, hai mươi tuổi, nhưng cậu lại không đồng ý, còn lâu cô ta mới đẹp bằng Belqisa

và cậu thấy cô ta bằng lòng quá dễ dàng. Khi cậu đến thăm họ, cô ta cứ quẩn quýt lấy cậu. Ngoài ra, một hôm lên để người khác không nhìn thấy cậu đã cầm tay cô ta rất lâu. Yunus cho rằng việc cô để cho cậu làm như vậy là dấu hiệu không hay và chứng tỏ cô không phải là cô gái đang hoang.

Tuy nhiên bố mẹ cô vẫn không từ bỏ hy vọng của họ về chuyện cô chị, vì Yunus là một đám tốt. Khi Shirin được những người khác đến hỏi, họ đi tìm Sultan đề nghị lần cuối cùng gả cô cho Yunus, nhưng Yunus không muốn, cậu đã dòm ngó Belqisa và chỉ muốn cô ta thôi.

Mặc những từ chối liên tiếp, Sharifa không ngừng trở đi trở lại xin cưới Belqisa. Đây không phải là tỏ ra thất lễ, mà trái lại là dấu hiệu xin cưới nghiêm túc.

Một tục lệ lâu đời bảo rằng người mẹ của cậu con trai đi hỏi vợ phải đến nhà cô gái mình nhắm nhiều lần cho đến khi đế giày chỉ còn mỏng bằng cái vỏ củ tỏi. Vì mẹ của Yunus, bà cụ Bibi Gul, đang ở Kaboul, nên bà chị dâu của cậu là Sharifa phải đảm nhận trách nhiệm này. Bà ca ngợi Yunus, khen cậu nói tiếng Anh trôi chảy, khen công việc của cậu ở hiệu sách của Sultan, nhấn mạnh rằng cô gái sẽ chẳng phải thiếu bất cứ thứ gì; nhưng Yunus đã sắp ba mươi tuổi.... “Quá già so với Belqisa”, bố mẹ cô bảo.

Bà mẹ Belqisa chú ý đến một chàng trai khác trong gia đình Khan, đó là Mansur, con trai của Sultan, mười sáu tuổi. “Nếu là Mansur, chúng tôi xin đồng ý ngay”. Bây giờ đến lượt Sharifa chẳng hứng thú gì. Mansur chỉ hơn Belqisa có vài tuổi và chưa bao giờ để mắt đến cô.

Sharifa cho rằng cưới vợ cho con trai mình là còn quá sớm. Nó phải đi học, và nhìn ra thế giới nữa.

– Với lại, cô gái không phải mười ba tuổi đâu, về sau Sharifa đã tâm sự với các bà bạn của bà như vậy. Tôi tin rằng cô ta ít ra cũng đã mười lăm.

Belqisa bước vào phòng, để Sultan cũng nhìn thấy được cô. Cô cao lớn và mảnh mai và có vẻ lớn hơn mười ba tuổi. Cô mặc bộ áo váy màu xanh đậm, lúng túng và khép nép ngồi xuống bên mẹ. Belqisa biết rõ những người khách đến đây làm gì và cảm thấy không thoải mái.

– Nó khóc, nó không đồng ý đâu, hai cô chị của cô nói với Sultan và Sharifa trước mặt Belqisa, còn cô bé thì cúi mặt xuống.

Sharifa chỉ cười. Cô dâu không ứng là dấu hiệu tốt, điều đó chứng tỏ tâm hồn cô ta trong sạch.

Chỉ có mấy phút, rồi Belqisa đứng dậy và bỏ đi. Mẹ cô xin được thứ lỗi cho cô, ngày mai cô phải kiểm tra môn toán. Dẫu gì đi nữa cô dâu cũng phải coi như không có mặt khi diễn ra các cuộc mặc cả. Trước tiên hai bên thăm dò trận địa, rồi họ đề cập đến các vấn đề tài chính, bố mẹ cô dâu sẽ nhận được bao nhiêu, lễ cưới, áo cưới, hoa tốn bao nhiêu. Mọi khoản đều do gia đình nhà trai chịu. Việc Sultan đến làm tăng thêm trọng lượng cho các cuộc bàn thảo vì chính ông người nắm tiền nong.

Kết thúc cuộc thăm viếng, chưa có gì được quyết định cả và họ lặng lẽ ra về trong buổi chiều tháng ba êm dịu đó. Các đường phố đều im ắng.

– Tôi không thích gia đình này, Sultan tuyên bố. Họ háu của lắm.

Định kiến của ông đặc biệt nhằm vào người mẹ của Belqisa. Bà là vợ thứ hai của ông bố. Vì bà vợ cả chẳng sinh đẻ được, ông đã tái hôn và bà vợ mới ăn ở tệ với bà cả cho đến nỗi bà này cuối cùng không chịu nổi và đã bỏ về ở với người em trai của mình. Có nhiều tiếng đồn xấu về bà mẹ Belqisa, người ta bảo bà hà tiện, hay ghen và thiếu độ lượng. Người con gái đầu của bà đã lấy một người bà con của Sultan, anh ta đã kể rằng suốt đám cưới thật đúng là một cơn ác mộng, bà ta kêu trách lúc thì thức ăn không đủ lúc thì nhà trang trí không xứng.

– Trái táo không bao giờ rụng xa cây táo. Mẹ nào con ấy thôi, Sultan khẳng định.

Trước khi nói thêm rằng nếu quả Yunus muốn lấy cô ta, thì ông sẽ gắng hết sức.

– Ồi dào, tôi chắc chắn cuối cùng họ sẽ bằng lòng thôi. Gia đình chúng ta quá tốt để cho người ta có thể từ chối.

Trách nhiệm gia đình đã hoàn tất, cuối cùng Sultan đã có thể lo cho mục đích đầu tiên của ông khi đến Pakistan. Là in sách. Giai đoạn thứ hai của cuộc du hành, một buổi sáng ông lên đường rất sớm đi Lahore, thành phố của những người thợ in, những người đóng sách và những người làm nghề xuất bản.

Trong một chiếc va-li nhỏ, ông xếp sáu cuốn sách, một cuốn lịch và một bộ đồ thay. Cũng như mọi lần đi đường, tiền bạc của ông được khâu dưới ống tay áo. Ngày báo hiệu sẽ nóng. Bến xe Pe-

shawar đông nghịt khách, các công ty xe buýt thi nhau gào tướng lên. Islamabad! Karachi! Lahore! Cạnh mỗi chiếc xe buýt lại có một người đứng gào. Xe buýt không chạy theo giờ cố định, mà khi đã đầy người. Trước lúc xuất phát, nhiều người đến bán hoa quả khô, những túi hình sừng đựng hạt hướng dương, bánh bích quy và khoai tây rán, báo và tạp chí. Những người ăn xin lạng lẽ chìa bàn tay qua các tấm cửa kính mở.

Sultan không để ý đến họ. Ông tuân theo lời khuyên của Đấng Tiên Tri Mahomet về chuyện bố thí và hiểu như sau: trước hết, phải lo cho chính thân mình đã, rồi đến gia đình gần gũi của mình, rồi đến những người họ hàng khác, rồi hàng xóm, và cuối cùng đến người nghèo khó không quen biết. ở Kaboul, có khi ông đã cho một người hành khất vài

đồng afgani để tránh xa hần cho xong, nhưng những người hành khất Pakistan thì đứng quá xa trong danh sách của ông. Pakistan cứ mà lo cho những người hành khất của họ đi đã.

Ông bị chen vào giữa những hành khách khác trên ghế sau của xe buýt, với chiếc va li đặt dưới chân. Trong đó, trên một tờ giấy, là bản dự án lớn nhất của đời ông. Ông muốn in những cuốn sách giáo khoa mới của Afganistan. Đất nước hầu như không có chút tài liệu giáo khoa nào trong cái mùa xuân các trường học mở cửa lại đó. Những cuốn sách do chế độ moudjahed và taleb xuất bản không thể dùng được nữa, trẻ con lớp dự bị học vần chữ cái theo cách như sau: “D như trong Djlihah, mục đích của chúng ta trên cuộc đời này, I như trong Israel, kẻ thù của chúng ta, K như trong

Kalachnikov, chúng ta sẽ thắng, M như trong Moudjahidin, những người anh hùng của chúng ta, S như trong...” Ngay cả trong các sách toán, chiến tranh cũng đóng một vai trò trung tâm. Học sinh nam – bọn taliban không làm sách cho con gái – không đếm bằng trái táo và bánh ga-tô, mà bằng đạn và tiểu liên kalachnikov. Các bài tập có thể theo cách như sau: “Thằng bé Omar có một khẩu kalachnikov với ba băng đạn. Trong mỗi băng có hai mươi viên đạn. Nó đã bắn hết hai phần ba số đạn và giết chết sáu mươi tên ngoại đạo. Hỏi mỗi viên đạn nó giết được mấy tên ngoại đạo.”

Các sách giáo khoa thời cộng sản cũng không dùng được, các tính toán đều nhằm toàn vào chuyện chia đất đai và truyền bá tư tưởng bình quân. Cờ đỏ và nông dân nông trường tập thể vui tươi

có nhiệm vụ qui tụ đám trẻ con vào chủ nghĩa cộng sản.

Sultan muốn quay lại với các sách thời Zaher Shad, vị vua đã trị vì suốt bốn mươi năm tương đối yên bình cho đến khi bị lật đổ vào năm 1973. Ông đã tìm lại được những cuốn sách cũ ông có thể in lại, những cuốn sách toán trong đó một cộng với một là hai và sách lịch sử không có bất cứ nội dung hệ tư tưởng nào ngoài một ít lòng yêu nước trong trắng.

Chính UNESCO sẽ tài trợ cho các sách giáo khoa mới của đất nước. Là một trong những người làm xuất bản lớn nhất ở Kaboul, Sultan đã gặp các đại diện của tổ chức này và, sau khi di Lahore về, ông sẽ trình cho họ một đề nghị. Trên một tờ giấy nằm trong túi áo vét, ông đã ghi rõ số trang và khổ in một trăm mười ba cuốn sách giáo khoa. Ngân sách lên

đến hai triệu đô la. ở Lahore ông sẽ xác định xem nhà in nào có thể nhận in với giá cạnh tranh tốt nhất. Sau đó, ông sẽ trở về Kaboul chiến đấu để có được cái hợp đồng bằng vàng nọ. Lấy làm thỏa mãn, Sultan tính nhẩm số phần trăm ông có thể trích ra được từ món hai triệu ấy. Ông tự hứa sẽ không quá tham lam. Trong khi những cánh đồng và đồng bằng chạy dài hai bên con đường chính nối Kaboul với Calcutta, ông nghĩ nếu đạt được bản hợp đồng này, thì trong khoảng thời gian giữa lúc tái bản sách cũ và in những cuốn sách mới, ông sẽ có được việc làm bảo đảm suốt nhiều năm. Càng gần đến Lahore, trời càng nóng. Trong chiếc áo vét làm bằng len búa ở vùng cao Afganistan, Sultan toát mồ hôi. Ông vuốt bàn tay lên đầu chỉ còn vài sợi tóc, và lau mặt bằng một chiếc mù soa.

Ngoài tờ giấy ghi một trăm mười ba cuốn sách giáo khoa, Sultan còn mang theo những tác phẩm ông định in riêng cho ông. Thị trường sách đọc bằng tiếng Anh rất rộng rãi từ khi đám nhà báo, đám nhân viên của các tổ chức cứu trợ nhân đạo đổ đến Afganistan. Sultan không mua sách ở các nhà xuất bản ngoại quốc, ông tự in lấy.

Pakistan là thiên đường của nghề xuất bản lậu. ở đây chẳng có kiểm soát nào hết và hầu như chẳng hề có chuyện tôn trọng quyền tác giả và quyền tái bản. Sultan bán giá hai mươi đến ba mươi đô la những bản sách ông in giá một đô la. Ông đã in nhiều lần cuốn sách bán chạy nhất Cái bóng của bọn taliban của Ahmeh Rashid. Cuốn sách ưa thích của lính ngoại quốc là *My hidden war*, ký sự của một phóng viên Nga về cuộc chiếm

đóng tai họa Afganistan từ năm 1979 đến năm 1989. Thực tế thời kỳ đó hoàn toàn khác với bây giờ, khi các lực lượng giữ gìn hòa bình tuần tra Kaboul và thỉnh thoảng dừng lại ở hiệu sách của Sultan mua các tấm bưu thiếp và các cuốn sách cũ về chiến tranh.

Xe buýt đã đến bến Lahore. Cái nóng đổ ập lên người ông. Bến xe đông nghịt người. Là kinh đô văn hóa và nghệ thuật của Pakistan, Lahore là một thành phố sôi nổi, bị ô nhiễm và khiến người ta hoang mang. Nằm giữa một đồng bằng, chẳng có chướng ngại phòng thủ tự nhiên nào, nó đã bị đánh chiếm, tàn phá và khôi phục, nhưng trong thời gian giữa các cuộc tàn phá và tái thiết, các lãnh chúa thường mời các nhà thơ và các nhà văn lớn nhất đến trú ngụ ở đây. Lahore trở thành thành phố của nghệ thuật

và sách, dầu các lâu đài họ được mời đến ở không ngừng bị san bằng.

Sultan mê các chợ sách ở Lahore, ở đây ông tiến hành nhiều cuộc giao dịch tuyệt vời. Ông ít khi xúc động đến vậy như lúc đứng trước những bản sách quý giữa một phiên chợ lấm bụi và tậu được chúng chỉ bằng giá một mẩu bánh mì. Có tới tám đến chín nghìn đầu sách, Sultan coi mình là người đứng đầu bộ sưu tập các sách về Afganistan lớn nhất thế giới. Ông quan tâm đến mọi thứ, đến lịch sử và các huyền thoại xưa, các tiểu thuyết và các tiểu sử, các công trình phân tích chính trị mới đây, cũng như các bộ bách khoa và sách tra cứu. Khuôn mặt ông sáng bừng lên mỗi khi ông nhìn thấy một cuốn sách ông chưa có hay ông không biết là từng có.

Tuy nhiên hôm nay ông không có thì giờ rảo qua các chợ. Ông thức dậy từ sáng sớm, thay bộ đồ sạch, xén chòm râu và đội chiếc mũ đầu. Ông đang đứng trước một sứ mệnh thiên liêng: in những cuốn sách giáo khoa cho trẻ em Afganistan. Ông đi đến nhà in quen thuộc của ông, ở đây ông gặp Talha. Anh chàng trai trẻ này là một người thợ in thuộc thế hệ thứ ba, nhưng anh ta chỉ tỏ ra quan tâm vừa phải đến dự án của Sultan, đơn giản là vì nó quá to tát. Anh mời Sultan một cốc trà pha sữa đậm, lau mồm và ra vẻ lo lắng.

– Tôi cũng rất muốn tham gia một phần, nhưng đến những một trăm mười ba đầu sách! Phải mất một năm mới in xong.

Thời hạn Sultan đề nghị là hai tháng. Trong tiếng máy vang ầm ầm qua những

bức tường mỏng của căn phòng, ông cố thuyết phục Talha gác lại các công việc khác.

– Không thể được, Talha trả lời.

Quả Sultan là một khách hàng quan trọng và in sách giáo khoa cho trẻ em Afganistan chắc chắn là một sứ mệnh thiêng liêng, nhưng anh ta còn có những việc khác phải làm. Tuy nhiên anh ta vẫn làm một bảng dự toán và tính sách có thể in với giá cạnh tranh bốn trăm đồng một bản. Giá cả tùy thuộc chất lượng giấy, màu và kiểu đóng. Talha tính giá cho mỗi loại và mỗi khổ sách và lập một bảng kê dài. Sultan nheo mắt. Ông tính nhẩm bằng đồng ru pi, đô la, ngày và tuần. Ông đã nói hơi quá về thời hạn để giục Talha làm nhanh và gác các sách của bạn hàng khác lại.

– Hai tháng, nhớ đấy nhé. Nếu anh không làm đúng thời hạn, anh sẽ làm tôi phá sản đấy, hiểu không?

Những thương thảo đầu tiên ấy đã xong, bây giờ ông nhắc đến các cuốn sách mới của hiệu sách Sultan. Một lần nữa, họ lại bàn cãi về giá cả, chất lượng và thời hạn. Các tác phẩm Sultan mang đến được in trực tiếp theo bản gốc. Các trang được gỡ rời ra rồi chụp lại. Những người thợ in áp chúng trên những miếng kim loại lớn. Nếu là in các bưu ảnh hay các bìa sách có màu, họ đổ lên tấm kim loại một hỗn hợp kẽm trước khi đem phơi ra ánh sáng để mặt trời làm cho các màu hiện lên. Khi một trang in có nhiều màu, các tấm kim loại được lần lượt phơi ra hết tấm này đến tấm khác. Sau đó, tấm kim loại được đặt dưới một máy ép. Tất cả qui trình đó được làm

trên những chiếc máy cổ bán tự động. Một người thợ đưa giấy vào máy, một người khác quỳ ở đầu bên kia và đỡ lấy tờ giấy ra. ở cuối xưởng oang oang tiếng ra đi ô tường thuật một trận đấu cricket giữa Pakistan và Sri Lanka. Trên tường những tấm ảnh vĩnh cửu in hình Mecca và trên trần một chiếc đèn dầu hỏa chứa đầy xác ruồi. Từng dòng a-xít màu chảy trên nền nhà và đổ vào các cống.

Sau khi đi vòng quanh xưởng, Sultan và Talha ngồi lại để thảo luận về bìa sách. Sultan đã chọn các mẫu từ các tấm bưu ảnh của ông và các bản quy tắc ngữ pháp có những đường viền mà ông thấy đẹp, và họ dàn trang. Trong năm phút, họ đã có được sáu bìa sách.

Trong một góc nhiều người đàn ông đang ngồi uống trà, đây là những người Pakistan làm nghề xuất bản và nghề

in, tất cả đều đang làm ăn trên chợ đen giống như Sultan. Họ chào nhau, nhắc đến những tin tức mới nhất ở Afganistan, bên đó Hamid Karzaù đang lưỡng lự giữa nhiều thống lĩnh chiến tranh, trong khi các nhóm lính Al-Qaida tấn công miền đông của đất nước. Các lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ đến giúp người Afganistan và đánh mìn các hang động trên biên giới Pakistan. Một trong những người ngồi trên tấm thảm lấy làm tiếc rằng taliban đã bị đánh đuổi khỏi Afganistan.

– Chúng tôi rất cần có taliban cầm quyền ở đây, tại Pakistan, để mà dọn dẹp mọi thứ.

– Anh có thể nói như thế là vì anh chưa phải chịu đựng ách thống trị của chúng. Pakistan sẽ sụp đổ nếu taliban nắm được chính quyền, đừng có mà nghĩ

lung tung, Sultan nổi giận. Hãy hình dung: tất cả các áp-phích quảng cáo đều biến mất hết, chỉ riêng mỗi con đường này thôi đã có đến hàng nghìn. Các sách có hình minh họa đều bị đốt, cũng như các tư liệu điện ảnh và âm nhạc của Pakistan, nhạc cụ bị đập phá. Anh sẽ không bao giờ được nghe nữa nhạc, không bao giờ được nhảy múa. Tất cả các quán cà phê tự động đều bị đóng cửa, màn hình thì đen kịt và tivi bị tịch thu, ra đi ô chỉ phát các chương trình tôn giáo. Con gái không được đến trường, phụ nữ bị đuổi việc và phải ở nhà. Lúc đó Pakistan sẽ trở thành cái gì đây? Sẽ mất hàng trăm nghìn việc làm và sẽ suy thoái nghiêm trọng. Và những người mất việc sẽ ra sao bởi vì Pakistan không còn là một đất nước hiện đại? Có thể họ sẽ trở thành chiến binh chăng? Sultan hăng lên hỏi.

Người kia nhún vai.

– Đồng ý, đồng ý, có thể không phải là tất cả đám taliban, chỉ vài người thôi.

Chính Talha đã ủng hộ taliban khi in lại các bài văn đả kích của họ. Suốt hai năm, anh ta cũng đã bảo đảm việc in hai trong số các sách giáo khoa về đạo Hồi của họ. Trong một thời gian, anh đã giúp họ lập nhà in của chính họ ở Kaboul. Anh mua hạ giá được một nhà in từ ý nhập sang và bán rẻ lại cho taliban. Anh cũng cung cấp cho họ giấy và các phương tiện kỹ thuật. Cũng như phần đông người Pakistan, anh cảm thấy yên ổn hơn khi nước láng giềng do người pachtoun cai trị.

– Anh chẳng có gì phải ngại ngần cả, anh có thể in sách cho quý sứ, Sultan trên anh ta, bây giờ ông đã vui sau khi đã

bày tỏ mạnh mẽ sự khinh bỉ của ông đối với bọn taliban.

Talha có lúng túng đôi chút nhưng vẫn giữ vững lập trường của mình.

– Taliban không mâu thuẫn với nền văn hóa của chúng ta. Họ tuân thủ kinh Coran, Đấng Tiên Tri và các truyền thống của chúng ta. Tôi không bao giờ in bất cứ cái gì chống lại đạo Hồi.

– Như cái gì chẳng hạn? Sultan hỏi, vừa cười.

– Chẳng hạn Các vần thơ quý sứ hay một cái gì đó của Shalman Rushdie. Cầu Allah phái một người nào đó đến nhà hấn ta.

Nhắc đến Các vần thơ quý sứ, cuốn sách chưa ai trong số họ được đọc, khiến cho câu chuyện thêm rôm rả.

– Hãn phải bị giết đi. Nhưng lần nào hãn cũng thoát. Tất cả những người in sách của hãn hay giúp đỡ hãn cũng phải bị giết chết, Talha bảo. Có cho tôi tất cả vàng trên thế gian này, tôi cũng sẽ không in sách của hãn. Hãn đã bôi nhọ đạo Hồi.

– Hãn xúc phạm và chửi bới chúng ta quá thể, hãn đã đâm chúng ta bằng những con dao găm bén nhọn. Thế nào rồi hãn cũng phải đền mạng, một người nói tiếp.

Sultan đồng tình:

– Hãn cố hủy hoại tâm hồn chúng ta và phải ngăn chặn hãn lại trước khi hãn lôi kéo được những người khác. Ngay những người cộng sản cũng không cố tình làm hại chúng ta đến mức ấy, dẫu sao họ cũng có sự tôn trọng nhất định và không bôi nhọ tôn giáo của chúng ta. Và

tất cả cái thứ rác rưởi đó lại từ mồm một kẻ tự xưng là Hồi giáo!

Mọi người im lặng, cứ như họ không sao ngoi lên được khỏi cái bóng tối mà Rushdie đã ném họ vào đó.

– Thế nào rồi cũng tóm được hắn, Inch Allah, nếu Allah muốn thế, Talha kết luận.

Những ngày tiếp sau, Sultan đi vòng tất cả các nhà in ở Lahore ông có thể đến, trong các sân sau, các tầng hầm và các lối đi. Để đảm bảo có được nhiều sách, ông phải rải chúng ra khoảng chục nhà in. Ông giải thích dự án, nhận được những đề nghị, ghi chép và cân nhắc. Khi có đề xuất đáng chú ý, đôi mắt ông hơi nheo lại và môi trên của ông hơi nhếch lên và, rất nhanh, ông tính nhẩm ra món lãi. Sau hai tuần, ông đã đặt in hết tất cả các sách

giáo khoa. Ông hứa sẽ báo tin cho các nhà in.

Cuối cùng, ông có thể trở về Kaboul. Lần này ông không phải khốn khổ cưỡi ngựa để đi qua biên giới. Chỉ khi đi vào Pakistan người Afganistan mới gặp khó khăn, đi theo chiều ngược lại chẳng hề có kiểm soát hộ chiếu nào hết và ông hàng sách có thể tự do rời khỏi đất nước này.

Sultan đi một chiếc xe buýt cũ lọc cọc trên những con đường mòn từ Jalalabad về Kaboul. Một bên đường, những tảng đá lớn cứ muốn rơi xuống vực. Ở một chỗ, thấy hai chiếc xe ca lộn ngược và chiếc cam nhông chuồi ra khỏi mặt đường. Người ta mang đi những thi thể. Trong số đó, có hai cậu bé. Ông đọc một lời cầu nguyện cho linh hồn chúng và một nữa cho chính ông.

Không chỉ có các tai nạn và các vụ đổ núi thường xuyên khiến cho con đường này rất nguy hiểm, nó cũng nổi tiếng vì là con đường có nhiều hoạt động bất hợp pháp nhất Afganistan. ở đây, các nhà báo ngoại quốc, các nhân viên tổ chức nhân đạo và cả người Afganistan đã phải trả mạng sống của họ khi gặp bọn cướp. Ngay sau khi taliban sụp đổ, bốn nhà báo đã bị giết hại; họ bị tra tấn trước khi bị bắn một phát đạn vào đầu. Người lái xe sống sót vì đã khai là theo đạo Hồi. Rồi một chiếc xe ca Afganistan bị chặn lại, tất cả những người đã cạo râu đều bị cắt tai và mũi. Bằng cách ấy bọn cướp chứng tỏ chúng mong muốn đất nước này phải có một chế độ như thế nào.

Sultan đọc một lời cầu nguyện ở chỗ các nhà báo đã bị sát hại. Để cho an toàn, ông đã giữ bộ râu và mặc quần áo truyền

thống, chỉ chiếc khăn quấn đầu được thay bằng một chiếc mũ đầu nhỏ hình tròn.

Kaboul đã gần. Hẳn là Sonya đã giận ông lắm, ông mỉm cười tự nhủ. Ông đã hứa sẽ trở về trong một tuần. Đúng là ông đã giải thích cho cô không thể đi Peshawar và Lahore chỉ một tuần, nhưng cô nào có chịu nghe.

– Vậy thì em sẽ không uống sữa đầu, cô dọa.

Sultan cười thầm. Ông vui vì sắp được gặp lại cô. Cô không thích uống sữa, nhưng vì cô còn cho Lafita bú, Sultan ép cô mỗi buổi sáng phải uống một ly. Cái ly sữa đó đã trở thành phương tiện gây sức ép của Sonya.

Cô cảm thấy nhớ Sultan vô cùng khi

ông vắng nhà. Các thành viên khác trong gia đình tỏ ra khó chịu hơn khi vắng ông. Lúc đó cô mất đi cương vị tối cao trong nhà và chỉ còn là một cô gái đã tình cờ rơi vào gia đình họ. Những người khác nắm lấy quyền hành và làm bất cứ việc gì họ muốn. Họ gọi cô là “cô nhà quê”, chê cô “ngu như lừa”, song dẫu sao cũng không đi xa hơn nữa, vì cô sẽ mách lại với Sultan, và họ không muốn hứng chịu sấm sét của ông.

Sultan cũng nhớ Sonya. Như chưa bao giờ ông thấy nhớ Sharifa đến thế. Đôi khi ông tự bảo Sonya quá trẻ đối với ông, cô như một đứa con, mà ông phải chăm sóc, bắt phải uống sữa, làm cho ngạc nhiên khi tặng cô những món quà nhỏ.

Ông nghĩ đến sự khác nhau giữa hai người vợ. Khi ông sống với Sharifa, chính

bà lo liệu tất cả, bà nhớ các cuộc hẹn, bà tổ chức, chuẩn bị mọi thứ. Sharifa bao giờ cũng nghĩ trước hết đến Sultan, đến cái ông cần hay ông muốn. Sonya sẵn sàng làm những gì người ta đòi hỏi cô nhưng rất ít khi tự mình nghĩ ra trước. Dẫu sao cũng có một điều ông không thể chấp nhận: sự khác biệt hoàn toàn về nhịp độ giữa họ. Sultan dậy từ năm giờ để làm lễ cầu kinh fajr, lễ cầu kinh duy nhất ông tuân thủ. Trong khi Sharifa bao giờ cũng thức dậy cùng ông để đun nước, pha trà và chuẩn bị quần áo sạch, thì Sonya, như một đứa bé, không thể nào kéo cô ra khỏi giường.

Có lúc Sultan tự nhủ chính ông quá già đối với cô, ông không xứng với cô, nhưng bao giờ cuối cùng ông cũng nghĩ cô sẽ không thể nào tìm được một người chồng tốt hơn ông. Không bao giờ cô sẽ

có được một mức sống như cô đang có hôm nay nếu cô cưới một ai đó bằng tuổi cô, anh ta sẽ nghèo, bởi vì tất cả bọn con trai trong làng cô đều nghèo. Chúng ta sẽ còn có cùng nhau mười, hai mươi năm nữa, ông nghĩ, sự thỏa mãn hiện lên trên khuôn mặt ông thành một thoáng mỉm cười. Ông cảm thấy may mắn và hạnh phúc. Sultan cười một mình. Người ông hơi rung lên. Ông đang đến gần Microy-an và người đàn bà-trẻ con ngon lành nọ.

6. Em có muốn anh phải buồn không?

Buổi tiệc đã tàn. Nền nhà rải đầy xương cừu và xương gà. Cơm dính trên thảm giữa những vết nước sốt trộn ớt và những vũng nước sữa chua trắng. Những mẩu bánh mì và vỏ cam rải ra lung tung khiến người ta nghĩ chắc chúng đã được ném vãi ra vào cuối bữa ăn.

Ba người đàn ông và một người đàn

bà ngồi trên những chiếc gối đặt dọc theo tường và ở góc nhà cạnh cửa ra vào hai người đàn bà ngồi nép vào nhau, họ không tham dự bữa ăn và dưới những chiếc khăn quàng cái nhìn của họ cố định một chỗ, không bao giờ tiếp xúc với bất cứ ai.

Bốn người ngồi dọc tường chậm rãi nhấm trà, trầm ngâm, như đang mệt mỏi. Mọi người đã đồng ý về phần chủ yếu và các quyết định đã xong. Wakil sẽ lấy Shakila và Rasul lấy Bulbula. Chỉ còn phải xác định giá cả các cô dâu và các ngày cưới.

Quanh ấm trà và kẹo hạnh ngào đường, người ta rao giá Shakila là một trăm đô la, còn Bulbula thì cho không. Wakil đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cần thiết, ông lấy tờ bạc trong túi ra và đưa cho Sultan, ông này cầm lấy món tiền của cô em

gái một cách ngạo nghễ, gần như chẳng thèm quan tâm, món tiền có được chẳng phải là lạ lùng gì. Về phần mình, Rasul nhẹ nhõm, lẽ ra ông phải mất nhiều năm để gom góp đủ số tiền cần thiết cho cô dâu và lễ cưới. Sultan bằng lòng vừa phải cho các cô em gái của mình: quá kén chọn, các cô đã để lỡ nhiều đám tốt và mất nhiều năm. Mười lăm năm trước, các cô đã có thể có được các ông chồng trẻ và giàu.

– Các cô đã quá làm cao mà.

Không phải Sultan mà là người phụ nữ trong ghế ngồi danh dự, Bibi Gul, mẹ ông, đã quyết định số phận của họ. Bây giờ, bà lấy làm hài lòng, bà ngồi trên nền nhà hai chân xếp bằng, người lắc lư. Hai bàn tay đặt nặng trên đầu gối, bà cười, vui vẻ. Hình như bà không nghe mọi người trò chuyện nữa. Chính bà đã được gả

chồng lúc mười một tuổi, lấy một người đàn ông lớn hơn bà hai mươi tuổi. Bà đã bị đem cho trong khuôn khổ một giao ước hôn nhân giữa hai gia đình. Bố mẹ bà đã hỏi một trong các cô con gái của người láng giềng cho người anh trai bà nhưng gia đình ấy đã đặt điều kiện phải lấy được Bibi Gul cho người con trai cả của họ, độc thân, anh ta đã nhìn thấy bà ở sân sau.

Một cuộc hôn nhân dài, ba cuộc chiến tranh, năm lần đảo chính và về sau mười ba lần sinh nở, cuối cùng người đàn bà góa đã bỏ quên hai người con gái gần cuối của mình. Bà đã giữ hai cô lại rất lâu, cả hai cô đều đã quá ba mươi và không còn có giá trị thật sự trên thị trường hôn nhân. Những người chồng tương lai của họ đã quá cũ mòn. Người đàn ông tối nay rời căn nhà với tư cách

là chồng Shakila là một người góa vợ đã năm mươi tuổi, cha của mười đứa con. Người chồng chưa cưới của Bulbula cũng góa vợ nhưng không có con.

Nếu nhiều người thấy Bibi Gul đã không công bằng với các cô con gái của bà, thì bà lại có những lý do để giữ các cô lại lâu như vậy. Bà mô tả một trong hai cô, Bulbula, là đầu óc kém cỏi và hầu như vô dụng. Điều đó, Bibi Gul nói to, chẳng hề lúng túng chút nào, ngay khi có mặt cô con gái bà. Bulbula có một bàn tay bị liệt, khó cử động và một bàn chân khiến cô đi khắp khiêng.

– Nó không bao giờ có thể chăm lo được cho một gia đình lớn, mẹ cô ta bảo vậy.

Sáu tuổi, Bulbula đột ngột ngã ốm. Cô khỏi bệnh, nhưng từ đó cử động khó

khăn. Anh trai cô khẳng định đó là bệnh viêm tủy xám, thầy thuốc thì chẳng hiểu ra sao cả, còn Bibi Gul thì nghĩ đó là do u sầu. Điều duy nhất bà biết là Bulbula đã mắc bệnh do nỗi buồn của cô khi thấy bố bị bỏ tù. Ông ấy bị bắt và bị kết tội đã ăn cắp trong nhà kho nơi ông làm việc. Bibi Gul khẳng định ông vô tội. Vài tháng sau ông được thả ra, nhưng Bulbula không bao giờ hồi phục được sức khoẻ hoàn toàn nữa.

– Nó đã chịu án cái án của cha nó, bà mẹ bảo.

Bulbula không bao giờ trở lại nhà trường, bởi vì, theo lời bố mẹ cô, căn bệnh cũng đã ảnh hưởng đến não cô và đầu óc cô chẳng được sáng sủa. Suốt tuổi thơ, Bulbula chỉ bám váy mẹ. Quả là căn bệnh bí hiểm đó đã miễn cho cô bao nhiêu nhiệm vụ, nhưng như thế thì cũng

như là cô đã đánh mất cuộc đời. Chẳng ai chú ý đến Bulbula, chẳng ai chơi với cô, chẳng ai nhờ cô việc gì.

Nhiều người biết phải nói với Bulbula chuyện gì. Người đàn bà ba mươi tuổi đó đã khoác một bộ áo giáp lười biếng, cứ như là cô ta kéo lê mình qua cuộc đời hay bên ngoài cuộc đời. Đôi mắt cô to và trống rỗng và suốt ngày miệng há ra, môi dưới trễ xuống, lúc nào cũng ngái ngủ. Trong trường hợp khá nhất, cô theo dõi câu chuyện của những người khác, nhưng cả lúc này nữa, cũng chẳng hề hăng hái. Bibi Gul nghĩ rằng suốt cuộc đời còn lại Bulbula sẽ chỉ lang thang trong căn nhà và ngủ cạnh bà, nhưng một sự kiện đã khiến bà thay đổi ý kiến.

Một hôm Bibi Gul, đi thăm một người chị trong làng, dắt theo Bulbula và gọi một chiếc taxi. Bà vẫn có thói quen

đi bộ đến đó, nhưng những năm gần đây bà đã trở nên nặng nề đến mức hai đầu gối rã ra và bà không còn đủ can đảm đi được vài kilômét đến làng. Cái đói hồi tuổi thơ, nghèo khó và lao động trong những năm còn trẻ đi làm dâu đã làm phát triển ở bà thói bị ám ảnh vì thức ăn – bà không thể ngừng ăn trước khi tất cả bát đĩa đã sạch trơn.

Người lái xe dừng lại để rước cái burkha to sù và cô con gái của bà ta là một người anh em họ xa, anh chàng Rasul hiền lành, đã mất vợ khi bà ấy sinh đẻ.

– Anh có tìm được cô vợ mới nào chưa? Bibi Gul hỏi.

– Chưa.

– Tiếc quá. Inch Allah – nếu Allah muốn, nay mai anh sẽ tìm được một cô,

Bibil Gul bảo, trước khi kể những tin tức mới nhất trong gia đình mình, các con trai, con gái và các cháu bà.

Rasul đã hiểu được ngụ ý của bà. Vài tuần sau, người chị của ông đến hỏi Bulbula. Bibi Gul nghĩ rằng dần dần rồi Bulbula sẽ đủ khả năng làm vợ Rasul. Bà nhận lời không hề do dự, một điều hết sức khác thường. Đồng ý gả ngay con gái có nghĩa là nó “chẳng ra gì”, tổng được nó đi là may. Chờ đợi và do dự làm tăng giá cô gái, gia đình người con trai phải đi lại nhiều lần, van nài, thuyết phục và quà cáp. Trong trường hợp Bulbula, chẳng phải vận động gì nhiều và được miễn quà cáp.

Trong khi Bulbula nhìn vào khoảng trống không, cứ như cuộc nói chuyện không liên quan gì đến mình, thì cô em gái Shakila của cô lại chong ta lắng nghe.

Họ hết sức khác nhau. Shakila linh hoạt và ôn ào, cô là trung tâm chú ý trong gia đình. Cô ham sống, đã đẹp và béo ra, đúng theo tiêu chuẩn Afganistan.

Suốt mười lăm năm qua, từ tuổi trưởng thành rực rỡ của Shakila cho đến ngày hôm nay khi cô ngồi trong một góc phòng sau lò sưởi và lắng lẽ lắng nghe mẹ và anh trai thương lượng cuộc mua bán, những người cầu hôn đã chen nhau đến hỏi cô làm vợ.

Shakila đã phát biểu những đòi hỏi chặt chẽ về người cầu hôn. Khi mẹ họ đến gặp bà, Bibi Gul không như thường lệ hỏi xem họ có giàu không.

– Bà có cho phép nó được tiếp tục đi học không?

– Không, người ta trả lời dứt khoát,

và thế là chẳng còn có chuyện cưới xin gì nữa.

Shakila muốn được đến trường và học tập, nhưng chẳng người cầu hôn nào thấy cưới một người vợ có học, hay cự nự thì lợi ích cái nổi gì. Nhiều khi, chính họ cũng mù chữ. Shakila học hành đến nơi đến chốn và trở thành giáo viên toán học và sinh học. Khi có những bà mẹ khác đến xin hỏi cô Shakila xinh đẹp cho con trai của họ, Bibi Gul hỏi:

– Nó có được phép tiếp tục làm việc không? Không, họ không muốn. Và cô thành độc thân.

Shakila có được chân giáo viên đầu tiên của mình vào thời kỳ chiến tranh chống Liên Xô đang ác liệt. Buổi sáng nào cũng vậy, cô chạy lon ton, giày cao gót và váy ngắn, đứng theo một những

năm tám mươi, đến tận làng Deh Khudadaud, ở cửa ngõ Kaboul. Chẳng có đạn cũng chẳng có lựu đạn, cái duy nhất bùng nổ trong lòng Shakila là tình yêu của cô.

Buồn thay, Mamoud đã có vợ, một cuộc hôn nhân được sắp đặt và không hạnh phúc. Anh ta lớn hơn cô vài tuổi và là cha của ba đứa con. Giữa hai người đồng nghiệp, cú sét đánh nổ ra tức thời. Họ giấu diếm tình cảm của mình và trốn trong những chỗ không ai có thể nhìn thấy được họ, hay gọi điện thoại cho nhau để thăm thì những lời yêu đương. Họ không bao giờ gặp nhau ở đâu khác ngoài nhà trường. Trong một lần hò hẹn bí mật, họ lập một kế hoạch để có thể lấy được nhau. Mahmoud sẽ lấy Shakila làm vợ hai.

Tuy nhiên, Mamoud quả là không thể đến gặp bố mẹ Shakila và xin hỏi cô. Anh phải xin mẹ hay chị anh đến hỏi thay anh.

– Họ không bao giờ đồng ý đâu.,

– Và bố mẹ em không bao giờ nhận lời, Shakila thở dài.

Mahmoud cho rằng chỉ có Shakila biết cách thuyết phục mẹ anh đến gặp gia đình Khan để xin cưới cô. Anh đề nghị cô giả điên và tuyệt vọng và dọa sẽ tự vẫn nếu không lấy được anh. Cô phải quỳ phục xuống chân bố mẹ và nói rằng tình yêu dày vò cô, lúc đó bố mẹ cô sẽ đồng ý. Để cứu sống cuộc đời họ.

Tuy nhiên Shakila không đủ can đảm kêu thét và Mahmoud không dám yêu cầu những người phụ nữ trong gia đình

mình đến nhà cô. Shakila hoài công nói với mẹ tình cảm của mình, nhưng bao giờ Bibi Gul cũng tưởng là cô nói đùa. Dẫu sao bà đã chọn cách coi là chuyện đùa việc Shakila muốn lấy một người đồng nghiệp đã có ba con.

Suốt bốn năm, Mahmoud và Shakila tiếp tục gặp nhau ở trường và mơ mộng; cho đến khi Mahmoud được thăng chức và phải chuyển trường. Anh không thể từ chối việc thăng cấp ấy và từ đó họ chỉ còn liên lạc điện thoại với nhau. Shakila vô cùng đau khổ và nhớ người yêu, nhưng không ai có thể nhận ra điều đó. Yêu một người mình không thể nào lấy được là điều đáng hổ thẹn.

Rồi đến nội chiến, nhà trường đóng cửa và Shakila lưu vong sang Pakistan. Sau bốn năm chiến tranh, bọn taliban đến và tên lửa đã im tiếng và hòa bình

trở lại ở Kaboul, ngôi trường nơi cô làm việc không được mở lại. Trường học dành cho con gái vẫn đóng cửa và, cũng như tất cả phụ nữ Kaboul, trong vài ngày Shakila mất hết khả năng tìm được một chỗ làm khác. Cùng với cô, hai phần ba giáo viên ở Kaboul đã biến mất. Nhiều trường học dành cho con trai cũng phải đóng cửa vì ở đó cũng dùng phụ nữ. Việc thiếu các giáo viên nam giới có trình độ khiến chúng không thể mở cửa được.

Năm tháng trôi qua. Những dấu hiệu nhỏ nhoi của Mahmoud đã hoàn toàn biến mất vì đường dây điện thoại bị cắt trong nội chiến. Shakila ở nhà cùng với những người phụ nữ trong gia đình. Cô không thể làm việc, cô không thể ra đường một mình, cô phải trùm khăn kín người. Khi cô ba mươi tuổi, những người cầu hôn không đến nữa.

Một hôm, khi bọn taliban đã nhốt Shakila trong cái nhà tù gia đình này suốt gần năm năm, người chị gái của Wakil, một người anh em họ xa đến gặp Bibi Gul xin hỏi cô.

Vợ cậu ấy đã chết đột ngột. Bọn trẻ con cần có một người mẹ. Cậu ấy tốt nết, cậu ấy có một ít tiền. Cậu ấy chưa bao giờ đi lính, cậu ấy chưa bao giờ làm điều gì bất hợp pháp, cậu ấy đứng đắn và khoẻ mạnh, bà chị của Wakil kể, trước khi nói tiếp thì thào. Đột ngột vợ cậu ấy phát điên và chết. Cô ấy nói nhảm và không nhận ra ai trong nhà nữa. Thật kinh khủng đối với bọn trẻ...

Phải tìm gấp một người vợ mới cho người bố của mười đứa con đó. Bây giờ, những đứa lớn chăm những đứa bé, nhưng nhà cửa tanh bành cả ra. Bibi Gul trả lời rằng bà sẽ suy nghĩ và sẽ hỏi han

bạn bè và họ hàng để tìm hiểu về người đàn ông đó. Bà kết luận rằng anh ta chăm làm và đứng đắn.

Vả chẳng không nên để lâu quá nếu Shakila muốn có những đứa con của chính mình.

Việc nó phải rời ngôi nhà này đã được in khắc trên trán nó rồi, Bibi Gul kể cho những người muốn nghe chuyện bà.

Vì bọn taliban cấm phụ nữ làm việc bất kể thế nào, nên bà không hỏi họ có để cho Shakila làm việc không.

Bà yêu cầu Wakil phải tự đến. Nói chung, hôn nhân là do bố mẹ hai bên thỏa thuận, nhưng vì người đàn ông này đã gần ngũ tuần, Bibi Gul muốn nhìn thấy mặt anh ta. Wakil làm nghề lái xe tải

và luôn đi xa. Nên anh ta lại phái người chị đến, rồi người anh trai, và lại người chị, mà chẳng lúc nào có được thời gian để tự mình đến, và việc hứa hôn cứ kéo dài mãi.

Rồi tới ngày 11 tháng Chín, và Sultan lại đưa các chị em và con cái của ông sang Pakistan, tránh bom mà ông đoán trước thế nào cũng sắp đổ xuống đây. Lúc đó Wakil đến.

– Chúng ta sẽ nói lại chuyện này khi mọi việc trở lại bình thường, Sultan tuyên bố.

Hai tháng sau, khi bọn taliban rời Kaboul, Wakil trở về. Các trường học vẫn chưa mở cửa và Bibi Gul không nghĩ đến chuyện hỏi anh ta có để cho Shakila làm việc không.

Từ trong góc cạnh lò sưởi, hai người đàn ông chào từ biệt và vội vã trong bóng tối. Chỉ còn lại hai người phụ nữ mà người ta đã gả chồng. Họ vẫn nhìn chăm chăm vào một chỗ. Họ cũng không nhìn những người đàn ông khi các ông từ biệt ra về. Bulbula khó nhọc đứng dậy và thở dài, thời khắc của cô còn chưa thật sự đến. Rasul có thể sẽ phải mất nhiều năm mới có được đủ tiền để tổ chức một lễ cưới. Chuyện đó dường như cô cũng mặc kệ. Cô vút vài mẩu củi vào lò sưởi. Không ai quấy rầy cô vì những câu hỏi, cô chỉ ngồi đó thế thôi, như mọi lần, rồi cô lê bước rời căn phòng, đi rửa bát đĩa và làm những công việc nội trợ cô được phân.

Shakila đỏ mặt lên khi tất cả những người chị em dồn vào cô.

– Chỉ còn ba tuần! Phải nhanh lên chứ.

– Tôi chẳng bao giờ sẵn sàng, cô than thở, dù vải may áo cưới đã được chọn và chỉ còn việc đưa cho thợ.

Còn phải lo toàn bộ đồ đoàn, vải vóc trong nhà, khăn trải bàn. Wakil góa vợ, anh đã có gần đủ mọi thứ, nhưng dầu sao cô dâu cũng phải mang về cái gì mới.

Shakila chỉ bằng lòng một nửa.

Anh ấy nhỏ người. Tôi thích những người đàn ông cao lớn, cô tâm sự với các cô chị em. Anh ấy hói và già anh ấy trẻ hơn vài tuổi, cô cần nhần. Và biết đâu anh ấy tỏ ra bạo ngược, không tốt, không cho tôi bước chân ra khỏi nhà.

Các cô chị em im lặng và nghĩ đến những điều đáng buồn đó.

Cứ hình dung anh ấy sẽ không cho tôi đi đây đi đó, sẽ đánh đập tôi.

Shakila và những người chị em gái của cô mỗi lúc càng bị quan về cuộc hôn nhân này; Bibi Gul bắt các cô phải câm miệng.

– Đây là một người chồng tốt đối với mày, Shakila, bà khẳng định.

Hai ngày sau cuộc đính hôn, Mariam, em gái của Shakila, mở tiệc tiếp khách nhân danh các cô dâu. Mariam hai mươi chín tuổi và đã lấy chồng lần thứ hai. Người chồng trước của cô đã bị giết trong nội chiến. Cô sắp sinh đứa con thứ năm.

Mariam đã bày bộ đồ ăn trên chiếc khăn dài đặt trên nền phòng khách. Shakila và Wakil ngồi ở đầu mút. Cuối

cùng, bây giờ họ mới ngồi cùng nhau không có mặt Sultan và Bibi Gul. Khi những người lớn tuổi hơn trong gia đình còn nhìn thấy họ, họ không được phép tiếp xúc gần nhau, nhưng lúc này, chỉ có các cô em gái, họ nói chuyện với nhau khe khẽ và chẳng mấy để ý đến những người khác, do tò mò đang cố nghe xem họ nói gì.

Giọng nói không đặc biệt thân mật. Phần lớn thời gian, Shakila vừa nói vừa nhìn lên khoảng không. Phong tục đòi hỏi cô không được có tiếp xúc nào bằng mắt với vị hôn phu của mình trước lễ cưới, còn anh thì cứ nhìn cô suốt.

– Anh nhớ em. Anh gần như không thể chờ đợi đến mười lăm ngày trước khi em là của anh.

Shakila đỏ mặt những lần giữ cái nhìn cố định.

– Đêm anh không ngủ được, anh đi nằm mà cứ nghĩ đến em – Không có phản ứng gì về phía Shakila – Nào, em nghĩ sao?

Shakila vẫn chỉ ăn.

– Hãy hình dung, khi chúng ta đã cưới nhau, anh đi làm về và em đã chuẩn bị bữa tối cho anh. Lúc nào em cũng ở nhà để chờ anh, Wakil mơ mộng, anh sẽ không bao giờ còn cô đơn nữa.

Shakila vẫn câm lặng trước khi lấy hết can đảm để hỏi xem cô có quyền được tiếp tục làm việc sau khi cưới không. Anh bảo có, nhưng cô không tin, anh có thể thay đổi ý kiến khi đã cưới. Anh đảm bảo với cô rằng nếu làm việc khiến cô

cảm thấy hạnh phúc, thì cô có thể làm. Ngoài việc chăm nom cho các con anh và ngôi nhà của anh.

Anh gỡ chiếc mũ chụp, chiếc mũ màu hạt dẻ của những người theo Ahmad Shad Massoud, vị thống lĩnh đã bị ám sát của Liên minh phương Bắc.

– Bây giờ trông anh thật xấu, Shakila trông tráo nhận xét. Anh chẳng có tóc.

Đến lượt Wakil thấy lúng túng. Anh không đáp lại lời xúc phạm của người vợ tương lai mà kéo câu chuyện sang một đề tài chắc chắn hơn. Shakila đã bỏ một ngày đi rao các cửa hàng Kaboul để sắm đồ cưới và quà cho tất cả họ hàng, của cô cũng như của Wakil. Wakil sẽ là người phân phối các quà đó, coi như là động tác của gia đình đã gả cô gái. Anh trả tiền, cô mua. Bát đĩa, khăn ăn, khăn

trải giường, khăn tay và vải may áo dài cho Wakil và Rasul. Cô đã hứa với Rasul, chồng chưa cưới của Bulbula, rằng anh ta có thể chọn màu. Cô kể những thứ cô mua và Wakil hỏi màu vải.

Một tấm màu hạt dẻ và một tấm màu xanh.

– Tấm nào của anh?

– Em không biết, phải để cho Rasul chọn đã.

– Sao?! Wakil kêu lên. Sao lại thế? Anh phải chọn trước chứ, anh là chồng em cơ mà!

– Đồng ý, Shakila trả lời. Anh có thể chọn trước. Nhưng cả hai tấm vải đều đẹp, cô nói thêm vừa nhìn ra trước mặt.

Wakil đốt một điếu thuốc.

– Em không thích khói, Shakila bảo. Em không thích những người đàn ông hút thuốc, cho nên nếu anh hút thuốc, em cũng không thích anh. Shakila cao giọng và mọi người đã nghe thấy lời nói xúc phạm của cô.

– Anh đã bắt đầu thì bây giờ khó mà dừng lại, Wakil lúng túng phản đối.

– Nghe mùi khó chịu lắm, Shakila nói tiếp.

– Em phải lễ độ.

Shakila im lặng.

– Em phải mặc áo choàng. Bốn phận của đàn bà là phải mặc burkha. Em cứ làm như em thích nhưng nếu em không muốn mặc burkha thì em sẽ làm anh buồn. Em có mong cho anh buồn không?

Wakil gần như đe dọa.

– Nhưng nếu Kaboul thay đổi và phụ nữ mặc theo kiểu tân thời, thì em cũng làm như họ.

– Em không nên mặc quần áo tân thời. Em có mong anh buồn không? Shakila không trả lời.

Wakil lấy những tấm ảnh chứng minh thư trong ví ra, ông nhìn rất lâu trước khi trao một chiếc cho Shakila.

– Chiếc này, của em đây, hãy giữ nó ở gần trái tim em.

Thản nhiên Shakila cầm lấy tấm ảnh một cách miễn cưỡng.

Wakil phải ra về. Đã sắp đến giờ giới nghiêm. Anh hỏi cô cần bao nhiêu tiền nữa cho các thứ còn phải mua. Cô trả

lời. Anh đếm, ước lượng số tiền, đưa cho cô mấy tờ giấy bạc, bỏ mấy tờ khác vào ví.

– Đã đủ chưa?

Shakila gật đầu. Họ chia tay nhau. Wakil ra về, Shakila nằm dài trên những chiếc gối màu đỏ. Cô thở dài nhẹ nhõm và ăn mấy miếng thịt cừu. Cô đã thành công trong cuộc thử nghiệm của anh ta, cô phải tỏ ra lạnh lùng và không kêu gọi cho đến khi họ cưới nhau. Đây là một dấu hiệu lễ độ đối với gia đình cô, sắp mất cô.

– Chị có thích anh ấy không?

– Ừ.

– Chị có yêu không?

– Hừm.

– “Hừm” nghĩa là sao?

– Nghĩa là “hừm”. Chẳng có cũng chẳng không. Giá anh ta trẻ hơn và đẹp trai hơn, cô nhú mũi lại.

Cô giống như một đứa bé thất vọng, được một con búp bê bằng vải rách thay vì một con biết nói mà nó mong ước.

– Bây giờ, chị chỉ buồn. Chị tiếc. Chị buồn vì sắp phải xa gia đình. Và nếu anh ấy không cho chị trở về thăm nhà, nếu anh ấy không để cho chị làm việc thì bây giờ chị còn biết làm gì. Và nếu anh ta nhất kén chị lại.

Trên nền đất ngọn nến cháy tí tách. Lần nữa, các cô lại có những ý nghĩ u ám. Cũng là hay khi có chúng trước đi.

7. Lối lên thiên đường bị cấm

Khi bọn taliban vào Kaboul tháng Chín năm 1996, đài phát thanh Charia truyền đi mười sáu nghị định. Một thời kỳ mới đã bắt đầu.

Cấm phụ nữ không được bỏ áo choàng.

Cấm lái xe không được chở những người phụ nữ không trùm burkha. Nếu vi phạm điều cấm này, họ sẽ bị bỏ tù. Nếu quan sát thấy những người phụ nữ như

thế ở ngoài đường, nhà họ sẽ bị khám và chồng họ sẽ bị phạt. Nếu họ mặc quần áo khôu gọi hay hấp dẫn mà không có một người họ hàng giới nam đi theo, thì cấm lái xe không được chở họ.

Cấm nhạc.

Các băng cát-xét và âm nhạc bị cấm trong các cửa hiệu, các khách sạn, các xe vận tải và xe kéo tay. Nếu tìm thấy một băng cát-xét trong một cửa hàng, người chủ sẽ bị bỏ tù và nhà hàng bị đóng cửa. Nếu tìm thấy một băng cát-xét trên một chiếc xe, xe sẽ bị tịch thu và người chủ bị bỏ tù.

Cấm đàn ông cạo râu.

Tất cả những người đàn ông có bộ râu đã cạo hay xén sẽ bị bỏ tù cho đến khi râu hăn mọc dài bằng một bàn tay.

Phải cầu nguyện.

Việc cầu nguyện là bắt buộc ở khắp nơi và được thực hiện vào những giờ cố định. Giờ giấc cầu nguyện sẽ được Bộ Tăng tiến Đức Hạnh và Ngăn Ngừa Thối Hư thông báo. Tất cả mọi vận chuyển bắt buộc phải dừng lại mười lăm phút trước giờ cầu nguyện. Nếu trông thấy những người trai trẻ trong các cửa hàng, họ sẽ bị bỏ tù tức khắc.

Cấm chơi chim bồ câu và đấu chim.

Các trò chơi này phải chấm dứt. Các con bồ câu và chim dùng trong các trò chơi này phải bị giết.

Loại trừ ma túy và những kẻ dùng ma túy.

Những người dùng ma túy sẽ bị bỏ tù và sẽ tiến hành các cuộc điều tra để

tìm ra những kẻ bán và cửa hàng bán ma túy. Cửa hàng sẽ bị đóng cửa và cả hai kẻ phạm tội, người chủ hàng và người tiêu thụ, đều bị bỏ tù và trừng phạt.

Cấm chơi điều.

Các trò chơi điều có những hậu quả vô ích giống như các trò đánh cuộc, trẻ con chết và tật hay vắng mặt ở trường. Các cửa hàng bán điều sẽ bị loại trừ.

Cấm thờ thần tượng.

Các hình ảnh và chân dung phải được loại trừ khỏi các xe cộ, cửa hàng, các nhà, khách sạn và những nơi khác. Những người chủ phải hủy các hình ảnh ở tất cả các nơi nói trên. Các xe cộ có hình ảnh sinh vật tìm thấy được sẽ bị bắt.

Cấm đánh bạc.

Các tụ điểm phải được khám phá và những người đánh bạc sẽ bị phạt tù một tháng.

Cấm để tóc theo lối Anh và Mỹ.

Những người đàn ông để tóc dài sẽ bị điệu đến Bộ Tăng Tiến Đức Hạnh và Ngăn Ngừa Thối Hư để cắt tóc. Kẻ phạm tội phải trả tiền cho thợ hớt tóc.

Cấm cho vay lấy lãi, đổi tiền lấy hoa hồng và lệ phí giao dịch.

Ba kiểu trao đổi tài chính này đều bị đạo Hồi cấm. Nếu vi phạm các qui tắc này, người phạm tội sẽ bị bỏ tù thời gian dài.

Cấm giặt quần áo trên các bờ sông ở các thành phố.

Những người phụ nữ vi phạm điều

luật này sẽ bị bắt theo cách tôn kính của đạo Hồi, đưa về nhà và chồng họ sẽ bị trừng trị nghiêm khắc.

Cấm chơi nhạc và nhảy múa trong các đám cưới.

Nếu vi phạm người chủ gia đình sẽ bị bắt và bị trừng trị.

Cấm chơi nhạc khí gõ.

Nếu có kẻ chơi nhạc khí gõ, hội đồng tôn giáo của các người già sẽ quyết định hình phạt.

Cấm thợ may nam giới may quần áo cho phụ nữ và đo may trên người phụ nữ.

Nếu tìm thấy các tạp chí thời trang trong cửa hiệu của họ, người thợ may sẽ bị bỏ tù.

Cấm trò phù thủy.

Tất cả các sách về đề tài này sẽ bị đốt và người phù thủy sẽ bị bỏ tù cho đến khi biết hối hận.

Ngoài các điểm trên còn có một lời yêu cầu đối với phụ nữ Kaboul:

Hồi các phụ nữ, các người không được ra khỏi nhà. Nếu các người đi ra khỏi nhà, không được làm như những người đàn bà trước khi đạo Hồi đến đất nước này, có thói quen đi ra đường mặc quần áo theo mốt và trát đầy son phấn để trưng ra trước con mắt bất cứ người đàn ông nào.

Đạo Hồi là một tôn giáo cứu rỗi đã thiết lập phẩm cách đặc biệt của người phụ nữ: phụ nữ không được cho phép có sự lôi cuốn chú ý của những người

đàn ông xấu xa khiến họ nhìn mình với một cái nhìn xấu xa. Phụ nữ có nhiệm vụ nuôi dưỡng và đoàn tụ gia đình mình và chăm lo các bữa ăn và quần áo. Khi phụ nữ bắt buộc phải đi ra khỏi nhà, họ phải trùm kín người theo đúng luật charia. Nếu phụ nữ ra đường với quần áo tân thời, trang điểm, bó sát thân thể và cố để hấp dẫn, nhằm trưng mình ra cho mọi người nhìn, họ sẽ bị luật charia Hồi giáo nguyên rửa và không bao giờ mong được lên thiên đường. Họ sẽ bị đe dọa, sẽ thành đối tượng điều tra, sẽ bị trừng trị nghiêm khắc bởi cảnh sát tôn giáo cũng như bởi những người già trong gia đình. Cảnh sát tôn giáo có trách nhiệm đấu tranh chống lại các vấn đề xã hội ấy và tiếp tục các nỗ lực của họ cho đến khi tận diệt hết cái ác.

Allahu akbar – Thượng Đế là vĩ đại.

Uyển chuyển, bay bổng, uốn lượn

Cô cứ không ngừng mất hút nó. Chiến burkha uyển chuyển ấy trộn lẫn với những chiếc burkha uyển chuyển khác. Chỗ nào cũng một màu xanh da trời. Cái nhìn của cô thì lại bị hút xuống mặt đất. Trong đám bùn lầy cô nhận ra đôi giày bẩn của cô ấy giữa những đôi giày bẩn khác. Cô nhìn thấy cái lai quần trắng và, bên trên một mép chiếc áo màu đỏ sẫm của cô ấy. Cái nhìn dán xuống mặt đất, cô bước đi trong cửa hàng bách hóa và bám theo chiếc burkha phấp phới trong gió đó. Vừa đi vừa thở dốc, một chiếc burkha của người sắp sinh nở tiến đến đằng sau cô, người ấy khó nhọc lắm mới theo kịp bước đi của hai chiếc burkha đằng trước.

Chiếc burkha đi đầu dừng lại ở chỗ bày vải dùng may chăn. Nó mân mê, xem

xét màu sắc qua khung mạng của nó. Nó mặc cả, mồm bị giấu đi, đôi mắt màu sẫm của nó thoáng hiện sát ngay sau khung mạng, như những cái bóng. Chiếc burkha mặc cả bằng cách khua khua hai bàn tay, chiếc mũi của nó đâm nhọn lên giữa các nếp vải gấp, như một cái mỏ. Cuối cùng nó quyết định, mò mẫm tìm chiếc túi của mình, chìa ra một bàn tay với vài tờ giấy bạc. Người bán hàng đo chỗ vải trắng có hoa xanh sáng, chỗ vải ấy lập tức được bàn tay dưới tấm burkha chộp lấy.

Mùi nghệ tây, mùi tỏi mùi ớt khô và pakora nóng len vào dưới lớp vải cứng và trộn lẫn với mùi mồ hôi, mùi hơi thở và mùi xà phòng. Vải nylon dày đến nỗi ta có thể ngửi được cả hơi thở của chính mình.

Họ lại chệnh choạng đi về phía những chiếc ấm trà bằng nhôm nhãn hiệu Nga giá rẻ nhất. Họ sờ mó, thương lượng, mặc cả và lại mua. Cái ấm trà cũng được nhét vào dưới tấm burkha, lúc này đã đầy ứ bát đĩa, thảm và phất trần và mỗi lúc một thêm nặng nề. Phía sau chiếc burkha thứ nhất, đến tiếp hai chiếc burkha có vẻ do dự hơn, họ dừng lại để ngửi một mùi hương, sờ những chiếc cặp bằng nhựa và những chiếc vòng mạ vàng, trước khi đưa mắt tìm chiếc burkha đi đầu. Chiếc này đang dừng lại bên một chiếc xe kéo chất ngồn ngang hàng trăm cái nịt vú. Màu trắng, màu vàng nhạt hay hồng, kiểu dáng đáng ngờ. Một số cái được treo lên một cây cột và ngang nhiên bay phấp phới như những lá cờ. Chiến burkha dùng ngón tay nắn thử và đo thử bằng bàn tay. Hai bàn tay của chiếc burkha này nhô ra khỏi những nếp vải uốn

lượn, kéo thử các dây chun và nắn các mu. Ước lượng bằng một cái nhìn lần cuối và cô ta chọn một kiểu khỏe chắc trông ra dáng một chiếc nịt vú.

Họ lại đi, đầu quay qua quay lại theo đủ các hướng để nhìn bốn chung quanh. Những người phụ nữ trùm burkha giống như những con ngựa đeo miếng che mắt, họ chỉ có thể nhìn thấy theo một hướng. Hai bên mép mắt, tấm mạng bị thay bằng một thứ vải dày không cho phép nhìn sang bên. Muốn thế phải quay hẳn cả đầu lại. Đấy lại là thêm một ngón khéo nữa của người sáng chế ra burkha: một người đàn ông phải có thể kiểm soát được vợ mình đang đưa mắt nhìn theo người nào hay nhìn cái gì.

Sau vài lần quay đầu, họ tìm thấy lại được chiếc burkha đi đầu trong một lối hẹp của cửa hàng bách hóa. Cô ta

đang xem xét những dải viền đăng ten. Những dải đăng ten dày, bằng sợi tổng hợp, giống những loại viền đăng ten Liên Xô. Cô ta xem xét rất lâu, việc mua món hàng này quan trọng đến nỗi cô ta lật cả vạt áo trùm phía trước lên đầu để nhìn cho rõ hơn và như vậy là bất chấp điều cấm không được để cho người ta nhìn thấy mình mà chồng cô đã áp buộc đối với cô, bởi rất khó xem xét đăng ten qua một tấm mạng bằng lưới. Chỉ có người bán hàng trong quán nhìn thấy khuôn mặt cô, đang lăm tấm mồ hôi mặt dầu không khí miền núi ở Kaboul ban mai mát rượi. Shakila nghiêng đầu, thoáng một nụ cười tinh nghịch, cười to hơn, cô mặc cả, thậm chí cô tán tỉnh. Dưới tấm áo choàng màu xanh da trời người ta thấy cô đang đùa nghịch. Lâu nay cô vẫn thường làm thế và những người bán hàng ở cửa hàng bách hóa rất biết cách

hiếu một chiếc burkha chệnh choạng, gập đầu, bay lượn theo gió. Cô biết cách tán tỉnh bằng một ngón tay, bằng bàn chân, bằng một động tác của bàn tay. Shakila quấn đăng ten quanh mặt cô, và bỗng nhiên chúng không còn là những viên đăng ten của một tấm rèm nữa mà là đăng ten của một chiếc khăn voan, đúng cái còn thiếu cho chiếc áo cưới của cô. Hẳn là phải thế rồi! Chiến khăn voan trắng phải được viền bằng đăng ten. Cô mua, người bán hàng đo, Shakila mỉm cười và những dải đăng ten biến mất vào chiếc túi dưới tấm burkha, lúc này đã được lật xuống và phủ xuống tận đất, đúng như quy định. Mấy chị em lại uốn lượn đi về phía cuối cửa hàng bách hóa, ở đấy những lối đi mỗi lúc càng hẹp lại.

Trong tiếng rì rào đều đều đó chen lẫn vô số tiếng nói. Những người bán

hàng chẳng mấy khi lo giới thiệu hàng, họ mãi trò chuyện với người bên cạnh hay ngồi bệt trên một bao tải bột mì hoặc một đồng thảm ngắm nhìn mọi sự diễn ra trong cửa hàng hơn là rao hàng của họ. Đẳng nào thì khách cũng sẽ mua những thứ họ cần.

Ở cửa hàng bách hóa Kaboul, cứ như thời gian đã ngưng lại. Hàng hóa vẫn là những hàng hóa ấy kể từ thời Darius của xứ Ba Tư đã lang thang qua đây, năm trăm năm trước Thiên chúa giáng sinh. Trên những tấm thảm lớn giữa trời hay trong các quán hàng chật hẹp dằng dầy những kỳ quan và những hàng hóa thuần túy vị lợi, bị những ngón tay khó tính lật đi lật lại và nắn bóp. Đào lạc, mơ khô và nho xanh được trưng bày trong những túi lớn bằng vải đay. Trên những chiếc xe kéo hư nát bày đầy những quả

chanh lai vàng và xanh da mỏng đến nỗi người ta cứ để thế mà cắn ăn luôn. Một người bán những con gà vùng vẫy và cục tác trong những cái túi. ở một hàng gia vị, xếp hàng từng đồng ớt, ớt ngọt, cà ri và gừng. Nhiều khi người bán gia vị cũng kiêm luôn nghề thầy thuốc và rao bán những thứ cỏ khô, rễ, trái cây, chè mà ông ta giải thích một cách rành rọt chúng chữa lành được các loại bệnh như thế nào, từ những bệnh thông thường nhất cho đến những bệnh bí hiểm nhất.

Rau mùi tươi, tỏi, da và cây đậu khấu, tất cả hòa trộn với mùi cống rãnh bốc lên từ sông, tức cái ngòi nước cạn chia tách cửa hàng bách hóa ra làm đôi. Trên những chiếc cầu nhỏ bắc qua rãnh, người ta bán những đôi dép làm bằng da cừu, bông bán theo cân và các loại vải với vô số màu sắc và họa tiết, những con

dao, những chiếc xẻng và cuốc.

Đôi khi cũng tìm thấy những sản phẩm không thuộc thời Darius. Những hàng lậu như thuốc lá mang các thứ tên ngoại lai *Pleasure*, *Wave* hay *Pine* hay *Coca* làm dỏm ở Pakistan. Các con đường buôn lậu cũng thế, qua bao nhiêu thế kỷ chúng không hề thay đổi, chúng đến từ Pakistan, băng qua *Khyber Pass* hay từ Iran qua đường núi. Một phần được chở trên lưng ngựa, một phần khác bằng xe tải, trên những con đường, hướng đi ra bên ngoài thì chuyển ma túy, thuốc phiện và *haschich*. Các loại giấy bạc dùng để thanh toán là tiền mới trong năm nay; những người buôn tiền, mặc áo dài và đóng khăn, đứng thành hàng dài, ôm những bó to tướng giấy bạc *Afgani*, ba mươi lăm nghìn đồng đổi lấy một đô la.

Một người bán một cái máy hút bụi nhãn hiệu National. Cạnh anh ta một người khác bán một cái hiệu Nautional cùng giá, nhưng hàng chính gốc cũng như hàng nhái đều ế, cung cấp điện ở Kaboul thất thường khiến người ta thích dùng chổi hơn.

Các đôi giày bước đi trong bùn lầy. Chung quanh họ, kéo lê những đôi dép màu hạt dẻ, những đôi giày bản, những đôi giày màu đen, những đôi giày cũ mòn và những đôi giày bệt gót màu hồng có thắt dải lụa. Thậm chí một số đôi màu trắng, là màu giày dép bị cấm dưới thời taliban vì đó là màu cờ của chúng. Bọn taliban cũng cấm giày gót cứng, vì tiếng gõ gót có thể khiến đàn ông xao nhãng. Nhưng bây giờ đã là một thời khác, giá mà có thể nghe được tiếng gót giày gõ trong bùn thì cả cửa hàng bách hóa này

sẽ rộn vang tiếng gõ từng bùng. Đôi khi những chiếc móng tay được bôi màu ló ra bên dưới mép một tấm burkha, thêm một dấu hiệu nhỏ của tự do. Bọn taliban cấm sơn đánh móng tay và cấm nhập khẩu các thứ sơn này. Một vài phụ nữ vô phúc đã bị chặt một đầu ngón tay hay ngón chân vì đã vi phạm điều luật này. Công cuộc giải phóng phụ nữ, trong cái mùa xuân đầu tiên này sau khi bọn taliban tháo chạy, tự giới hạn chủ yếu trong chuyện giày dép và đánh móng tay, nó chẳng vượt được ra xa bao nhiêu những cái mép áo burkha.

Không phải là không có người thử đi xa hơn. Nhiều tổ chức phụ nữ được lập ra sau khi bọn taliban bỏ chạy. Một số thậm chí đã từng hoạt động dưới thời taliban, họ tổ chức những trường học bí mật cho con gái, giáo dục vệ sinh và

mở những lớp thanh toán nạn mù chữ cho phụ nữ. Người nữ anh hùng vĩ đại thời taliban là bà bộ trưởng bộ Y Tế của chính phủ Karzaù, Sohaila Sediq, người phụ nữ duy nhất của Afganistan mang chức tướng. Bà đã thiết lập các lớp học y tế cho phụ nữ và, sau khi bị bọn taliban đóng cửa, đã mở lại được phòng phụ khoa trong bệnh viện bà làm việc. Dưới thời taliban, bà là một trong những người phụ nữ Kaboul duy nhất không chịu trùm burkha, và bà giải thích: “Khi bọn cảnh sát tôn giáo vác gậy đến và bắt đầu giơ tay lên để đánh tôi, tôi cũng giơ tay lên để đánh lại chúng. Vậy là chúng bỏ tay xuống và để cho tôi đi.”

Dẫu sao, ngay cả Sohaila cũng ít khi đi ra ngoài khi bọn taliban đang cầm quyền. Các buổi sáng bà đi xe đến bệnh viện, buổi chiều lại đi xe về nhà. “Phụ nữ

Afganistan đã đánh mất dũng khí của mình”, bà nói một cách cay đắng sau khi bọn taliban đã sụp đổ.

Một tổ chức phụ nữ đã định tổ chức một cuộc biểu tình một tuần sau khi bọn taliban bỏ chạy. Đi giày ban và dép vải, họ đã tập hợp ở một góc khu Microy-an để kéo vào thành phố. Phần đông đã dũng cảm hất tung tấm burkha của mình ra sau, nhưng nhà cầm quyền đã giải tán cuộc tập hợp, lấy cớ họ không bảo đảm được an toàn cho những người phụ nữ. Mỗi lần định tập hợp, họ lại bị ngăn cản.

Bây giờ, các trường học cho con gái đã mở lại và những người phụ nữ trẻ đã đổ đến các trường đại học, một số thậm chí đã tìm lại được việc làm.

Một tờ tuần báo đã ra đời, do phụ nữ điều hành và dành cho phụ nữ và Hamid

Karzaù không bỏ lỡ cơ hội nào để nói về quyền của phụ nữ.

Nhiều người phụ nữ đã có vai trò trong Loya Jirga hồi tháng Sáu 2002. Những người phát biểu mạnh mẽ nhất đã bị đám đàn ông trong phòng chế riều, nhưng họ không tháo lui. Một bà, bị huýt sáo phản đối, đã đòi bộ trưởng bộ Quốc Phòng phải là một người phụ nữ. “ở Pháp là thế đấy”. bà nhấn mạnh.

Đối với phần đông trong số họ, tình trạng chẳng tiến triển được bao nhiêu. Trong các gia đình, theo truyền thống, mọi sự không hề thay đổi: đàn ông quyết định tất cả. ở Kaboul, họ là thiểu số, những người phụ nữ đã bỏ áo burkha, và phần đông không hiểu rằng các bậc nữ tổ tiên của họ trong thế kỷ trước không hề biết đến thứ trang phục này. Việc dùng áo burkha bắt đầu dưới triều đại

vua Habibullah, từ năm 1901 đến năm 1919. Ông đã bắt hai trăm người phụ nữ trong hậu cung của ông mặc loại áo này, để cho các khuôn mặt xinh đẹp của họ không cảm dỗ những người đàn ông mỗi khi họ đi qua trước các cửa cung điện. Những tấm choàng đầu tiên lúc ấy đều bằng lụa, trang trí hoa văn màu mè, và các công chúa của Habibullah thậm chí còn có những áo burkha thêu sợi bằng vàng. Burkha như vậy đã trở thành trang phục của tầng lớp trên để tránh cho họ cái nhìn của dân chúng. Trong những năm năm mươi, công dụng của nó lan ra khắp nước, nhưng trước hết vẫn là đặc quyền của những người giàu có nhất.

Chiếc áo choàng cũng bị nhiều người phản đối. Năm 1959, hoàng tử Daoud, Thủ tướng chính phủ, gây sốc khi xuất hiện vào ngày quốc khánh cũng với vợ

ông không trùm burkha. Ông đã thuyết phục người em trai của ông để cho vợ ông ta cũng làm theo như vậy và yêu cầu các bộ trưởng vất bỏ burkha của các bà vợ. Ngay ngày hôm sau, đã có thể thấy ngoài đường phố Kaboul nhiều phụ nữ mặc áo măng tô dài, đeo kính đen và đội những chiếc mũ nhỏ. Những người phụ nữ trước đó vẫn trùm kín mít cả người. Là những người đầu tiên trùm áo burkha, tầng lớp trên cũng là những người đầu tiên vất bỏ nó. Thứ trang phục đó đã trở thành biểu tượng quy chế xã hội của lớp người nghèo khổ và nhiều người giúp việc nội trợ và những người ở đã được các bà chủ của họ cho lại những chiếc burkha bằng lụa của mình. Lúc khởi đầu, người pachtun cầm quyền đã cho vợ họ trùm burkha, đến lúc này các nhóm tộc người khác cũng biết đến thứ trang phục này. Ông hoàng Daoud thì

muốn vất bỏ nó đi. Năm 1961, một đạo luật cấm những người phụ nữ làm việc trong các công sở mặc trang phục này. ăn mặc âu

phục được khuyến khích. Phải mất nhiều năm đạo luật đó mới được tuân thủ, nhưng trong những năm bảy mươi, hầu như không có một nữ giáo viên hay một nữ thư ký ở công sở nào không mặc váy và áo sơ mi, còn đàn ông thì mặc com lê. Tuy nhiên những người phụ nữ không trùm người có nguy cơ bị những kẻ chính thống cho một viên đạn vào chân hay tạt a xít vào mặt. Khi nội chiến bùng nổ và một chế độ Hồi giáo được thiết lập ở Kaboul, càng ngày phụ nữ càng trùm burkha nhiều hơn. Khi bọn taliban đến tất cả các khuôn mặt phụ nữ trên các đường phố biến mất.

Đôi giày của chiếc burkha đi đầu lẫn mất vào những đôi khác trên con cầu hẹp. Xa hơn đôi chút về phía sau, các đôi dép của các cô em bị kẹt trong đám đông. Họ chỉ còn có thể để cho bảy người lùi đi. Không thể nào tìm nhận ra được đôi giày của người kia, đừng nói gì đến chuyện dừng lại hay quay lại. Một cô đi giày đen, quần và viền裳 ten trắng và mép áo dài đỏ sẫm, cô kia đi dép nhựa màu mận chín và mép áo dài màu đen và cô cuối cùng,裳 burkha nhỏ bé hơn cả, đi dép nhựa hồng, quần và mép áo dài tím. Họ tìm lại được nhau và ngược mắt lên để hội ý với nhau. Chiếc burkha đi đầu kéo họ vào một tiệm. Một tiệm hàng thật sự có cửa sổ và tủ kính trưng bày, ở tận cuối cửa hàng bách hóa. Cô tìm một tấm trải giường và đã nhằm một tấm bằng loại vải óng ánh, lót bông, màu hồng, có tên là Paris. Ngoài tấm trải giường lại thêm

những chiếc gối tai bèo trang trí nhiều hình trái tim và hoa. Tất cả được đóng trong một túi nhựa cứng và trong rất tiện lợi. Một cái nhãn dán ngoài ghi rõ “Sản phẩm Pakistan” bên dưới chữ Paris và một hình vẽ tháp Eiffel.

Đây là tấm trải giường cô muốn được có trên chiếc giường vợ chồng tương lai của cô. Chiếc giường cô chưa từng thử cũng chưa từng được nhìn thấy và, xin Thương Đế phù hộ, cô không được quyền nhìn thấy trước đêm tân hôn. Cô mặc cả. Người bán hàng đòi nhiều triệu afgani tất cả chỗ đó.

– Nghe đến dựng tóc gáy lên mất.

Cô mặc cả, nhưng người bán hàng không nhượng bộ. Cô sắp bỏ đi thì cuối cùng anh ta mới chịu. Chiếc burkha uốn lượn mua được tấm trải giường với giá

chỉ bằng một phần ba giá ban đầu, nhưng đến lúc trả tiền, cô thay đổi ý kiến. Cô không thích loại màu hồng trẻ sơ sinh nữa, mà lại muốn màu hồng ngọc. Người bán thảm gói lại và biếu cô một thỏi son môi. Bởi cô sắp lấy chồng.

Cô cảm ơn anh ta và dỡ tấm choàng lên, phải thử son môi. Dẫn sao, Shakila với người bán thảm và mỹ phẩm gần như đã là người quen biết lâu năm. Ngoài anh ta ra, trong tiệm chỉ toàn phụ nữ, nên Leila và Mariam cũng lấy hết can đảm dỡ burkha của mình lên, và ba cái miệng tái nhợt đều bôi màu đỏ hồng ngọc. Họ soi gương và thèm thuồng nhìn tất cả những kỳ quan giăng ra dưới tấm kính quây. Shakila muốn tìm một hộp kem làm trắng da. Nước da tái xanh là một trong những tiêu chuẩn sắc đẹp của phụ

nữ Afghanistan. Một cô dâu phải có nước da tái xanh.

Người bán thảo và mỹ phẩm giới thiệu một loại thuốc mỡ có tên là Perfect. “Aloès white bloch cream” [Kem làm trắng da chế từ chất nhựa cây lô hội.] trên bao bì ghi như vậy, còn lại toàn chữ Trung Quốc. Shakila thử một ít và có vẻ như đã làm trắng da bằng một lớp kem pha kềm dày. Một lát sau, làn da cô trông bột đi hơn. Dưới lớp kem, màu nước da thật của cô hiện lên, kết quả của một lớp phủ màu nâu-trắng. Hộp kem kỳ diệu được nhét vào chiếc túi lúc này đã bắt đầu đầy ắp. Ba chị em cười và hứa sẽ trở lại lần sau khi họ sẽ lấy chồng.

Đã vừa lòng, Shakila muốn trở về nhà khoe những thứ đã mua. Họ tìm được một chiếc xe buýt, lên xe phía cửa

sau và đến ngồi ở các hàng ghế cuối. Các hàng ghế cuối trên xe buýt là để dành riêng cho phụ nữ, con còn nhỏ và túi xách của họ. Các chiếc burkha bị kéo về đủ hướng, dính mắc và dẫm đạp. Phải giữ chúng đôi chút khi ngồi xuống để nhìn được quanh mình mà không bị lớp vải siết chặt và kéo đầu mình xuống phía dưới. Họ chen nhau mà ngồi, ở đầu một chiếc ghế, mỗi người đặt chỗ hàng lên gối và dưới chân mình. Giá vé các chỗ ngồi dành riêng cho phụ nữ rất đắt và sau khi có nhiều bà khác lên xe, các chiếc burkha bị nhốt chặt giữa những chiếc burkha khác, và những cánh tay, những túi xách và giày dép.

Một nhòai, ba chị em ném các gói đồ của mình xuống đất lúc xuống xe khi xe dừng lại gần ngôi nhà đã bị ném bom. Lướt đi phấp phới trong gió, họ bước

vào ngôi nhà lạnh lẽo, trút bỏ burkha ra và thở dài nhẹ nhõm. Họ đã tìm lại được các khuôn mặt của mình. Những khuôn mặt mà các tấm burkha đã cướp mất của họ.

8. Một đám cưới hạng ba

Ngày hôm trước của ngày trọng đại. Căn phòng chật kín người. Không một xăng-ti-mét nào trên nền đất không có một thân hình phụ nữ, đang ăn, đang nhảy múa hay trò chuyện. Đây là đêm của cây lá móng. Đêm nay các gan bàn tay và gan bàn chân của cô dâu chú rể được bôi lá móng. Nó khiến cho các bàn tay có một thứ họa tiết màu da cam và, người ta bảo như vậy sẽ có được một đám cưới hạnh phúc.

Cô dâu chú rể không ở cùng nhau, đàn ông có lẽ riêng, đàn bà cũng có lẽ riêng. Chỉ riêng với nhau, đám đàn bà cứ như bùng nổ ra, phô trương một sức sống quá khổ, gần như đáng sợ. Họ vỗ vào mông, véo vào vú nhau và người này nhảy múa vì người kia, cánh tay uốn lượn như những con rắn rập rình, hai bên háng uyển chuyển như háng của các vũ nữ múa bụng A Rập. Như những người đàn bà bẩm sinh đã thạo nghề quyến rũ, những đứa con gái nhỏ nhảy múa và uốn người, mắt đầy thách thức và lông mày dựng ngược. Ngay cả những người lớn tuổi hơn cũng cố làm theo, thường ngừng điệu múa của họ lại giữa chừng, trước khi nó được thả lỏng hết trơn. Như vậy họ chứng tỏ rằng họ vẫn còn có thể nhập cuộc.

Shakila ngồi ở chiếc ghế duy nhất

trong phòng, một chiếc tràng kỷ được kê cho dịp lễ này. Cô theo dõi cảnh ấy từ xa, nhưng cô không có quyền tham gia vào đó cũng không được phép cười. Niềm vui của cô sẽ là xúc phạm đối với mẹ cô mà cô sắp phải xa lìa, còn nỗi buồn của cô thì sẽ làm phiền lòng mẹ chồng. Khuôn mặt cô phải có vẻ dửng dưng, cô dâu không được phép đưa mắt nhìn quanh mà phải giữ cho nó chỉ hướng chăm vào một chỗ, thẳng về phía trước. Shakila làm tròn bốn phận của mình một cách xuất sắc, cứ như toàn bộ cuộc đời cô, cô đã luyện tập cho đêm nay. Cô có tư thế của một nữ hoàng và cô trò chuyện một cách bình thản với người phụ nữ đang ngồi cạnh cô trên chiếc tràng kỷ, họ lần lượt trao phong vinh dự cho nhau. Chỉ có đôi môi cô động đậy khi cô trả lời những người khách.

Mặc trang phục màu đỏ, xanh, đen và vàng, trông cô như được bọc trong lá cờ Afganistan rồi rắc vàng lên. Đôi vú cô dựng ngược lên như những đỉnh nhọn của một ngọn núi: rõ ràng chiếc nịt vú cô mua theo ước lượng bằng mắt rất vừa với cô. Dưới chiếc áo dài, cơ thể cô được bó chặt. Cô đã bôi lên mặt một lớp Perfect dày, mắt tô đậm phấn đánh lông mày và môi được vẽ bằng một màu son mới. Dáng vẻ cô cũng là của một cô dâu hoàn hảo. Các cô dâu phải có dáng vẻ giả tạo, như những con búp bê. Và chẳng, trong tiếng dari, cô dâu và búp bê được chỉ chung bằng một từ : arus.

Sau đó vào buổi tối, một cuộc diễu hành trống con, nhạc khí gõ và đèn xếp kéo qua trước cửa. Đây là những người phụ nữ trong nhà Wakil – các chị em gái, chị em dâu và con gái anh ta. Họ hát

trong bóng tối vừa vỗ tay và múa:

Chúng ta đi tìm cô gái này ở nhà cô và đưa về nhà chúng ta Ôi cô dâu, đừng cúi đầu xuống, đừng khóc than đau khổ Đây là ý nguyện của Thượng Đế, hãy tạ ơn Người.

Ôi Mahomet, phái viên của Thượng Đế, xin hãy giải quyết các vấn đề của cô ấy,

Làm cho việc khó thành dễ!

Những người phụ nữ nhà Wakil nhảy múa một cách dâm dục với những chiếc khăn trùm và khăn choàng quấn quanh khuôn mặt và cơ thể họ. Căn phòng đầy đặc hơi nước và bốc một mùi mồ hôi nhẹ nhẹ. Các cửa sổ đều mở toang và các tấm rèm bay tung trong gió, nhưng ngọn gió mát mùa xuân không làm nguôi được

những người đàn bà này.

Chỉ khi những đĩa đầy ứ món palao được đưa lên, điệu nhảy mới tạm dừng. Mọi người ngồi ngay trên nền nhà, tại chỗ mình đang đứng hay đang múa. Chỉ những người lớn tuổi hơn mới được ngồi trên những chiếc gối đặt dọc tường. Leila, cô em gái của Shakila, và cô em họ của cô mang thức ăn nấu trong những chiếc nồi lớn ở sân sau lên. Những đĩa cơm, những miếng thịt cừu to tướng, những quả cà tím rưới nước sốt sữa chua, mì ống nhồi rau bi na và tỏi, khoai tây rưới nước sốt ớt ngọt được bày ra đất. Đám phụ nữ vây quanh các đĩa thức ăn. Bàn tay phải họ vắt cơm và đưa lên miệng. Họ ăn thịt và nước sốt với bánh mì bẻ ra từ những tấm bánh lớn, mọi thứ đều qua bàn tay phải. Bàn tay trái, là bàn tay bắ, không được dùng đến. Bây giờ chỉ còn

nghe thấy tiếng nhai. Bữa ăn diễn ra im lặng. Chỉ có những tiếng mời nhau ăn thêm. Đẩy những miếng ngon nhất về phía người bên cạnh là tỏ ra có giáo dục.

Khi tất cả đám phụ nữ đã ăn no nê, lễ bôi nhựa cây lá móng có thể bắt đầu. Đã khuya, không ai nhảy múa nữa. Một số đã ngủ, những người khác thì nằm dài hay ngồi quanh Shakila, họ nhìn bà chị của Wakil đang trét chất bột màu xanh rêu lên bàn tay và bàn chân cô và hát bài hát cây lá móng. Khi hai bàn tay đã được bôi nhựa cây lá móng, Shakila phải nắm chặt bàn tay lại. Người chị dâu tương lai của cô quần từng nắm tay cô bằng những sợi vải dài để cho những hình hoa văn in vào đấy và bó chúng lại trong những mảnh vải mềm để chúng không làm bẩn quần áo và chân của cô. Bà cởi quần áo cô chỉ để lại đồ lót, một chiếc quần dài

trắng bằng vải bông và một chiếc áo cánh, và đặt cô nằm dài trên một chiếc khăn ở giữa phòng đầu kê lên một chiếc gối lớn. Rồi Shakila được đút cho ăn những miếng thịt lớn, những miếng gan chín và những mẩu hành sống, mà em gái cô đã chuẩn bị đặc biệt cho người con gái sẽ từ biệt gia đình.

Bibi Gul ngồi nhìn cô con gái của mình. Bà theo dõi từng miếng thịt các con gái bà đặt vào miệng Shakila. Rồi bà khóc. Mọi người đều khóc, nhưng đều nói với nhau rằng chắc chắn Shakila sẽ có một cuộc sống tốt đẹp.

Khi Shakila đã ăn xong, cô ngã vào lòng Bibi Gul, như một cái bào thai, bà mẹ ôm ấp lấy cô. Suốt đời cô cho đến nay, cô chưa bao giờ ngủ ở nơi nào khác ngoài căn phòng của bà. Đây là đêm cuối

cùng của cô trong lòng mẹ. Đêm sau sẽ là trong lòng chồng.

Vài giờ sau, cô được đánh thức dậy. Các cô em tháo những tua vải quấn quanh hai bàn tay cô ra. Họ gỡ chỗ nhựa cây lá móng, những hình hoa văn in trên gan bàn tay và gan bàn chân cô. Shakila tẩy trang khuôn mặt búp bê của cô đêm trước và, như thường lệ, ăn một món điểm tâm đặc. Thịt rán, bánh mì, bánh pudding ngọt và trà.

Đến chín giờ, cô đã sẵn sàng để được trang điểm, bới tóc và trang sức. Cùng với cô em gái Leila, Sonya, vợ hai của Sultan, và một cô em họ, cô leo lên một căn hộ ở Microyan. Đây là một phòng trang điểm, đã có ngay dưới thời taliban. Ngay trong thời kỳ đó, các cô dâu vẫn muốn được làm đẹp, dù việc đó bị cấm,

và họ lợi dụng ngay một trong những điều quy định do bọn taliban áp đặt: họ đi đến căn hộ này trùm kín người trong tấm burkha và rời căn hộ cũng trong tấm burkha đó, bên dưới là khuôn mặt đã được làm mới.

Người phụ nữ sửa sắc đẹp có một chiếc gương soi, một cái ghế và một cái kệ đặt những chai lọ và những ống, trông kiểu dáng và tình trạng có thể đoán chúng đã cũ đến nhiều chục năm. Trên tường, bà ta treo những tấm áp-phích in hình các ngôi sao Bollywood. Các cô người đẹp mặc áo hở cổ ấy mỉm cười tán tỉnh Shakila đang ngồi giản dị trên chiếc ghế của cô.

Chẳng mấy người cho rằng Shakila đẹp. Da mặt cô thô và mí mắt thì phồng lên, khuôn mặt rộng và cằm bạnh. Nhưng rằng cô rất đẹp và trắng, mái tóc cô óng

ánh, cái nhìn tinh nghịch; trong các cô con gái của Bibi Gul cô là người kiếm được tấm chồng khá hơn cả.

– Anh không hiểu được vì sao anh lại thích em đến thế, Wakil đã thú nhận với cô trong bữa ăn ở chỗ Mariam. Thậm chí em có đẹp đâu.

Nghe có tình yêu trong giọng nói của anh ta và Shakila coi đó là một lời khen.

Lúc này cô chỉ lo cô không đủ đẹp và cái nhìn tinh nghịch của cô tắt đi. Hôn nhân cũng nghiêm trọng như là cái chết.

Trước hết mái tóc màu sẫm của cô được cuốn vào những cái trục nhỏ bằng gỗ, rồi hai hàng lông mày cô, dày đến nỗi chúng chụm lại với nhau ở sống mũi, được nhổ đi. Đây là dấu hiệu thật sự cô sắp trở thành một người đàn bà đã có

chồng; trước khi cưới, phụ nữ không được phép tỉa lông mày. Shakila hét lên, người đàn bà sửa sắc đẹp thì cứ nhỏ. Hai hàng lông mày chuyển thành hình cánh cung thật đẹp và Shakila tự thấy mình đẹp lên trong gương. Toàn bộ đôi mắt của cô trông như lớn hơn đôi chút.

– Nếu cô đến đây sớm hơn, thì tôi đã có thể trang điểm chỗ lông mép của cô trên môi.

Người phụ nữ sửa sắc đẹp đưa cho cô xem một cái ống bí mật, đã hơi tróc nước sơn, ghi dòng chữ “Tẩy màu ria mép”.

– Bây giờ thì không kịp nữa.

Sau đó, bà bôi kem Perfect lên mặt Shakila. Bà phủ lên toàn bộ mi mắt cô một màu sẫm nặng, lóng lánh, đỏ pha

vàng óng, trước khi làm nổi bật đôi mắt cô lên bằng một đường tô ở bờ lông mi với một cây bút chì khô và chọn một loại son môi màu nâu-đỏ sậm.

– Dẫu em có làm gì cũng không sao đẹp được bằng chị, Shakila nói với Sonya, người chị dâu trẻ tuổi hơn cô, vợ hai của Sultan.

Sonya chỉ cười và lăm bắm không nghe rõ. Cô ta đang mặc một chiếc áo bằng vải tuyen màu xanh sáng.

Shakila đã trang điểm xong, bây giờ đến lượt Sonya làm đẹp, trong khi các cô các bà khác giúp Shakila mặc áo. Leila đã cho cô mượn chiếc băng quần bụng, một chiếc dây rộng, co giãn, sẽ làm lưng cô trông thật eo. Trang phục của cô buổi sáng là màu xanh bạc hà rực rỡ, lông lánh, điểm đăng-ten, diềm và mép áo

vàng óng. áo phải đúng màu xanh vì đây là màu của đạo Hồi và của may mắn.

Khi áo đã được chỉnh sửa xong và chân đã đi đôi giày cao ngất ngưỡng có điểm những khuyên vàng, người làm đầu gỡ các vòng gỗ trên tóc cô ra. Mái tóc chải bông, được giữ bằng một cái kẹp siết chặt ở chính giữa đỉnh đầu, còn ngoài rìa thì bôi rất nhiều sơn để uốn thành hình lượn sóng ở một bên mặt. Rồi người ta gắn chiếc khăn voan màu xanh bạc hà. Cuối cùng, trang điểm phụ, khoảng một chục hình ngôi sao màu xanh da trời nhỏ có đường viền vàng óng tự dính rải rác trên mái tóc. Trên mỗi bên má, dán ba ngôi sao bạc. Shakila gần như đã bắt đầu giống các ngôi sao Bollywood trên các bức tường.

– Ôi, không! Còn tấm chăn, còn tấm chăn! Leila bỗng kêu lên. Ôi, không!

– Ôi không! Sonya cũng kêu lên vừa nhìn Shakila vẫn thản nhiên. Leila đứng dậy và chạy bỏ ra ngoài. Rất may, họ không ở quá xa nhà.

– Chút nữa thì quên mất tấm chăn, cái quan trọng hơn mọi thứ khác...

Những người khác vẫn đứng yên, đứng dưng trước vẻ hoảng sợ của Leila. Khi mọi người đã đánh xong những ngôi sao tự dính lên tóc và lên má, họ trùm burkha. Shakila cố trùm sao cho chiếc burkha không làm hỏng mái tóc cô. Cô giữ không siết chặt trên đầu như vẫn quen làm, mà chỉ để nó đặt nhẹ lên mái tóc đã chải bông. Như vậy tấm mắt lưới không ở trước mắt cô như thường lệ mà nằm trên đỉnh đầu. Sonya và cô em họ phải dắt cô như một người mù trên thang gác. Shakila thà té ngã còn hơn

để cho người ta nhìn thấy mình không trùm burkha.

Cô không bỏ burkha ra trước khi bước vào sân nhà Mariam, nơi diễn ra lễ cưới; mái tóc cô lúc đó đã xẹp xuống đôi chút. Khi cô đến, những người khách đổ xô đến chỗ cô. Wakil còn chưa có mặt ở đó. Sân sau đã rộn rã một đám người đang bận thưởng thức món palao, chả nướng và thịt viên. Hàng trăm người bà con đã được mời đến. Từ tờ mờ sáng một người đầu bếp và con trai ông ta đã chặt, cắt, đun, khuấy. Chuẩn bị cho bữa tiệc cưới, người ta đã mua năm mươi kilô gạo, năm mươi ki lô thịt cừu, mười bốn ki lô thịt cừu non, bốn mươi hai ki lô khoai tây, ba mươi ki lô hành, năm mươi ki lô rau bi na, ba mươi ki lô cà rốt, một ki lô tỏi, tám ki lô nho khô, hai ki lô các loại hạt, ba mươi hai ki lô dầu, mười bốn ki

lô đường, hai ki lô bột, mười bốn ki lô kẹo và ba ki lô ca-ra-men.

Sau bữa ăn, hai tá đàn ông biến mất vào ngôi nhà bên cạnh, trong đó có Wakil, để tiến hành những cuộc mặc cả cuối cùng. Họ sẽ thương thảo các chi tiết về tài chính và xác định các cam kết cho tương lai. Wakil phải đảm bảo món tiền anh sẽ trả nếu anh ly dị với Shakila không có lý do và phải hứa cung cấp đủ các thứ cô cần về quần áo, thực phẩm và nhà cửa. Sultan, người anh cả, thương lượng nhân danh Shakila và những người đàn ông hai bên gia đình ký bản giao ước.

Khi đã thỏa thuận xong, họ bước ra. Shakila cùng với các cô em gái ngồi trong nhà Mariam, ở vị trí quan sát của cô đằng sau tấm rèm. Trong khi những người đàn ông thương thảo, cô đã thay quần áo và mặc một chiếc áo dài trắng,

tấm khăn voan Liên Xô phủ dài xuống trên mặt. Bây giờ, cô ngồi và chờ người ta dẫn Wakil đến cho cô, để họ có thể cùng nhau bước ra. Anh ta đi vào, gần như rụt rè, theo đúng tục lệ, chào nhau, cúi nhìn xuống, và cùng đi ra, bên cạnh nhau, không nhìn nhau. Khi dừng lại, cả hai phải cố làm sao để bàn chân người này đặt lên bàn chân người kia. Người nào thực hiện được điều đó sẽ là người chủ trong đôi vợ chồng. Wakil thắng cuộc, hay đúng hơn Shakila để cho anh thắng, đúng như cô phải làm thế. Không nên tự phong cho mình một cái quyền mà mình không được phép.

Hai chiếc ghế được đặt ngoài sân, cô dâu chú rể bằng bất cứ giá nào phải ngồi xuống cùng một lúc. Nếu chú rể ngồi xuống trước, cô dâu sẽ có quyền ưu tiên trong mọi quyết định. Không người nào

chịu ngồi, cuối cùng Sultan, đứng đằng sau họ, phải từ từ ép họ ngồi xuống, tuyệt đối cùng một lúc. Mọi người vỗ tay.

Feroza, người chị cả của Shakila cầm một tấm chăn phủ lên nửa người cô dâu chú rể và đưa ra trước mặt họ một tấm gương soi. Phong tục quy định vào lúc đó lần đầu tiên họ mới được nhìn nhau. Wakil và Shakila nhìn thẳng vào tấm gương soi, như họ chưa từng nhìn thấy nhau. Feroza cầm cuốn kinh Coran bên trên đầu họ, trong khi một mollah đọc những lời chúc phúc. Đầu cúi xuống, họ tiếp nhận lời Thượng Đế.

Rồi người ta đưa cho họ những món ăn tráng miệng có bánh ngọt, đường và dầu, điểm gia vị đậm khẩu. Họ đút cho nhau ăn bằng thìa trong tiếng vỗ tay của mọi người. Họ cũng cho nhau uống nước

để chứng tỏ họ mong cho nhau một cuộc sống tốt đẹp.

Việc cho nhau uống nước ngọt Fanta ít gây xúc động hơn.

Có một thời người ta nâng ly sâm banh trong tiệc cưới, một bà cô của Shaki-la thì thầm, bà nhớ lại những thời kỳ tự do hơn. Nhưng cái thời đó hẳn không bao giờ còn trở lại nữa, bà nói thêm.

Cái thời kỳ đi bít tất nilon, mặc váy tây, để cánh tay trần và nhất là không trùm burkha chỉ còn là một kỷ niệm xa xôi.

Đám cưới hạng ba, Mansur, con trai cả của Sultan, trả lời bà. Thức ăn tối, quần áo bán ở tầng dưới, thịt viên trộn cơm, áo rộng và khăn quàng.

– Khi tôi lấy vợ, tôi sẽ thuê phòng

nhảy ở khách sạn Liên Lục Địa, và mọi người phải mặc quần áo tân thời, bếp ăn thì loại tốt nhất. Thực phẩm nhập khẩu, cậu ta nhấn mạnh, trước khi đổi ý, không, đúng ra, tôi sẽ làm đám cưới ở nước ngoài.

Buổi lễ của Shakila và Wakil diễn ra trong ngôi nhà bằng đất nện của Mariam và trên sân chẳng có cái cây nào. Một khung cảnh chiến tranh làm mờ xỉn những tấm ảnh chụp đôi tân hôn. Phía sau lưng họ, bức tường lỗ chỗ dấu đạn và vết khoét lựu đạn. Họ đứng chụp ảnh, nhìn chăm chăm về một hướng. Chẳng có nụ cười nào và những dấu ấn sau chiến tranh sau lưng họ khiến khung cảnh mang một vẻ bi kịch.

Đã đến lễ cắt bánh. Cùng cầm con dao, vẻ mặt tập trung, họ cắt chiếc bánh và đút cho nhau, miệng ngậm lại, cứ như

họ nhăn nhó không muốn mở hẳn ra, và tự làm bản mình vì những mẫu bánh.

Sau đó đến tiết mục nhạc và nhảy múa. Hôm nay nhiều người khách mời lần đầu tiên dự một đám cưới kể từ ngày bọn taliban bỏ chạy, nghĩa là một đám cưới có nhạc và nhảy múa. Bọn taliban đã tước mất đi một nửa thú vui của dân chúng trong các lễ cưới khi chúng cấm nhạc. Hôm nay, mọi người đều lao vào nhảy múa, trừ đôi tân hôn, vẫn ngồi trên ghế làm khán giả. Bấy giờ là cuối buổi chiều. Do lệnh giới nghiêm, các lễ hội trong đám cưới phải làm sớm hơn. Mọi người phải trở về nhà trước 22 giờ.

Lúc hoàng hôn, đôi tân hôn rời buổi lễ trong tiếng kèn coóc nê và tiếng reo hò ầm ĩ. Ngồi trong một chiếc xe trang trí hoa và dải lụa, họ đi về nhà Wakil. Người nào tìm được chỗ trên một chiếc xe thì

đi theo đoàn. Trong xe của Wakil và Shakila dồn đến tám người, trên những xe khác còn đông hơn. Họ đi một vòng trên những đường phố Kaboul. Lễ àùd đã khiến các đường phố vắng tanh và các xe lao đến các ngã tư với tốc độ một trăm kilômét một giờ, đua nhau vượt lên đầu đoàn. Hai chiếc xe va vào nhau khiến không khí lễ hội có ngừng lại một thoáng, nhưng không ai bị thương nặng. Đèn pha bị vỡ và mui bị dồn lên, đoàn xe về đến nhà Wakil. Tua đi vòng này là tượng trưng cho sự chuyển nhượng, Shakila rời gia đình cô để về nhà chồng.

Những người họ hàng gần nhất đến nhà Wakil, ở đó cô em gái anh mời trà. Từ nay Shakila sẽ cùng chia xẻ khuôn sân chung với những người phụ nữ này, ở đây họ sẽ gặp nhau hàng ngày ở vòi nước, nơi đây họ sẽ cùng nhau giặt quần

áo và nuôi gà. Những đứa trẻ thò lò mũi dài nhìn cô, cô là người đàn bà sắp trở thành người mẹ mới của chúng. Chúng trốn dưới váy các bà cô của chúng và lặng lẽ nhìn cô dâu toàn thân lóng lánh vàng. Tiếng nhạc đã rất xa, những tiếng reo hò vui tươi đã lặng. Shakila trang nghiêm bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà mới này, rất rộng, trần nhà rất cao. Cũng như tất cả các ngôi nhà trong làng, nhà này được xây bằng đất nén, với những thanh xà nặng trên trần. Các cửa sổ được che bằng tấm nhựa. Cả Wakil cũng không dám tin là bom đạn và tên lửa đã hết hẳn để mà gỡ chúng đi.

Mọi người bỏ giày và lặng lẽ bước đi trong nhà. Sau một ngày bị bó chặt trong những chiếc giày cao chót cứng màu trắng, đôi bàn chân đỏ và sưng vù lên. Những người khách còn lại, những

người gần gũi nhất trong gia đình, đi vào phòng ngủ. Một chiếc giường đôi mềm mông chiếm gần hết cả phòng. Shakila tự hào nhìn chiếc khăn trải giường màu hồng ngọc, sáng loáng và nhẵn bóng và những chiếc gối cô đã mua cũng như những tấm rèm mới màu đỏ tự tay cô đã may. Ngày hôm trước Mariam em gái cô đã đến chuẩn bị căn phòng này, treo rèm, trải khăn bọc giường và bày các trang trí cho đám cưới. Còn cô, Shakila, cô chưa bao giờ đặt chân vào ngôi nhà này, nơi từ nay cô sẽ chỉ huy cho đến cuối đời.

Trong suốt lễ cưới, không ai có thể nhìn thấy đôi tân hôn trao đổi một nụ cười. Lúc này, trong ngôi nhà mới của mình, Shakila không còn kìm giữ được nữa.

– Em chăm lo mọi việc tuyệt quá, cô khen Mariam.

Lần đầu tiên trong đời, cô có căn phòng riêng của mình. Lần đầu tiên trong đời, cô sẽ nằm ngủ trên một chiếc giường. Cô ngồi xuống cạnh Wakil trên tấm trải giường mềm mại.

Còn lại những phần cuối cùng của nghi lễ. Một người em gái của Wakil đưa cho cô một chiếc đinh lớn và một cái búa. Cô biết cô phải cô làm gì, cô bước chậm rãi về phía cửa phòng, và đóng chiếc đinh phía trên cửa. Khi chiếc đinh đã lún hết, mọi người vỗ tay. Bibi Gul sịt mũi. Bằng động tác tượng trưng đó của mình, Shakila đã đóng cứng số phận của mình vào ngôi nhà này.

Ngày hôm sau, sau bữa ăn sáng, bà cô của Wakil đến nhà Bibi Gul. Trong túi xách của bà có chiếc chăn mà Leila suýt nữa đã quên – vật quan trọng nhất trong mọi thứ. Người đàn bà lớn tuổi trầm

ngâm lấy chiếc chăn ra và đưa cho Bibi Gul. Nó thấm đầy máu. Bibi Gul mỉm cười cảm ơn, trong khi những giọt nước mắt lăn trên má bà. Bà đọc nhanh một lời cầu nguyện. Mọi người trong nhà đổ xô đến và Bibi Gul đưa tấm chăn cho người nào muốn xem. Ngay cả những đứa con gái nhỏ của Mariam cũng nhìn thấy chiếc chăn thấm máu.

Không có những vết máu đó, thì chính Shakila, chứ không phải tấm chăn, sẽ bị gửi trả về gia đình mình.

9. Vị nữ trưởng lão

Đám cưới là cái chết một phần. Trong những ngày tiếp liền sau đó, nhà cô dâu tang tóc như vừa qua một đám tang. Nhà vừa mất, vừa bán hay cho đi một người con gái. Tang tóc nhất là những người mẹ, chính các bà đã luôn biết tất cả về con gái của mình, biết cô đi đâu, cô gặp gỡ ai, cô ăn những gì. Họ đã sống cùng nhau nhiều nhất hằng ngày, họ thức dậy cùng lúc buổi sáng, cùng nhau quét nhà, cùng nhau nấu ăn. Sau

đám cưới, cô gái biến mất, từ gia đình này cô chuyển gia đình khác. Hoàn toàn. Cô không về thăm bà khi cô muốn, mà chỉ khi chồng cô cho phép, và gia đình cô cũng không thể đến nhà cô nếu không được mời.

Trong một căn hộ của ngôi nhà 37 Microyan, một người mẹ khóc đưa con gái của mình, sống cách đó một giờ đi bộ. Nhưng Shakila sống ở làng Deh Khudaùdad, ngay sát bên ngoài Kaboul, hay sống ở nước ngoài cách xa hàng nghìn cây số thì sự thể cũng vậy thôi. Khi cô không ngồi trên tấm chăn bên cạnh bà uống trà và ăn kẹo hạnh ngào đường, thì cũng buồn như vậy thôi.

Bibi Gul cắn thêm một quả hạnh, bà đã giấu chúng dưới chăn để Leila không tìm ra được. Cô con gái út của bà là người giữ cho bà không phải chết vì bội

thực. Như một người y tá ở một bệnh viện chống béo phì, cô cấm bà ăn đường và mỡ, và giắt lấy thức ăn trên tay bà khi bà sắp lén ăn một món bị cấm. Khi có thời gian, cô nấu cho bà những món ăn đặc biệt, không có mỡ, nhưng Bibi Gul là người sẵn sàng trút mỡ từ đĩa người khác vào đĩa mình mỗi khi Leila quay lưng đi. Bà rất thích vị dầu, vị mỡ cừu nóng và pakora, bà thích mút tủy xương vào cuối bữa ăn. Thức ăn là niềm an ủi của bà. Khi chưa đủ no sau bữa ăn tối, ban đêm bà thường thức dậy để liếm bát và xoong chảo. Mặc những cố gắng của Leila, bà không bao giờ giảm cân, trái lại, ngày càng béo phì ra. Chỗ nào bà cũng bố trí những kho chứa nhỏ, trong những chiếc hòm cũ, dưới một số tấm thảm, sau một ngăn kéo. Hay trong một cái túi. Bà giữ những miếng caramen mềm trong đó. Những miếng caramen quét kem của

Pakistan, màu trông rất kỳ lạ, có chất bột và kết tinh. Đối với một số người chúng rất nhạt, thậm chí hôi dầu, nhưng đây là caramen quét kem, trên hộp có trang trí hình con bò cái, và không ai có thể nghe thấy khi bà mút.

Kẹo hạnh ngào đường thì trái lại, bà phải cắn thật êm. Bibi Gul ngồi than thở cho số phận của mình. Chỉ có mỗi mình bà trong phòng. Ngồi trên chiếc khăn, bà đựng đĩa người, những chiếc kẹo hạnh ngào đường giấu trong lòng bàn tay. Bà nghe tiếng xoong chảo canh trong bếp. Nay mai tất cả các cô con gái bà sẽ rời bỏ ngôi nhà này. Shakila đã đi rồi, Bulbula sắp đi. Điều gì sẽ đến khi Leila cũng sẽ đi nốt? Chẳng còn ai để chăm nom bà.

– Không ai được lấy Leila trước khi tôi chết.

Nhiều người đã đến hỏi Leila, nhưng bao giờ Bibi Gul cũng từ chối.

Vì chẳng bao giờ có ai chăm nom bà được như Leila.

Về phần mình, Bibi Gul chẳng còn làm gì cả với mười ngón tay của mình. Bà chỉ ngồi trong một góc uống trà và trầm ngâm suy nghĩ. Công việc nặng nhọc của bà đã xong. Khi một người đàn bà đã có những cô con gái trưởng thành, bà sẽ trở thành một kiểu người chỉ huy trong gia đình, ban bố những lời khuyên nhủ và thu xếp các cuộc hôn nhân, một người gìn giữ đức hạnh của gia đình, nhất là của các cô con gái bà. Bà lo giữ cho chúng không đi ra ngoài một mình, chúng trùm kín người cho đúng cách, không gặp gỡ với những người đàn ông ngoài người trong gia đình, chúng biết vâng lời và lễ độ. Đối với Bibi Gul, lễ độ

là đức hạnh cao nhất. Sau Sultan, bà là người có nhiều quyền hành nhất trong gia đình.

Bà lại nghĩ đến Shakila lúc này đang ở sau những bức tường cao bằng đất sét. Những bức tường xa lạ. Bà hình dung cô đang kéo nước ở chiếc giếng trong sân, chung quanh đầy những gà và mười đứa trẻ mồ côi mẹ. Bibi Gul sợ mình đã phạm một sai lầm. Nếu anh ta là người không tốt thì sao? Và ngôi nhà không có cô đã trở nên vắng vẻ quá...

Kỳ thực không có Shakila nhà cũng chỉ vắng đôi chút thôi. Thay vì mười hai người, bây giờ họ có mười một người chia nhau bốn căn phòng. Sultan, Sonya và đứa con gái một tuổi của họ trong một phòng, Yunus, em trai, và Mansur, con trai cả của Sultan, trong một phòng khác, và trong phòng thứ ba, những

người còn lại trong gia đình: Bibi Gul, hai cô con gái chưa có chồng của bà, Bulbula và Leila, hai đứa con trai nhỏ của Sultan, Eqbal và Aimal, và người anh em họ của chúng, đứa cháu của ông, Fazil, con trai của Mariam.

Căn phòng thứ tư dùng để chứa sách, bưu ảnh, gạo, bánh mì, quần áo mùa đông về mùa hè, quần áo mùa hè về mùa đông. Quần áo của gia đình đựng trong những hộp lớn, vì không phòng nào có tủ hộc tường. Ngày nào cũng tốn thời gian vô tận để lục tìm. Đứng hay ngồi sau những chiếc hòm, những người phụ nữ trong gia đình xem xét kẻ thì quần áo hay giày dép, kẻ thì một chiếc túi đã nhăn nhúm, một món tư trang hỏng, một dải lụa, một chiếc kéo hay một chiếc khăn. Vật tìm được hoặc đem ra dùng hoặc chỉ nhìn qua trước khi để lại đó,

nhưng hiếm khi vút đi. Các hòm do vậy ngày càng không ngừng nhiều lên. Mỗi ngày cái kho chứa lại được sắp xếp lại, mọi thứ phải xáo tung lên mỗi khi cần tìm một vật gì đó ở đáy hòm.

Ngoài những chiếc hòm lớn đựng quần áo và đồ mỹ nghệ đó, mỗi thành viên trong gia đình còn có một cái rương riêng có khóa. Những người phụ nữ đi lại với chùm chìa khóa đeo ở áo. Đây là không gian riêng duy nhất của họ và ta có thể thấy họ thường ngày ngồi dưới đất cúi người xuống chiếc rương ấy, lấy ra một món trang sức, xem xét, có thể đặt nó lại vào đó, bôi một chút thuốc mỡ mà họ đã quên băng mắt đã từng có nó hay hít một chút nước hoa người ta đã biếu mình một hôm nào đó. Cũng có thể ngắm một tấm ảnh một người anh em họ và đắm mình trong mơ tưởng hay,

như Bibi Gul, lấy ra mấy miếng caramen mềm hoặc những chiếc bánh quy giấu ở đó.

Sultan có một thư viện được khóa kỹ. Các cánh cửa bằng kính, có thể nhìn rõ các ngăn. Ông lưu giữ ở đây các tập thơ của Hafez và RŪmi, các cuốn du ký hàng trăm năm tuổi và những tập bản đồ cong vênh cả các góc lên. Sultan giấu tiền của ông ở những chỗ bí mật đó giữa các trang giấy, bởi vì ở Afganistan, chẳng có cơ chế ngân hàng nào vận hành tốt. Trong thư viện này có những tác phẩm ưa thích nhất của ông, các tác phẩm được tác giả ký tặng, các cuốn sách ông hy vọng một ngày nào đó sẽ có thì giờ đọc; nhưng phần lớn thời gian ông ở ngoài hiệu sách. Ông rời nhà buổi sáng trước 8 giờ, và trở về vào 20 giờ. Vậy nên ông chỉ còn có thì giờ chơi đùa với Lafita, ăn

tối và quyết định một đôi công việc nếu trong lúc ông vắng mặt có xảy ra chuyện gì đó. Về nguyên tắc, chẳng có chuyện gì, bởi vì cuộc sống của những người phụ nữ trong gia đình rất bình lặng và giải quyết những vấn đề của họ là thuộc dưới hạng của ông.

Trong phần dưới của thư viện, Son-ya cất giữ tài sản của cô. Vài tấm khăn choàng đẹp, đồ nữ trang, một ít tiền, những món đồ chơi người ta cho Lafita nhưng cô thấy quá đẹp không nên để cho con gái cô nghịch. Vậy đó, một bản sao búp bê Barbie mà Lafita nhận được trong dịp sinh nhật lần thứ nhất của nó ngụy trên nóc thư viện, vẫn còn bọc giấy bóng nhàu.

Thư viện là món đồ gỗ duy nhất trong nhà, gia đình không có tivi cũng không có radio. Bày biện trong các phòng chỉ

có những tấm nệm mịn đặt dọc theo các bức tường và những chiếc gối to cứng. Các tấm đệm ban đêm dùng để ngủ, còn ban ngày thì để ngồi. Gối dùng kê đầu hay ngồi tựa. Khi ăn, người ta trải trên nền đất một chiếc khăn bằng vải đánh xi, mọi người ngồi xếp bằng chung quanh và ăn bằng tay. Sau đó, khăn được giặt rồi cuộn lại.

Nền nhà trát xi măng, lót bằng những tấm thảm lớn. Tường nứt nẻ. Các cánh cửa khập khiểng, không đóng lại được và lúc nào cũng hé mở. Một số phòng chỉ được ngăn cách bằng một tấm chắn. Các lỗ thủng trên các cửa sổ được nhét kín bằng những chiếc khăn lau cũ.

Trong bếp, có một cái bồn rửa bát, một cái bếp ga và một tấm nung để dưới đất. Trong các khung cửa là rau và các thứ còn lại ngày hôm trước. Các kệ bếp

được che bằng rèm để tránh cái ghét và hơi bốc ra từ bếp lò. Tuy nhiên, mặc dầu đã cọ rửa rất nhiều, một lớp mỡ lẫn với bụi lưu cữu của Kaboul vẫn bám trên tất cả các chỗ làm bếp, tất cả các kệ và các khung cửa lớn và cửa sổ.

Phòng tắm và vệ sinh là một ngăn nhỏ, cách nhà bếp một bức tường có trở một cửa mái mở, thật ra đây chỉ là một cái lỗ đào trên nền đất và một cái vòi nước. Trong một góc có một cái chảo nấu củi có thể đun nước dùng vào các việc trong nhà, cũng như một bể chứa khi có nước máy thì đầy. Phía trên bể chứa, một cái kệ nhỏ đặt một chai dầu gội, một bánh xà phòng bao giờ cũng đen, vài cái bàn chải đánh răng và một ống thuốc đánh răng Trung Quốc đầy một chất bột lộn cộm những hạt mùi hóa học không thể tả được.

– Ngày trước đây là một căn hộ đẹp, Sultan nhớ lại. Chúng tôi có nước, điện, trên tường thì có tranh treo, đủ cả.

Nhưng nó đã bị cướp phá và đốt cháy trong nội chiến. Khi gia đình trở về, nó đã bị san phẳng hoàn toàn, và họ đã phải vá vúi lại được chừng nào hay chừng ấy. Phần xa nhất của khu Microyan, nơi gia đình Khan sinh sống, nằm ngay trên chiến tuyến giữa các lực lượng của viên chỉ huy moudjadeh Massoud và quân của tên Gulbuddin Hekmatyar kinh tởm. Massoud nắm giữ phần lớn Kaboul, trong khi Hekmatyar ở trên cao điểm bên ngoài thành phố. Họ đánh nhau bằng tên lửa, một số lớn rơi xuống khu Microyan. Trên một cao điểm khác là viên tướng Ouzbek Abdul Rashid Dostom, trên cao điểm thứ ba là viên chỉ huy theo phái chính thống Abdul Rasul

Sayyaf. Các quả tên lửa của họ rơi xuống các khu phố khác. Chiến tuyến di chuyển từ đường phố này sang đường phố khác. Các thống lĩnh chiến tranh đánh nhau bốn năm trước khi cuối cùng bọn taliban vào Kaboul và các thống lĩnh chiến tranh phải tháo chạy trước các học sinh trường dòng.

Sáu năm sau các cuộc đánh nhau, Microyan vẫn còn quang cảnh chiến tranh. Các ngôi nhà lở chỗ vết đạn và lựu đạn. Những tấm nhựa thay thế các tấm kính trên nhiều cửa sổ. Trần nhà nứt nẻ, và, khi nổ tên lửa đã đốt cháy những tầng trên của các ngôi nhà, biến chúng thành những lỗ hổng toang hoác. Microyan đã là sân khấu của một số các cuộc chiến đấu ác liệt trong nội chiến và phần lớn cư dân đã bỏ chạy. Ngọn đồi Maranyan, phía trên Microyan, nơi các lực lượng

của Hekmatyar chiếm đóng, không được dọn dẹp sau nội chiến. Hồ tên lửa, xe và xe tăng bị ném bom, nằm rải rác trên đó, chỉ cách nhà gia đình Khan mười lăm phút đi bộ. Ngày xưa, những người đi cắm trại rất ưa thích chỗ này. Đây là nơi an táng Nadir Shad, cha của Zaher Shad, bị ám sát năm 1933. Bây giờ chỉ còn lại đồng đồ nát của căn phòng tang lễ, chóp đầy vết đạn, các cây cột vỡ tan. Ngay cạnh đó, lâu đài khiêm tốn hơn của hoàng hậu trông càng tệ, giống như một bộ xương trên chỗ hàng hiên nhìn xuống thành phố, tấm bia mộ thì vỡ tan. Một số người đã cố gắng ghép các mảnh lại để đọc những lời trích dẫn kinh Coran được khắc trên đó.

Cả quả đồi đều bị gài mìn, nhưng chen giữa các vỏ đạn đại bác và các mảnh kim loại, phía sau một hàng đá tròn,

chứng tích duy nhất của những thời hòa bình, đã mọc lên những bông hoa cúc xu xi màu vàng da cam, thứ duy nhất trên đồi Maranyan đã sống sót qua được hạn hán và bọn taliban.

Từ trên đồi, nhìn ra xa, Microyan trông cũng giống như bất cứ một làng nào của Liên Xô cũ. Đúng là những ngôi nhà này là một món quà của người Nga. Trong những năm năm mươi và sáu mươi, nhiều kỹ sư xô viết được gửi sang Afganistan để xây dựng những cái gọi là các ngôi nhà Khrouchtchev, vẫn thấy đây ở khắp Liên Xô, và ở Kaboul, Kaliningrad cũng như ở Kiev chúng đều giống hệt nhau. Những ngôi nhà bốn tầng chia thành từng căn hộ hai, ba hay bốn phòng.

Đến gần, ta mới nhận ra rằng cái cảm giác đầu tiên đó không phải là do kết quả một sự suy tàn quen thuộc của

Liên Xô, mà là hậu quả của những phát đạn và của chiến tranh, ngay cả những chiếc ghế bằng xi măng đặt trước các cửa ra vào cũng bị vỡ tan, nằm lăn lóc như những xác tàu đắm lộn ngược lên trên những con đường đất lổ chỗ, vốn ngày trước từng được trải nhựa.

Ở Nga ngồi trên những chiếc ghế như vậy là những bà babouchka, những bà già chống gậy, có ria mép và trùm khăn quàng quan sát tất cả những người lai vãng quanh các ngôi nhà. ở Microyan, chỉ có các cụ già ngồi trước các ngôi nhà trò chuyện, tay vừa lăn tràng hạt. Họ ngồi dưới bóng đôi ba cây thừa lá còn sót lại. Những người phụ nữ vội vã đi qua trước mặt họ, mang dưới tấm burkha những túi hàng dự trữ. Rất ít khi một người phụ nữ dừng lại nói chuyện với một bà hàng xóm. ở Microyan, những

người phụ nữ muốn trò chuyện thì đến nhà nhau và giữ không để cho một người đàn ông nào không cùng gia đình nhìn thấy mình.

Nếu lối cư trú được xây dựng theo tinh thần bình quân kiểu Liên Xô, thì lại chẳng hề có bình đẳng, cả bên ngoài lẫn bên trong nhà. Quả là người ta có ý định xây dựng những ngôi nhà không phân biệt giai cấp trong một xã hội không có giai cấp, nhưng các ngôi nhà ở Microyan đã được coi là chỗ cư trú dành cho tầng lớp cấp trung lưu. Khi chúng được xây, việc được chuyển từ những ngôi nhà bằng đất nén chung quanh Kaboul sang các căn hộ có nước máy này là một dấu hiệu về địa vị xã hội. Những người được đến ở đây là kỹ sư, nhà giáo, tiểu thương và lái xe tải. Nhưng từ “tầng lớp trung lưu” chẳng có ý nghĩa gì lắm trong đất

nước này, nơi phần lớn dân chúng đã mất tất cả và xã hội thì thường tụt hậu rất xa.

Trong mười năm gần đây, cái món nước máy ngày trước rất được thèm muốn ấy đã trở thành trò đùa phổ biến: ở tầng dưới, nước lạnh được bơm hai giờ mỗi sáng, rồi sau đó chẳng có gì nữa hết; ở tầng một, thỉnh thoảng có nước, nhưng nước không bao giờ lên được đến các tầng trên, do áp lực quá thấp. Người ta đã đào giếng trước nhà và hằng ngày, một lũ trẻ con chạy lên chạy xuống các cầu thang tay xách xô, chai lọ, nôi.

Điện là niềm tự hào của các ngôi nhà này. Ngày nay, phần lớn thời gian tối om. Hạn hán đã khiến phải có chế độ phân phối điện rất nghiêm ngặt, hai ngày một lần các hộ được có điện bốn tiếng, từ 18 đến 22 giờ. Khi một khu phố có điện,

thì một khu khác phải chịu tối. Đôi khi, chẳng nơi nào có điện cả. Chỉ còn cách lòi đèn dầu hỏa ra và chịu ở trong bóng tối, trong khi xạ khí cay xè làm chảy cả nước mắt.

Gia đình Khan sống ở một trong những ngôi nhà xa nhất, bên bờ sông Kaboul. Chính tại đây, Bibi Gul ngồi điểm lại cuộc đời u buồn của mình, bắt đầu từ ngôi làng nơi bà đã lớn lên, bị vây kín giữa một sa mạc toàn những tảng đá vôi. Từ khi chồng bà chết, Bibi Gul thật khốn khổ. Theo những hậu duệ của ông, ông làm việc rất nhiều, hết sức sùng tín, nghiêm khắc, nhưng công bằng.

Sau khi ông chết, Sultan lên ngôi thay ông. Từ đó mỗi lời nói của ông ta được coi là pháp luật. Kẻ nào không tuân lời ông đều bị phạt, trước hết bằng lời nói, sau đó là về thể chất. Ông không chỉ ngự

trị trên gia đình ông, mà còn tìm cách chi phối cả cuộc sống của những em trai và gái của ông đã chuyển đi ở nơi khác. Người em trai kém ông hai tuổi hôn tay ông mỗi lần họ gặp nhau và xin trời phù hộ cho anh ta chớ bao giờ dám chống lại lời ông hay, còn tệ hơn thế nữa, dám đốt một điếu thuốc lá trước mặt ông. Mọi sự tôn kính phải được dành cho người anh cả.

Khi cả lời nói lẫn đòn roi vẫn không trị được một kẻ nào đó, thì còn một hình phạt khác: tù. Sultan không nói chuyện với Farik, một trong những người em trai của ông, từ khi anh ta từ chối làm việc cho ông và tự mở lấy tiệm sách và xưởng đóng sách riêng của mình. Những người khác trong gia đình cũng không được phép nói chuyện với anh ta. Không ai được nhắc tên Farik. Anh ta không còn

là em trai Sultan.

Farik cũng sống trong một ngôi nhà bị ném bom ở Microyan, cách vài phút đi bộ. Khi anh ta ở hiệu sách, Bibi Gul thường lên Sultan đến thăm anh. Các anh em, chị em của anh cũng vậy; bất chấp lệnh cấm của Sultan, trước lễ cưới Shakila đã nhận lời mời của người anh trai và đã ngồi trọn một buổi tối ở nhà anh, nói dối Sultan rằng cô đến thăm một người thím. Quả là theo phong tục, trước đám cưới, tất cả những người họ hàng của cô gái phải mời cô ăn một bữa cơm tiễn biệt. Những ngày lễ của gia đình, Sultan được mời, nhưng người em trai của ông thì không, những người anh em và chị em họ, chú bác cô gì của ông không ai muốn làm Sultan bất bình, sẽ rất khó chịu, và chẳng được việc gì. Nhưng họ đều quý Farik.

Không ai có thể nói chuyện gì đã thật sự xảy ra giữa Sultan và Farik. Người ta chỉ nhớ Farik chia tay ông anh trai của mình và ông này hét lên rằng từ nay quan hệ giữa họ đã chấm dứt vĩnh viễn. Bibi Gul van nài họ hòa giải nhưng họ chỉ nhún vai. Sultan thì bởi vì bao giờ cũng là người em phải xin lỗi. Farik thì bởi vì anh cho rằng chính Sultan đã sai.

Bibi Gul đã sinh mười ba người con; bà mới mười ba tuổi khi sinh Feroza, con gái đầu lòng của bà. Cuối cùng cuộc sống đã có một ý nghĩa. Những năm đầu của cô dâu trẻ con chỉ toàn là nước mắt, bây giờ tình hình đã khá lên. Vì là con gái đầu lòng, nên không có chuyện Feroza được đi học. Gia đình nghèo và cô bé phải xách nước, quét nhà, chăm các em trai và em gái. Đến mười lăm tuổi, cô được gả cho một người đàn ông bốn

mười. Ông ta giàu, và Bibi Gul nghĩ rằng giàu đồng nghĩa với hạnh phúc. Feroza đẹp gái và gả cô họ kiếm được món tiền kha khá hai mươi nghìn afgani.

Hai đứa con tiếp sau của Bibi Gul chết từ lúc còn nhỏ. ở Afganistan cứ bốn đứa trẻ thì một đứa chết trước khi lên năm. Đây là nước có tỷ lệ tử vong trẻ con cao nhất thế giới. Trẻ con chết vì sỏi, quai bị, cảm mạo, nhưng trước hết vì bệnh tả. Quả thực nhiều bậc cha mẹ không cho con ăn khi chúng mắc bệnh tả, vì muốn gì thì mọi thứ cũng sẽ bị thải ra hết. Họ nghĩ bằng cách đó họ có thể làm cho căn bệnh khô đi. Hàng nghìn đứa trẻ bị chết vì sự hiểu lầm đó. Bibi Gul cũng chẳng biết hai con bà đã chết vì cái gì. “Chúng chỉ chết vậy đó thôi”.

Rồi đến Sultan, Sultan yêu quý, Sultan được quý trọng. Cuối cùng Bibi Gul

đã sinh được một đứa con trai đang lớn lên và vị trí của bà trong gia đình chồng sẽ khá lên rất nhiều. Giá trị của một cô dâu là ở cái màng trinh của cô ta, giá trị của một người vợ là ở số con trai bà sinh ra đời. Là con trai cả, Sultan bao giờ cũng được quyền có những gì tốt nhất, dù gia đình họ vẫn nghèo. Món tiền Feroza mang lại thừa cho cậu ăn học. Từ nhỏ, Sultan đã giữ vai chủ gia đình và bố cậu giao cho cậu những nhiệm vụ phải gánh vác. Bảy tuổi, cậu đã làm việc cật lực trong khi vẫn đi đến trường.

Sau Sultan hai năm, thì đến Farik, một đứa trẻ vô giáo dục, lúc nào cũng dây vào các cuộc ẩu đả, bao giờ cũng về nhà quần áo rách bươm và mũi bê bết máu. Cậu uống rượu và hút thuốc lá, đương nhiên là lén bố mẹ. Nhưng khi không nổi giận thì cậu lại hết sức ngoan. Bibi

Gul kiếm được cho cậu một người đàn bà. Bây giờ cậu đã có vợ và là cha của hai cô con gái và một thằng con trai. Nhưng cậu ta đã bị đày biệt xứ khỏi ngôi nhà số 37 khu Microyan. Bibi Gul thở dài. Lòng bà đau buồn vì sự không thuận hòa giữa hai đứa con trai đầu. “Tại sao chúng lại không thể biết điều hơn?”

Sau Farik là Shakila. Nàng Shakila hồn nhiên, can đảm, mạnh mẽ. Bibi Gul để rơi một giọt nước mắt. Bà lại thấy cô con gái của bà đang kéo một gàu nước nặng.

Rồi đến Nesar Ahmad. Khi nghĩ đến cậu ấy, Bibi Gul lại khóc nhiều hơn. Nesar Ahmad hiền lành, dễ gần và là học trò ngoan. Cậu học trường trung học ở Kaboul và muốn theo nghề kỹ sư như Sultan. Một hôm, cậu không trở về nhà. Các bạn cùng lớp cậu kể lại rằng cảnh sát

quân sự đã trưng tập đám con trai khoẻ nhất trong lớp và tổng vào quân đội. Bấy giờ là dưới thời Liên Xô chiếm đóng và các lực lượng Afganistan mặc nhiên được coi là các đơn vị bộ binh thay cho quân đội Liên Xô. Họ ở tuyến đầu trong các cuộc chiến đấu chống quân moudjahidin. Thiện chiến hơn, quân moudjahidin nắm chắc địa hình hơn và rút lui vào núi. Họ chờ quân Nga và quân Afganistan phản bội lên đến các ngọn đèo. Trên một trong những ngọn đèo đó Nesar Admah đã mất tích. Bibi Gul tin rằng cậu vẫn còn sống. Có thể cậu đã bị bắt làm tù binh. Có thể cậu đã bị chứng mất trí nhớ, có thể cậu đang có một cuộc sống tốt đẹp hơn ở đâu đó. Ngày nào bà cũng cầu nguyện Allah cho cậu trở về.

Sau Nesar Ahmad đến Bulbuka, cô đổ bệnh vì buồn khi bố bị tù và suốt ngày

ngồi nhà nhìn vào khoảng không.

Mariam, sinh vài năm sau đó, tỏ ra năng nổ hơn. Cô làm việc giỏi, quyết đoán và là học sinh xuất sắc. Cô đẹp lên và nhanh chóng thu hút bao nhiêu anh chàng hâm mộ. Mười sáu tuổi, cô lấy một cậu thanh niên trong làng. Cậu ta có một tiệm buôn nhỏ và Bibi Gul cho là một đám tốt. Mariam rời gia đình sang ở nhà chồng, cùng với em trai và mẹ cậu ta. Cô phải làm việc nhiều vì bà mẹ bị bỏng nặng hai bàn tay ở một lò bánh mì, mất hẳn một số ngón tay, những ngón còn lại thì dính chặt vào nhau. Với hai nửa ngón cái, bà có thể ăn một mình, trông coi bọn trẻ nhỏ và mang các đồ vật bằng cách ép sát chúng vào người. Mariam cảm thấy hạnh phúc trong gia đình mới của cô. Cho đến ngày bùng nổ nội chiến. Trong dịp một cô em họ của Mariam sắp làm

đám cưới ở Jalalabad, cả gia đình mạo hiểm đi đến đó mặc dù tình hình mất an ninh trên đường. Karimullah, chồng cô, phải trở về Kaboul để trông coi tiệm buôn. Nhưng một buổi sáng, khi anh ta đi đến đó, thì bị rơi vào giữa những làn đạn bắn chéo. Một viên đạn trúng giữa tim và anh chết ngay tại chỗ. Mariam khóc suốt ba năm. Cuối cùng Bibi Gul và bà mẹ Karimullah quyết định gả cô cho Hazim, em trai của người chồng đã chết của cô. Vậy là cô có một gia đình phải chăm nom và phải trấn tĩnh lại vì chồng và hai đứa con. Bây giờ, cô sắp có đứa thứ năm. Fazil, mười tuổi, con trai đầu của cô với Karimullah, đã phải làm việc. Nó vác các hòm và bán sách ở một trong các cửa hiệu của Sultan và sống ở nhà ông để nhẹ gánh bớt cho Mariam.

Rồi đến Yunus, cậu con trai yêu

thích nhất của Bibi Gul. Cậu là đứa chiều chuộng bà, biếu bà những món quà nhỏ, luôn hỏi bà có cần gì không và, sau bữa ăn tối, khi mọi người trong gia đình, ngồi hay nằm dài trên các tấm thảm, đã lơ mơ ngủ, cuối cùng cậu ta gối đầu lên đùi mẹ mà ngủ thiếp đi. Yunus là đứa duy nhất mẹ nó biết chính xác ngày sinh, nó sinh đúng vào hôm xảy ra cuộc đảo chính lật đổ Zaher Shad, ngày 17 tháng Bảy năm 1973.

Những đứa khác chẳng có ngày cũng chẳng có năm sinh. Giấy tờ của Sultan ghi năm sinh là từ 1947 đến 1955. Khi Sultan cộng những năm thơ ấu, đi học, rồi chiến tranh lần thứ nhất, chiến tranh lần thứ hai, ông có con số năm mươi và vài năm nữa gì đó. Mọi người đều dùng cách đó để xác định tuổi của mình. Và vì chẳng ai thật sự chắc chắn, mỗi người

có thể tự chọn lấy tuổi của mình. Chẳng hạn, Shakila có thể nói cô ba mươi, nhưng rất có thể kỳ thực cô lớn hơn năm hay sáu tuổi.

Sau Yunus đến Basir. Cậu ta sống ở Canada vì mẹ cậu đã thu xếp cho cậu lấy một người họ hàng sống bên ấy. Bà không nhìn thấy cậu và không được nói chuyện với cậu từ ngày cậu cưới vợ và chuyển đi đã hai năm nay. Bibi Gul lại rơi một giọt nước mắt. Đối với bà không gì khổ hơn là phải xa các con. Ngoài những chiếc kẹo hạnh ngào đường trong đáy hòm, đây là tất cả những gì bà có được trên đời này.

Đứa con trai cuối cùng bà sinh ra chính là cái cớ khiến bà cứ ăn hoài, ăn mãi. Vài ngày sau khi nó ra đời, bà phải đem cho một người đàn bà họ hàng không có con. Đôi vú bà cương sữa và

nước mắt cứ tuôn chảy. Một người đàn bà có được giá trị khi trở thành mẹ, nhất là có con trai. Khi một người đàn bà không có con, điều đó có nghĩa là bà ta không được coi trọng. Người đàn bà là họ hàng của Bibi Gul suốt mười lăm năm không sinh con, bà ta đã cầu xin Thượng Đế, đã tuyệt vọng, đã dùng đủ thứ thuốc có thể tưởng tượng ra được và nghe theo tất cả các lời khuyên có thể có, trong khi Bibi Gul đang mang thai đứa con thứ mười, bà ta xin Bibi Gul cho bà ta đứa con ấy.

Bibi Gul từ chối.

– Tôi không thể cho con tôi.

Người bà con tiếp tục van nài, than khóc và đe dọa.

Hãy thương hại tôi, chị đã có nhiều con, còn tôi thì chẳng có gì cả. Chỉ cho tôi

xin đứa này thôi, bà ta khóc. Tôi không thể sống mà không có con.

Cuối cùng Bibi Gul đành hứa cho bà ta đứa con này. Khi sinh, bà giữ con hai mươi ngày. Bà cho con bú, nựng con và khóc. Bibi Gul đã trở thành một người đàn bà quan trọng nhờ có các con của bà và bà mong có được càng nhiều càng tốt. Ngoài chúng ra, bà chẳng còn có gì nữa hết, không có chúng bà chẳng là gì cả. Sau hai mươi ngày đã hẹn, bà cho con, và dầu sữa bà vẫn tiếp tục chảy ròn ròn, bà không thể cho nó bú nữa. Nó không được có bất cứ mối dây liên hệ nào với mẹ nó, từ nay đối với nó bà chỉ còn là một người họ hàng xa. Bà biết nó khoẻ mạnh, nhưng bà vẫn đau khổ vì sự chia cách này. Khi bà gặp nó, bà phải khẳng định nó không phải là con bà. Bà đã hứa như thế khi cho con.

Leila là em gái nó. Hay lam hay làm, cẩn thận, Leila đảm đương phần lớn công việc nội trợ trong gia đình. Là đứa con sinh ra cuối cùng, mười chín tuổi, địa vị cô thấp hơn mọi người. Em út, độc thân, còn con gái. ở tuổi cô, Bibi Gul đã sinh được bốn con, hai đứa chết và hai đứa còn sống. Nhưng bây giờ bà không nghĩ đến chuyện đó nữa, bây giờ bà nghĩ rằng trà đã nguội và cả bà cũng vậy. Bà giấu những viên kẹo hạnh ngào đường của bà dưới tấm thảm và muốn có ai đó đi tìm chiếc khăn quàng len cho bà.

– Leila!!! bà gọi.

Leila vội rời những chiếc nồi của cô.

10. Cám dỗ

Cô bước vào mang theo cùng cô cả vầng ánh sáng mặt trời, một vẻ kiêu diễm uyển chuyển vừa len vào trong bóng tối của căn phòng. Mansur đang ngủ lịm bỗng bừng thức dậy và chăm chú nhìn theo con người đang lướt đi dọc các giá sách đó.

– Tôi có thể giúp gì cô không?

Cậu biết ngay cậu đang gặp một người đàn bà đẹp và trẻ. Cậu quan sát tư

thế của cô, đôi bàn chân, đôi bàn tay, cái cách cô cầm chiếc túi.

– Anh có cuốn Hóa học bậc II không?

Mansur làm ra vẻ một người bán sách rất chuyên nghiệp. Cậu biết cậu không có cuốn sách đó, nhưng yêu cầu cô đi theo cậu đến tận cuối quầy để tìm. Cậu đứng ngay sát cạnh cô và nhìn khắp các ngăn trong khi mùi hương của cô khiến các cánh mũi cậu rung rinh. Cậu nhón chân lên, cúi xuống, làm ra vẻ cố tìm. Thỉnh thoảng cậu quay lại để quan sát ánh mắt cô. Cậu chưa bao giờ nghe nói về cuốn sách đó.

– Rất tiếc, chúng tôi không còn, nhưng tôi có vài bản ở nhà. Nếu cô có thể trở lại đây ngày mai thì tôi sẽ mang đến.

Ngày hôm sau, suốt ngày cậu chờ sinh linh tuyệt vời đó, không có sách hóa học, nhưng lại có cả một kế hoạch. Cậu dùng thời gian chờ đợi để xây dựng nhiều kịch bản mới hết cái này đến cái khác. Cho đến khi đóng cửa lúc chiều tối. Cậu hạ những tấm lưới sắt che các tấm kính bị vỡ ban đêm.

Ngày sau nữa, cậu ngồi sau quầy sốt ruột trông ngóng, rất bức bối. Không có điện, căn phòng tối mờ. Chỗ có những tia nắng chiếu vào, bụi bay và khiến nơi này càng thêm buồn tẻ. Khi có khách hỏi sách, Mansur trả lời cộc lốc rằng cậu không có, dù sách đang nằm trên ngay trên ngăn trước mũi đấy. Cậu nguyên rửa cái xích xích chân cậu vào hiệu sách của bố, chẳng được tự do cả vào ngày thứ sáu¹¹, cậu nguyên rửa bố đã ngăn không

11 Mỗi ngày người theo đạo Hồi phải cầu nguyện năm lần. Riêng ngày thứ sáu hằng tuần, tại các đền thờ Hồi giáo người

cho cậu được đi học, không cho cậu mua một chiếc xe đạp, gặp bạn bè. Cậu ghét những cuốn sách bụi bặm bày đầy các ngăn. Nói chung, cậu ghét sách, lúc nào cậu cũng làm ra sách nhưng không bao giờ cậu đọc hết một cuốn kể từ ngày cậu rời ghế nhà trường.

Những tiếng bước chân nhẹ nhẹ cộng với tiếng ào xào của một thứ vải nặng đánh bật cậu ra khỏi tình trạng cáu kỉnh. Cũng như lần trước, cô đứng giữa một tia nắng đang làm cho những hạt bụi nhảy múa quanh cô. Mansur kìm mình lại để khỏi nhảy lên vì vui mừng và lại lấy lại vẻ một người bán sách.

– Hôm qua tôi chờ cô, cậu bảo, ra bề có một thiện ý hoàn toàn nghề nghiệp. Tôi có cuốn sách ở nhà, nhưng tôi không

ta tổ chức những buổi cầu nguyện tập thể dưới sự hướng dẫn của các giáo sĩ. Ngày đó được coi là ngày nghỉ.

biết cô thích lần xuất bản nào, kiểu bìa nào và giá nào. Có quá nhiều bản in khác nhau nên tôi không thể mang hết ra đây. Cô có muốn đi theo tôi và chọn bản cô thích không?

Chiếc burkha nhìn anh, ngạc nhiên. Cô mân mê chiếc túi, đắn đo.

– Đến nhà anh ư?

Họ đứng im nào một lúc chẳng nói nên lời. Im lặng là cách thuyết phục tốt nhất, Mansur nghĩ, run lên vì bị kích thích. Cậu đã dám thốt lên một lời mời số sòng.

– Cô cần cuốn sách đó, đúng không? cuối cùng cậu hỏi.

Thần diệu trong những điều thần diệu, cô nhận lời. Cô gái ngồi ở ghế sau, nhưng cố ý sao cho có thể nhìn thấy được

cậu qua tấm kính chiếu hậu. Trong khi nói chuyện Mansur cố không né tránh cái cậu đoán là ánh nhìn của cô.

– Chiếc xe thật đẹp, cô nhận xét. Của anh đấy à?

– Vâng, nhưng chẳng có gì ghê gớm lắm đâu, Mansur uể oải trả lời. Như vậy, chiếc xe có vẻ còn đẹp hơn, và cậu thì giàu có hơn.

Cậu lái hù họa trên các đường phố Kaboul, với một chiếc burkha ngồi sau xe. Cậu không có cuốn sách đó và ở nhà cậu thì có bà nội và các bà cô. Sự hiện diện quá gần gũi của cô gái xa lạ này khiến cậu lúng túng và lòi cuồn cậu. Trong một khoảnh khắc lấy được hết can đảm, cậu xin được nhìn thấy mặt cô. Cô hoàn toàn sống người đi mấy phút rồi dờ vạt trước burkha của cô lên và không né

tránh cái nhìn của cậu trong gương chiếu hậu. Đúng như cậu nghĩ, cô rất đẹp, đôi mắt to đen tuyệt diệu đã trang điểm; cô lớn hơn cậu vài tuổi. Bằng những vòng lái độc đáo, một vẻ lôi cuốn khó rời và khả năng thuyết phục của cậu, cậu đã làm cho cô quên bằng mất cuốn sách hóa học và mời cô vào một tiệm ăn.

Cậu dừng xe, cô trườn ra và bước lên các bậc cấp của tiệm ăn Marco Polo, Mansur gọi trọn cả thực đơn, thịt gà rán xiên, chả nướng, mantu - mì dẹt Afganistan nhồi thịt và palao, cơm với những miếng thịt cừu to tướng và ăn tráng miệng món bánh nhân đào lạc.

Trong bữa ăn, cậu cố làm cho cô cười, khiến cô cảm thấy được yêu trọng, cậu mời cô ăn thêm. Cô ngồi trong một góc tiệm, quay lưng lại các bàn khác, tấm burkha hất ra sau. Cô bỏ dao và nĩa và

như phần lớn người Afganistan cô ăn bằng tay. Cô kể chuyện đời cô, chuyện gia đình, chuyện học hành của cô, nhưng quá bị kích thích, cậu chẳng nghe được gì cả. Đây là cuộc hẹn hò yêu đương đầu tiên của cậu. Cuộc hẹn hò yêu đương hoàn toàn bất hợp pháp. Lúc ra đi, cậu để lại món tiền boa hào phóng một cách quá đáng, cô sinh viên tròn mắt lên. Nhìn chiếc áo dài của cô, cậu biết cô không giàu nhưng cũng không nghèo. Mansur phải vội trở về cửa hàng, chiếc burkha nhảy lên một chiếc taxi, thời taliban cô đã có thể bị đánh roi, cùng với người lái xe. Thời ấy không thể có một cuộc gặp gỡ ở quán ăn như thế này, một người đàn ông và một người đàn bà không thuộc cùng một gia đình không được phép cùng đi dạo ngoài đường, và cô càng không thể dỡ tấm burkha ra giữa chỗ đông người. Mọi việc đã thay

đổi. Thật may cho Mansur. Cậu hứa ngày mai sẽ mang cuốn sách đến.

Cậu bỏ cả ngày suy nghĩ xem phải nói những gì với cô khi cô trở lại ngày mai. Cậu phải thay đổi chiến lược và chuyển từ vai anh hàng sách sang vai kẻ quyến rũ. Về mục ngôn ngữ yêu đương, Mansur chỉ biết được những lô câu tràng giang to tát trong các phim ấn Độ và Pakistan, bao giờ cũng bắt đầu bằng một cuộc gặp gỡ, rồi chuyển qua hận thù, phản bội và thất vọng, trước khi kết thúc bằng những lời hứa yêu đương mãi mãi tuyệt vời – một trường học tốt cho một anh chàng trai trẻ đi dụ gái.

Ngồi sau quầy, cạnh một chồng sách và giấy, Mansur mơ tưởng đến cái cách thức cuộc trò chuyện của cậu với cô sinh viên sẽ diễn ra: “Từ khi chia tay em hôm qua, không giây phút nào anh không

nghĩ đến em. Anh biết rằng ở em có một điều gì đó thật đặc biệt, rằng em sinh ra là để cho anh. Em là số phận của anh!” Điều đó chắc chắn sẽ khiến cô rất vui lòng, cậu sẽ nhìn sâu vào mắt cô, cũng có thể cậu sẽ cầm lấy cổ tay cô: “Anh phải được ở một mình với em. Anh muốn được nhìn thấy em trọn vẹn, anh muốn đắm mình trong mắt em.” Cậu sẽ nói với cô như vậy. Hoặc cũng có thể cậu sẽ tỏ ra kín đáo hơn: “Anh không dám đòi hỏi nhiều, chỉ cần em qua đây khi em không có còn có việc gì để làm nữa, nhưng thôi hằng cứ cho mỗi tuần ít ra một lần đi.” Có thể cậu phải hứa: “Khi anh đủ mười tám tuổi, chúng mình sẽ cưới nhau.”

Cậu phải tỏ ra là anh chàng Mansur người có chiếc xe xa xỉ, Mansur có một cửa hàng ra trò, Mansur cho boia rất hào phóng, Mansur mặc toàn âu phục. Cậu

phải cảm dỗ cô bằng cách gọi cho cô thấy cuộc sống cô sẽ có được cùng với cậu: “Em sẽ có một ngôi nhà lớn có vườn và nhiều đầy tớ, và chúng ta sẽ đi nghỉ mát ở nước ngoài.” Phải làm cho cô cảm thấy mình được đặc biệt yêu chọn và hiểu rằng cô cần cho cậu biết bao nhiêu. “Anh chỉ yêu có mỗi em thôi. Mỗi giây phút không có em là mỗi giây phút đau khổ đối với anh.” Nếu cô vẫn từ chối làm theo điều cậu mong muốn, thì phải tỏ ra thảm thương hơn: “Nếu em bỏ anh, thì em hãy giết anh trước đi đã! Hay là anh sẽ đốt cháy cả thế gian này!”

Nhưng cô sinh viên không trở lại sau bữa ở tiệm ăn nọ. Cả ngày hôm sau nữa cũng vậy. Mansur tiếp tục lặp lại các câu của cậu, nhưng ngày càng mất hi vọng. Cô không thích cậu chẳng? Bố mẹ cô đã khám phá ra những gì cô đã làm? Cô bị

cầm đi ra ngoài chẳng? Có ai đó đã nhìn thấy họ và tố cáo ra? Một người láng giềng, một người họ hàng? Hay cậu đã phạm sai lầm nào?

Một cụ già chống gậy và quấn một chiếc khăn to cắt đứt những kế hoạch cạm cũi của cậu. Ông lau bầu chào cậu và hỏi một tác phẩm tôn giáo. Khó chịu, Mansur đi tìm cuốn sách và ném ra trên quây. Cậu không phải là Mansur người quyền rũ. Cậu chỉ là Mansur con trai của ông hàng sách, Mansur có những giấc mơ màu hồng và mạ vàng.

Ngày nào cậu cũng chờ cô trở lại. Ngày nào cậu cũng đóng các tấm lưới trước cửa mỗi buổi chiều tối mà cô vẫn không đến. Những giờ trải qua ở hiệu sách là những giờ nặng nề nhất.

Trên con đường có hiệu sách của Sul-

tan, còn thấy những hiệu sách khác cũng như những cửa hàng văn phòng phẩm, ở đó người ta đóng sách hay photo tài liệu cho khách. Ralimullah làm việc tại một trong những cửa hàng ấy. Anh ta thường sang hiệu sách của Mansur uống trà và trò chuyện. Ngày hôm đó, chính Mansur lại tìm sang chỗ anh để bày tỏ nỗi thất vọng của mình. Ralimullah chỉ cười.

– Đừng có mà nhắm một cô sinh viên. Đám ấy thì quá chính chuyên. Hãy nên thử với một kẻ đang cần tiền. Đơn giản hơn cả, là với đám hành khất. Có rất nhiều người không đến nỗi tệ quá đâu. Hay cứ đến chỗ Liên Hiệp Quốc phát bột mì và dầu ấy. Có khối bà góa ở đấy.

Mansur há hốc cả mồm. Cậu biết cái nơi người ta phát lương thực cho những người đói kém nhất đó, trước hết là các

bà góa do chiến tranh có con còn nhỏ.

Cứ đến đó đi và tìm lấy một cô có vẻ còn trẻ. Mua lấy một chai dầu và bảo cô ta đi đến đây. Thường thường tớ bảo: “Nếu cô đến cửa hàng, lần sau tôi sẽ chờ cô.” Khi họ đến, tớ đề nghị với họ một ít tiền và kéo họ vào phòng trong. Họ đến đây trùm burkha, họ lại ra đi trùm burkha – chẳng ai nghi ngờ gì hết. Tớ được cái tớ cần còn họ được tiền cho các con của họ.

Mansur nhìn Ralimullah không tin, anh ta mở cửa căn phòng trong để chỉ cho cậu sự việc diễn ra trong đó như thế nào. Căn phòng chỉ vài mét vuông. Trên nền đất rải những tấm bìa, bần thiêu, vô số dấu chân đã dẫm lên đó, loang lổ những vết sẫm.

Tớ bỏ tấm choàng của họ ra, cởi áo,

cởi giày, cởi quần, cả đồ lót. Khi họ đã vào đây, thì đã quá muộn để thay đổi ý kiến. Họ không thể kêu thét lên, vì nếu có ai đó đến giúp họ, thì dẫu sao tất cả tội lỗi cũng thuộc về phía họ. Vụ bê bối sẽ phá nát cả cuộc đời họ. Đối với các bà góa, thế là xong, nhưng khi gặp các cô gái trẻ còn trinh, tớ chỉ làm vào giữa hai đùi họ, tớ bảo họ khép chặt chân lại. Hay làm đằng sau, đúng thế đấy, đằng sau, cậu biết không, anh chàng tiểu thương giải thích.

Sững sờ, Mansur nhìn anh ta. Chẳng lẽ lại chỉ đơn giản thế thôi ? Buổi chiều, khi cậu nhăm vào cái đám màu xanh những chiếc burkha, sự thể lại chẳng hề dễ dàng như vậy. Cậu mua một chai dầu, nhưng những bàn tay chìa ra để cầm lấy đều sẵn sùì và héo mòn. Cậu nhìn quanh và chỉ thấy toàn cảnh nghèo đói, cậu ném

chai dầu vào ghế sau xe và rô máy chạy.

Cậu đã thôi không còn lặp lại những câu nghe được trong phim. Nhưng một hôm, cậu tự nhủ dầu sao có thể cậu lại phải cần đến chúng. Một cô gái bước vào hiệu và hỏi một cuốn sách tiếng Anh cho người mới học. Anh chàng nhìn đăm con trai ông hàng sách xin được giúp cô ta.

– Khách hàng vắng lắm, nên thỉnh thoảng anh có thể giúp em học bài.

Cuộc giúp đỡ bắt đầu trên chiếc tràng kỷ của hiệu sách và được tiếp tục sau một ngăn sách với những lời hứa sẽ cưới nhau và mãi mãi chung thủy. Một lần, cậu dỡ tấm burkha của cô lên và ôm hôn cô ta. Cô bứt ra và không bao giờ trở lại nữa.

Một hôm, cậu nhận được một cô gái

trên đường, một cô gái mù chữ chưa bao giờ nhìn thấy sách. Cô chờ cậu ở trạm xe buýt trước cửa hiệu và cậu bảo cậu có một cái này muốn đưa cho cô xem. Cô ta đẹp. Đẹp và dịu dàng. Thỉnh thoảng cô tạt qua hiệu sách, cậu hứa với cô một tương lai bằng vàng. Đôi khi cô để cho cậu sờ mó bên dưới tấm burkha, nhưng như thế cậu càng cháy bùng thêm lên.

Cậu thấy mình ô uế.

– Anh thấy trong tim mình dơ bẩn, cậu tâm sự với đứa em trai, Eqbal.

Cậu biết cậu không nên nghĩ đến những người con gái ấy.

Một hôm Rahimullah nói với Mansur khi cậu sang uống trà ở chỗ anh ta:

– Tôi không hiểu vì sao các cô ấy lại chán đến thế.

– Chán là thế nào?

– Ở đây, các cô gái không giống như trong phim. Họ cứ hoàn toàn cứng đờ ra, họ chỉ biết nằm dài ra đó, Rahimullah nói rõ.

Anh ta tìm được một bộ phim khiêu dâm và kể cho Mansur nghe chi tiết một số cảnh – các cô gái làm những gì, trông họ như thế nào.

– Có thể đàn bà Afganistan khác chăng? Tổ cố giải thích cho họ những gì họ phải làm, nhưng họ chẳng bao giờ làm được, anh ta thở dài.

Mansur cũng thở dài.

Một cô bé bước vào hàng. Khoảng mười hai tuổi, cũng có thể mười bốn. Cô chìa một bàn tay cầu khẩn và đôi mắt van nài. Trên đầu và vai, cô quàng một chiếc

khăn cứng đờ màu trắng điểm hoa đỏ. Cô còn bé quá để mặc burkha. Chỉ đến tuổi dậy thì thì người ta mới thường mặc.

Những người hành khất thường vào các cửa hiệu. Mansur có thói quen xua họ ra ngay. Còn Rahimuulah thì anh ta lại nhìn chăm chăm khuôn mặt hình trái xoan của cô bé và lấy từ trong túi ra mười tờ giấy bạc. Cô bé hành khất mở to mắt và sắp thềm khất chộp lấy, nhưng đúng khi cô vừa chạm tới thì bàn tay biến mất và vung tròn lên không trung, trong khi Rahimullah nhìn thẳng vào mắt cô.

– Trên đời này chẳng có gì không có giá cả, anh ta tuyên bố.

Bàn tay cô bé sống lại. Anh ta đưa cho cô bé hai tờ bạc.

– Đi đến nhà tắm hơi mà tắm đi rồi trở lại đây, ta sẽ cho nốt chỗ còn lại.

Cô nhét tiền vào túi áo và giấu nửa mặt dưới chiếc khăn quàng điểm hoa đỏ. Cô nhìn anh ta chỉ một mắt. Một bên má cô bị rỗ, dấu tích của những vết thương cũ. Trên trán còn rõ những dấu muỗi cắn đốt. Cô quay gót và bước đi, thân hình bé nhỏ biến mất trên những đường phố Kaboul.

Vài giờ sau, cô trở lại, vừa mới tắm xong. Mansur lại đến chơi.

– Tốt, được rồi, Rahimullah thì thảo một mình, mặc dù cô bé mặc quần áo cáu bẩn. Đi với ta vào nhà sau, ta sẽ cho cô nốt chỗ tiền còn lại, anh ta hứa với cô gái, trước khi nói thêm với Mansur: trông hộ hàng cho mình nhé.

Cô bé và Rahimuulah biến mất hồi lâu. Khi đã xong, anh chàng chủ tiệm mặc lại quần áo và bảo cô cứ nằm nguyên đó trên những tấm bìa.

– Phần cậu đấy.

Mansur chỉ nhìn cô bé. Cậu ném một cái nhìn về phía cánh cửa căn phòng trong trước khi bỏ chạy ra khỏi cửa hàng.

11. Tiếng gọi của Ali

Suốt nhiều ngày Mansur tự thấy ghê tởm đến gây nôn. Không thể tha thứ được, cậu nghĩ. Không thể tha thứ được. Cậu cố tắm rửa, nhưng chẳng thay đổi được gì cả. Cậu cố cầu nguyện. Cậu tìm trong kinh Coran, đi đến đền thờ, nhưng lúc nào cũng thấy mình bẩn. Những ý nghĩ ô uế của cậu những ngày qua đã biến cậu thành một người Hồi giáo xấu. Thượng Đế sẽ trừng phạt ta. Tất cả những gì ta làm đều sẽ quay lại

với ta, cậu tự nhủ. Một đứa bé gái. Ta đã có tội với một đứa bé gái. Ta đã để cho nó bị xúc phạm. Ta đã không làm gì cả để ngăn lại.

Thời gian trôi đi, cô bé hành khất trở thành xa xôi, buồn nôn chuyển thành chán chường. Mansur chán cuộc sống hằng ngày của mình, chán cái lễ thói đã quen, chán những câu thúc, cậu cáu gắt và khó chịu với mọi người. Cậu giận bố đã buộc chặt cậu vào cái cửa hàng này trong khi cuộc sống thì ở tận ngoài kia.

Mình mười bảy tuổi, cậu nghĩ. Mình mười bảy tuổi, mà đối với mình cuộc sống chưa bắt đầu đã chấm dứt rồi. Ngồi sau quầy hàng, cậu chờ đợi, cùi tay chống lên mặt bàn, hai bàn tay ôm lấy trán. Cậu ngược mắt và nhìn quanh, các cuốn sách về đạo Hồi, về Đấng Tiên Tri Mahomet, và những sách giải thích kinh Coran

nổi tiếng. Cậu dỡ những cuốn truyện kể Afghanistan, những cuốn tiểu sử các vị vua và công hầu, những tác phẩm lớn về các cuộc chiến tranh chống quân Anh, những cuốn sách dạy theo lối Afghanistan và những cuốn sách nhỏ chụp lại từ các sách về phong tục và truyền thống của Afghanistan. Cậu chỉ nhìn qua tất cả những thứ ấy và đập mạnh nắm tay xuống mặt bàn.

Tại sao ta lại sinh ra làm người Afghanistan? Ta rất ghét làm người Afghanistan. Tất cả những thứ phong tục và truyền thống trì trệ này giết dần giết mòn ta. Phải tôn trọng cái này, phải tôn trọng cái khác, ta chẳng có được một chút tự do nào cả, ta chẳng tự quyết định được gì hết. Công việc duy nhất của bố ta là đếm tiền lãi thu được từ các sách kia. Ông ấy có thể vứt mẹ tất cả chỗ sách vở

đó đi, cậu lầm rầm. Cậu hy vọng không ai nghe thấy cậu nói. Sau Allah và Đấng Tiên Tri, “bố” là người có địa vị cao nhất trong xã hội Afganistan. Nổi dậy chống lại ông là không thể được, ngay cả đối với một người cứng rắn như Mansur. Cậu chà đạp và la mắng mọi người, các bà cô, các chị em gái, mẹ, các em trai của cậu, nhưng không bao giờ, không bao giờ dám động đến bố. Mình là một tên nô lệ, cậu lầm rầm.

Mình làm việc chết xác để được cho ăn, cho ở và giặt giũ. Điều Mansur mong muốn hơn cả là được đi học. Cậu tiếc những người bạn và cuộc sống cậu đã có được ở Pakistan. ở đây cậu không có thì giờ để có bạn, và người bạn duy nhất cậu có là Ralimullah thì bây giờ cậu không thể giao du được nữa.

Vừa đúng ngày tết Afganistan – no-rouz. Trong cả nước người ta chuẩn bị các lễ hội. Trong năm năm gần đây, bọn taliban đã cấm các lễ này. Chúng cho đó là một thứ lễ tà giáo, một kiểu thờ thần mặt trời, vì nó có nguồn gốc xa xưa trong đạo Dô-rô-át – tôn giáo của “những người thờ lửa” – nảy sinh ở Ba Tư vào thế kỷ thứ VI trước lịch của chúng ta. Vậy nên taliban cũng cấm cuộc hành hương truyền thống vào dịp năm mới đến ngôi mộ của Ali, ở Mazar-i-Sharif. Suốt nhiều thế kỷ những người hành hương đã đổ về ngôi mộ Ali, để được rửa tội, cầu xin được tha thứ, được chữa khỏi bệnh, và đón mừng năm mới theo lịch Afganistan vào ngày 21 tháng Ba, ngày xuân phân, khi ngày và đêm dài bằng nhau.

Là anh em họ và con rể của Đấng

Tiên Tri Mahomet, Ali là khalip¹² thứ tư. Người Chiite và người Sunnit bất đồng với nhau chính là về chuyện ông. Người Chiite cho rằng ông là người đứng hàng thứ ba sau Mahomet, còn người Sunnit thì lại cho ông thuộc hàng thứ tư, nhưng người Suunit, như Mansur và phần đông người Afganistan cũng coi ông là một trong những người anh hùng lớn của đạo Hồi. Lịch sử kể rằng ông là một chiến binh dũng cảm, lúc nào cũng sẵn sàng chiến đấu. Ali bị ám sát ở đền thờ Kufa tại Irak năm 661 và, theo phần lớn các sử gia, ông được an táng tại Nadjaf ở Irak, nhưng người Afganistan khẳng định rằng sau đó ông đã được những người cùng phái khai quật lên, vì sợ kẻ thù sẽ đến trả thù và băm nát xác ông. Họ buộc xác ông trên lưng một con lạc đà

12 Khalip: người đứng đầu cao nhất một cộng đồng Hồi giáo, kê từ sau khi tiên tri Mahomet chết.

cái màu trắng và để cho nó chạy thật xa trên sa mạc. Đến nơi nào nó quỳ xuống, khalip sẽ được chôn ở đó. Truyền thuyết nói rằng nơi đó chính là Mazar-i-Sharif, có nghĩa là “mộ của bậc cao quý”. Suốt năm trăm năm, trên năm mộ chẳng có gì khác ngoài một tảng đá, nhưng đến thế kỷ XII, một nhà mộ nhỏ đã được xây dựng ở đó sau khi một mollah nằm mộng thấy Ali. Rồi Gengis Khan đến, phá hủy ngôi mộ, và ngôi mộ lại chẳng còn dấu vết gì suốt nhiều thế kỷ. Mãi đến thế kỷ XV người ta mới lại xây một lăng mộ trên chỗ được người Afganistan coi là có hài cốt Ali. Chính ngôi nhà mộ và lăng đó là nơi những người hành hương hướng đến.

Mansur nhất quyết thực hiện cuộc hành hương để được rửa tội. Cậu đã suy nghĩ rất lâu. Chỉ còn xin được phép Sul-

tan, vì cuộc hành trình buộc phải vắng mặt ở cửa hàng nhiều ngày. Mà, có một điều bố cậu không thể chấp nhận, là sự vắng mặt của cậu.

Thậm chí cậu đã tìm được một người bạn đường, một nhà báo người Iran thường đến chỗ cậu mua sách. Một hôm, hai người đã nói chuyện với nhau về lễ đón năm mới và anh chàng Iran đã nói với cậu là trong xe của anh còn có chỗ cho cậu. Vậy là mình đã được cứu thoát, Mansur nghĩ. Ali đã gọi ta. Ngài muốn tha thứ cho ta.

Nhưng bố cậu không cho phép đi, viện cớ ông không thể thiếu cậu suốt cả tuần cậu đi vắng. Mansur phải sắp xếp các cuốn sách, trông coi người thợ mộc đến đóng những ngăn sách mới, và bán sách. Ông không còn tin ai khác, ngay cả Rasul, người em rể tương lai của ông.

Giá như ông biết được Mansur đã trải qua nhiều giờ cô độc trong tiệm sách. Mansur sôi sục lên. Do cậu sợ phải trình bày lời cầu xin này với bố, nên cậu nấn ná mãi đến tận hôm trước ngày lên đường. Chẳng còn làm thế nào được nữa. Mansur van nài. Bố cậu từ chối.

– Mày là con ta và mày phải làm những gì ta bảo, Sultan giải thích. Ta cần mày ở cửa hàng.

– Sách, sách, tiền, tiền, bố chỉ nghĩ đến tiền! Mansur kêu lên. Còn con, con thì bán những quyển sách về Afganistan mà chẳng biết tí gì về đất nước này cả, con chỉ mới bước chân một chút ra khỏi Kaboul, cậu xằng giọng nói thêm.

Sáng hôm sau anh chàng Iran lên đường. Mansur phẫn nộ, làm sao bố cậu lại có thể từ chối cậu điều đó? Cậu lái xe

đưa bố đến cửa hàng, chẳng nói một lời nào và chỉ trả lời ông nhát gừng. Nỗi hận bị dồn nén chống lại ông ta làm cậu điên cả người lên. Mansur chưa học hết mười năm ở trường thì bố cậu đã bắt cậu nghỉ, cậu không xong được cái trung học. Tất cả những gì cậu xin ông, đều bị từ chối. Cái duy nhất bố cậu cho cậu là một chiếc xe hơi, để tự lái, và trách nhiệm với một hiệu sách để cậu chết gí trong đó.

– Thôi được rồi, đột nhiên cậu thở dài. Con sẽ làm tất cả những gì bố yêu cầu, nhưng bố đừng tưởng là con vui vẻ lắm với những chuyện đó. Bố chẳng bao giờ để cho con làm những việc con muốn. Bố khiến con mệt mỏi.

– Sang năm mày có thể đi tới đó, Sultan trả lời.

– Không, con sẽ không bao giờ đi

đến đó nữa và con sẽ không xin bố bất cứ cái gì nữa.

Người ta bảo rằng chỉ những người được Ali gọi mới có thể đi đến Mazar. Vì sao Ali không muốn cậu đến? Các hành vi của cậu là quá ư không thể tha thứ được chẳng? Hay là bố cậu đã không nghe được tiếng gọi của Ali?

Sự hung hăng của thằng con khiến Sultan sợ. Ông nhìn cậu con trai mới lớn và không phải là không hoảng lên.

Sau khi đã đưa Sultan đến hiệu sách của ông và hai cậu em trai đến hiệu của chúng, Mansur mở cửa hàng của mình và ngồi vào sau chiếc bàn giấy đầy bụi. Cậu ngồi “theo tư thế ưu sầu”, chống cùi tay xuống mặt bàn, cảm thấy cậu đã bị cuộc sống cầm tù và lúc nào cũng phủ đầy bụi sách lên người cậu.

Một chuyến hàng mới vừa đến. Để làm ra vẻ đàng hoàng, cậu phải biết được nội dung sách và miễn cưỡng lướt qua. Đây là một tuyển tập thơ của nhà thơ bí hiểm Rými, một trong những nhà thơ yêu thích của bố cậu và là người nổi tiếng nhất trong số các thầy tu khổ hạnh Afghanistan, các nhà bí hiểm của đạo Hồi. Rými sinh vào thế kỷ thứ XIII ở Balkh, gần Mazar-i- Sharif. Lại thêm một dấu hiệu, Mansur nghĩ. Cậu quyết định tìm ra một điều gì đó để chứng tỏ rằng cậu đúng còn bố cậu đã sai. Trong các bài thơ, thấy nói đến việc phải thanh lọc tâm hồn, phải vươn tới Thượng Đế – Người là sự hoàn thiện. Phải quên mình, quên cái bản ngã của mình đi. Rými nói: “Bản ngã là một tấm màn ngăn cách con người với Thượng Đế”. Mansur đọc thấy cậu phải làm thế nào để hướng về Thượng Đế, chứ không phải cứ loay hoay quanh chính

mình. Một lần nữa, Mansur lại cảm thấy mình ô uế. Càng đọc, ham muốn được thanh lọc trong cậu càng lớn. Cậu dừng lại ở một trong những bài thơ giản dị nhất:

Nước nói với kẻ cáu ghét: hãy đến đây
Kẻ cáu ghét nói: tôi xấu hổ quá

Nước trả lời: làm sao người muốn
rửa sạch tội lỗi mà không có ta?

Nước. Thượng Đế và Rymi dường như muốn bỏ rơi Mansur. Cậu nghĩ anh chàng người Iran hẳn đã đang ở đâu đó rất cao trên những dãy núi tuyết Hindou Kouch. Suốt ngày cậu không sao nguôi được giận. Chiều xuống, đã đến lúc đóng cửa hàng, trước khi đi đón bố và các cậu em, rồi đưa họ về nhà để lại ăn cái món cơm muôn thuở và lại qua một buổi tối nữa trong cái gia đình suy tàn ấy.

Trong khi cậu đang khóa tấm lưới sắt trước cánh cửa bằng một cái khóa to tướng thì bất ngờ Akbar, anh chàng nhà báo người Iran, xuất hiện. Mansur không tin ở mắt mình.

– Anh không đi sao? Cậu ngạc nhiên.

– Có. Bọn mình đã đi, nhưng hôm nay đường hầm Salang bị đóng cửa. Tôi đã gặp bố cậu trên đường. Ông ấy nhờ tôi đưa cậu cùng đi. Chúng ta sẽ ra đi từ nhà tôi sáng mai lúc năm giờ, ngay sau khi hết giờ thiết quân luật.

– Ông ấy nói thế thật à? – Mansur không thốt nên lời được nữa - đúng là tiếng gọi của Ali, Người đã gọi tôi tha thiết đến thế, cậu thì thầm.

Mansur qua đêm ở nhà Akbar phòng khi bố cậu lại thay đổi ý kiến. Sáng hôm

sau, bình minh, họ lên đường. Hành lý của Mansur chỉ có một cái túi xách bằng nhựa nhét đầy những lon Coca và Fanta, bánh quy ép chuối và thịt chim kiwi. Akbar có một người bạn đi theo và không khí trong xe thật tuyệt vời. Họ mở nhạc ấn Độ và hát vang. Mansur có mang theo một cái kho báu nhỏ, một chiếc cát-xét phương tây: “Nhạc pop những năm 80”. “Is this love? Baby, dont hurt me, no more!” vang lên trong không khí tươi mát buổi sáng. Họ đi chưa được nửa giờ mà Mansur đã chén hết gói bánh thứ nhất và uống hai lon Coca. Cậu cảm thấy tự do! Cậu muốn thét lên và thò đầu ra cửa xe:

– Youhoouu! Aliii! Ali! Con đến đây!

Họ đi qua những vùng cậu chưa bao giờ được nhìn thấy. Ngay sát phía bắc Kaboul đồng bằng Shomali đã trải dài,

một trong những vùng đất bị chiến tranh tàn phá nhiều nhất ở Afganistan. Chỉ mới mấy tháng trước, máy bay B52 Mỹ đã đổ bom xuống đây.

– Đẹp quá chừng! Mansur kêu lên.

Nhìn từ xa, quả thật đồng bằng rất đẹp, những đỉnh núi Hindou Kouch phủ tuyết làm nền ở chân trời. Hindou Kouch có nghĩa là “kẻ tàn sát người hindou”: trong cụm núi này, hàng ngàn binh lính ấn Độ đã bỏ mạng vì rét trong các cuộc tấn công vào Kaboul.

Khi họ đi đến chỗ đồng bằng, cảnh tượng chiến tranh mới lộ ra. Trái với những người lính ấn Độ, máy bay B52 đã không bị dãy Hindou Kouch ngăn lại. Nhiều doanh trại của quân taliban đã không được dọn dẹp sau các trận ném bom. Những căn lều hoặc đã trở thành

những hố rộng toang hoác hoặc bị vãi tung ra khi bom rơi xuống mặt đất. Bên lề đường, một chiếc giường sắt cong queo, trên đó một người taleb có thể bị bắn chết lúc y đang ngủ, trông như một bộ xương. Ngay bên cạnh là một tấm chăn, đã rách tan hoang.

Các doanh trại này đã bị cướp phá nặng nề. Trong những giờ sau khi quân taliban bỏ chạy, dân chúng địa phương đã có mặt tại đây và chiếm lấy những chiếc chậu, những cây đèn thấp bằng hơi đốt, những tấm thảm và chăn của binh lính. Nghèo khổ đã khiến người ta coi việc cướp lột các xác chết là một điều hiển nhiên. Chẳng có ai khóc những người chết nằm bên đường hay trong cát. Trái lại là khác, dân chúng địa phương đổ xô vào các xác chết. Nhiều con mắt lồi ra khỏi tròng, da bị kéo rách, tay chân bị

chặt đứt hay băm nát. Đây là cuộc trả thù chống lại quân taliban trong nhiều năm qua đã khủng bố dân chúng vùng đồng bằng Shomali.

Trong suốt năm năm, cánh đồng này đã là chiến tuyến giữa quân taliban và lực lượng của Massoud thuộc Liên minh Phương Bắc, và đã sáu hay bảy lần thay đổi chủ. Vì chiến tuyến thường xuyên dịch chuyển, dân chúng địa phương phải chạy trốn, hoặc về hướng thung lũng Panshir hoặc về phương nam, hướng Kaboul. Sống ở đây phần lớn là người tadjik và những người không chạy trốn được có nguy cơ trở thành nạn nhân trong các cuộc thanh trừng chủng tộc của người taleb. Trước khi rút lui, bọn taliban đánh thuốc độc các giếng nước, đánh mìn các kênh và các hệ thống thủy lợi sinh tử đối với vùng đồng bằng khô

cần này, trước chiến tranh vốn là vành đai nông nghiệp của Kaboul.

Mansur im lặng quan sát những ngôi làng kinh khiếp cậu đang đi xe qua. Phần lớn chỉ còn là những đồng đổ nát, những bộ xương đứng trơ giữa quang cảnh chung quanh. Nhiều làng đã bị taliban bị đốt cháy hoàn toàn khi chúng cố chiếm lấy phần còn lại cuối cùng của đất nước, một phần mười còn lại: vùng thung lũng Panshir, các dãy núi Hindou Kouch, và phía bên kia, các vùng sa mạc về hướng Tadjikistan. Chúng đã có thể làm được điều đó nếu không có ngày 11 tháng Chín, khi thế giới bắt đầu quan tâm đến Afganistan.

Khắp nơi là những gì còn lại của những chiếc xe tăng cong queo, những chiếc xe nhà binh bị trúng bom và những mẩu sắt mà Mansur không thể đoán ra

được vốn là những thứ gì. Chỉ có một người đơn độc đang di chuyển, vai vác một chiếc mai. ở giữa cánh đồng có một chiếc xe tăng, anh ta cẩn thận đi đi lại lại quanh xác chiếc xe, nó quá nặng để có thể dịch chuyển đi được.

Xe chạy nhanh trên con đường gập ghềnh. Mansur cố tìm làng của mẹ cậu, từ khi mới năm hay sáu tuổi đến giờ cậu chưa trở về đó. Ngón tay cậu cứ chỉ mãi về phía các đồng đồ nát : “kia! kia!”, nhưng chẳng làm sao phân biệt được cái này với cái khác. Nơi cậu đã cùng mẹ về thăm lúc cậu còn bé có thể là bất cứ cái nào trong những đồng đồ nát đó. Cậu nhớ đã từng chạy trên các con đường và các cánh đồng. Bây giờ, vùng đồng bằng này là một trong những nơi bị gài mìn nhiều nhất trên thế giới. Chỉ đi trên đường là chắc chắn. Ven đường

những đứa bé bước đi tay ôm những bó củi và những người đàn bà xách những xô nước. Họ cố tránh những chỗ trũng, ở đấy có thể có mìn. Chiếc xe của những người hành hương vượt qua các toán người đi gỡ mìn, họ cẩn thận kích nổ hay tháo kíp các quả mìn và cứ như vậy dọn sạch vài mét đất mỗi ngày. Bên trên những chiếc bẫy chết người đó, các hố nổ đầy hoa tuy-líp đại màu đỏ đậm, cộng ngấn, nhưng phải ngắm chúng từ xa. Hái hoa có thể mất ngay một chân hay một cánh tay.

Akbar giải trí bằng cách đọc một cuốn sách hướng dẫn du lịch do cơ quan du lịch Afganistan xuất bản năm 1967.

“Bên vệ đường, trẻ em bán những chiếc vòng kết bằng hoa tuy-líp màu hồng, anh đọc. Về mùa xuân, hoa anh đào, hoa mơ, hoa hạnh và hoa lê tranh

nhau thu hút sự chú ý của khách du lịch. Hoa nở tràn lan theo khách trên suốt dọc đường từ khi rời Kaboul”.

Anh phá lên cười. Mùa xuân này, chỉ có thể nhìn thấy một hay hai cây anh đào ương ngạnh sống sót sau những trận bom, tên lửa, ba năm hạn hán và các giếng nước bị đánh thuốc độc; và thử hỏi làm sao còn tìm được một lối hẻm để đi tới nơi hái những quả kia.

– “Đồ sứ địa phương thuộc loại những đồ sứ thanh nhã nhất của Afghanistan. Xin chớ tiếc dừng chân ở các xưởng gốm dọc đường, tại đó những người thợ thủ công chế tạo những chiếc đĩa và những chiếc bình theo một truyền thống nhiều trăm năm”, Akbar đọc tiếp.

– Đây, có vẻ như cái truyền thống đó đã phải chịu một vố nghiêm trọng, Saùd,

bạn của Akbar, đang lái xe, nhận xét.

Chẳng thấy cửa hàng bán đồ sứ nào trên con đường đang leo lên đèo Salang. Bắt đầu lên dốc. Mansur mở lon Coca thứ tư, và vung tay ném qua cửa xe. Thà vứt rác xuống một hố bom còn hơn là làm bẩn xe. Con đường leo lên phía đường hầm xuyên núi cao nhất thế giới. Đường thắt lại, một bên là núi dốc đứng, bên kia nước đổ xuống thành thác hay thành suối.

– “Chính phủ đã thả cá hồi xuống sông. Trong vài năm nữa, cư dân ở đây có thể có đời sống khá hơn”, Akbar lại đọc.

– Bây giờ, cá hồi đã bỏ đi hết. Sau khi xuất bản cuốn sách hướng dẫn du lịch, chính phủ đã có khối việc phải lo hơn là nuôi cá.

Ở những chỗ kỳ cục nhất, những chiếc xe tăng cháy đen nằm chết dí. Về phía thung lũng, treo lơ lửng trên các mép vực, đổ nghiêng, lật ngửa hay văng ra thành nhiều mảnh. Mansur đếm và chẳng mấy chốc đã tới con số một trăm. Phần lớn là từ thời Liên Xô, khi quân đội Liên Xô từ các nước cộng hòa xô viết châu á đến, phía bắc, tưởng rằng họ đã kiểm soát được người Afganistan. Người Nga đã trở thành nạn nhân của sự tinh thông trong chiến tranh của quân moudjahidin. ở trên núi, họ thông thạo như những con dê. Từ xa, từ các điểm quan sát của họ, họ nhìn thấy những chiếc xe tăng Nga nặng nề bò tới như những con sên dưới thung lũng. Dù chỉ với vũ khí tạm bợ, quân du kích cũng hầu như không thể bị đánh bại khi nó ở phía sau trận địa. Du kích có mặt ở khắp nơi, cải trang thành người chăn cừu, súng ka-

lachnikov giấu dưới bụng dê. Họ có thể tấn công chớp nhoáng các xe tăng bất cứ lúc nào.

Họ giấu những khẩu súng phóng rocket dưới bụng những con cừu lông dài, Akbar kể, anh ta đã đọc tất cả những gì viết về chiến tranh chống Liên Xô. Alexandre Đại Đế cũng từng rất khó khăn khi tiến qua những vùng núi này. Sau khi chiếm được Kaboul, ông đã quay về Iran, lúc đó là Ba Tư, qua đường Hindou Kouch.

– “Alexandre đã có thể viết những bài thơ ca ngợi những dãy núi này, chúng gây cảm hứng cho trí tưởng tượng về những điều huyền bí và về sự yên nghỉ vĩnh cửu”, Akbar đọc trong cuốn sách hướng dẫn của sở du lịch. Chính phủ đã định một lập một trạm trượt tuyết, ở ngay đây! anh ta đột ngột kêu

lên và nhìn những sườn núi dốc đứng. Năm 1967! Cuốn sách ghi rõ: “Một khi các con đường được rải nhựa!”

Như dự tính, các con đường đã được rải nhựa. Những chỗ còn được rải chút nhựa. Và trạm trượt tuyết vẫn cứ còn là dự án.

– Có thể sẽ là một cuộc trượt dốc kinh hoàng, Akbar đùa. Hoặc có thể đánh dấu những chỗ có mìn bằng các công lượn! Du lịch mạo hiểm! Hay Những tua du lịch mạo hiểm Afghanistan – cho những kẻ chán đời!

Mọi người đều cười. Đôi khi những chuyện bi đát của thực tế lại có vẻ như tranh hoạt hình hay đúng hơn là truyện phim kinh dị dữ dội. Họ hình dung một người trượt tuyết tan xác trên các sườn núi.

Du lịch, vốn là một trong những nguồn thu nhập chính của Afghanistan, bây giờ đã thuộc về một thời dĩ vãng. Ngày trước con đường họ đang đi đây có tên là “hyppietrail¹³”. Những người tân tiến, và cả những người không tân tiến bằng đến đây tìm một thiên nhiên tươi đẹp, một lối sống hoang dã và cây haschid ngon nhất thế giới. Có cả thuốc phiện cho những ngời sành điệu hơn. Trong những năm sáu mươi và bảy mươi, hàng ngàn người hippy tìm đến những dãy núi này, họ thuê những chiếc xe Lada cũ và lên đường đi du lịch. Phụ nữ cũng lang thang một mình trong núi. Vào thời kỳ đó họ cũng có thể bị bọn vô lại và bọn cướp đường tấn công, nhưng đây chỉ là một thú kích thích cho chuyến đi. Ngay cả cuộc đảo chính lật đổ Zasher Shad, năm 1973, cũng không làm

13 Con đường của những người hippy

gián đoạn đột sổng đó. Chính cuộc đảo chính cộng sản năm 1978 và cuộc xâm lược tiếp sau đó mới nhanh chóng chặn đường những người “du lịch hippy”.

Ba người thanh niên đã đi được hai hay ba tiếng khi họ gặp những người hành hương. Đám người này hoàn toàn đứng im một chỗ. Tuyết bắt đầu rơi. Sương mù trở nên đặc hơn. Chiếc xe trượt bánh. Saùd không có xích.

– Xe hai cầu thì không cần phải kéo, anh ta bảo đảm.

Càng ngày lại càng nhiều xe bị trượt bánh trong những ổ gà sâu dưới tuyết và băng. Khi một chiếc xe dừng lại, thì tất cả xe đều dừng lại. Đường hẹp không cho phép vượt lên. Ngày hôm đó xe đi từ phía nam lên hướng bắc, từ Kaboul lên Mazar. Ngày mai sẽ ngược chiều lại. Con

đường núi này không thể đi xe theo hai chiều. Đi bốn trăm năm mươi kilômét từ Kaboul lên Mazar tốn ít nhất mười hai tiếng, đôi khi gấp đôi, thậm chí gấp bốn.

Rất nhiều xe sa lầy trong bão tuyết và lở núi không thể thoát ra được trước mùa hè. Chính lúc này, vào mùa xuân, chúng nằm ở đây nhiều nhất, Akbar trêu họ.

Họ vượt qua một chiếc xe ca đang gây tắc đường, nó bị đẩy ngã hẳn về một bên, trong khi những người đi trên xe đó, trên đường đến viếng mộ Ali, đón đi nhờ các xe vượt lên trước, chậm như sên. Mansur cười khi đọc thấy các từ viết trên thành một chiếc xe: “Hmbork – Frankfork – Landan – Kabal¹⁴”, cậu ta đọc các từ mới viết bằng chữ đỏ trên tấm chắn sốc và càng cười to hơn: “Wellcam!

14 Hambourg - London - Frankfurt - Kaboul

Kaing of Road”.

– Một chuyến đi vương giả đấy.

Họ còn chỗ trên xe, nhưng không lấy thêm người nào của chiếc Kabal-express xin đi nhờ. Saùd, Mansur và Akbar với nhau thôi là đã đủ lắm rồi.

Họ đi vào hành lang thứ nhất, những cây cột lớn bằng bê tông và một cái mái để phòng đá rơi xuống. Nhưng các hành lang cũng rất khó đi qua: vì chúng đều mở toang, nên cũng đầy tuyết do gió thổi vào và đã biến thành băng. Những vết bánh xe bị đóng băng sâu hoắm là một thách đố thật sự đối chiếc xe không có xích này.

Đường hầm Salang, ở độ cao ba nghìn bốn trăm mét, và những hành lang, lên đến năm nghìn mét, là một tặng

phẩm của Liên Xô cho Afganistan khi họ muốn nước này trở thành một Nhà nước vệ tinh của mình. Các kỹ sư Xô viết bắt đầu công việc xây dựng vào năm 1956 và đường hầm được hoàn thành vào năm 1964. Cũng chính người Nga đã làm những công việc rải nhựa đầu tiên trên các đường lộ Afganistan vào những năm năm mươi. Dưới thời Zaher Shah, Afganistan là một nước bạn. Vị vua có xu hướng tự do này buộc phải nghiêng về phía Liên Xô vì cả Hoa Kỳ lẫn châu Âu chẳng thấy chút lợi ích nào trong việc đầu tư vào Afganistan. Nhà vua cần tiền và chuyên gia, nên ông đã chọn cách làm ngơ trước những mối liên hệ ngày càng thắt chặt giữa nước ông với siêu cường cộng sản.

Đường hầm trở thành một yếu tố chiến lược chủ yếu trong cuộc chiến

chống taliban. Cuối những năm chín mươi, viên tư lệnh Massoud đã cho đánh sập đường hầm, trong một cố gắng tuyệt vọng ngăn chặn cuộc tiến công của taliban lên phía bắc. Chúng đã tiến đến đó, nhưng không đi xa hơn được nữa.

Trời đã hoàn toàn tối, hay đúng hơn là ngả sang màu xám. Chiếc xe trật bánh, sa lầy trong tuyết, kẹt cứng trong những đường rãnh do các bánh xe đào nên. Gió thổi, chẳng còn nhìn thấy được chút gì trong đám tuyết vùn vủ này và Saùd chỉ còn biết lái theo cái mà anh ta cho là vết bánh xe. Không có xích, chỉ còn Ali mới có thể bảo đảm được con đường đi đúng. Ta không thể chết trước khi đến được mộ của Người, Mansur tự nhủ thầm. Ali đã gọi ta.

Chỉ mới hơi sáng hơn lên một chút. Họ đang ở lối vào đường hầm. Một tấm

biển ghi rõ: “Chú ý! Còi chuông hơi độc. Trong trường hợp dừng lại giữa hầm, phải tắt máy và cố đến cửa ra gần nhất.” Mansur đưa mắt hỏi Akbar.

Cách đây đúng một tháng năm mươi người đã bị kẹt trong hầm vì một trận lở đá, Akbar kể, bao giờ anh cũng biết rõ mọi chuyện. Lúc đó lạnh dưới hai mươi độ và đám lái xe cho máy nổ để giữ ấm. Nhiều giờ sau, khi đã xúc hết tuyết, người ta tìm thấy hàng chục người đã ngủ thiếp đi vì tác dụng của monoxít cacbon và chết vì ngộ độc. Akbar khẳng định trong khi họ đi sâu vào hầm: những chuyện như vậy vẫn thường xảy ra.

Chiếc xe dừng lại. Cả đoàn xe đứng im.

– Chắc chắn là tôi tưởng tượng ra thôi, nhưng quả thực là tôi đang đau đầu.

– Em cũng vậy, Mansur bảo. Hay ta đi đến chỗ lối ra gần nhất đi?

– Không, cứ tin là đoàn xe sẽ lại chuyển động ngay và thoát ra khỏi hầm, Saùd phản đối. Nếu đoàn xe lại chạy mà chúng ta lại không có trên xe của mình, thì chính chúng ta lại gây nên cảnh tắc xe mất.

– Bị ngộ độc là như thế này đây phải không? Mansur lo lắng.

Các cửa kính trên đều đóng kín. Saùd đốt một điếu thuốc. Mansur hét lên.

– Cậu điên đấy à? Akbar kêu lên trước khi giật điếu thuốc từ miệng anh ta và dí xuống chân. Cậu định đầu độc thêm chúng tớ hay sao?

Một không khí hoảng sợ lan tràn trong xe. Họ không nhích được tắc nào.

Rồi một điều gì đó đã xảy ra: phía trước họ, đoàn xe chậm rãi nhích tới. Khi đã ra đến chỗ thoáng đãng, họ hết nhúc nhích ngay; nhưng vẫn chẳng nhìn thấy gì cả trong cái đám bột nghiền màu xám đang quay cuồng trước mặt. Chỉ còn cách đi theo các vết bánh xe và những ánh đèn pha mờ mờ. Không thể quay xe lại được. Tất cả họ đều cùng tiến về phía một định mệnh chung. Tất cả những người hành hương đều đi theo những dấu vết do vô số những chiếc xe và băng tuyết dồn lại. Ngay cả Mansur cũng đã thôi không nhai bánh quy nữa, trong xe im lặng như chết. Cứ như là đang lặn đi trong cõi hư không, nhưng là một cõi hư không trong đó những vực sâu, những trái mìn, những vụ lở đá và bao nhiêu tai họa khác sẵn sàng ập tới bất cứ lúc nào.

Cuối cùng sương mù cũng đã loãng

bớt đi, nhưng họ vẫn còn ở bên bờ vực. Bây giờ khi tầm nhìn có rõ hơn thì gần như lại còn tệ hơn. Họ đang bắt đầu đi xuống. Chiếc xe chạy dích dắc từ mép đường bên này sang mép đường bên kia. Đột nhiên nó trượt ngang dốc. Saùd không còn điều khiển được gì nữa, anh ta chửi ầm lên. Akbar và Mansur bám chặt vào xe, cứ như cách đó có thể cứu được họ khi xe trượt ra khỏi đường. Trong xe lại im lặng căng thẳng. Chiếc xe trượt ngang, đứng thẳng dậy, trôi đi trước khi lại tiến lên theo lối zích zắc. Nó trượt qua một tấm bản càn khiến họ thất kinh: “Chú ý! Có mìn. Rất nguy hiểm!” Ngay sát bên ngoài, hay cũng có thể ngay chính trong khu vực họ đang trôi trượt, là cả một đồng mìn. Chẳng có thứ bằng tuyết nào trên thế giới này có thể che chở cho họ khỏi những quả mìn chống tăng. Thật là điên rồ, Mansur nghĩ; nhưng cậu

im lặng. Cậu không muốn bị coi là hèn nhát, nhất là cậu lại còn trẻ. Cậu quan sát những chiếc xe tăng, ngay ở chỗ này, bị vãi tung ra, bị tuyết phủ gần kín, và những xác xe, cả chúng nữa, cũng chẳng chạy được đến đích. Mansur đọc một lời cầu nguyện, lẽ nào Ali đã gọi cậu đến đây để rồi cho cậu đâm đầu xuống một vực sâu. Nếu nhiều hành vi của cậu đã không tuân theo đúng đạo Hồi, thì bây giờ cậu đến đây chính là để được thanh lọc, bỏ lại đằng sau mình những suy nghĩ tội lỗi và trở thành một người Hồi giáo tốt. Cậu đi qua đoạn đường núi cuối cùng lòng đầy lo sợ.

Sau một hồi khá lâu, họ đến được vùng thảo nguyên rộng thoáng, và những giờ cuối cùng cho đến Mazar-i-Sharif chỉ còn là trò trẻ con.

Trên con đường dẫn đến thành phố, họ bị những chiếc xe mui trần chở những người trang bị súng ống đẩy người vượt qua. Trên các sàn xe, những người lính râu ria xồm xoàm chĩa các khẩu kalachnikov ra khắp phía. Xe họ nhảy lồm chồm trên các ổ gà với tốc độ một trăm cây số giờ. Bốn chung quanh chỉ toàn là sa mạc, thảo nguyên và đồi đá. Thỉnh thoảng họ đi ngang qua những ốc đảo xanh và những ngôi làng gồm những nhà xây bằng đất nện. Những người đàn ông thô kệch ra dấu cho họ đi qua chốt chặn, là một sợi dây buộc vào hai quả tên lửa đã cũ.

Họ đi vào thành phố, mệt mỏi, căng thẳng. Thật khó tưởng tượng, họ đã đi suốt mười hai giờ mới đến được đây.

– Vậy là đi qua đường hầm Salang cũng bình thường thôi, Mansur nhận

xét. Cứ tưởng tượng có những người đã phải mất nhiều ngày mới qua được đây. Youhououou! Chúng ta đã đến nơi! Ali, con đã đến đây rồi!¹⁵

Trên các nóc nhà, những người lính cầm súng sẵn sàng. Người ta sợ có biến loạn trong buổi chiều ngày đầu năm; ở đây, không có lực lượng giữ gìn hòa bình quốc tế, mà trái lại là hai hay ba thống lĩnh chiến tranh đang đánh nhau. Những người lính đang đứng trên các mái nhà kia là người của viên quan cai trị, một người tên là Hazara. Những người lính ngồi trên xe mui trần là của thủ lĩnh ouzbek Abdul Atta Muhammad. Những người chiến đấu cho thủ lĩnh ouzbek Abdul Rashid Dostom nhận ra nhau qua bộ đồng phục của họ. Tất cả đều cầm súng hầm hầm chĩa ra các đường phố,

15 Bằng tiếng Anh trong nguyên văn.

nơi hàng ngàn người hành hương đang đi lại và trò chuyện từng nhóm, gần đến thờ, trong công viên, trên các vỉa hè.

Đến thờ màu xanh, một đốm sáng giữa bóng tối, như là một sự thần khôi. Đây là tòa nhà đẹp nhất Mansur từng được thấy. Chùm tia sáng là một tặng phẩm của sứ quán Hoa Kỳ, lúc ngài đại sứ đến thăm thành phố vào dịp năm mới. Nhiều ngọn đèn lồng đỏ chiếu sáng khu vườn quanh đền thờ, lúc này đã chật cứng người.

Tại đây Mansur sẽ cầu xin được tha thứ các tội lỗi của cậu. Tại đây cậu sẽ được rửa tội. Nhìn thấy ngôi đền lớn đó, cậu cảm thấy mệt và đói. Đối với một người đi đường, Coca với bánh quy kẹp chuối và thịt chim kiwi thì thật chẳng thấm vào đâu.

Các quán ăn đều chật cứng khách hành hương. Cuối cùng Mansur, Saùd và Akbar mới tìm được một mẫu thử để ngồi trong một quán ăn tối om trên con đường bán chả nướng. Chỗ nào cũng đầy mùi thịt cừ rán, ăn với bánh mì và hành nguyên cả củ nhỏ.

Mansur nuốt một miếng hành to và cảm thấy gần như say. Lần nữa, cậu lại muốn bày tỏ niềm vui và hét to lên. Tuy nhiên cậu vẫn im lặng ngồi ăn, theo gương hai người bạn đồng hành. Dẫu sao, cậu không phải là một thằng nhóc và cậu cố làm sao cho ra vẻ giống Akbar và Saùd. Bình tĩnh, thoải mái, văn minh.

Sáng hôm sau Mansur bị đánh thức dậy bởi tiếng cầu kinh của vị mollah. “Allahu akbar - Thượng Đế là vĩ đại”, vang lên như những chiếc loa khổng lồ gắn vào màn nhĩ cậu. Cậu nhìn qua khu-

ng cửa sổ hướng thẳng về phía ngôi đền đang sáng rực lên trong ánh mặt trời buổi sáng. Hàng trăm con chim bồ câu trắng bay lượn trên khu vực thiêng. Chúng được nhốt trong hai ngọn tháp trước căn phòng mộ và người ta bảo rằng nếu một con bồ câu tham dự vào cuộc bay của chúng, thì lông của nó sẽ trở thành màu trắng trong vòng bốn mươi ngày. Ngoài ra người ta cũng còn bảo rằng cứ bảy con bồ câu thì có một con là một linh hồn thiêng.

Cùng với Akbar và Saùd, cậu chen về phía các rào chắn của ngôi đền vào lúc 6 giờ 30. Nhờ có tấm thẻ nhà báo của Akbar, họ vào đến được giảng đài. Rất đông người đã qua đêm ở đây để cố được tới thật gần khi Hamid Karzaù, nhà lãnh đạo mới của Afganistan, người sẽ kéo ngọn cờ của Ali. Một bên là những

người phụ nữ, một số trùm burkha, số khác chỉ choàng khăn trắng, bên kia là đàn ông. Trong khi phụ nữ yên lặng ngồi dưới đất, đám ông chen lấn rất dữ. Bên ngoài, các cây đông nghịt người trèo. Bất chấp cảnh sát cầm roi đi đi lại lại, càng lúc càng đông người nhảy phóc qua rào chắn và chạy để tránh các cú đánh rượt theo. An ninh được tăng cường vì tất cả các vị bộ trưởng sẽ đến.

Các quan chức chính phủ bước vào, Hamid Karzaù đi đầu, mặc chiếc áo choàng đặc biệt của ông bằng lụa kẻ sọc xanh và lục. Bao giờ ông cũng ăn mặc như thế mỗi khi ông đại diện cho Afganistan, mũ da cừu vùng Kandahar phía nam, áo choàng các vùng phía bắc và áo trong vùng các tỉnh phía tây, gần biên giới Iran.

Mansur nhướng cổ lên và cổ len đến

gần. Cậu chưa bao giờ được trực tiếp nhìn thấy Karzaù. Người đã loại được bọn taliban ra khỏi khu vực chính của chúng, là Kandahar, và đã suýt chết khi một quả tên lửa Mỹ bay lạc và đáp xuống chỗ quân của ông. Là người pachtoun ở Kandahar, Karzaù đã ủng hộ bọn taliban trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó đã tận dụng vị trí thủ lĩnh bộ lạc popolzaù hùng mạnh của mình để tranh thủ những người theo mình trong cuộc chiến đấu chống taliban. Khi Mỹ tiến hành chiến dịch ném bom của họ, ông đã làm một cuộc đi mô tô liều chết vào tận dinh lũy của bọn taliban để thuyết các hội đồng bộ lão rằng thời của bọn taliban đã chấm dứt rồi. Người ta bảo chính lòng can đảm chứ không phải những lý lẽ của ông đã chinh phục được họ. Trong khi các cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt chung quanh Kandahar, Karzaù cầm đầu cuộc

tấn công vào thành phố, những người đại diện của Liên Hiệp Quốc ở Boon đã cử ông làm người lãnh đạo mới của đất nước.

Chúng đã ra sức hủy hoại nền văn hóa của chúng ta. Chúng đã ra sức phá tan các truyền thống của chúng ta. Chúng đã ra sức tước mất đi của chúng ta đạo Hồi! Karzaù thét lên với đám đông. Bọn taliban đã cố làm ô uế đạo Hồi, đẩy tất cả chúng ta vào bùn đen, khiến toàn thể thế giới căm ghét chúng ta. Nhưng chúng ta biết thế nào là đạo Hồi, đạo Hồi, đấy là hòa bình! Năm mới bắt đầu từ hôm nay, năm 1381 [theo lịch đạo Hồi], sẽ là năm tái thiết đất nước. Sẽ là năm làm cho Afghanistan trở thành một đất nước vững chãi, chúng ta sẽ thiết lập một nền hòa bình thực sự và phát triển xã hội của chúng ta! Ngày hôm nay, toàn thể giới

giúp đỡ chúng ta, sẽ đến một ngày chúng ta sẽ trở thành một đất nước có thể giúp đỡ thế giới, ông hét to trong tiếng hoan hô của quần chúng.

– Chúng ta ? Mansur thì thầm. Chúng ta giúp đỡ thế giới ?

Cậu thấy dường như ý tưởng đó thật vô lý. Cả cuộc đời của cậu, cậu đã sống trong chiến tranh, Afganistan là một đất nước cái gì cũng nhận được từ bên ngoài, từ lương thực cho đến vũ khí.

Sau Karzaù, đến lượt nguyên tổng thống Burhanuddin Rabbani phát biểu. Một con người có thể lực lớn, nhưng không có quyền hành. Là nhà thần học và giáo sư ở trường đại học Cairo, ông đã thành lập đảng Jamiat-i- Islam, tập hợp một bộ phận người moudjahidin. Ông có nhà chiến lược quân sự Ahmad Shah

Massoud, người sẽ trở thành anh hùng trong cuộc chiến chống Liên Xô và cuộc kháng chiến chống taliban. Massoud là một người lãnh đạo có uy tín lớn, hết sức sùng tín, nhưng cũng thân phương Tây. Ông nói tiếng Pháp thông thạo và mong muốn hiện đại hóa đất nước. Bị giết trong một cuộc đánh bom liều chết do hai người Tunisie thực hiện hai ngày trước các cuộc tấn công khủng bố của Hoa Kỳ, ông đã được thần thoại hóa. Những người Tunisie mang hộ chiếu Bỉ và đóng vai nhà báo. “Thưa ngài chỉ huy, ngài sẽ làm gì đối với Oussama Bin Laden khi ngài đã thu phục được cả Afghanistan?” là câu hỏi cuối cùng mà Massoud nghe được. Ông còn có thời gian cất tiếng cười lần cuối cùng trước khi bọn khủng bố cho phát nổ quả bom giấu trong máy quay phim của chúng. Ngay cả những người pachtoun ngày nay cũng

treo ảnh người tadjik Massoud – con sư tử của vùng Panshir.

Rabbani dùng bài diễn văn của mình để ca ngợi Massoud, nhưng chính cuộc chiến tranh thiêng liêng chống Liên Xô đã đánh dấu thời vinh quang của ông.

– Chúng ta đã đuổi bọn cộng sản ra khỏi đất nước chúng ta, chúng ta có thể đánh đuổi tất cả các bọn xâm lược khỏi đất nước Afganistan thần thánh! ông hét vang.

Quân đội Nga đã rút lui vào mùa xuân 1989. Vài tháng sau đó, bức tường Berlin sụp đổ và cuộc tan rã của Liên Xô bắt đầu, điều mà Rabbani sẵn sàng coi như là vinh dự của chính mình.

– Không có djihad¹⁶, toàn thế giới này sẽ còn nằm dưới ách của bọn cộng

16 Djihad: cuộc thánh chiến của người Hồi giáo.

sản. Bức tường Berlin đã sụp đổ vì những vết thương chúng ta đã giáng cho Liên Xô và vì nguồn cảm hứng chúng ta đã đem lại cho các dân tộc bị áp bức. Chúng ta đã chia nhỏ Liên Xô thành mười lăm. Chúng ta đã giải phóng nhân dân khỏi ách cộng sản! Chúng ta đã cứu thế giới vì chủ nghĩa cộng sản đã chết, ở đây, tại Afganistan!

Mansur đứng mân mê chiếc máy ảnh của cậu. Cậu đã tiến đến gần sát giảng đài để chụp ảnh các diễn giả. Cậu muốn ghi hình Karzaù hơn cả. Cậu chụp liên hồi hình con người nhỏ nhắn mảnh khảnh ấy. Cậu sẽ có cái để về khoe với bố.

Hết người này đến người khác thay nhau lên giảng đài trong tiếng cầu kinh và các diễn văn nối tiếp. Một vị mollah cảm ơn Allah, còn ông bộ trưởng bộ giáo dục thì giải thích rằng Afganistan

cần trở thành một đất nước nơi vũ khí phải nhường chỗ cho internet.

– Phải thay thế súng ống bằng các máy vi tính, ông la to trước khi nói thêm rằng người Afganistan phải chấm dứt sự phân biệt giữa các nhóm tộc người. Hãy xem, ở bên Mỹ, họ cùng chung sống trong một đất nước, tất cả họ đều là người Mỹ. Chẳng có vấn đề gì cả!

Trong khi các vị đang đọc diễn văn, cảnh sát dùng roi quất vào đám đông; nhưng đều vô hiệu, mỗi lúc càng nhiều người vượt qua rào chắn xông về phía khu vực thiêng. Họ la hét to đến nỗi chẳng còn nghe rõ được các diễn văn. Tất cả trông giống như một tiết mục biểu diễn của quần chúng hơn là một buổi lễ tôn giáo. Trên các bậc cấp và các mái nhà chung quanh, đầy những người lính mang súng. Khoảng một chục nhân viên

lực lượng đặc biệt Mỹ, cầm súng máy và đeo kính đen, đã được bố trí trên các mái bằng của ngôi đền để bảo vệ viên đại sứ Mỹ, mặt ông ta màu hồng tái. Một số khác đi lại trước mặt hay bên cạnh ông ta.

Đối với người Afganistan, việc những kẻ ngoại đạo dẫm lên mái đền là phạm thánh. Người không theo Hồi giáo không được phép đi vào bên trong. Có những người bảo vệ sẵn sàng xua họ ra; dẫu sao, những người bảo vệ cũng không quá bận, vì không có nhiều người phương tây đổ đến đây trong mùa xuân đầu tiên này sau khi bọn taliban sụp đổ. Chỉ có một hay hai người làm việc trong các tổ chức nhân đạo lẫn trong trong buổi lễ hội năm mới này.

Atta Muhammad và viên tướng Abdul Rashid Dostom, những thống lãnh

chiến tranh đang xung đột với nhau, cũng có mặt ở giảng đài. Atta Muhammad là người chỉ huy thành phố này, còn người ouzbek Dostom thì cho rằng chính ông ta mới là người được quyền chỉ huy. Hai kẻ thù không đội trời chung lúc này đang đứng cạnh nhau để nghe các bài diễn văn. Atta Muhammad có một bộ râu taleb. Dostom thì có vẻ oai vệ của một võ sĩ sắp về hưu. Họ đã bắt đầu dĩ cộng tác với nhau trong cuộc tấn công cuối cùng chống quân taliban. Bây giờ, giữa họ lại là chiến tranh lạnh. Dostom là thành viên nổi tiếng nhất của chính phủ mới, ông đã được chọn vì mỗi lý do duy nhất là để tránh việc ông định phá cái chính phủ này. Con người lúc này đang đứng nheo mắt về hướng mặt trời là một trong những kẻ được người ta lan truyền những chuyện kinh khủng nhất ở Afganistan. Trừng phạt những

người lính có tội, ông cột họ vào xe tăng và cho xe chạy cho đến khi họ chỉ còn là những mảnh thịt đầm máu. Một hôm, hàng ngàn lính taliban đã bị giải vào giữa sa mạc và nhốt trong một cái con-te-nơ. Chiếc con-te-nơ bị khóa lại và bỏ đấy. Mấy ngày sau, khi mở ra, da họ đã thành than vì nóng. Dostom còn nổi tiếng là một ông vua về lòng phản trắc và đã phục vụ rất nhiều vị thủ lĩnh trước khi phản bội họ hết người này đến người khác. Thời kỳ Liên Xô xâm lược, ông theo người Nga, là người vô thần và uống rượu vodka nổi tiếng. Bây giờ, ông đứng kính cẩn, ngợi ca thánh Allah và ca tụng chủ nghĩa hòa bình.

Năm 1381 không ai có quyền phân phối vũ khí, vì việc đó sẽ dẫn đến những cuộc chiến và tăng thêm xung đột. Đây là một năm để dẹp bỏ súng ống đi, chứ

không phải để phân phát thêm vũ khí mới nữa.

Mansur cười. Dostom chắc là đang mắc bệnh loạn óc. Ông đọc bài diễn văn một cách khó nhọc, cứ ngắt ngứ như một cậu học trò lớp dự bị. Lúc lúc ông lại dừng hẳn lại, rồi lại đọc tiếp, càng găm lên to hơn.

Vị mollah cuối cùng kêu gọi chống chủ nghĩa khủng bố. Trong đất nước Afghanistan hôm nay, có đủ các cuộc chiến đấu chống lại mọi thứ người ta không ưa thích, và mỗi diễn giả lại chống một thứ.

– Đạo Hồi là tôn giáo duy nhất, trong kinh sách thiêng liêng của mình, dạy phải chiến đấu chống chủ nghĩa khủng bố. Chủ nghĩa khủng bố đã phơi bày bộ mặt của nó ra với Afganistan, nhiệm vụ của chúng ta là chiến đấu chống lại.

Điều đó không được viết ra trong bất cứ cuốn sách thiêng nào khác. Thượng Đế đã nói với Mahomet: “Người sẽ không cầu nguyện trong một ngôi đền do bọn khùng bố xây lên.” Những người Hồi giáo chân chính không phải là những tên khùng bố, bởi Hồi giáo là tôn giáo khoan dung nhất trong tất cả các tôn giáo. Khi Hitler giết những người Do Thái ở châu Âu, thì những người Do Thái ở vùng đất Hồi giáo đều được an toàn. Bọn khùng bố là giả Hồi giáo!

Sau nhiều giờ đọc diễn văn, cuối cùng ngọn janda, lá cờ màu xanh của Ali được kéo lên, đã năm năm nay nó không được treo. Cây cột đặt nằm dưới đất, ngọn quay về hướng ngôi đền. Trong tiếng trống và tiếng tung hô hoan hỉ, Karzaù kéo cây cột và lá cờ tôn giáo lên. Nó sẽ tung bay trong bốn mươi ngày. Người ta

bắn súng chỉ thiên và các rào chắn được mở ra. Hàng chục nghìn người này giờ vẫn ở bên ngoài ủa vào phía đền thờ, ngôi mộ và lá cờ.

Đối với Mansur, cái cảnh đám đông và nghi lễ thế là đã đủ, cậu muốn đi rảo các cửa hàng. Ali hăng chờ đấy đấy. Cậu đã nghĩ đến việc này từ lâu, mỗi người trong gia đình phải nhận được một món quà. Nếu mỗi người đều nhận được một phần của chuyến đi này, thì sau này bố cậu sẽ tỏ ra rộng rãi hơn khi cậu cầu xin ông điều này điều nọ.

Trước hết cậu mua một tấm thảm cầu kinh, những chiếc khăn quàng và chuỗi hạt, rồi những chiếc bánh hình nón để bẻ và nhấm với trà. Cậu biết bà nội Bibi Gul sẽ tha thứ cho cậu mọi tội lỗi nếu cậu mang về những chiếc bánh nặng đến mấy kilô chỉ duy nhất ở Ma-

zar mới có. Ngoài ra cậu còn mua những chiếc áo và đồ trang sức cho các bà cô và kính râm cho các em và các ông chú. Những thứ ấy không bao giờ thấy bán ở Kaboul. Đeo nặng tất cả các thứ ấy tổng trong cái túi lớn màu hồng nhố nhăng những hình quảng cáo cho hãng “Pleasure – Special light cigarettes”, cậu quay lại mộ khalip Ali. Các món quà năm mới phải được ban phước.

Cậu mang chúng vào trong hầm mộ và đi về phía các mollah đang ngồi gần những bức tường dát vàng. Cậu đặt các món quà trước một trong các vị ấy, ông ta đọc kinh Coran và thổi lên chúng. Khi kinh đã đọc xong, Mansur nhét lại các món quà vào túi và vội bước đi.

Ở bức tường vàng, có thể nói một lời ước. Đúng theo các diễn từ ái quốc, cậu gục trán vào tường và cầu khẩn: mong

sao một ngày kia cậu tự hào được là một người Afganistan và đất nước Afganistan được tôn trọng trên thế giới. Đích thân Hamid Karzaù cũng không thể nói hơn được thế.

Mê mẩn vì tất cả những xúc cảm đó, Mansur đã quên mất lời cầu xin được thanh lọc tâm hồn và được thứ lỗi, là cái cơ khiến cậu đi đến Mazar. Cậu đã quên mất sự phản bội của cậu đối với cô bé hành khất, thân hình trẻ con bé nhỏ, đôi mắt hạt dẻ mở to, mái tóc rối tung của cô. Cậu quên mất rằng cậu đã không can ngăn tội lỗi của anh chàng bán bút máy to béo.

Cậu bước ra khỏi căn phòng mộ và đi về phía lá cờ Ali. Cạnh cột cờ cũng có những mollah đang đứng đó, họ nhận lấy các túi xác của Mansur, nhưng chẳng có thời gian để giở các món quà ra. Đám

đồng những người hành hương đến xin ban phước cho các tấm thảm, chuỗi hạt, thực phẩm và khăn quàng mệnh môn. Các vị mollah chỉ cầm lấy túi và quệt vội vào cây cột cờ, đọc một lời cầu nguyện ngắn trước khi trả lại chúng. Mansur ném cho họ vài tờ giấy bạc và như thế là các tấm thảm cầu kinh cùng các chiếc bánh hình nón đã được ban phước lần nữa rồi.

Cậu rất vui sướng được tặng chúng cho bà nội, cho Sultan, cho các ông chú, bà cô. Mansur bước đi vừa cười. Cậu rất vui. Cậu đã thoát ra khỏi cái cửa hàng của cậu, khỏi sự lệ thuộc vào bố. Cậu bước đi trên vỉa hè trước đền thờ cùng với Akbar và Saùd.

– Đây là ngày đẹp nhất trong đời em!
Đẹp nhất! cậu reo lên.

Akbar và Saùd nhìn cậu ngạc nhiên, gần như lo lắng, nhưng cũng lây hạnh phúc của cậu.

– Em ngưỡng mộ Mazar, em ngưỡng mộ Ali, em ngưỡng mộ tự do!

– Em ngưỡng mộ các anh! Mansur reo lớn, vừa nhảy cẫng lên giữa đường.

Đây là lần đầu tiên cậu đi xa mà không có gia đình, ngay đầu tiên cậu không nhìn thấy một người nào trong gia đình mình.

Họ quyết định đi xem một bouzka-chi. Các vùng phía bắc nổi tiếng về sự tàn nhẫn, hung dữ, nhanh nhẹn của các bouzkachi. Từ xa, họ thấy cuộc chơi đã bắt đầu. Những đám mây bụi phủ cả cánh đồng ở đó hai trăm con người cưỡi ngựa tranh nhau một cái xác hôm nay

là của một con bê đã bị chặt đầu, chứ không phải một con bê như thường lệ. Những con ngựa cắn nhau và lao vào nhau, chồm lên và nhảy lên, trong khi những người kỵ mã, roi ngựa ngậm giữa hai hàm răng, cố giật lấy cái xác đang nằm dưới đất. Con bê chuyển từ tay người này sang tay người khác nhanh đến nỗi đôi khi ta tưởng những người kỵ mã chuyển nó cho nhau. Mục tiêu là đưa được con bê từ đầu này đến đầu kia cánh đồng và đặt nó vào bên trong một vòng tròn vẽ dưới đất. Một số cuộc chơi quyết liệt đến nỗi con vật bị xé toí.

Khi chưa làm quen với trò chơi, ta có cảm giác như đây là các con ngựa đang lao vào một cuộc săn đuổi lẫn nhau cuồng loạn trên cánh đồng, trong khi những người kỵ mã cố giữ thăng bằng trên lưng chúng. Họ mặc những tấm áo choàng

dài có hình thêu, đi những đôi ủng đế cao có trang trí và đội những chiếc mũ bouzkachi, những chiếc mũ chụp da cừu rộng vành làm bằng lông thú vật.

Karzaù! Mansur reo lên khi thấy người lãnh đạo Afganistan trên cánh đồng. Và Dostom!

Người thủ lĩnh bộ lạc và người thống lãnh chiến tranh đấu tranh để chớp được lấy con bê. Để tỏ ra là một người lãnh đạo mạnh mẽ, phải tham gia các bouzkachi, không chỉ ở bên ngoài đám đông hỗn loạn, mà ở ngay chính giữa, nơi cuộc chiến đấu quyết liệt nhất. Tuy nhiên mọi thứ đều có thể thu xếp bằng tiền: thường những kẻ có thể lực trả tiền để người ta giúp cho họ dành được phần thắng.

Karzaù phi ngựa bên ngoài đám hỗn loạn và không thể thực sự theo kịp nhịp

điều chết người của những kỵ mã khác. Viên thủ lĩnh bộ lạc phương nam chưa bao giờ thực sự học được các quy tắc tàn bạo của bouzkachi. Đây là một trò chơi của thảo nguyên và người con trai vĩ đại của thảo nguyên, viên tướng Dostom đã thắng, hay những người tchopendoz đã để cho ông ta thắng. Dostom đứng trên lưng ngựa như một vị tướng quân và đón nhận những tiếng hoan hô.

Đôi khi, hai phe đánh nhau, cũng có khi tất cả đều đánh lẫn nhau. Các trò chơi bouzkachi là một trong những môn thể thao man dã nhất thế giới, nó được du nhập vào Afganistan từ Mông Cổ vào thời Gengis Khan. Đây cũng là một trò chơi ăn tiền, những khán giả nhiều thế lực mỗi lần đặt hàng triệu afgani. Trong trò chơi càng nhiều tiền, các cuộc chiến đấu càng dã man. Bouzkachi cũng là một trò

chơi mang ý nghĩa chính trị quan trọng. Người lãnh đạo địa phương nào cũng phải hoặc tự mình là một tchopendoz hoặc phải có một chuồng ngựa tốt và những kỵ mã giỏi. Chiến thắng đồng nghĩa với việc được tôn trọng.

Từ những năm năm mươi, nhà cầm quyền Afganistan đã cố gắng quy tắc hóa trò chơi này. Các tchopendoz đã chấp nhận các quy tắc, tuy biết rất rõ rằng dẫu thế nào chúng cũng không thể được tôn trọng. Ngay cả sau cuộc xâm lược của Liên Xô, các cuộc đấu vẫn tiếp tục, bất chấp tình hình đất nước đang hỗn loạn và nhiều người tham dự không đến được vì phải đi qua những vùng chiến tranh. Những người cộng sản, cố thủ tiêu các truyền thống lâu đời của người Afganistan, vẫn không bao giờ dám tấn công các bouzkachi. Ngược lại, họ cố tỏ ra

quần chúng hóa bằng cách tổ chức các cuộc đấu, nhà độc tài cộng sản này tiếp nhà độc tài cộng sản khác thay nhau ngồi trên các khán đài, theo nhịp điệu các cuộc thanh toán lẫn nhau đẫm máu của họ. Dẫu sao họ cũng đạt đến chỗ phá huỷ mất một phần lớn nền tảng của các bouzkachi. Với công cuộc tập thể hóa, chẳng còn mấy ai giữ được một chuồng ngựa có hai mươi con được luyện tập đàn hoàng. Chúng bị phân tán và sử dụng trong công việc nông nghiệp. Khi một người chủ sở hữu biến mất, các con ngựa chiến và những người kỵ mã cũng biến mất cùng với ông ta.

Bọn taliban cấm các trò chơi này và coi chúng là phi-Hồi giáo. Lễ hội năm mới ở Mazar là cơ hội tổ chức cuộc chơi bouzkachi đầu tiên sau khi bọn taliban sụp đổ.

Mansur tìm được một chỗ ngay đằng trước, đôi khi cậu phải chạy lui để tránh chân ngựa chồm lên trước khán giả. Cậu chụp nhiều tấm ảnh – những bức chân dung ngựa khi chúng như đang vồ lên cậu, những đám bụi đất tung mù, con bê bị hành hạ, một Karzaù ở xa, một Dostom chiến thắng. Sau khi trò chơi kết thúc, cậu chụp ảnh bên cạnh một tchopendoz.

Mặt trời đã bắt đầu xuống và tấm cả cánh đồng mênh mông một màu đỏ. Cả những người hành hương cũng lấm đầy bụi. Bên ngoài sân đấu, những người bạn đường mệt mỏi tìm được một tiệm ăn. Ngồi quay mặt vào nhau trên những chiếc chiếu mỏng, họ lặng lẽ ăn. Xúp, cơm, thịt cừu và hành sống. Mansur nhai ngấu nghiến, rồi gọi thêm một suất nữa. Họ im lặng chào những người ngồi

thành vòng tròn bên cạnh đang chơi trò vật tay.

Trà được đưa lên và đã đến lúc có thể trò chuyện.

– Ở Kaboul đến à? Mansur gật đầu.

– Đi hành hương?

Có vẻ hơi ngập ngừng.

– Ủ. Đúng ra, chúng tôi mang chim cay đi, một cụ già gần như rụng hết cả răng trả lời. Chúng tôi từ Herat đến. Đã đi một vòng khá xa, Kandahar, Kaboul, rồi đến đây. Chính ở đây có những cuộc đấu chim cay hay hơn cả.

Ông cụ cẩn thận moi từ trong túi áo ra một cái bao nhỏ, từ đó ông lấy ra một con chim cay nhỏ bù xù.

– Nó đã thắng tất cả các trận chúng tôi tham gia đấy. Nó mang lại bao nhiêu là tiền. Bây giờ, nó đáng giá nhiều nghìn đô la, ông ta khoe.

Cụ già cho con chim cay ăn bằng các ngón tay cong như móng chim ưng. Con chim cay rũ lông và thức dậy. Nó bé đến nỗi có thể đứng trong lòng bàn tay nhăn nheo to lớn của ông cụ. Đây là những người lao động đang đi nghỉ. Sau năm năm chơi trò đấu chim cay bí mật, phải giấu dưới thời taliban, cuối cùng họ đã có thể công khai hưởng niềm say mê của mình – nhìn hai con chim mổ nhau cho đến chết. Hay đúng hơn, hơn hờ khi con chim cay nhỏ của mình đánh chết đồng loại của nó bằng những cú mổ.

– Bảy giờ sáng mai đến đây, chúng tôi sẽ bắt đầu vào lúc ấy, ông cụ bảo.

Lúc bước đi, ông cụ dúm cho họ một mẩu haschich.

– Loại nhất thế giới đấy, ông cụ bảo. Lấy ở Herat đó.

Ở khách sạn họ ném thử và cuốn hết điếu này đến điếu khác. Rồi ngủ li bì suốt mười hai tiếng.

Mansur giật mình thức giấc lúc vị mollah gọi dậy cầu nguyện lần thứ hai. Đã mười hai giờ rưỡi trưa. Trong ngôi đền bên cạnh, lễ cầu nguyện đã bắt đầu. Lễ cầu nguyện ngày thứ sáu. Cậu phải đến đó. Và phải đúng giờ. Cậu đã bỏ quên bộ shalwar kamiz, bộ áo cánh với quần dài rộng ống của cậu ở Kaboul. Cậu rất thất vọng, biết mua quần áo cầu nguyện cho đúng cách ở đâu bây giờ? Tất cả các cửa hàng đều đóng cửa. Cậu chỉ biết chửi thề, tức giận.

– Thánh Allah chẳng cần gì đến quần áo của cậu đâu, Akbar ngái ngủ lâu bầu, chỉ mong tổng được cậu đi cho rảnh.

– Em phải tắm rửa, mà nước ở khách sạn thì đã bị cắt mất rồi, Mansur cần nhần.

Nhưng ở đây chẳng có Leila để mà mắng mỏ, Akbar thì quát cho ngay khi cậu vừa mở miệng than vãn. Nhưng nước ở đâu bây giờ? Một người Hồi giáo không thể cầu nguyện mà không rửa mặt, tay và chân. Mansur tiếp tục than thở.

– Em sẽ không đến đã kịp mất.

– Ở cạnh đèn thờ có nước đấy, Akbar nói, trước khi lại vùi đầu vào ngủ tiếp.

Mansur nhảy bổ ra ngoài, trong bộ quần áo đi đường lấm lem. Làm sao cậu

lại có thể quên chiếc áo mặc trong lúc ra đi hành hương? Và cái mũ chụp để cầu nguyện của cậu nữa? Cậu nguyện rửa sự vô ý của mình vừa chạy về phía đền thờ màu xanh cho kịp giờ cầu nguyện. ở lối vào, cậu nhìn thấy một người hành khất vẹo chân. Hai chân của người ấy sưng vù và lốm đốm đen đặt duỗi trên lối đi, đã hoàn toàn bị nhiễm trùng. Mansur giật lấy chiếc mũ chụp để cầu nguyện của anh ta.

– Lát nữa tôi sẽ trả lại anh, cậu vừa nói vừa chạy, tay cầm chiếc mũ màu xám trắng, vành đã vàng ố vì mồ hôi.

Cậu đặt đôi giày ở lối vào và đi chân không trên những phiến đá cẩm thạch đã được hàng vạn bàn chân mài nhẵn. Cậu rửa tay và chân, ấn sâu chiếc mũ trên đầu và trang nghiêm tiến về phía những hàng người đang quay về hướng Mecca.

Cậu đã đến kịp. Trong hàng chục hàng, mỗi hàng ít nhất cũng có đến cả trăm người hành hương, mọi người cúi lạy. Mansur quì ở hàng cuối và đọc theo các lời cầu nguyện, chỉ sau một lát, cậu đã ở giữa đám đông, nhiều hàng người khác đã đến thêm ở phía sau. Cậu là người duy nhất mặc âu phục, nhưng cậu cũng làm theo đúng như những người khác, trán đập xuống đất, mông đưa cao lên, mười lăm lần. Cậu đọc những lời kinh cậu thuộc và nghe lời giảng ngày thứ bảy của Rabbani, nhắc lại bài hôm qua.

Lời cầu nguyện được đọc sát ngay hàng rào chắn bao quanh đền thờ, ở đây những người bị bệnh nan y đến để mong được cứu chữa. Họ bị giữ lại đằng sau rào chắn để đề phòng lây nhiễm. Hai gò má sâu tái nhợt, những người bị bệnh lao cầu xin Ali ban cho sức lực. Trong số họ,

có cả một người một người bị bệnh tâm thần, một cậu con trai cứ đập tay cuống cuống trong khi một người anh của cậu cố dỗ cậu đứng yên. Phần đông chỉ đứng nhìn qua các song hàng rào, đôi mắt lơ đãng. Chưa bao giờ Mansur nhìn thấy cùng lúc nhiều người sắp chết đến thế. Đám người bốc lên mùi bệnh tật và chết chóc. Chỉ những người ốm nặng mới được vinh dự ngồi ở đây để cầu xin Ali cứu chữa cho mình. Dựa lưng vào các tường của căn phòng mộ, họ chen nhau: càng đến gần được bức tường của ngôi đền xanh, thì họ càng chóng được lành bệnh.

Chỉ hai tuần nữa, tất cả đều sẽ chết mất thôi, Mansur nghĩ. Đôi mắt cậu bắt gặp cái nhìn của một người có nhiều vết sẹo đỏ sưng tấy lên. Hai cánh tay dài gầy đét của ông đầy những mụn và những vết

thương gãi đến rớm máu, cũng như đôi chân ông, chòi ra ngoài chiếc áo trong, nhưng ông ta lại có một đôi môi hồng mịn rất đẹp gợi nhớ những cánh hoa mơ mùa xuân.

Mansur rùng mình và quay mặt đi, nhìn về phía hàng rào nơi có những người phụ nữ và những đứa trẻ con đang đứng. Những chiếc burkha đã bạc màu với những đứa con đầu ồm đặt trên gối. Một người mẹ đang thiu thiu ngủ trong khi đứa con bị bệnh loạn nhiễm sắc thể của bà đang cố kể chuyện gì đó, nhưng cứ như là nó đang nói với một bức tượng bị phủ một tấm vải xanh. Có thể bà đã đi bộ suốt ngày nọ sang ngày kia để đến được ngôi đền và ngôi mộ Ali trong dịp năm mới này. Có thể bà đã bế con trên tay để cầu xin chữa bệnh. Chẳng thấy thuốc nào cứu chữa được cho nó nữa, có

thể Ali sẽ cứu được nó.

Mansur nghe ớn lạnh dọc xương sống. Dưới tác động của bầu không khí hết sức căng thẳng này, cậu quyết định phải làm mới lại cả con người mình. Cậu sẽ trở thành một người tốt, một người Hồi giáo sùng tín. Cậu sẽ tuân thủ các giờ cầu nguyện, cậu sẽ bố thí, cậu sẽ nhịn ăn, cậu sẽ đi đến đền thờ, cậu sẽ không nhìn một cô gái nào trước khi cưới vợ, cậu sẽ để râu và cậu sẽ đi Mecca.

Khi đã hết giờ cầu kinh và Mansur đã nguyện hứa, thì trời đổ mưa. Ngôi đền thiêng và các nền đá đã được mài nhẵn sáng ánh lên sau màn mưa. Mưa to. Mansur nháy bồ ra, cậu tìm thấy đôi giày và gặp lại người hành khất có chiếc mũ chụp cầu nguyện. Cậu ném cho anh ta mấy tờ giấy bạc và chạy băng dưới mưa qua quảng trường.

Tôi đã được ban phước, câu reo lớn.
Tôi đã được tha thứ! Tôi đã được thanh
lọc!

Nước nói với người cáu bẳn: hãy đến
đây Người cáu bẳn trả lời: tôi xấu hổ quá

Nước trả lời: làm sao người muốn
rửa sạch tội lỗi mà không có ta?

12. Mùi bụi

Hơi nước bay chập chờn quanh những thân người trần truồng. Những bàn tay di chuyển nhanh và nhịp nhàng. Những tia nắng mặt trời xuyên qua hai cửa sổ trên trần và tỏa hào quang sáng đẹp trên những mông, vú và đùi. Lúc đầu, trong hơi nóng của căn phòng, chỉ có thể nhìn thấy các thân hình người. Các khuôn mặt trông có vẻ rất tập trung. Cứ như chẳng có gì thích thú, mà là lao động nặng nhọc.

Trong hai gian phòng lớn, những người phụ nữ ngồi hay đứng và tự kỳ cọ, kỳ cọ lẫn cho nhau hay kỳ cọ cho con họ. Một số người còn giữ được các đường tròn tựa các cô gái trong tranh Rubens, một số người khác xương đã nhô ra, gầy như một sợi dây. Đeo những bao tay lớn bằng sợi gai, do chính họ làm, họ cọ lưng, tay, chân cho nhau. Họ tẩy những chỗ da cứng ở gan bàn chân bằng những miếng đá bọt. Những người mẹ cọ cho các cô con gái sắp đi lấy chồng, vừa chăm chú quan sát thân hình con. Chẳng bao lâu nữa, những cô bé có những đôi vú nhọn này sẽ trở thành mẹ và sẽ cho con bú. Trên làn da còn mỏng tang của những cô gái mới lớn kéo dài những đường rạn, là dấu vết những cuộc sinh nở ở tuổi cơ thể các cô còn chưa phát triển hết. Hầu hết phụ nữ đều có da bụng nứt rạn vì đẻ sớm và đẻ nhiều.

Bọn trẻ con la hét chói tai, vì sợ hay vì vui sướng. Những đứa được kỳ cọ và tắm rửa đùa nghịch trong các chậu nước. Những đứa khác thì kêu lên vì đau và vùng vẫy như những con cá mắc lưới. Ở đây không có miếng che để ngăn cho mắt khỏi bị vào xà phòng. Các bà mẹ dùng gang tay bằng sợi gai xát vào thân thể những đứa con đen xỉn vì cáu ghét cho đến lúc da chúng đỏ hồng lên. Tắm rửa ở đây là cả một cuộc chiến đấu trong đó bọn trẻ con sa vào những bàn tay rắn chắc của mẹ chúng phải chịu thua trận.

Leila tẩy cáu ghét và lớp da đã chết trên cơ thể mình. Từng mảng lớn rời ra, rơi vào trong chiếc gang hay rơi xuống đất. Đã nhiều tuần Leila chưa tắm rửa cho tử tế và lần đến nhà tắm hơi trước của cô cách đây đã nhiều tháng. Ở nhà, rất hiếm nước và Leila chẳng thấy có lý

do gì để tắm cho nhiều, bởi vì thế nào rồi thì cũng bẩn lại thôi.

Lần này cô theo mẹ và các chị em họ đến nhà tắm hơi. Là những cô gái độc thân, họ hết sức e thẹn và vẫn mặc quần đùi và xu chiêng. Chiếc găng bằng sợi gai tránh các chỗ đó, nhưng tay, đùi, chân, lưng và gáy thì bị chà xát ra trò. Những giọt mồ hôi và nước trộn lẫn vào nhau trên mặt họ, trong khi họ xát, kỳ và bóc ra từng mảng ghét, càng gắng sức được nhiều thì càng sạch.

Mẹ của Leila, bà cụ thất tuần Bibi Gul, ngồi trần truồng giữa một vũng nước trên nền nhà. Mái tóc dài màu xám của bà đổ xuống như thác trên lưng, hàng ngày nó được giấu kín trong tấm khăn quàng màu xanh sáng. Nó dài đến nỗi đuôi tóc trôi trên mặt nước. Trông như bà cụ đang lên đồng; bà nhắm mắt, tận

hưởng hơi nóng. Thỉnh thoảng bà lười biếng kỳ qua người một chút và nhúng chiếc găng tắm vào chậu nước mà Leila đã chuẩn bị sẵn cho bà. Nhưng rồi bà lại thôi ngay, vì bà không thể đưa tay ra quá chiếc bụng to tướng, trên đó thông xuống đôi vú nặng. Nên bà cứ ngồi đó trong trạng thái nhập đồng, cứng đờ, tựa một bức tượng lớn màu xám.

Lúc lúc Leila lại lén nhìn về phía mẹ để an tâm là bà vẫn bình thường, trong khi cô kỳ cọ và huyền thuyên với các cô chị em họ. Cơ thể cô gái mười chín trông còn trẻ con, nửa con gái nửa đàn bà. Đúng ra thì người trong gia đình Khan đều béo, ít nhất cũng là theo tiêu chuẩn Afganistan. Hình dáng của họ là kết quả của mỡ với dầu trút tràn trề ra đĩa. Bánh xèo rán, khoai tây cắt miếng tắm đầy mỡ, thịt cừu rưới nước sốt gồm dầu pha gia

vị. Nước da Leila tái nhợt và không chê vào đâu được, mịn màng như mông một đứa trẻ sơ sinh. Màu da mặt cô pha giữa trắng, vàng và xám nhạt. Cuộc sống của cô phản ánh rõ trên làn da trẻ con của cô chẳng bao giờ nhìn thấy mặt trời và trên đôi bàn tay cô, sần sùi và mòn mõi như tay một bà già. Từ lâu Leila thường bị chóng mặt và cảm thấy cơ thể suy yếu, cuối cùng cô đi khám thì một ông thầy thuốc chẩn bệnh cho cô là thiếu ánh sáng mặt trời và vitamin D.

Thật nghịch lý, Kaboul là một trong những thành phố nhiều ánh sáng mặt trời nhất thế giới. Nằm ở độ cao 1800 mét, vào tất cả các ngày trong năm nó đều bị mặt trời dội xuống. Mặt trời làm cho mặt đất nứt nẻ ra, khiến các khu vườn ngày xưa xanh tốt nay đều héo rụi, đốt cháy da dẻ trẻ con. Nhưng Leila

chẳng bao giờ nhìn thấy nó. ánh mặt trời không đến được căn hộ ở tầng dưới ngôi nhà Microyan, cũng không lọt qua được mắt lưới trên tấm burkha của cô. Chỉ khi cô đi thăm bà chị Mariam, ở một ngôi nhà có sân rộng trong làng, cô mới để cho ánh nắng sưởi ấm làn da. Nhưng rất ít khi cô có được thời gian để đến đó.

Trong gia đình, Leila là người thức dậy sớm nhất và đi nằm muộn nhất. Trong tiếng ngáy của những người nằm ngủ ở phòng khách, cô nhen lửa trong lò bằng những cành củi nhỏ. Sau đó, cô đun nóng chiếc nồi gỗ trong phòng tắm và nấu nước sôi để dùng trong nhà bếp, giặt giũ và rửa chén bát. Trời vẫn còn tối; cô đổ đầy nước vào các chai, các xoong chảo và các bình. Chẳng bao giờ có điện vào giờ này và Leila đã có thói quen mò mẫm trong bóng tối. Đôi khi, cô đốt một

ngọn đèn nhỏ. Rồi cô pha trà, trà phải có sẵn khi những người đàn ông trong nhà thức dậy, vào lúc 6 giờ 30, nếu không cô sẽ bị mắng. Khi có nước, cô thường xuyên đổ đầy các vại mà cô vẫn dùng, vì chẳng biết lúc nào nước bị cắt, đôi khi chỉ một tiếng là mất nước, đôi khi hai tiếng.

Tất cả các buổi sáng, Eqbal hét lên như lợn bị chọc tiết. Nghe chói tai đến lạnh cả xương sống. Nằm cứng đờ hay co rúm trên chiếu, cậu không chịu dậy. Mười bốn tuổi, mỗi ngày cậu lại sáng chế ra một căn bệnh mới để trốn mười hai giờ phải ngồi ở cửa hàng. Hoài công thôi, chẳng ai thương xót. Cuối cùng, bao giờ cậu cũng phải dậy, nhưng sáng hôm sau, lại những tiếng kêu thét xé tai như cũ.

– Đồ làm bộ làm tịch! Đồ lười biếng! Dép tôi thủng cả rồi đây này, cậu hét lên

vừa ném dép vào người Leila.

Cậu trả thù bất cứ ai cậu có thể.

– Leila, nước nguội hết rồi. Không đủ nước nóng! Quần áo của tôi đâu? Dép tôi đâu? Mang trà lên đây! Bữa ăn sáng đâu? Đánh giày cho tôi! Tại sao chị dậy muộn thế?

Các cánh cửa đập rầm rầm, những cú đâm vào tường. Các căn phòng, các hành lang nghe như chiến trường. Các cậu con trai của Sultan cãi nhau, la hét, khóc lóc. Thông thường Sultan ngồi uống trà và ăn sáng với Sonya. Sonya chăm cho ông. Phần còn lại là Leila. Cô đổ đầy các chậu nước tắm, tìm quần áo, pha trà, luộc trứng, đi mua bánh mì, đánh giày... Năm người đàn ông trong gia đình sắp đi làm việc.

Cô miễn cưỡng giúp ba cậu cháu, Mansur, Eqbal và Aimal chuẩn bị đi làm. Chẳng bao giờ có ai cảm ơn cô, chẳng bao giờ có ai giúp đỡ cô.

– Lũ trẻ vô giáo dục, cô rít lên một mình khi ba cậu con trai, nhỏ hơn cô vài tuổi, ra lệnh cho cô.

– Hết sữa rồi à? Tôi đã bảo cô đi mua cơ mà! Mansur hét to. Đồ ăn bám.

– Nếu cô dám nói một lời nào đó, bao giờ cũng sẽ nhận được một câu trả lời chết người.

– Câm mồm lại, mụ ác mớ.

Cậu sẵn sàng đánh cô, vào bụng hay vào lưng.

– Đây không phải là nhà của cô, đây là nhà tôi, cậu sảng giọng.

Leila cũng không hề có cảm giác cô đang ở nhà mình. Đây là nhà của Sultan, của các con trai ông và của bà vợ hai của ông. Cô, Bulbula, Bibi Gul và Yunus đều cảm thấy mình không được đón nhận trong gia đình này. Tuy nhiên cũng không thể dọn đi nơi khác được. Phân ly một gia đình là một điều điểm nhục. Dầu sao, họ cũng chỉ là những người đầy tớ. Nhất là Leila.

Đôi khi cô tiếc đã không được đem cho khi mới ra đời, như anh trai cô. Người ta sẽ cho mình được đi học một lớp tin học và tiếng Anh ngay từ bé, bây giờ mình sẽ được đi học đại học, sẽ có quần áo đẹp, sẽ không phải làm nô lệ, cô mơ tưởng. Leila yêu mẹ, vấn đề không phải là ở đó, nhưng cô cảm thấy không ai thật sự quan tâm đến cô. Bao giờ cô cũng cảm thấy mình là người đứng ở hàng bét

trong dòng họ, mà quả đúng thế thật. Bibi Gul không có đứa con nào khác sau cô.

Sau cái hỗn loạn buổi sáng và Sultan cùng các con trai ông đã ra đi, Leila có thể thở, uống phần trà của mình và ăn sáng. Rồi cô quét các phòng, lần thứ nhất trong ngày. Cô bước đi, người cúi xuống trên chiếc chổi nhỏ bằng rơm và quét, quét, quét, hết phòng này sang phòng khác. Bụi cuộn lên trước khi lại rơi xuống sau lưng cô. Mùi bụi chẳng bao giờ rời căn hộ này. Cô chẳng bao giờ rũ hết được bụi, các cử chỉ của cô, cơ thể cô, các ý nghĩ của cô đều đầy bụi. Dầu sao cô cũng nhặt được những mẩu giấy, mẩu rác nhỏ. Cô quét nhiều lần trong ngày. Do mọi việc đều làm ngay trên nền nhà, nên chẳng mấy chốc đã bẩn.

Bây giờ thì cô đang cố tẩy cái thứ bụi

ấy ra khỏi người mình. Cô kỳ thành từng cuộn nhỏ dày cộp. Cái thứ bụi ấy, nó bám chặt vào cuộc đời cô.

– Ôi, giá như em có được một căn nhà để có thể mỗi ngày chỉ dọn dẹp một lần thôi sau đó vẫn còn sạch, sáng mai không phải quét lại nữa, Leila nói với các cô chị em họ vừa thở dài.

Họ lắc đầu. Họ cũng đều là con gái sinh sau cả, cuộc đời họ cũng chẳng khác gì cô.

Leila đã mang theo quần áo lót cô muốn giặt đến nhà tắm hơi. Cô thường giặt quần áo trong bóng tối của phòng tắm trên một chiếc ghế đẩu bên cạnh lỗ vệ sinh. Lúc đó cô sẽ có trước mặt nhiều chiếc chậu lớn, một chậu có xà phòng, một chậu nước trong, một chậu đựng quần áo màu sáng, một chậu quần áo

sẫm. Cô giặt chăn, đệm, khăn và quần áo của gia đình. Cô xát và vắt nước trước khi đem phơi. Rất khó phơi khô, nhất là vào mùa đông. Người ta giăng dây trước nhà, nhưng quần áo thường bị bay mất, nên Leila không muốn mắc lên đấy, trừ khi có bọn trẻ con trong nhà trông chừng cho đến lúc khô. Cô thường mắc lên sợi dây giăng trước hàng hiên nhỏ trên gác. Hàng hiên này chỉ rộng khoảng hai mét vuông và chất đầy thức ăn cùng những thứ vật vãnh, một thùng khoai tây, một rổ hành, một rổ khác đựng tỏi, một túi gạo to tướng, những tấm bìa, giày dép cũ, mấy miếng giẻ rách và các thứ khác chẳng ai dám vứt đi vì sợ có lúc sẽ có ai đó cần đến.

Ở nhà Leila mặc những chiếc áo pun cũ lông dài, áo sơ mi lấm lem và váy lê sát đất. Cô nhặt chỗ bụi chổi chưa quét

được hết. Cô đi một đôi giày vệt gót và đầu quần một chiếc khăn quàng nhỏ. Vật duy nhất long lanh là đôi khuyên tai vàng và những chiếc vòng tay bằng nhựa láng.

– Leila!

Một tiếng gọi cô yếu ớt, hơi mệt mỏi chen giữa những tiếng la hét của bọn trẻ con. Tiếng gọi chỉ thoáng nghe được giữa tiếng ồn ào do đám phụ nữ đang dội những xô nước lên người nhau.

– Leilaaa!!!

Đấy là Bibi Gul, bà vừa tỉnh cơn nhập thần. Tay cầm một chiếc găng tằm, bà bối rối nhìn cô. Leila mang găng tằm, xà phòng, dầu gội đầu, chậu, đi đến chỗ bà mẹ mập ú đang ngồi trên truồng. Cô xát lên người mẹ và nắn bóp mạnh đến nỗi bà rung cả người lên. Đôi vú bà

thông xuống hai bên. Bụng bà to đến nỗi che mất âm hộ khi bà đứng hay ngồi, trở thành một đồng chẳng còn ra hình thù gì.

Bibi Gul cất tiếng cười, chính bà cũng thấy cái cảnh của mình thật khôi hài. Đứa con gái nhỏ nhắn và xinh xắn với bà mẹ to đùng và già. Hai mẹ con cách nhau đến năm mươi tuổi. Vì họ cười, nên tất cả những người khác cũng có thể cười theo. Bỗng nhiên, cái cuộc kỳ cọ kia khiến mọi người cười ầm lên.

– Mẹ béo quá đi, mẹ ạ, thế này thì mẹ chết mất thôi, Leila trách mẹ trong khi đưa chiếc găng tắm kỳ vào những chỗ tự tay mẹ không với tới được.

Một lúc sau, cô lăn da bụng cho bà và có các cô chị em họ giúp thêm tay, mỗi người xát một bên hông bà Bibi

Gul khổng lồ. Cuối cùng, cô gội mài tóc dài mượt của mẹ. Cô đổ dầu gội Trung Quốc màu hồng lên tóc bà và vò nhẹ, cứ như cô sợ những sợi tóc mịn còn lại của mẹ rụng mất luôn. Chai dầu gội đã hết. Đây là một chút còn lại từ thời taliban. Hình người phụ nữ trên vỏ chai đã bị bôi bằng mực bút dạ đậm không tẩy được. Cùng với việc hủy hoại sách của Sultan, bọn cảnh sát tôn giáo cũng tấn công cả các thứ bao bì. Khi thấy hình một khuôn mặt phụ nữ trang trí trên vỏ một chai dầu gội, hình một đứa bé trên một bánh xà phòng dùng cho trẻ con, chúng bôi xóa tất. Không được vẽ hình sinh vật.

Nước đã nguội. Bọn trẻ con chưa được tắm sạch hẳn càng hét to hơn. Chẳng mấy chốc chỉ còn có nước lạnh trong phòng tắm mới đó còn mịt mù hơi nước. Đám phụ nữ rời phòng tắm

và sau khi họ ra đi, còn lại toàn là cái ghét. Trong các góc phòng ngổn ngang những vỏ trứng và vài quả táo đã úng. Căn phòng đầy những dải đất bẩn vì đám phụ nữ mang vào phòng tắm những đôi giày họ đã đi trên các đường làng, trong nhà xí và trong các sân sau.

Bibi Gul đứng dậy, Leila và các cô chị em họ của cô bước theo bà. Họ mặc lại quần áo. Chẳng ai có đồ thay, mọi người đều mặc lại quần áo đã mặc khi đến. Cuối cùng, họ khoác burkha lên những mái tóc vừa gội. Những chiếc burkha chiếc nào cũng có một mùi riêng biệt. Chiếc burkha của Bibi Gul xông mùi hơi của chính bà, một thứ mùi già cả trộn lẫn mùi hoa ngọt và một mùi gì đó hăng hăng; chiếc burkha của Leila thì đượm mùi mồ hôi trẻ và mùi nhà bếp. Mà tất cả các tấm burkha của gia đình Khan thì

đều có mùi thức ăn, vì chúng được mắc trên những chiếc đinh trong nhà bếp. Lúc này, tất cả những người phụ nữ đều sạch sẽ như những đồng xu mới dưới những tấm burkha và quần áo của họ, nhưng mùi xà phòng đen và dầu gội đầu màu hồng phải chống chọi lại với một thế lực ngự trị bên trên, ở người này là mùi nữ nô lệ già, ở người kia là mùi nữ nô lệ trẻ.

Bibi Gul đi trước, ba cô gái kéo theo sau. Họ đi cùng nhau và phì cười. ở một đoạn đường vắng, họ bỏ burkha ra sau, ở đây dầu sao cũng chỉ có bọn trẻ con và những con chó lang thang. Ngọn gió nhẹ vuốt ve làn da họ còn bốc hơi. Bù lại không khí chẳng hề dễ chịu. Trong các ngõ hẻm và các lối tắt ở Kaboul, nồng nặc mùi hôi thối của rác và cống. Một cái rãnh bẩn thỉu chạy dọc theo con đường

giữa những ngôi nhà bằng đất nén. Các cô gái không chú ý đến mùi thối cũng như lớp bụi đang chậm rãi bám vào da họ và bít hết các lỗ chân lông. ánh mặt trời chiếu trên da thịt họ và họ cười. Đột ngột, một người đàn ông đi xe đạp đến.

Trùm người lại, các cô gái, tôi vượt qua đây! anh ta kêu to và phóng vụt qua.

Họ nhìn nhau và cười vì nét mặt kỳ lạ của anh ta, nhưng khi anh quay lại thì họ đã trùm người cả lại rồi.

– Khi nào đức vua trở lại, tôi sẽ không trùm burkha nữa, Leila khẳng định, đột nhiên cô trở nên nghiêm trang. Lúc đó chúng ta sẽ có một đất nước thanh bình.

– Ngài chẳng bao giờ trở lại đâu, cô em họ trùm áo choàng trả lời.

– Hình như mùa xuân nay ngài sẽ trở lại, Leila nói.

Trong khi chờ đợi, cẩn thận hơn cả là phải trùm người lại, vả lại ba cô gái thật đơn độc.

Leila không bao giờ đi ra ngoài chỉ một mình. Thật khó coi khi không có người đi cùng. Khi đó ai biết cô đi đâu? Có thể cô đi gặp một ai đó, thậm chí có thể cô đi đến một nơi tội lỗi nào đó. Leila không bao giờ đi một mình ra cái chợ rau quả chỉ cách nhà mấy phút đi bộ, ít ra cô cũng dắt theo một cậu bé ở nhà bên cạnh. Hoặc cô nhờ cậu bé đi mua hộ cô. Cô chưa bao giờ ở nhà một mình, cô chưa bao giờ đi đâu đó một mình, cô chưa bao giờ ở một nơi nào đó một mình, cô chưa bao giờ ngủ một mình. Đêm nào cô cũng nằm trên chiếc chiếu cạnh chiếu mẹ. Leila không biết thế nào

là ở một mình và, do vậy, cô cũng chẳng hề thấy thiếu thốn điều đó. Điều cô mong ước, là thêm được một chút yên tĩnh, bớt đi một ít công việc.

Khi cô về đến nhà, thì thấy loạn cả lên. Chỗ nào cũng toàn những thùng, xác, va li.

– Sharifa đã về nhà! Sharifa! Bulbula chỉ cho cô, mừng vì Leila đã về để thay cô đóng vai chủ nhà.

Shabnam, cô con gái nhỏ của Sultan và Sharifa, chạy bổ đến như một con ngựa cái tơ vui sướng. Nó ôm lấy Leila, còn Leila thì, đến lượt mình, ôm lấy Sharifa. Đứng giữa cảnh đó, cô vợ hai của Sultan mỉm cười, tay bế Latifa. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, Sultan đã đưa Sharifa và Shabnam từ Pakistan trở về.

- Trong mùa hè này, Sultan nói rõ.
- Mãi mãi, Sharifa thì thầm.

Sultan đã lại trở ra hiệu sách, chỉ còn đám phụ nữ ở nhà. Họ ngồi thành vòng tròn dưới đất. Sharifa phân phát quà: một chiếc áo dài cho Leila, một chiếc khăn quàng cho Sonya, một cái xắc cho Bibi Gul, quần áo và đồ trang sức bằng nhựa cho những người còn lại trong gia đình. Phần các cậu con trai của bà, bà đã có nhiều tủ đựng quần áo mua ở chợ Pakistan, không thấy có bán ở Kaboul. Bà cũng mang về những thứ ưa thích của bà.

– Tôi không bao giờ muốn trở lại bên đó nữa, bà giải thích. Tôi ghét Pakistan.

Tuy vậy bà biết tất cả là thuộc quyền Sultan. Nếu Sultan muốn bà quay lại Pa-

kistan, thì bà phải nghe theo.

Hai người vợ nói chuyện phiếm như hai người bạn gái. Họ xem vải, ướm thử áo và đồ trang sức. Sonya vuốt ve những thứ cô nhận được cho phần mình và phần con gái. Sultan chẳng mấy khi mang quà về cho cô vợ trẻ của mình và việc Sharifa trở về cũng khiến cuộc sống của cô bớt đơn điệu. Cô mặc cho Latifa chiếc áo óng ánh vừa nhận được, trông nó như một con búp bê nhỏ.

Họ trao đổi với nhau những tin tức mới nhất; những người đàn bà không gặp nhau đã hơn một năm. Trong nhà không có điện thoại và họ cũng không nói chuyện với nhau. Đối với những người phụ nữ ở Kaboul, sự kiện nổi bật nhất là đám cưới Shakila, mà họ kể lại hết sức chi tiết, nào quà cáp, nào áo cưới, rồi đến chuyện những người họ hàng

khác, con cái của những người ấy, ai đã có cưới hỏi, ai đã chết.

Sharifa kể lại cuộc sống đi đày của mình, ai đã trở về, ai còn ở lại.

Saliqa đã đính hôn, bà nói. Phải làm như thế, mặc dầu gia đình phản đối. Cậu con trai chẳng có chút tài sản nào, lại lười biếng, chẳng được việc gì hết.

Mọi người đồng tình. Họ nhớ Saliqa là một cô bé lúc nào cũng chỉ lo trang điểm, song dầu sao họ cũng thương hại cô bé đã lấy phải một cậu con trai nghèo khổ.

Sau khi chúng gặp nhau trong công viên, con bé bị cấm ra khỏi nhà suốt một tháng, Sharifa kể. Rồi một hôm, bà mẹ và bà cô của cậu con trai đến xin cưới. Bố mẹ con bé nhận lời, họ chẳng còn

cách nào khác, tai họa đã xảy ra rồi. Và rồi người ta làm lễ đính hôn! Điểm nhục đến thế là cùng!

Đám phụ nữ trở mắt ngồi nghe. Nhất là Sonya. Đây là loại chuyện cô say mê hơn cả. Các câu chuyện của Sharifa đối với cô là những vở kịch truyền thanh.

– Điểm nhục làm sao, Sharifa nhắc lại để nhấn mạnh hơn.

Khi một đôi trai gái trẻ đính hôn, theo lệ gia đình người con trai cầu hôn phải trả tiền lễ cưới, áo cưới và đồ trang sức.

Khi lập kế hoạch cưới, bố cậu bé đã đưa mấy nghìn đồng rupi cho bố Saliqa, ông này ở châu Âu trở về để giúp tìm cách thoát ra khỏi tấn bi kịch gia đình đó. Khi nhìn thấy món tiền, ông ta đã

ném xuống đất. Ông hét lên: “Ông tưởng có thể làm lễ đính hôn với con cá con này à?”

Sharifa đã ngồi ở cầu thang để nghe tất cả những chuyện đó, vậy chuyện bà kể hoàn toàn là đúng thật.

– Và ông ta bảo: “Ông biết thế nào không? Ông cầm lấy tiền của ông đi, chúng tôi sẽ lo lấy lễ đính hôn.”

Bố Saliqa cũng chẳng có nhiều tiền, ông ta chờ nhận được quyền cư trú ở Bỉ, rồi sẽ về tìm gia đình. ở bên Hà Lan, ông đã bị từ chối và bây giờ ông sống bằng tiền trợ cấp của chính phủ Bỉ. Dẫu sao, lễ đính hôn là một hành động tượng trưng quan trọng và việc kết ước đó gần như không thể hủy bỏ được. Nếu xảy ra trường hợp đó, cô gái sẽ khó tái hôn hơn, bất chấp nguyên do tan vỡ là thế nào. Lễ

đính hôn cũng là chỉ dẫn cho thấy tình trạng kinh tế của gia đình. Trang trí ra sao, tốn kém bao nhiêu? áo cưới thế nào, giá cả bao nhiêu? Cuộc tiếp tân phải chứng tỏ gia đình người con trai coi cô dâu và cùng với cô là toàn bộ gia đình cô đáng giá bao nhiêu. Rằng ông bố đã phải mắc nợ để lo chạy lễ đính hôn kỳ thực chỉ làm cho Saliqa được hạnh phúc và người yêu của cô chẳng đáng gì so với nỗi nhục ông sẽ phải chịu nếu tổ chức một đám lễ cưới quá nghèo nàn.

– Con bé đã bắt đầu hối tiếc, Sharifa tiết lộ. Vì cậu ta không có tiền. Nó sẽ rất nhanh chóng nhận ra cậu ta chẳng ra gì. Nhưng bây giờ thì đã quá muộn rồi. Nếu nó cắt đứt hôn thú, thì chẳng còn ma nào muốn nó nữa. Đi đâu nó cũng khoe leng keng những chiếc vòng cậu ta tặng. Nó bảo là bằng vàng, nhưng tôi biết, toàn

kim loại mạ ấy mà. Dịp năm mới, nó cũng không có được áo mới. Có ai nghe thấy bao giờ một cô gái mà lại không được chồng chưa cưới tặng áo mới vào dịp năm mới chưa? – Sharifa lấy hơi rồi nói tiếp – Bây giờ cậu ấy cứ ở nhà con bé suốt, thật quá đáng. Bà mẹ chẳng quản được chúng làm những gì. Kinh khủng, thật kinh khủng, xấu hổ quá chừng, tôi đã nói với bà ấy như thế, Sharifa thở dài, trước khi ba người phụ nữ tới tấp hỏi bà những tin tức khác.

Về chuyện một người đàn ông nào đó hay một người đàn bà nào đó. Nhiều người họ hàng của họ còn ở bên Pakistan, những người cô gì, chú bác và anh chị em họ thấy tình thế chưa thật ổn để trở về. Hoặc không có lý do để trở về, nhà họ đã bị trúng bom, đất đai của họ còn có mìn, cửa hàng của họ đã bị cháy.

Nhưng tất cả đều nhớ nước, cũng như trường hợp Sharifa. Đã gần một năm bà không nhìn thấy các cậu con trai bà.

Leila phải xuống bếp để nấu ăn tối. Cô vui mừng vì Sharifa đã trở về. Tuy nhiên cô lo sợ các cuộc cãi vã không thể nào tránh khỏi khi bà ở đây, cãi vã với các con trai bà, với các chị em gái chồng, với mẹ cô. Cô nhớ bà đã la mắng họ như thế nào.

– Lôi các cô con gái của bà và cắt đi, bà quát Bibi Gul, mẹ chồng của bà. Chúng tôi không có chỗ cho các người ở đây. Chúng tôi muốn sống một mình, bà hét lên lúc Sultan vắng nhà.

Đây là thời bà trị vì trong nhà này cũng như trên trái tim Sultan. Chỉ trong những năm gần đây, sau khi Sultan cưới

vợ hai, Sharifa mới dịu giọng với họ hàng của Sultan.

Nhưng sẽ càng thiếu chỗ hơn, Leila thở dài.

Bây giờ họ không phải là mười hai mà là mười ba người trong những căn phòng nhỏ. Cô bóc hành và khóc cay đắng. Hiếm khi có những giọt nước mắt thật sự, cô đã nén các mong ước, các nỗi tiếc nuối và cả các nỗi thất vọng của mình lại. Mùi đặc trưng của xà phòng ở nhà tắm hơi đã phai từ lâu. Dầu trong chảo bắn lên tóc cô và khiến nó hăng hắc mùi mỡ. Hai bàn tay sần sùi của cô rất đau vì bị nước ớt ăn vào lớp da đã mòn.

Cô nấu một bữa ăn đơn giản, không có gì đặc biệt nhân dịp Sharifa trở về. Gia đình Khan không có thói quen đón mừng phụ nữ; và cô lại làm những gì

Sultan thích. Thịt, cơm, rau bi na và đậu. Nấu với mỡ cừu. Đôi khi chỉ có thịt cho Sultan và các cậu con trai ông, cùng lắm thì thêm một miếng cho Bibi Gul, còn những người khác chỉ có cơm và đậu.

– Các cô chẳng có quyền gì sắt. Các cô sống bằng tiền của tôi, ông nhấn mạnh.

Tất cả các buổi tối, Sultan từ các cửa hàng của ông về, mang theo những xấp tiền, mà ông cất trong thư viện. Thường cũng có những túi lớn chất đầy quả lựu nhiều nước, chuối ngọt, quýt và táo, nhưng tất cả hoa quả đều cất kỹ trong thư viện. Chỉ có Sultan và Sonya được ăn. Chỉ họ có chìa khóa. Hoa quả rất tốn kém, nhất là khi trái mùa.

Sonya nhìn thấy những quả cam cứng trên bệ cửa sổ. Phần ruột đã bắt

dầu khô và Sonya đã để chúng trong bếp – để dành cho mọi người. Không bao giờ Leila nghĩ đến chuyện ném thử. Nếu số cô là phải ăn đậu, thì suốt đời cô phải ăn đậu. Các quả cam sẽ nằm ở đó cho đến khi chúng hoàn toàn ruỗng và khô đi. Leila ngẩng đầu và đặt nồi cơm nặng trĩch lên bếp. Cô đổ chỗ tỏi đã xắt vào chảo đầy dầu, bỏ thêm cà chua, gia vị và khoai tây vào. Leila là đầu bếp giỏi. Việc gì cô cũng thạo. Cũng vì thế mà người ta giao hầu hết mọi việc cho cô. Trong bữa ăn, phần lớn thời gian cô đứng trong một góc cạnh cửa và bật phắt dậy khi có ai đó cần một cái gì hay cần phải lấy thêm thức ăn. Chỉ sau khi mọi người đã dùng bữa xong, thì mới đến lượt cô lấy thức ăn còn thừa vào đĩa của mình. Một ít cơm tấm dầu và và đậu luộc.

Được nuôi lớn lên để mà phục vụ

người khác, cô đã trở thành một người ở. Càng ngày người ta càng sai bảo cô nhiều hơn, và do vậy, càng ngày người ta càng ít tôn trọng cô hơn. Có ai đó bực bội chuyện gì đó chẳng? Thì tất cả sẽ đổ lên đầu Leila. Một vết bẩn trên chiếc áo pun tẩy không sạch, một miếng thịt nấu chưa thật chín, chẳng thiếu nguyên cơ để người ta trút giận lên đầu cô.

Gia đình có việc mời họ hàng đến liên hoan? Lại là Leila phải vào cuộc, buổi sáng cô phải dậy sớm và, sau khi đã lo bữa sáng cho gia đình của chính mình, cô phải cạo khoai tây, thái rau... Khi khách đến, cô phải vất vả lắm mới tranh thủ được chút thời giờ thay quần áo bẩn mặc một bộ quần áo sạch trước khi lại lao đầu vào phục vụ và, cuối cùng, chúi đầu vào bếp rửa bát đĩa lúc tiệc đang tàn. Đây là một cô Lọ Lem, chỉ có điều

khác là trong thế giới của Leila chẳng hề có chàng hoàng tử nào cả.

Sultan đã cùng Mansur, Eqbal và Amal đi làm về. Ông ôm hôn Sonya trong tiền sảnh và chào qua Sharifa trong phòng khách. Hai người đã cùng đi suốt một ngày đường trên ô tô từ Peshawar về Kaboul và không thấy cần nói chuyện gì với nhau nữa. Leila bưng lên một chiếc thau bằng thiếc đựng đầy nước và một chiếc bình. Cô đưa chiếc thau cho từng người để họ rửa tay và đưa cho họ một chiếc khăn tay. Chiếc chiếu bằng nhựa được trải ra trên nền đất và bữa ăn đã có thể dọn ra.

Yunus, em trai Sultan, vốn đã chào Sharifa. Anh hỏi thăm tin tức gia đình trước khi lại ngồi lặng thinh như thường lệ. Trong bữa ăn, anh rất ít nói. Lặng lẽ và nghiêm túc, ít khi anh tham gia vào

các cuộc trò chuyện trong gia đình. Cứ như anh chẳng quan tâm gì đến những chuyện ấy và thui thủi với tâm trạng buồn nẫu của riêng mình. Hai mươi tám tuổi đầu, anh bắt mắt sâu sắc về cuộc đời của mình.

– Một cuộc đời chó má. Làm việc quần quật từ sáng đến tối kể kiếm được vài mẩu bánh mì ở bàn ăn của ông anh.

Yunus là người duy nhất Leila vui vẻ tận tụy phục vụ hết mình. Đây là người anh cô yêu hơn cả. Thỉnh thoảng, anh mang về cho cô những món quà nhỏ, khi thì chiếc cặp tóc bằng nhựa, khi thì chiếc lược.

Buổi tối hôm đó, anh có chuyện nóng lòng cần thổ lộ, nhưng anh muốn chờ đôi chút đã. Sharifa đã lên tiếng trước anh.

– Chuyện Belqisa thế mà lại đâm ra rắc rối. Bố cô ấy đồng ý, nhưng mẹ cô ta thì lại không. Lúc đầu, bà đã đồng ý, nhưng sau đó bà lại nói với một người bà con có một cậu con trai, một cậu con trai trẻ hơn, muốn cưới cô ta. Họ hứa khá tiền, và thế là bà ta đâm ra do dự. Rồi họ đồn đủ thứ về gia đình ta. Nên tôi chẳng biết trả lời cậu ra sao đây.

Yunus đỏ mặt, anh chẳng nói gì, chỉ liếc nhìn quanh. Sự thể đâm ra lúng túng. Mansur cười mỉa.

– Cô cháu gái không muốn lấy ông nội, cậu ta lắm bầm, cố ý để cho Yunus nghe thấy nhưng Sultan thì không.

Hy vọng cuối cùng của Yunus có vẻ đã tắt ngấm. Anh thấy chán, chán phải chờ đợi, chán đi tìm mãi rồi, chán phải sống trong một cái hũ nút.

– Mang trà ra đây! Anh gọi, để cắt ngang những lời nói tràng giang đại hải của Sharifa về việc gia đình Belqisa không muốn gả con gái cho anh.

Leila đứng dậy. Cô lấy làm thất vọng về việc đi hỏi vợ của Yunus cứ phải kéo dài mãi không xong. Cô hy vọng đến lúc nào đó anh lấy vợ, anh sẽ mang cô và mẹ cô đi cùng. Leila sẽ ăn ở thật tốt, cô sẽ chăm lo bày vẽ mọi chuyện cho Belqisa, cô sẽ đảm nhận hết mọi công việc nặng nhọc nhất. Belqisa có thể tiếp tục đi học nếu cô ấy muốn. Cuộc sống sẽ thật êm đềm. Cô sẽ làm tất cả để được thoát ra khỏi nhà Sultan, ở đây chẳng có ai biết đánh giá đúng cô. Lúc nào ông ấy cũng căn nhắc nào là cô nấu ăn không ngon, nào là cô ăn quá nhiều, và không làm tất cả mọi việc Sonya yêu cầu. Mansur thì suốt ngày hành hạ cô. Đôi khi cậu ấy

sảng giọng với cô.

– Tôi đếch cần bất cứ ai chẳng có chút ý nghĩa gì đối với tương lai của tôi. Mà cô, hỏi cô thì là cái thớ gì đối với tôi nào. Cô sống bám vào bố tôi, cút đi cho rảnh, cậu nói thêm vừa cười một cách khinh bỉ, biết chắc rằng cô chẳng có chỗ nào mà đi.

Leila mang trà lên. Trà xanh pha nhạt. Cô hỏi Yunus xem có cần là cái quần cho anh không. Cô vừa giặt quần cho anh xong và vì anh không có được hai cái quần, cô cần biết anh có định ngày mai mặc quần sạch không. Yunus gật đầu, không nói gì.

– Bà cô của tôi đến là ngu, Mansur cứ lải nhải mãi. Mỗi lần bà ấy mở mồm là tôi biết ngay bà ấy sắp nói gì rồi. Tôi chưa từng gặp ai chán ngấy như bà ấy.

Cậu đã lớn lên cùng với người cô lớn hơn cậu ba tuổi đó, không phải như một người em, mà như một ông chủ.

Leila là người cứ phải thường lặp đi lặp lại những điều mình nói, bởi cô tưởng người ta không thèm nghe cô. Nói chung, cô nói những chuyện thường ngày, bởi đấy là toàn bộ thế giới của cô. Nhưng cô cũng biết cười và tỏa sáng, với các cô chị em họ, các chị gái và cháu gái. Leila cũng có thể khiến người ta bất ngờ và biết kể chuyện đùa. Đôi khi cô cũng cười rũ ra. Nhưng không bao giờ trong bữa ăn gia đình. Lúc đó, cô thường im lặng. Đôi khi cô bật cười vì những câu nói đùa thô lỗ của các cậu cháu, nhưng đúng như cô giải thích với các cô chị em họ của cô: cô cười bằng mồm, chứ không phải bằng trái tim.

Sau cái tin đáng thất vọng về việc Belqisa, chẳng còn ai vui chuyện trong bữa ăn tối đầu tiên của Sharfa nữa. Aimal đùa với Latifa, mấy con búp bê của Latifa thì đang ở trong tay Shabnam, Eqbal ôm tôi với Mansur và Sultan thì ướm tình với Sonya. Những người khác lặng lẽ ăn. Rồi cả gia đình đi ngủ. Sharifa và Shabnam ngủ cùng phòng với Bibi Gul, Leila, Bulbula, Eqbal, Aimal và Fazil. Sultan và Sonya vẫn giữ phòng riêng của mình. Nửa đêm, mọi người đều đã nằm trên chiếu của mình, đồn chung cả lại.

Leila nấu ăn dưới ánh sáng chớp choạng của một bóng đèn. Sultan thích ăn những món ăn nấu tại nhà mỗi khi ông làm việc. Cô đun một con gà với dầu, nấu cơm, trộn rau với nước sốt. Sau khi đã bắc các thứ lên bếp, cô rửa chén bát. Ngọn đèn soi sáng khuôn mặt cô.

Đôi mắt cô thâm quầng. Cô nhấc chảo ra khỏi bếp, quần lại trong những tấm dẻ lớn và buộc chặt lại để nắp vung khỏi rơi ra khi Sultan và các cậu con trai của ông mang đi sáng mai. Cô rửa tay cho hết mỡ và đi nằm, để nguyên bộ quần áo cô vẫn mặc suốt ngày. Cô mở chiếu ra, chui vào chăn và ngủ thiếp đi. Vài giờ sau, cô đã bị một mollah đánh thức dậy và một ngày mới lại bắt đầu với “Allahu ahbar

– Thượng Đế là vĩ đại”.

Một ngày mới vẫn nồng nặc mùi và vị của những ngày đã qua. Mùi và vị của bụi.

13. Mười toan

Một buổi xế chiều. Leila trùm burkha, đi giày cao gót và bước ra khỏi nhà. Cô đi qua khung cửa đã long cả cánh, chỗ phơi quần áo, qua sân. Cô nhặt lấy một cậu bé hàng xóm để làm hộ vệ. Hai người đi qua một cây cầu bên trên Kaboul và biến mất vào một trong những con đường trồng cây hai bên hiềm hoi của thành phố. Họ đi qua trước mặt những cậu bé đánh dày, những người bán da và những người bán bánh mì. Và

những người đang ở đó đúng là để mà lang thang. Leila sợ chính những người đó, những kẻ rối hơi, hay chỉ dùng thời giờ để mà nhìn ngắm linh tinh.

Lần đầu tiên kể từ đã lâu lắm, lá cây đang trở màu xanh. Suốt ba năm nay, Kaboul không hề có một giọt mưa và các mầm cây chưa nở đã rụi hết. Mùa xuân năm nay, mùa xuân đầu tiên sau cuộc tháo chạy của bọn taliban, trời mưa rất nhiều, những cơn mưa trời cho, những cơn mưa tuyệt diệu. Không chỉ sông Kaboul tràn cả bờ, mà những cây cối hiếm hoi còn sống sót cũng đã bắt đầu nảy mầm và xanh tươi trở lại. Mưa đã nhiều đủ để bụi lắng xuống. Bụi, cái thứ bụi cát rất mịn ấy, là nỗi đày đọa ở Kaboul. Khi trời mưa, nó biến thành đất sét, khi trời khô nó bốc lên vẩn vù và nghẹt cứng cả mũi, biến thành bùn trong phổi. Buổi

sáng hôm đó, trời mưa và không khí đã mát dịu đi. Nhưng khí mát không lọt vào được dưới tấm burkha. Leila chỉ ngửi thấy cái mùi bồn chồn của chính hơi thở mình và tiếng mạch đập bên thái dương.

Trên tường một ngôi nhà xây bằng bê tông, nhà số bốn khu Microyan, có những tấm bảng lớn ghi rõ “Lớp học”. Những hàng người sắp dài trước các tấm bảng đó, ở đây người ta mở những lớp xóa nạn mù chữ, lớp tin học và lớp học viết. Leila muốn ghi danh vào lớp học tiếng Anh. Trước lối vào, hai người đàn ông ngồi ở một chiếc bàn. Leila nộp tiền xin học và đứng sắp vào hàng trăm người phụ nữ đang chuẩn bị đi tìm phòng học. Họ bước xuống các bậc cấp và đi vào một tầng hầm trông giống như hầm tránh bom. Những vết đạn vẽ các đường nguyệt ngoạc trên tường. Thời nội chiến

chỗ này, nằm ngay bên dưới các căn hộ, đã được dùng làm kho chứa vũ khí. Các “lớp học” được ngăn bằng những tấm gỗ. Mỗi ngăn có một tấm bảng đen, một chiếc que và mấy chiếc ghế dài. Một số ngăn cũng có bàn. Tiếng rì rầm nhỏ nhỏ vang lên đầu đó, hơi nóng dịu dịu.

Leila tìm được lớp của mình. Tiếng Anh cho người mới bắt đầu. Cô đến sớm, cùng với vài anh chàng ngốc. Có thể thật thế này ư? Có cả con trai trong lớp? Cô đã định quay lui, bỏ về, nhưng cố lấy hết can đảm và ở lại. Cô ngồi ở hàng cuối. Hai cô gái trẻ đứng im trong một góc phòng. Nhiều tiếng nói chuyện ồn ào. Mãi một hồi lâu thầy giáo mới tới. Bọn con trai viết nguệch ngoạc lên bảng. “Pussy”, Duck”, “Fuck”[21]. Leila nhìn các chữ ấy, dừng dừng. Cô có mang theo cuốn từ điển Anh-Afganistan của

mình, cô mở ra bên dưới bàn, không để cho bọn con trai nhìn thấy. Các từ ấy không có trong từ điển. Cô cảm thấy rất khó chịu. Cô chỉ có một mình, hay gần như một mình, giữa một đám đông con trai cùng tuổi cô. Lẽ ra cô không bao giờ nên đến đây, cô lấy làm ân hận. Và nếu họ lại nói chuyện với cô thì biết làm sao. Thật là xấu hổ! Cô lại còn bỏ cả burkha ra, nghĩ rằng không nên choàng burkha trong lớp. Bây giờ thì đã quá muộn, cô đã phơi mặt ra mất rồi.

Thầy giáo đến và bọn con trai vội xóa những chữ chúng đã viết lên bảng. Một giờ đau khổ bắt đầu. Mọi người đều phải tự giới thiệu, nói rõ tuổi của mình và vài từ tiếng Anh. Thầy giáo, một thanh niên dong dỏng cao, đưa chiếc que chỉ vào cô và yêu cầu cô nói. Cô có cảm giác đau quặn cả người trước bọn con trai này. Cô

thấy mình bị làm ô uế, bị phơi mình ra, tự làm mất danh dự. Cô đã nghĩ gì mà lại vác mặt đến cái lớp học này? Không bao giờ cô lại có thể nghĩ rằng lớp học lại có nam nữ lẫn lộn. Không bao giờ. Đây không phải là lỗi tự cô.

Cô không dám bỏ ra về. Thầy giáo có thể buộc cô phải nói rõ lý do. Nhưng đến cuối giờ, cô chạy bổ ra cửa. Cô khoác vội chiếc burkha và chạy ra ngoài. Khi đã về đến nhà an toàn, cô mặc tấm burkha lên chiếc đinh ở hành lang.

– Thật là kinh khủng! Có cả con trai trong lớp! Mọi người há hốc cả mồm ra.

– Vậy là không tốt, mẹ cô bảo. Con không được trở lại đó nữa.

Ý nghĩ đó thậm chí không hề thoáng qua trong đầu cô. Bọn taliban đã cắt đi

rồi, nhưng chúng vẫn còn tồn tại trong đầu cô. Và trong đầu Bibi Gul, Sharifa và Sonya. Những người phụ nữ ở Microyan vui mừng vì thời taliban đã chấm dứt. Cuối cùng họ đã được nghe nhạc, được nhảy múa, được sơn móng tay – miễn là đàn ông không nhìn thấy và bao giờ họ cũng giấu kín dưới những tấm burkha.

Leila là một đứa con đẻ chính cống của nội chiến, của chế độ mollah và taliban. Cô là con đẻ của nỗi sợ. Cô khóc thầm. Mưu toan được bùng nổ, được chúng tỏ sự độc lập của mình, được học hành đôi điều gì đó, đã sụp đổ. Vậy mà đây lại là lúc cô có quyền làm những điều đó. Ngăn trở duy nhất đối với cô là chính cô. Giả như Sultan để cho cô được đến trường trung học, thì có chuyện gì đâu. Ở đây là những lớp học cho con gái.

Cô ngồi trong bếp để thái tỏi và khoai tây. Sonya đang ngồi đó ăn trứng rán và cho Latifa bú. Leila không sức đâu mà nói chuyện với cô ta, cái cô ngốc nghếch thậm chí không học đến vần chữ cái, cũng chẳng hề thử học. Sultan đã mời cả một người phụ đạo đến dạy cô ta học đọc và viết, nhưng rồi cô ta quên tất, buổi học nào cũng là buổi bắt đầu lại, và sau khi đã học được năm chữ trong vài tháng, cô ta đã bỏ luôn và xin chồng cho cô được miễn cái món học hành đó.

Ngay từ đầu, Mansur đã chế nhạo những buổi học riêng đó.

Khi một người đàn ông đã có mọi thứ và không còn biết làm gì nữa, thì ông ta dạy cho con lừa của mình học nói, cậu vừa cười vừa nói to.

Ngay cả Leila vốn không thích phần

lớn những lời nói của Mansur cũng không nhận được cười.

Leila cố vươn lên cao hơn Sonya và đặt cô ta trở lại đúng vị trí của mình khi cô ta nói một điều gì đó ngu ngốc hay không thể làm được một việc gì đó, nhưng chỉ là khi nào không có mặt Sultan. Trong con mắt Leila, Sonya chỉ là cô bé nhà quê khốn khổ đã leo lên được địa vị giàu sang tương đối của họ chỉ vì Sultan thấy cô ta đẹp. Cô không thích cô ta, vì tất cả những ưu ái mà Sultan dành cho cô ta và vì sự bất công sò sò trong sự phân công giữa cô ấy và mình. Thực ra cô chẳng có điều gì chống lại Sonya, cô ta suốt ngày chỉ ngồi đấy, dịu dàng, lặng lẽ, nhìn mọi việc diễn ra chung quanh mình. Cô ta không lười biếng, ở làng cô ta làm việc cho bố mẹ rất tốt, chính Sultan không để cho cô làm. Khi ông không

có nhà, cô sẵn sàng làm một đôi công việc. Song dầu sao cô cũng khiến Leila khó chịu. Suốt ngày cô ta chờ đợi Sultan và nhảy bổ vào ông mỗi khi ông trở về. Khi ông đi giao dịch xa, cô chẳng tắm gội và ăn mặc rách rưới. Khi ông ở nhà, cô đánh phấn đến mức làn da tối sẫm của cô trở nên trắng, bôi thâm quầng mắt và đánh môi son.

Sonya đã chuyển từ một đứa trẻ con thành một người vợ ở tuổi mười sáu. Trước khi cưới, cô đã khóc, nhưng là một cô gái có giáo dục, cô đã nén mình lại. Cô đã lớn lên mà chẳng chờ đợi gì ở cuộc đời và Sultan đã biết tận dụng hai tháng đính hôn. Ông đã lo lót bố mẹ cô để được ở riêng một mình với cô trước khi cưới. Thông thường trong thời gian từ khi đính hôn cho đến khi cưới đôi tân hôn không được phép gặp nhau, cũng ít

khi điều đó được tôn trọng. Tuy nhiên, cùng nhau đi săn đồ đạc là một chuyện, còn ngủ với nhau lại là chuyện khác. Chưa bao giờ thấy có chuyện đó. Cậu anh trai của Sonya đã định cầm dao bảo vệ danh dự của cô em gái khi biết Sultan đã mua chuộc bố mẹ cậu để được ngủ với Sonya trước lễ cưới, nhưng Sultan đã mua được sự im lặng của ông anh nổi loạn đó và do vậy đạt được điều ông muốn. Theo ông, đấy chính là ông giúp cho Sonya.

Phải chuẩn bị cho cô ấy trước đêm tân hôn, cô ấy còn rất trẻ, còn tôi thì là người đã từng trải, ông giải thích với bố mẹ cô như vậy. Lúc này, hai chúng tôi càng được sống gần nhau nhiều, thì đêm tân hôn cô ấy sẽ đỡ bị sốc hơn. Nhưng tôi xin hứa sẽ không lợi dụng cô ấy đâu.

Từng bước, ông đã chuẩn bị cho cô gái mười sáu tuổi ấy bước vào đêm tân

hôn.

Hai năm sau, Sonya đã thấy thỏa mãn với cuộc sống bình lặng của cô. Cô chẳng có nguyện vọng gì khác hơn là được ở nhà, thỉnh thoảng về thăm bố mẹ và đón tiếp họ đến thăm cô, lâu lâu nhận được một chiếc áo mới và năm năm một lần được một chiếc vòng bằng vàng. Một lần, Sultan đã dẫn cô theo trong một chuyến đi giao dịch của ông sang Téhéran. Hai người ở lại bên ấy một tháng, và khi họ trở về, những người phụ nữ khác ở Microyan tò mò muốn biết cô đã sống ở nước ngoài như thế nào, nhưng Sonya tuyệt nhiên chẳng có chuyện gì để kể lại cả. Họ đã ở nhà bà con, cô đã chơi với Latifa như thường lệ. Cô chỉ thoáng nhìn thấy Téhéran và cũng chẳng hề ham thích đi khám phá cái thành phố ấy. Điều duy nhất cô có thể kể lại là cô thấy

hàng hóa ở hiệu bách hóa Téhéran đẹp hơn ở Kaboul.

Sonya chỉ có một mối lo chính là có thêm con. Chính xác, là có con trai. Lúc này cô lại đang có thai và cô rất lo sợ lại đẻ con gái. Khi Latifa nắm lấy chiếc khăn quàng của cô và giật đi hay đùa nghịch với nó, Sonya tát cho nó một phát và quấn khăn lại, bởi vì khi đứa bé sinh trước đùa nghịch với chiếc khăn quàng của mẹ, ấy là điềm đứa con sắp sinh sẽ là con gái.

– Nếu tôi sinh con gái, Sultan sẽ lấy một cô vợ ba, cô tâm sự với cô em dâu sau một lúc im lặng.

– Anh ấy bảo thế à? Leila ngạc nhiên.

– Hôm qua.

– Anh ấy chỉ dọa chị thôi. Sonya không nghe.

– Tôi không nên sinh con gái, tôi không nên sinh con gái, cô lầm bầm trong khi đưa con gái một tuổi của cô đang ngủ thiếp đi trong lòng cô, vì tiếng nói đều đều của cô.

Cô ấy dần như một con ngỗng, Leila nghĩ về bà chị dâu vừa đúng bằng tuổi mình.

Leila chẳng muốn chuyện trò. Cô biết cô phải ra đi. Cô biết cô không đủ sức sống suốt ngày nay qua ngày khác ở nhà cùng với Sonya, Sharifa, Bulbula và mẹ cô. Tôi đến điên lên mất. Tôi không còn đủ sức sống ở đây nữa, cô tự nhủ. Tôi chẳng có việc gì cả để làm trong cái nơi chẳng ai coi tôi là người nhà này.

Cô nghĩ đến Fazil, đến cái cách Sultan đã đối xử với cậu ấy. Chính điều đó khiến cô có thể thấy rõ đã đến lúc phải tự mình cất cánh bay thoát đi và phải cố đi học lớp tiếng Anh.

Cậu bé mười một tuổi ngày nào cũng phải làm việc và mang vác những chiếc thùng đến hiệu sách, buổi tối cậu ăn tối cùng với gia đình và đêm nằm co ngủ trên chiếc chiếu bên cạnh chiếu của Leila. Fazil là con trai đầu của Mariam và là cháu của Sultan và Leila. Mariam và chồng chị không thể nuôi được cả đàn con quá đông và Sultan thì lại cần người giúp việc ở cửa hàng, nên họ vui mừng được ông đề nghị để ông nuôi cậu bé và cho cậu ở nhà ông. Bù lại, Fazil phải làm việc chết xác mười hai tiếng một ngày. Ngày tự do duy nhất của cậu là ngày thứ

sáu, khi đó cậu được phép về nhà với bố mẹ.

Fazil lấy làm mừng. Suốt ngày cậu vác và xếp những chiếc thùng ở cửa hàng, buổi tối thì chơi đùa hay đánh nhau với Aimal. Người duy nhất cậu không ưa là Mansur, cứ mỗi lần cậu làm việc gì không đúng là Mansur lại cốc lên đầu và đâm vào lưng cậu, nhưng cũng có khi Mansur biết tỏ ra tốt bụng và đột ngột dẫn cậu vào một cửa hiệu mua quần áo mới cho cậu hay mời cậu cùng ăn. Nói chung, Fazil quý cuộc sống cách xa những con đường lầy lội ở làng cậu. Nhưng một buổi tối, Sultan bảo:

– Ta đã chán mày rồi. Trở về nhà mày đi. Từ nay đừng đến cửa hàng nữa.

Mọi người trong gia đình đều sửng sốt. Chính ông ta đã hứa với Mariam sẽ

chăm lo cho cậu trong một năm. Không ai nói gì. Kể cả Fazil nữa. Thoạt tiên cậu nằm trên chiếc chiếu của mình mà khóc, Leila đã cố dỗ cậu, nhưng dẫu sao cũng chẳng còn có thể nói gì nữa, lời nói của Sultan là luật pháp.

Sáng hôm sau, cô gói mấy cái đồ đoàn của cậu và đưa cậu về nhà. Tự cô phải giải thích cho Mariam vì sao cậu bị đuổi về: Sultan đã chán cậu.

Cô giận điên người lên. Làm sao Sultan có thể đối xử với Fazil như vậy? Rất có thể lần sau sẽ đến lượt cô bị ông ấy tống cổ đi. Cô phải tự mình tìm một lối thoát.

Leila nung nấu một kế hoạch mới. Một buổi sáng, sau khi Sultan và các cậu con trai của ông đã đi làm, cô lại trùm burkha và luồn ra khỏi nhà. Lần này

nữa, cô lại tìm một cậu bé đi cùng. Hôm nay, cô đi một con đường khác, đi hẳn ra ngoài khu Microyan, cái sa mạc bằng bê tông đã bị trúng bom ấy. ở phía rìa của khu này, các ngôi nhà đã bị hư hại đến mức không còn có thể ở được nữa. Tuy nhiên một đôi gia đình vẫn trú ngụ trong đồng đồ nát đó và sống nhờ lòng từ thiện của những người láng giềng cũng chỉ đỡ khó khăn hơn họ đôi chút nhưng dầu sao cũng còn có được một cái mái nhà che nắng che mưa. Leila đi ngang qua một bãi cỏ nhỏ, ở đấy một bãi dê đang gặm cỏ trong khi người chăn dê nằm ngủ lơ mơ dưới bóng cái cây duy nhất còn lại. Đây là ranh giới giữa thành phố và làng. Bên kia bãi cỏ bắt đầu ngôi làng Deh Khudaùdad. Trước hết Leila đến nhà Shakila, chị cô.

Saùd, cậu con trai đầu của Wakil

chồng mới cưới của Shakila mở cửa cho cô. Cậu thiếu ba ngón ở một bàn tay. Cậu bị mất chúng khi đang sửa chữa một cái bình điện ô tô thì bình nổ, nhưng cậu lại kể với mọi người là cậu bị vương mình. Vương mình nghe oai hơn, gần như là đã ra trận vậy. Leila không thích cậu ta, cô thấy cậu chất phác và thô lỗ. Cậu không biết đọc cũng chẳng biết viết và ăn nói như một người nông dân, giống như Wakil. Nhìn thấy cậu, cô rùng mình dưới tấm burkha. Cậu cười với cô và vuốt ve chiếc burkha của cô khi cô đi qua trước mặt cậu. Cô lại rùng mình. Cô rùng mình vì sợ cuối cùng cô sẽ rơi vào tay cậu. Quả thật rất nhiều người trong gia đình muốn tìm cách gán hai người với nhau. Và Shakila cùng với Wakil đã đến gặp Bibi Gul để xin hỏi cô.

– Còn quá sớm, Bibi Gul trả lời.

– Nhưng cũng sắp đến lúc rồi, Sultan vắn lại.

Chẳng có ai hỏi Leila xem cô nghĩ gì về việc đó và dẫu sao cô cũng giữ gìn không trả lời. Một cô gái có giáo dục không bao giờ trả lời khi người ta hỏi cô có thích một người nào đó không. Nhưng cô hy vọng, cô hy vọng sẽ thoát được khỏi tay cậu ta.

Shakila đi tới, người cô đung đưa. Tươi cười, rạng rỡ. Mọi nỗi lo lắng về việc cô lấy Wakil đều đã được giải toả. Cô được tiếp tục làm giáo viên sinh học. Bọn trẻ, con riêng của Wakil yêu mến cô, cô chùi mũi và giặt giũ quần áo cho chúng. Cô đã đề nghị và chồng cô đã đồng ý sửa sang lại nhà cửa, đưa tiền cho cô sắm rèm và gối mới. Cô đã cho bọn trẻ đến trường, vốn trước đây là điều Wakil và người vợ trước của anh chẳng mấy quan

tâm. Khi mấy đứa lớn tuổi cau có vì phải ngồi cùng lớp với bọn trẻ con, cô chỉ trả lời đơn giản: nếu các con không chịu đi bây giờ thì sau này đi học sẽ càng rắc rối hơn.

Cô mừng vì cuối cùng cô đã có được người chồng của riêng mình. Đôi mắt cô rục lên những tia sáng mới. Trông rõ cô đang yêu. Sau ba mươi lăm năm độc thân, bây giờ cô bỗng nở rục rở trong vai trò người vợ của mình.

Hai chị em ôm hôn nhau. Họ trùm burkha và ra đi. Leila đi giày cao gót thường dùng lúc đi ra ngoài, Shakila thì đi giày trắng cao nghệu trang trí những chiếc khuyên vàng óng, vốn là đôi giày cưới của cô. Giày là món trang sức quan trọng khi người ta không thể chưng lộ cơ thể, quần áo, tóc tai và cả khuôn mặt ra ngoài.

Họ nhảy qua những vũng bùn, bước đi trên mép đất sét đã khô cứng lại và trong các rãnh sâu do các bánh xe để lại, những hòn sỏi nhỏ lọt cả vào giày họ. Con đường họ đi là con đường dẫn đến trường học. Leila đến nộp đơn xin làm giáo viên. Đây chính là kế hoạch bí mật của cô.

Shakila đã hỏi ở trường làng nơi cô làm việc và biết rằng không có giáo viên tiếng Anh. Leila chỉ đi học có chín năm, nhưng cô nghĩ cô có thể dạy tiếng Anh cho những người mới bắt đầu học. Khi ở bên Pakistan, cô có theo học các lớp tiếng Anh buổi tối.

Ngôi trường nằm sau một bức tường xây bằng đất sét cao đến nỗi không thể nhìn với qua được. Có một người bảo vệ già ngồi ở cổng. Ông gác không cho những người không có trách nhiệm

được vào đây, đặc biệt là đàn ông, vì đây là trường dành cho con gái và tất cả giáo viên đều là nữ. Sân trường ngày trước là một đám đất đầy cỏ, bây giờ người ta đã trồng khoai tây. Quanh đám đất, người ta đã xây thành những ngăn dựa vào tường. Đây là những phòng học ba mặt có tường; một bức tường lớn phía sau, và hai bức tường hai bên, còn mặt thứ tư thì nhìn ra đám đất trồng. Mỗi ngăn chỉ có vài chiếc ghế dài, những chiếc bàn và một tấm bảng. Chỉ những cô gái lớn tuổi hơn cả mới có được ghế và bàn, những người khác ngồi dưới đất mà học. Nhiều học sinh không có tiền mua vở, họ dùng những tấm bảng đen nhỏ hay một mẫu giấy tìm được ở đâu đó.

Hết sức lộn xộn, mỗi ngày lại có thêm một tốp học trò mới đến xin học, các lớp học cứ phình ra mãi. Nhà cầm quyền đã

biết cách làm cho mọi người chú ý nhiều đến chiến dịch cổ vũ đi học của họ. Khắp nước, đâu cũng thấy những tấm biển lớn vẽ những đứa bé rạng rỡ, tay cắp sách, với khẩu hiệu: “Trở lại nhà trường.”

Khi Shakila và Leila đến, bà hiệu trưởng đang giải quyết việc xin vào học của một người phụ nữ tự khai là trước đây đã đi học được ba năm và muốn được bắt đầu vào học lớp chín [Theo cách phân lớp ở Afganistan.].

– Tôi không tìm thấy tên bà trong các danh sách của chúng tôi, bà giám thị giải thích trong khi lục tìm trong một cuốn sổ danh sách học sinh tình cờ còn nằm lại trong một chiếc tủ hộc tường suốt thời kỳ taliban.

Người phụ nữ không nói gì.

– Bà có biết đọc và viết không?

Bà ta lưỡng lự. Cuối cùng, bà thú nhận là chưa hề đến trường bao giờ.

– Nhưng tôi rất muốn được bắt đầu học từ lớp sáu, bà thì thầm. ở lớp sơ đẳng, chúng nó còn bé quá, học cùng lớp với chúng thì nhục lắm.

Bà hiệu trưởng giải thích cho bà rằng nếu bà muốn học được một điều gì đó, thì phải bắt đầu từ chỗ khởi đầu, phải vào lớp dự bị. Trong một lớp có học sinh từ năm tuổi đến tuổi thiếu niên. Bà sẽ là người lớn tuổi nhất. Bà ta cảm ơn và bỏ đi.

Đến lượt Leila. Bà hiệu trưởng còn nhớ cô, từ trước thời taliban. Leila đã từng là học sinh trường này và bà hiệu trưởng muốn sẵn sàng nhận cô.

– Nhưng trước hết, em phải đăng ký đã. Em phải đem giấy tờ đến bộ Giáo dục và xin phép được làm việc ở đây.

– Nhưng bà không có giáo viên tiếng Anh, tự bà có thể đi xin cho được không? Hay bây giờ có thể em cứ bắt đầu đã, rồi sẽ xin phép sau?

– Không, em phải có phép riêng của nhà cầm quyền. Đó là qui định.

Những tiếng la hét của đám học trò nhỏ vang đến tận căn phòng mở toang này. Một nữ giáo viên cầm một chiếc thước bảo chúng phải im lặng và chúng lại trở vào lớp.

Thất vọng, Leila bước qua cánh cổng trường và tiếng ồn ào của đám học trò nữ nghe nhỏ dần đi. Cô trở về nhà, quên mất cả rằng cô đã đi giày cao gót một

mình giữa đường. Làm sao cô có thể đi đến bộ Giáo dục mà không để ai nhìn thấy? Kế hoạch của cô là tìm được một việc làm trước đã rồi mới cho Sultan biết sau. Nếu ông biết trước, ông sẽ không cho đâu, còn nếu cô đã được nhận vào làm rồi, thì ông sẽ để cho cô được tiếp tục. Dầu sao, các buổi lên lớp cũng chỉ mất vài giờ mỗi ngày, cô chỉ cần dậy sớm hơn và làm việc nhiều hơn.

Các giấy tờ chứng nhận của cô đều ở bên Pakistan. Cô đã muốn tháo lui cho xong, nhưng rồi cô nghĩ đến căn nhà tối tăm và bụi bặm ở Microyan, và cô đi đến trạm điện tín gần đấy. Cô gọi những người bà con ở Peshawar và nhờ họ tìm hộ các giấy tờ. Họ hứa sẽ giúp cô và gửi cho một người nào đó sẽ trở về Kaboul. Bưu điện Afganistan không hoạt động,

nên các bưu kiện đều phải gửi tay cho du khách.

Vài tuần sau, giấy tờ được gửi đến. Công việc tiếp theo là đi đến bộ Giáo dục. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Dẫu thế nào, cô cũng không thể đi đến đó một mình. Cô nói với Yunus, nhưng cậu ta không ưa chuyện cô đi làm.

– Chị không bao giờ biết được chị có thể được nhận vào làm việc gì. Chi bằng cứ ở nhà mà chăm nom mẹ già.

Cậu em trai cô mẫn nhất chẳng giúp được gì cô. Thế là cô chẳng xong được việc gì cả. Đã đến niên học mới rồi.

– Muộn quá rồi, mẹ cô bảo. Phải chờ đến sang năm thôi, con ạ.

Leila lấy làm thất vọng. Hay là chính mình cũng không thật muốn đi dạy? cô

tự nhủ để mà dễ dàng sổ toẹt luôn dự định của mình đi. Có thể là mình không còn muốn nữa?

Cô dẫm chân tại chỗ. Trong đám bùn lầy của xã hội và trong đám bụi bặm của các truyền thống. Cô dẫm chân tại chỗ trong cái cơ chế hàng trăm năm đã làm tê liệt một nửa nhân dân của đất nước này. Bộ Giáo dục nằm cách đây có nửa tiếng xe buýt. Nửa tiếng không thể vượt qua. Leila không có thói quen đấu tranh, trái lại, cô vốn quen thối lui. Nhưng hẳn ở đâu đó vẫn có một lối thoát. Vấn đề là cô phải tìm ra được nó.

14. Thượng Đế có thể chết không?

Nỗi buồn dai dẳng xâm chiếm lấy Fazil. Nó muốn nhảy và hét lên, nhưng không dám và đành chấp nhận hình phạt của mình đúng như một đứa trẻ mười hai tuổi không học thuộc bài đáng phải chịu. Bàn tay nó giật giật trên trang giấy. Nó viết chữ thường để không choán quá nhiều chỗ, vở viết mua rất đắt. ánh sáng từ ngọn đèn thấp bằng hơi đốt chiếu một màu đỏ lên trang giấy.

Nó nghĩ cứ như là mình đang viết trên những ngọn lửa.

Ngồi trong một góc phòng, bà ngoại nó nhìn nó bằng con mắt độc nhất của bà. Con mắt kia của bà đã bị cháy khi bà ngã xuống một cái lò đốt đào sâu dưới đất. Mẹ nó, chị Mariam, đang cho Osip, đứa em hai tuổi của nó bú. Càng mệt, nó càng cố sức viết. Nó phải viết cho kỳ xong, dầu có phải thức suốt đêm. Nó không chịu nổi một lần nữa những cú khê trên các ngón tay bằng chiếc thước của thầy giáo. Nó cũng không thể chịu nhục. Nó phải viết mười lần về các chức năng của Thượng Đế: Thượng Đế là đấng kiến tạo, Thượng Đế là vĩnh hằng, Thượng Đế là tối thiện, Thượng Đế là thức nhận, Thượng Đế là sự sống, Thượng Đế nhìn thấy tất cả, Thượng Đế nghe thấy tất cả, Thượng Đế chỉ huy mọi sự, Thượng Đế

phán xét tất cả, Thượng Đế ...

Fazik bị phạt vì đã trả lời sai trong một giờ học về đạo Hồi.

Lần nào con cũng trả lời sai, nó than thở với mẹ. Vì mỗi khi nhìn thấy thầy giáo là con sợ đến nỗi quên hết mọi thứ. Lúc nào ông ấy cũng nổi giận và chỉ cần mình phạm một lỗi nhỏ là bị ông ấy ghét cay ghét đắng.

Ngay từ đầu mọi sự đã chẳng ra gì, khi Fazil bị gọi lên bảng để trả lời về Thượng Đế. Nó đã học rồi chứ, nhưng khi bị hỏi thì cứ như đầu óc nó đi đâu mất lúc nó học ôn và nó chẳng còn nhớ ra được chút gì cả. Thầy giáo môn giáo lý đạo Hồi, có bộ râu dài, mặc áo dài quần rộng ống, nhìn nó bằng một đôi mắt đen và sắc và hỏi nó:

– Thượng Đế có thể chết hay không?

– Không ạ, Fazil trả lời, người run bắn lên dưới cái nhìn của ông. Dầu có nói thế nào, nó cũng sợ nói sai.

– Tại sao lại không?

Fazil đứng lặng người. Tại sao Thượng Đế lại không thể chết? Không có con dao nào có thể đâm thủng được Người chẳng? Không có viên đạn nào bắn trúng Người chẳng? Các câu hỏi đá nhau trong đầu nó.

– Thế nào? thầy giáo nhắc lại.

Fazil đỏ tía mặt mày và bắt đầu lắp bắp, nhưng không dám nói ra lời nào cả.

Lúc đó một cậu bé khác đã có thể trả lời.

– Vì Thượng Đế là vĩnh hằng ạ, cậu ta trả lời vội vàng.

– Chính xác. Thế Thượng Đế có thể nói được không? ông ta lại hỏi Fazil.

– Không ạ, Fazil trả lời. à không, có ạ.

– Nếu cậu cho rằng Người có thể nói được, vậy thì Người nói như thế nào?

Fazil lại đứng lặng câm. Người nói như thế nào nhỉ? Bằng một giọng âm âm? Một giọng trầm? Giọng thì thầm? Lần này nữa, nó không trả lời được.

– A ha, cậu bảo là Người có thể nói được, vậy Người có một cái lưỡi không?

Fazil cố suy nghĩ thế nào có thể là đúng nhỉ? Nó không nghĩ là Thượng Đế có một cái lưỡi, nhưng nó không dám nói

gì cả. Thà im lặng còn hơn là nói nhảm và làm trò cười cho cả lớp. Một lần nữa, một cậu học sinh ngồi ở những hàng đầu đã trả lời được.

– Người nói thông qua kinh Coran ạ. Kinh Coran là chiếc lưỡi của Người.

– Chính xác. Thượng Đế có thể nhìn thấy được không? thầy giáo lại tiếp.

Fazil để ý thấy ông mân mê chiếc thước và nhịp nhè nhẹ lên lòng bàn tay ông, như kiểu thử trước những cú đánh sẽ trút xuống trên các ngón tay của Fazil.

– Có ạ. Fazil trả lời.

– Người nhìn thấy như thế nào? Người có mắt không?

Fazil im lặng một lúc, trước khi nói:

– Con không nhìn thấy được Thượng Đế, làm sao con có thể biết được?

Thầy giáo dùng thước đánh lên các ngón tay của Fazil cho đến khi nó òa lên khóc. Nó cảm thấy nó là thằng bé ngu đần tệ hại nhất lớp, nổi đau đớn chẳng có gì đáng kể so với nỗi nhục bị lâm vào tình cảnh này. Cuối cùng, nó đã phải chịu hình phạt này.

Thầy giáo khiến nó nhớ lại một người taleb. Chỉ mới sáu tháng trước, tất cả bọn chúng đều ăn mặc đúng hệt như ông.

– Nếu cậu không biết điều đó, thì cậu không thể tiếp tục lớp học này được, ông ta kết luận.

Có thể ông ta chính là một taleb thật, Fazil nghĩ. Nó biết bọn chúng rất nghiêm khắc.

Sau khi đã viết đủ mười lần Thượng Đế là gì, nó phải học thuộc lòng những điều đó. Trước tiên nó đọc thầm một mình, rồi nó đọc cho mẹ nó nghe. Cuối cùng, nó đã thuộc. Bà ngoại thấy thương hại thằng cháu. Về phần bà, bà chưa bao giờ đến trường và nghĩ rằng các bài học quả là quá khó đối với thằng bé. Bà bưng một tách trà bằng hai cái cùi tay còn lại của mình và uống từng hớp nghe rất to.

– Khi Đấng Tiên Tri Mahomet uống, ngài không bao giờ lại phát ra tiếng to như vậy, Fazil nói một cách nghiêm khắc. Mỗi lần ngài uống một hớp, môi ngài rời miệng cốc đến ba lần và ngài cảm ơn Thượng Đế, nó nói tiếp.

Từ trong góc phòng bà ngoại nó nhìn nó bằng con mắt độc nhất của bà.

– Ủ, đúng rồi, nếu cháu nói cho bà biết.

Cuộc đời của Đấng Tiên Tri Mahomet là phần tiếp theo trong bài học của Fazil. Fazil đã học đến đoạn nói về các thói quen của ngài và nó đọc to lên, trong khi ngón tay nó lần theo các dòng chữ, từ phải sang trái.

“Đấng Tiên Tri Mahomet, xin cầu cho ngài được đời đời yên nghỉ, bao giờ cũng ngồi ngay trên nền nhà. Trong nhà ngài không hề có bàn ghế nào cả, bởi ngài cho rằng một con người phải đi qua cuộc đời của mình như một khách lữ hành, chỉ dừng lại nghỉ dưới bóng râm một lát trước khi lại ra đi. Một ngôi nhà không được là cái gì khác hơn là một chỗ dừng chân nghỉ lại và một chốn tránh lạnh tránh nóng, tránh các loài thú dữ

và một nơi che chở thanh bình cho cuộc sống riêng tư.

Mahomet, xin cầu cho ngài được đời đời yên nghỉ, có thói quen nằm nghỉ gối đầu lên cánh tay trái của mình. Khi ngài suy tưởng, ngài thích đào đất bằng một chiếc xẻng hay một cây gậy hay ngồi bó gối. Khi ngủ ngài nằm nghiêng bên phải, bàn tay phải đặt trên mặt. Đôi khi ngài nằm ngửa, đôi khi ngài khoanh chân lại, nhưng lúc nào ngài cũng chú ý đắp kín cả người. Ngài rất ghét nằm ngủ úp mặt xuống đất và ngài cấm những người khác làm như thế. Ngài không thích nằm ngủ trong một căn phòng tối hay ngoài trời. Trước khi đi ngủ bao giờ ngài cũng tắm rửa và đọc kinh cho đến khi ngủ thiếp đi. Ngài ngáy khe khẽ. Khi thức giấc giữa đêm khuya để đi giải, ngài rửa tay và mặt khi trở vào. Trên giường ngủ, ngài đóng

khố, nhưng nói chung ngài cởi áo cánh. Vì thời đó không có phòng vệ sinh trong nhà nên Đấng Tiên Tri đi ra xa ngoài thành phố nhiều cây số để tránh không cho mọi người nhìn thấy, ngài chọn một chỗ đất mềm để không bị bắn bắn lên người. Ngài cũng hết sức chú ý ngồi nấp sau một tảng đá hay một bờ đất. Khi tắm, bao giờ ngài cũng che bằng một tấm thảm hoặc dùng một chiếc khố khi trời mưa. Khi xì mũi, bao giờ ngài cũng đưa một chiếc khăn tay lên mũi.”

Fazil tiếp tục đọc to về các thói quen ăn uống của Đấng Tiên Tri: Ngài thích quả chà là mà ngài thường trộn với sữa hay bơ, ăn thịt thì ngài thích hơn cả là những miếng cổ và sườn, ngài không bao giờ ăn hành và tỏi, vì ngài không muốn bị hôi mồm. Trước khi ngồi xuống đất để ăn, bao giờ ngài cũng cởi giày và rửa

tay. Ngài chỉ dùng bàn tay phải để ăn và chỉ ăn phần đĩa về phía mình, không bao giờ ngài thọc tay vào giữa lọ. Ngài không bao giờ dùng thìa nĩa và chỉ sử dụng ba ngón tay khi ăn. Mỗi miếng ăn, ngài đều cảm ơn Thượng Đế.

Và như vậy, ngài không gây ra tiếng động nào khi ăn. Nó khép sách lại.

– Bây giờ thì cháu phải đi ngủ đi, Fazil.

Mariam đã sửa soạn chiếu cho nó, trong căn phòng họ vừa ăn. Chung quanh nó, ba đứa anh em trai em gái của nó đã ngáy, nhưng Fazil còn phải đọc những lời cầu kinh của nó bằng tiếng A Rập. Nó ôn lại những từ không thể nào hiểu được đó trong kinh Coran trước khi nằm vào chiếu, vẫn mặc nguyên cả quần áo. Sáng hôm sau, nó phải có mặt ở trường lúc 7

giờ. Nó rùng mình. Tiết đầu tiên là giáo lý đạo Hồi. Một lử, nó ngủ thiếp đi, giấc ngủ không yên, nó lại mơ thấy bị hỏi mà không trả lời được đúng một câu nào. Nó biết các câu trả lời nhưng các từ cứ chẳng chịu bật ra.

Trên cao kia, bên trên nó, những đám mây nặng nề đang trôi về phía làng. Sau khi nó đã ngủ, mưa ào ào đổ xuống. Mưa thấm qua mái nhà bằng đất sét và đổ xuống hàng hiên xây. Các giọt mưa đập trên những tấm nhựa bít các cửa sổ. Một luồng gió lạnh lọt vào phòng, bà ngoại thức giấc và quay người lại.

– Lạy Đức Thượng Đế, bà nói khi nhìn thấy mưa.

Bà đưa hai cùi tay xoa lên mặt như khi cầu nguyện, lật người lại và ngủ tiếp.

Quanh bà, bốn đứa trẻ con đều đang ngủ yên.

Khi Fazil thức dậy, lúc 6 giờ, mưa đã ngớt và mặt trời chiếu những tia nắng đầu tiên lên các cao điểm chung quanh Kaboul. Nó tắm rửa bằng chỗ nước mẹ nó đã chuẩn bị cho nó, mặc quần áo, xếp cặp sách vở, mặt trời đang sưởi khô những vũng nước mưa đêm qua. Fazil uống trà và ăn sáng. Nó cầu nhàu và giận mẹ. Nó nổi giận mỗi khi mẹ không làm được nhanh những gì nó nhờ mẹ làm hộ. Nó chỉ nghĩ đến ông thầy dạy giáo lý đạo Hồi.

Mariam chẳng biết làm gì nữa cho đứa con trai đầu lòng của cô. Trong bốn đứa con cô, nó là đứa được ăn uống tốt nhất, được chăm nom chu đáo nhất. Lúc nào cô cũng lo không cho nó ăn đủ chất

để phát triển đầu óc. Những lần hiếm hoi cô có được ít tiền thừa mua một cái quần áo mới thì là đều dành cho nó. Cô nhớ lại niềm hạnh phúc của cô, mười một năm trước. Cô thấy hạnh phúc trong cuộc hôn nhân với Karimullah. Cô nhớ lại lúc cô sinh, niềm vui khi biết là một đứa con trai. Người ta đã tổ chức một lễ mừng lớn, và cô cùng con trai cô đã nhận được những món quà đẹp. Bao nhiêu người đến thăm cô và cô được mọi người chú ý. Hai năm sau, cô sinh một đứa con gái. Chẳng có lễ mừng cũng chẳng có quà cáp nào cả.

Cô chỉ được sống có mấy năm với Karimullah. Khi Fazil lên ba, bố nó bị giết trong một trận đấu súng. Trở thành góa bụa, Mariam nghĩ rằng đời cô thế là hết. Bà mẹ chồng chột mắt của cô và mẹ cô, bà Bibi Gul, quyết định cô phải

lấy Hazim, em trai của Karimullah. Là kẻ chán chường, anh ta không giỏi bằng người anh, cũng chẳng mạnh mẽ bằng. Chiến tranh đã phá hủy cửa hàng của Karimullah và họ chỉ còn chỗ tiền lương nhân viên hải quan của Hazim.

Tuy vậy cô vẫn mong Fazil sẽ được đi học và sẽ được thành danh. Lúc đầu, cô nghĩ nó sẽ làm việc trong cửa hàng của Sultan, anh trai cô. Cô nghĩ một hiệu sách sẽ là một thế giới đầy kích thích. Sultan đã nhận trách nhiệm nuôi nó và Fazil được ăn uống tốt hơn hẳn ở nhà. Cô đã khóc suốt một ngày khi Sultan đuổi nó về nhà. Cô sợ Fazil đã làm điều gì đó không tốt, nhưng cô biết tính khí Sultan và dần dần hiểu ra rằng chỉ đơn giản là ông ta không cần người vác các thùng cho ông nữa.

Đúng lúc đó người em trai của cô là

Yunus đã đến đề nghị cô cho Fazil xin vào học ở Esteqlal, một trong những trường học tốt nhất ở Kaboul. Fazil có may mắn được nhận vào lớp trung [Theo cách phân lớp ở Afganistan.]. Cô nghĩ, kỳ thực mọi việc rồi thế mà đâm ra thật tốt cả. Mariam run cả người lên khi nghĩ đến Aimal, cậu anh em họ cùng tuổi với Fazil, nó hầu như chẳng bao giờ nhìn thấy mặt trời và bắt đầu làm việc từ sáng sớm ở một trong các cửa hàng của Sultan cho đến tối mịt.

Cô vuốt ve mái đầu của Fazil khi nó lao đi trên con đường lầy lội. Nó cố tránh các vũng nước và nhảy từ mô đất này sang mô đất khác. Fazil phải đi băng qua cả làng để đến trạm xe buýt. Nó lên xe cửa trước, chỗ ngồi của đàn ông, và lóc xóc cho đến Kaboul.

Nó là một trong những đứa đầu tiên vào lớp và ngồi vào chỗ của nó, ở hàng

thứ ba. Lần lượt, bọn học trò kéo đến. Phần đông chúng đều gầy và ăn mặc lôi thôi, những bộ quần áo quá rộng, hẳn là được hưởng lại của anh chúng. Quả là một mớ trộn lẫn trang phục vui mắt. Một số vẫn mặc quần áo bị bắt buộc đối với tất cả đàn ông và con trai dưới thời taliban. Lại quần thường được nối thêm khi những đứa con trai lớn lên. Những đứa khác moi từ trong ruộng hay trong kho ra những chiếc quần và áo pun những năm bảy mươi, do những người anh trai chúng đã sử dụng trước khi bọn taliban nắm chính quyền. Một đứa con trai mặc một chiếc quần phồng như một quả bóng, bó chặt vào người, những đứa khác thì quần ống chân voi. Một đứa bị nhét vào một bộ quần áo quá chật và để xi líp lòi ra cả bên dưới chiếc áo pun quá ngắn. Hai đứa con trai không cài cúc quần. Chúng đã mặc áo dài từ lúc còn

rất bé và thường quên các kiểu khóa kéo mới mà chúng không quen. Một số mặc những chiếc áo sơ mi bằng vải sọc đã sờn mà đám trẻ mồ côi Nga vẫn thường mặc. Trông như chúng cũng có cái nhìn của những đứa trẻ đói, hơi dại dại giống bọn trẻ kia. Một đứa có một cái áo vét quá rộng, sờn đến sợi ngang, mà nó phải vén ống tay áo lên.

Bọn con trai đùa nghịch, la hét và ném các đồ vật trong phòng, chúng kéo chiếc bàn kê kèn kệt trên nền nhà. Khi tiếng chuông vang lên và thầy giáo đến, năm mươi đứa học trò đã ngồi vào chỗ. Chúng ngồi trên những chiếc ghế dài cao gắn chặt vào bàn. Ghế được đóng cho hai học sinh, nhưng thường chúng phải ngồi đến ba đứa, thì mới đủ chỗ.

Khi thầy giáo đến, tất cả đứng dậy nhanh như chớp và chào thầy.

– Salaam alaikum. Xin Thượng Đế ban phúc cho ngài.

Thầy giáo chậm chậm đi qua các hàng và xem tất cả có mang theo đúng các sách cần và có làm bài tập không, ông cũng xem móng tay, quần áo và giày dép chúng có sạch sẽ không. Nếu không được hoàn toàn sạch, thì cũng không được quá bẩn. Trường hợp đó, sẽ bị đuổi thẳng về nhà.

Rồi ông hỏi bài. Buổi sáng hôm đó, những đứa bị hỏi đều thuộc bài.

– Vậy thì, ta tiếp tục. Haram! ông xướng to vừa viết cái từ kỳ lạ đó lên bảng. Có trò nào biết nghĩa là gì không?

Một đứa học trò đưa tay lên.

– Một hành vi xấu là haram. Nó nói đúng.

– Một hành vi xấu, chống lại đạo Hồi, là haram, thầy giáo cắt nghĩa. Chẳng hạn giết chóc không có lý do. Hay trừng phạt không có lý do. Uống rượu là haram. Bọn ngoại đạo coi thường một việc có là haram hay không. Chúng coi nhiều điều haram là điều tốt. Như thế là sai.

Thầy giáo nhìn bao quát cả lớp. Ông vạch ra một sơ đồ với ba khái niệm haram, halal và mubah. Haram là điều xấu và bị cấm, halal là điều tốt và được phép, mubah chỉ những trường hợp có thể tranh chấp.

Mubah là cái không tốt, nhưng không phải là một tội lỗi. Chẳng hạn ăn thịt lợn khi sẽ bị chết đói nếu không ăn. Hay săn bắn, giết chóc để sống còn.

Bọn học trò cầm cúi viết và viết. Cuối cùng, thầy giáo đặt các câu hỏi vẫn

thường hỏi để xem chúng có hiểu đúng không.

– Nếu một người thấy một haram là tốt thì hẳn ta là người thế nào? Chẳng ai trả lời được.

– Một kẻ ngoại đạo, cuối cùng ông ta phải tự trả lời. Và haram là tốt hay là xấu?

Bây giờ, hầu hết đều đưa tay lên. Fazil không dám đưa tay, sợ bị nhảm. Nó cố thu mình lại thật nhỏ ở hàng ghế thứ ba. Thầy giáo chỉ một cậu con trai, cậu ta đứng dậy thẳng người như một chữ i và trả lời: “Xấu ạ!” Đấy đúng là điều Fazil nghĩ cần trả lời. Một kẻ ngoại đạo là người xấu.

15. Căn phòng buồn

Aimal là con trai út của Sultan, nó mười hai tuổi và làm việc mười hai tiếng một ngày. Ngày nào cũng vậy, bảy ngày trong tuần, nó dậy từ mờ sáng. Nó co rúm người lại, nhưng Leila hay mẹ nó buộc nó phải dậy. Nó rửa khuôn mặt tái nhợt, mặc quần áo, ăn một quả trứng ốp la bằng những ngón tay, chấm những miếng bánh vào lòng đỏ trứng và uống trà.

Đến tám giờ, Aimal mở cửa một cái

quán nhỏ trong hành lang tối sẫm của một khách sạn ở Kaboul. Tại đây nó bán sô cô la, bánh quy, soda và kẹo cao su. Riêng với chính mình, nó gọi cái quán đó là “căn phòng buồn”. Mỗi lần nó mở cửa, nó nghe trong tim và trong bụng đau nhói lên. Nó sẽ ngồi chờ ở đây, cho đến khi người ta đến tìm nó vào lúc 20 giờ. Lúc đó đã là đêm và nó đi thẳng về nhà để ăn tối và đi ngủ.

Ngay trước cửa có đặt ba cái chậu lớn: cô tiếp tân hoài công cố hứng chỗ nước từ trên mái đổ xuống. Dầu có đặt bao nhiêu chậu, các vũng nước vẫn giăng đầy trước cửa quán của Aimal và người ta tránh các vũng nước nên cũng tránh luôn cái quán này. Thường hành lang chìm trong bóng tối. Ban ngày, người ta kéo những tấm rèm nặng ra, nhưng ánh sáng không vào đến được những góc tối.

Buổi tối, nếu có điện, các ngọn đèn được thắp lên, nếu không thì có những ngọn đèn thắp bằng hơi đốt được đặt trên quây lễ tân.

Khi được xây dựng hồi những năm sáu mươi, đây là khách sạn hiện đại nhất Kaboul. Thời bấy giờ hành lang đầy những người đàn ông ăn mặc thanh nhã và những người phụ nữ mặc váy ngắn và bới tóc hiện đại. Người ta phục vụ rượu cho họ trên nền nhạc phương tây. Đích thân nhà vua đã từng đến đây dự một vài hội nghị hay ăn tối.

Những năm sáu mươi và bảy mươi là những năm có chế độ tự do nhất ở Kaboul. Trước tiên là Zaher Shah linh hoạt và tốt bụng, rồi đến người anh em họ Daoud của ông, là người đã thực hiện một nền chính trị cứng rắn và nhốt đầy các nhà lao những tù chính trị, nhưng vẫn

tránh động đến lớp sơn lễ hội phương tây và hiện đại. Khách sạn chứa các phòng khiêu vũ và hộp đêm. Rồi khách sạn bắt đầu suy tàn, cùng với đất nước. Trong nội chiến, nó bị phá huỷ hoàn toàn. Các căn phòng nhìn xuống đường lỗ chỗ vết đạn, lựu đạn rơi trên ban công và tên lửa san bằng mái nhà.

Sau chiến tranh, khi bọn taliban đến, công việc khôi phục kéo dài bất tận. Mà khách cũng thưa đi và các phòng bị trúng bom không thể sử dụng được. Các mollah cầm quyền chẳng hề quan tâm đến ngành du lịch, ngược lại là khác, họ mong càng có ít người ngoại quốc ở trong nước càng hay. Trần nhà đổ sụp và vì một nửa ngôi nhà đã bị trúng bom, nên các hành lang cũng thành ra khập khiễng.

Đến lúc một chế độ mới mong muốn

phần mình cũng ghi lại một dấu ấn ở Kaboul, các người thợ đã bắt đầu trám lại các lỗ thủng trên các tường và thay gạch lát sàn đã vỡ. Aimal thường ngồi nhìn họ cố trát lại trần nhà hay theo dõi những cố gắng tuyệt vọng của những người thợ điện khởi động máy nổ khi có một cuộc họp quan trọng cần đến micro và loa phóng thanh. Hành lang là chỗ chơi của Aimal. ở đây nó chơi trò trượt trên các vũng nước, đây cũng là chỗ nó đi bách bộ. Nhưng hầu như đó là tất cả. Buồn chán đến chết đi được. Cô đơn đến chết đi được.

Đôi khi, nó trò chuyện với những người khác trong hành lang về nỗi buồn. Những người đàn ông làm công việc dọn dẹp, những người lễ tân, những người gác cổng, những nhân viên bảo vệ, một hay hai người khách và những người bán

hàng khác. Hiếm khi có đông người. Một người đàn ông đứng sau một quầy hàng và bán các đồ trang sức truyền thống Afganistan. Ông ta cũng suốt ngày buồn chán. Khách ở khách sạn rất ít người mua đồ trang sức. Một người khác bán hàng lưu niệm giá cắt cổ đến nỗi chúng làm nản lòng mọi khách hàng tiềm tàng.

Nhiều tủ kính bày hàng chìm trong bụi và phải che kín bằng các tấm rèm hay các tấm bìa. Một tấm biển đã vỡ ghi dòng chữ “Hãng hàng không Ariana” – hãng hàng không quốc gia của Afganistan. Ngày trước hãng có nhiều máy bay. Các cô tiếp viên năng động phục vụ hành khách, họ có thể gọi rượu uryt-ki hay cô-nhắc. Nhiều máy bay bị hỏng trong thời nội chiến, phần còn lại của phi đoàn thì bị người Mỹ ném bom phá huỷ trong cuộc truy đuổi Oussama ben Laden và

mollah Omar. Chỉ có mỗi một chiếc máy bay thoát được bom, ngày 11 tháng Chín nó đang ở New Delhi. Đây là chiếc máy bay sẽ cứu sống hãng Ariana, nó vẫn bay đi bay về trên đường Kaboul-New Delhi, nhưng như thế chẳng đủ để mở lại phòng bán vé ở khách sạn.

Ở cuối hành lang là hàng ăn vào loại dở nhất Kaboul, nhưng những người phục vụ thì đáng mến nhất trong thành phố này. Cứ như là họ phải bù lại cái món cơm nhạt thối, thịt gà thì khô rum và cà rốt thì mọng nước.

Chính giữa hành lang có cái khuôn rào nhỏ vài mét vuông. Một hàng rào thấp bằng gỗ làm ranh giới giữa phần đất bên ngoài và tấm thảm bên trong. Không lúc nào dứt những khách hàng, những người gác cổng và những người phục vụ quì cạnh nhau trên những tấm thảm nhỏ

đặt trên tấm thảm màu xanh. Trong việc cầu nguyện, mọi người đều bình đẳng. Cũng có một phòng cầu nguyện rộng hơn ở tầng hầm, nhưng phần đông chỉ muốn tranh thủ vài phút ở đây giữa hai hàng ghế tràng kỷ.

Trên một cái bàn long chân có một chiếc tivi lúc nào cũng mở. Nó nằm ngay trước cái quán của Aimal, nhưng hiếm khi nó ngó tới. Kaboul Tivi, kênh truyền hình duy nhất của thành phố, chẳng mấy khi có chuyện gì đáng chú ý để mà truyền đi. Nó phát nhiều chương trình tôn giáo, các cuộc tranh luận dài dòng, vài mẫu tin tức và rất nhiều âm nhạc dân tộc kèm theo các hình ảnh phong cảnh Afganistan bất động. Bây giờ kênh này đã mở cửa cho phụ nữ tham gia đọc bản tin truyền hình, nhưng không phải để hát và nhảy múa.

– Dân chúng chưa quen với chuyện đó, ban giám đốc đài khẳng định như vậy.

Đôi khi, có phim hoạt hình Ba Lan hay Tiệp. Những lúc đó, Aimal đổ xô đến ngay. Nhưng rồi nó thường bị thất vọng, phần lớn những phim ấy, nó đã xem rồi.

Trước khách sạn là công trình từng là niềm kiêu hãnh của nơi này - một cái bể bơi. Được khai trương rầm rộ trong một ngày hè đẹp trời, tất cả dân chúng Kaboul, dù sao cũng chủ yếu đàn ông, được đón tiếp nồng nhiệt trong mùa hè đầu tiên. Nhưng rồi bể bơi đã có một kết cục đáng buồn. Rất nhanh chóng nước đã chuyển sang màu xám-nâu, chẳng có ai nghĩ đến việc đặt một hệ thống lọc nước. Nước càng ngày càng bẩn, nên bể bơi đã phải đóng cửa. Nhiều người bảo họ đã bị phồng rộp và nhiều bệnh da liễu

khác khi tắm ở đây. Còn có cả tin đồn nhiều người đã bị chết. Bể bơi được tháo nước và chẳng còn bao giờ mở cửa lại nữa. Bây giờ, một lớp bụi dày phủ kín đáy bể xanh nhợt, trong khi dọc theo bờ rào, nhưng cây hồng khô héo cố gắng che khuất con quái vật ấy một cách rụt rè. Ngay sát cạnh, là một sân quần vợt, cũng không ai sử dụng. Khách sạn vẫn giữ tên người huấn luyện viên quần vợt trong sổ danh bạ của mình. Nhưng nếu có may mắn thì ông ta đã tìm được một công việc khác, vì trong mùa xuân mọi sự đang bắt đầu lại ở Kaboul này, chẳng mấy ai cần tới cái nghề của ông.

Suốt ngày Aimal lang thang bất tận giữa quán hàng của nó, hàng ăn và các hàng ghế tràng kỷ cũ mòn. Nó phải có trách nhiệm và phải trông chừng quán trường hợp có ai đó đến mua hàng. Có

một lần, người ta đã tranh nhau mua hàng ở đấy. Khi bọn taliban vừa tháo chạy, đám nhà báo chặt cứng các hành lang. Suốt nhiều tháng họ đã phải ăn gạo mục và uống chè xanh cùng binh lính của Liên minh Phương Bắc và ngày hôm đó họ ních đầy bụng món snickers và Bounty của Aimal, được buôn lậu từ Pakistan sang. Họ mua bốn đô la một chai nước, mười hai đô la một hộp pho mát tròn nhỏ để phết bánh mì và những liên ô liu, mỗi quả ô liu giá bằng cả một gia tài.

Đám nhà báo chẳng quan tâm gì đến giá cả, vì bây giờ họ đã chiếm được Kaboul và loại được bọn taliban. Họ bắn thiu và râu ria xồm xoàm như những binh lính du kích, đàn bà ăn mặc như đàn ông, đi ủng lớn lấm lem bùn đất. Nhiều bà tóc vàng và nước da hồng tái.

Đôi khi Aimal leo lên trên mái nhà nơi các phóng viên đang đứng tay cầm micro và nói với những chiếc máy quay lớn. Được tắm rửa và cạo râu, họ chẳng còn chút gì đáng vẻ du kích. Hành lang đông đặc những người thanh niên kỳ cục đùa nghịch và trò chuyện với nó. Aimal đã học được đôi ba tiếng Anh ở Pakistan, nơi nó đã sống phần lớn cuộc đời nó với tư cách là dân lưu vong.

Thời đó, chẳng có ai hỏi nó vì sao nó không đến trường. Vả chăng cũng chẳng có trường học nào hoạt động. Nó đếm các đồng đô la của nó và tính toán trên máy, mơ tưởng được trở thành một nhà kinh doanh lớn. Thời đó, Fazil cùng sống cạnh nó, và hai đứa bé mở to mắt nhìn cái đám người kỳ lạ đang tràn vào khách sạn, trong khi két bạc của chúng cứ đầy cứng lên. Nhưng sau những tuần lễ ngắn

ngủi, đám nhà báo biến mất khỏi khách sạn, nơi nhiều người trong bọn họ phải ở trong những phòng không có điện cũng chẳng có cửa sổ. Chiến tranh đã kết thúc, đất nước đã có một vị lãnh đạo, Afghanistan chẳng còn gì hấp dẫn nữa.

Đám nhà báo kéo đi, các bộ trưởng mới của Afghanistan, những người thư ký và các cộng sự của họ kéo đến. Những người pachtoun râu rĩ đóng khăn kiểu Kandahar, những người Afgan lưu vong trở về cô đơn may đo và những thống lĩnh chiến tranh của các thảo nguyên rêu ría cạo sạch chiếm các trường kỹ trong hành lang. Khách sạn trở thành nơi trú ngụ của những người lãnh đạo đất nước nhưng không có nhà ở Kaboul. Chẳng ai thèm để ý đến Aimal cũng chẳng ai mua thứ gì ở quán của nó. Món Bounty họ chưa bao giờ nếm, còn nước thì họ

uống ngay ở vòi. Họ không bao giờ nghĩ chuyện ném tiền qua cửa sổ mà mua hàng nhập khẩu của Aimal. Ô liu ý, Wet-abix và Kiri quá hạn chẳng hấp dẫn họ chút nào.

Đôi lần hiểm hoi, một hay hai nhà báo trở lại lẻ loi ở Afganistan, trong khách sạn, và vào quán của nó.

– Cậu vẫn còn ở đây à? tại sao cậu không đi học? họ thường hỏi nó.

– Cháu đi học buổi chiều, Aimal trả lời như vậy khi người ta hỏi nó vào buổi sáng.

– Cháu đi học buổi sáng, nó trả lời khi người ta hỏi vào buổi chiều.

Nó không dám thú nhận rằng, như một đứa trẻ bụi đường, nó không đến trường. Quả Aimal là một đứa trẻ khá

giàu. Bố nó là một ông hàng sách phát đạt, một ông bố say mê các từ và các câu chuyện, một ông bố nuôi những ước mơ to lớn và những dự án vĩ đại cho cái đế chế sách vở của ông; nhưng là một ông bố không còn tin tưởng ai khác ngoài những đứa con trai của ông để cai quản các cửa hàng của ông. Một ông bố không hề lo chuyện cho các con của ông đến trường khi các trường học ở Kaboul mở cửa lại sau ngày lễ năm mới Afghanistan. Aimal đã van nài đi van nài lại, nhưng ông đã dần giọng:

– Mà y sẽ là doanh nhân, và trong công việc ấy, cách học tốt nhất là ở cửa hàng.

Mỗi ngày Aimal càng trở nên kém thích ứng và bất mãn hơn. Nước da nó tái và sẫm đi. Người ta gọi nó là “cậu bé buồn”. Khi nó trở về nhà, nó đánh nhau

và cãi nhau với các anh nó, cách duy nhất để giải phóng bớt một ít năng lượng. Aimal thèm thuồng nhìn Fazil cậu anh em họ của nó được đi học ở trường Es-teqlal, một trường được chính phủ Pháp bảo trợ. Fazil đi học về mang về những cuốn vở nháp, một cây bút máy, một cái thước kẻ, những cái com-pa, một cái gọt bút chì, quần dính đầy bùn và một lô chuyện kể thú vị.

Fazil mồ côi bố và nghèo lại có quyền được đi học, Aimal than với Mansur, anh trai nó, còn em, em có một ông bố sở hữu tất cả các cuốn sách trên đời này, em lại phải làm việc mỗi ngày mười hai giờ đồng hồ. Mà đây là những năm lễ ra em phải được đá bóng, có bạn bè, chạy nhảy khắp nơi.

Mansur đồng ý với nó, cậu không thích Aimal cứ phải ngồi suốt ngày trong

cái quán tối tăm đó. Cậu cũng đề nghị Sultan cho thằng em đi học.

– Để sau đã, ông bố trả lời. Sau đã. Lúc này chúng ta phải sát cánh lại với nhau. Đây là lúc chúng ta đặt những nền móng cho đế chế của chúng ta.

Aimal có thể làm gì? Bỏ nhà ra đi? Không chịu thức dậy buổi sáng?

Bố vừa đi khỏi, Aimal liêu đi ra khỏi hành lang, nó đóng cửa quán và đi một vòng trên chỗ bãi đỗ xe. Có thể nó sẽ gặp được một ai đó để nói chuyện hay chơi với một hòn đá. Một hôm nó đang đứng ở đấy, thì một nhân viên tổ chức nhân đạo người Anh đi đến. Ông ta vừa bất ngờ tìm lại được chiếc ô tô đã bị mất cắp dưới thời taliban. Ông ta đã đến bộ nội vụ hỏi tin: bây giờ chiếc xe thuộc một ông bộ trưởng, ông ấy thể có trời

cao đất dày là đã mua nó hoàn toàn hợp pháp. Ông người Anh thỉnh thoảng ghé qua chỗ quán của Aimal. Không lần nào Aimal không hỏi ông xem sự thể đã đến đâu rồi.

– Ôi dào, cậu cứ mà tin chắc đi, nó đã mất toi luôn rồi, ông người Anh trả lời. Bọn cướp mới kể tục bọn cướp cũ mà!

Đôi lần hiếm hoi, một sự kiện đến phá vỡ cái đơn điệu và hành lang lại đầy người, khiến không còn nghe được tiếng bước chân của nó khi nó rời quán đi vào phòng vệ sinh. Như cái hôm ông bộ trưởng bộ Hàng không bị giết chết. Cũng như các bộ trưởng khác không phải quê ở Kaboul, Abdur Rahman sống ở khách sạn. Trong hội nghị của Liên Hiệp Quốc ở Boon, sau khi bọn taliban sụp đổ, lúc cần chỉ định gấp một chính phủ mới, có

đủ những người du kích để cử làm bộ trưởng.

– Đây là một tay ăn chơi và một tên hề, những người chống đối ông ta nói như vậy về ông.

Bi kịch xảy ra khi hàng ngàn người hadji, đi hành hương sang Mecca, bị mắc kẹt ở sân bay Kaboul sau khi bị một hãng du lịch lừa bán cho họ những chiếc vé mà không hề có máy bay. Hãng Ariana đã dành một chiếc máy bay bay con thoi đến Mecca, nhưng nó không có khả năng nhận tất cả hành khách.

Đột nhiên, những người hành hương nhìn thấy một chiếc máy bay của hãng Ariana chạy trên đường băng và đổ xô đến để có được một chỗ. Nhưng chiếc máy bay lớn này không bay đi Mecca, nó chở ông bộ trưởng bộ Hàng không đi

New Delhi. Người ta không cho những người hadji, mặc trang phục trắng, lên máy bay. Phần nộ, họ đánh người nhân viên và vừa chạy vừa leo lên thang máy bay. Họ tìm thấy ông bộ trưởng đang ngồi cùng hai người cộng sự của ông. Những người hành hương kéo ông ta ra giữa hành lang và đánh ông cho đến chết.

Aimal là một trong những người đầu tiên được nghe nói lại chuyện đó. Hành lang khách sạn sôi sục lên, mọi người muốn biết rõ các tình tiết.

– Một ông bộ trưởng bị những người hành hương đánh đến chết ư? Ai đứng đằng sau sự việc này?

Đủ thú giả thuyết về mưu phản nối tiếp nhau và đến tai nó.

Khởi đầu một cuộc nổi loạn vũ trang chẳng? hay là bạo loạn sắc tộc? Người tadjik muốn giết người pachtuon? Hay trả thù cá nhân? Hay chỉ đơn thuần là những người hành hương tuyệt vọng?

Bỗng nhiên cái hành lang trở nên càng đáng ghét hơn. Những giọng nói thì thâm, những khuôn mặt nghiêm trang, những khuôn mặt xao động. Aimal chỉ có muốn một điều: khóc.

Nó quay về trong căn phòng buồn, ngồi vào sau chiếc bàn, ăn một thỏi snicker. Còn bốn giờ nữa nó mới được về nhà. Người phục vụ đến quét nhà và đổ giỏ giấy loại.

- Trông cậu buồn quá đi, Aimal.
- Jigar khoon, nó trả lời.

Trong tiếng dari, có nghĩa là “trái tim tôi rớm máu” và là biểu hiện một nỗi cùng quẫn sâu sắc.

– Cậu biết ông ấy à?

– Ai kia?

– Ông bộ trưởng.

– Không. Hay đúng hơn có, đôi chút.

Dường như trái tim nó rớm máu vì ông bộ trưởng thì thích hợp hơn là vì tuổi thơ bị hủy hoại của nó.

16. Người thợ mộc

Mansur thở hỗn hển chạy vào cửa hàng của bố cậu. Cậu cầm trên tay một cái gói.

– Hai trăm tấm bưu ảnh! cậu thở gấp.
Lão định lấy cặp hai trăm tấm bưu ảnh!

Mặt cậu đầm mồ hôi. Những mét cuối cùng, cậu đã chạy.

– Ai?

Bố cậu đặt cái máy tính trên mặt quầy, ghi các con số vào cuốn sổ kế toán rồi quay về phía cậu.

– Lão thợ mộc!

– Lão thợ mộc? Ông ngạc nhiên. Mà có chắc không?

Tự hào, như vừa cứu nguy cho công việc của bố khỏi tay một bọn bất lương nguy hiểm, cậu con trai tháo cái gói màu nâu ra.

– Hai trăm tấm bưu ảnh, cậu nhắc lại lần nữa. Lão ta sắp đi và con thấy lão có vẻ hơi kỳ quặc thế nào ấy. Vì đây là ngày cuối cùng của lão, nên con nghĩ hẳn là vì chuyện này rồi. Lão hỏi con còn có việc gì khác lão có thể làm được không. Lão bảo con lão cần có việc làm. Con trả lời là con sẽ hỏi bố, vì các kệ sách đã xong.

Đến lúc ấy con thấy có cái gì đó sáng lóe lên trong túi áo của lão. Con hỏi lão cái gì thế. Lão trả lời “Cái gì?”, trông lão rất bối rối. Con bảo “Trong túi ông kia” và lão trả lời “Vài thứ gì đó của tôi ấy mà”. Con yêu cầu lão đưa con xem là cái gì. Lão từ chối. Cuối cùng, tự tay con đã lấy cái gói này từ trong túi lão ra. Đây này! Lão đã cố tình lấy những bưu ảnh này của chúng ta! Nhưng, đừng hòng, không xong với con đâu, bởi vì con ấy à, con luôn trông chừng!

Mansur có phần nào tô vẽ thêm sự việc. Lúc Jalaluddin sắp đi, như thường lệ cậu vẫn ngồi thiu thiu. Chính là Abdur, người quản gia, đã bắt được người thợ mộc. Abdur đã nhìn thấy ông ta lấy các tấm bưu ảnh. “Anh không định đưa cho Mansur biết những gì anh có trong

túi áo ư?” ông đã hỏi ông ấy. Ông ấy vẫn tiếp tục đi.

Người quản gia là một người haraza nghèo khổ, tức ông ta thuộc nhóm sắc tộc đứng cuối các bậc thang xã hội ở Kaboul. Ông rất ít nói. “Hãy đưa túi anh cho Mansur xem” ông đã bảo người thợ mộc như vậy. Chỉ đến lúc ấy Mansur mới có phản ứng và lấy các tấm bưu ảnh trong túi Jalaluddin ra. Bây giờ cậu nóng lòng chờ bố khen.

Chán chường, Sultan chỉ lảng lẽ điếm qua lại số bưu ảnh:

- Hừm. Bây giờ lão ta đang ở đâu?
- Con đã đuổi lão về nhà, nhưng con đã báo trước cho lão chẳng dễ xong chuyện này đâu!

Sultan chẳng hề nói gì. Ông nhớ lại cái ngày người thợ mộc đến tìm ông ở cửa hàng. Họ vốn cùng một làng và gần như là láng giềng của nhau. Jalaluddin chẳng thay đổi gì kể từ ngày họ còn là những cậu con trai, gầy như một sợi dây với những đôi mắt lồi sọ sệt. Có thể Jalaluddin còn gầy hơn cả trước kia nữa, và lại gù, dù ông ta mới có bốn mươi. Gia đình ông ta nghèo, nhưng được quý trọng. Bố ông ta cũng là thợ mộc cho đến khi ông cụ bị hỏng mắt, vài năm trước, và không thể làm việc được nữa.

Sultan đã vui mừng là có thể thuê được ông ta. Jalaluddin làm việc tốt còn Sultan thì cần có những kệ sách mới. Cho đến nay, trong cửa hàng của ông đã có những kệ sách kiểu cổ điển, trong đó sách được dựng đứng và do đó có thể đọc được gáy. Các kệ sách phủ kín các

bức tường và các ngăn sách ngoài ra còn chiếm phần giữa căn phòng, nhưng ông cần có những chỗ trưng bày sách, vì ông đã in được nhiều tên sách đến mức ông phải giới thiệu các bìa sách, trên những ngăn kê nghiêng, với một miếng ván nhỏ ở phía trước. Lúc đó, cửa hàng của ông sẽ giống như các cửa hàng phương tây. Họ thỏa thuận tiền công bốn đô la một ngày và ngày hôm sau, Jalaluddin trở lại đem theo búa, cưa, thước, đinh và những tấm ván đầu tiên. Nhà kho phía sau cửa hàng biến thành xưởng mộc. Hàng ngày Jalaluddin sử dụng búa và đinh, vây quanh bốn bên là các ngăn để bưu ảnh. Những tấm bưu ảnh ấy là món lãi lớn nhất của Sultan. Ông in giá rẻ bên Pakistan và bán đắt. Nói chung, Sultan chọn những mẫu ông thích, không quan tâm đến kinh phí ảnh hay đồ họa. Ông tìm được một hình ảnh, đem sang Pakistan và cho

in. Một số nhà nhiếp ảnh còn cho ông những tấm ảnh mà không đòi tiền. Bưu ảnh bán chạy. Nhóm người mua nhiều nhất là đám lính của lực lượng hòa bình quốc tế. Khi đi tuần ở Kaboul, họ thường dừng lại ở hàng sách của Sultan để mua bưu ảnh. Bưu ảnh hình phụ nữ Afgani-
stan trùm burkha, hình trẻ con chơi đùa trên xe tăng, các bà hoàng hậu thời xưa mặc áo dài khêu gợi, các tượng Phật ở Bamiyan trước và sau khi bị bọn taliban đánh mìn, những con ngựa bouzkachi, trẻ con mặc trang phục dân gian, các phong cảnh hoang dã, Kaboul hôm qua và hôm nay.

Sultan đã chọn các mẫu và đám lính thường rời cửa hàng mỗi người mang theo hàng chục bưu ảnh.

– Mà y bảo là hai trăm chiếc à? - Sul-

tan trăm ngăm. – Mà cho đây là lần đầu tiên?

– Con không biết được, lão ta bảo lão định trả tiền, nhưng rồi quên mất.

– Ủ, thế đấy. Lão cứ mà cho chúng ta ngốn cái lỗi nói đó!

– Có ai đó đã bảo lão ăn cắp bưu ảnh, Mansur gợi ý. Lão ta không đủ khôn ngoan để tự mình đi bán lại đâu và chắc chắn cũng không có ý định dán lên tường.

Nào có mấy người nào dễ bị chế riếu hơn là một kẻ ăn cắp đã bị tóm được.

Sultan chửi. Ông không có thời giờ để mất vào những loại chuyện như thế này. Hai ngày nữa, ông sẽ đi Iran, lần đầu tiên sau nhiều năm. Ông có bao nhiêu việc phải giải quyết, nhưng ông phải lo cho xong chuyện này trước đã. Không ai

có thể lấy cắp của ông rồi thoát thân dễ dàng như vậy.

– Trông cửa hàng đấy, ta sẽ đi đến nhà lão. Phải làm cho ra chuyện này.

Sultan dẫn Rasul đi theo, cậu ấy biết người thợ mộc. Họ đi xe đến Deh Khudaudad. Một đám mây bụi kéo theo sau chiếc xe qua suốt ngôi làng, cho tới khi họ đến con đường dẫn vào nhà Jalaluddin.

– Mà phải nhớ tuyệt không được để cho ai biết gì về chuyện này, không cần thiết cả gia đình phải xấu hổ, Sultan dặn Rasul.

Cạnh cửa hàng của làng nằm ở một góc, chỗ con đường vòng cua, một tổp đàn ông đang đứng, trong đó có Faùz, bố của Jalaluddin. Ông cụ cười với họ, siết chặt tay Sultan, ôm hôn ông.

– Vào uống trà đã, ông cụ nồng nhiệt mời, rõ ràng là không hề hay biết gì về chuyện ăn cắp bưu ảnh.

Những người đàn ông khác cũng muốn nói với Sultan vài câu, ông là người đã biết cách thành đạt và trở thành người có danh tiếng.

– Chúng tôi muốn nói chuyện với con trai cụ, Sultan giải thích. Cụ có thể đi tìm hộ anh ấy không?

Ông cụ đi ngay. Cụ trở lại cùng Jalaluddin, ông ta đi sau vài bước và run run nhìn Sultan.

– Chúng tôi có việc cần anh ở cửa hàng, anh có thể đi cùng chúng tôi không?

Jalaluddin nhận lời.

– Lần sau trở lại uống trà nhé, ông cụ la to khi họ lên đường.

– Anh biết chuyện gì rồi đấy, Sultan sảng giọng khi hai người đã ngồi ở hàng ghế sau và Sultan đã lái xe ra khỏi làng.

Họ đang trên đường đi đến chỗ Mirdzjan, anh trai của Wakil, làm cảnh sát.

– Tôi chỉ muốn nhìn chúng, tôi sẽ trả lại, tôi chỉ muốn cho các con tôi xem, chúng đẹp quá.

Người thợ mộc ngồi trong góc xe, vai lún sâu vào ghế, cứ như ông cố chiếm ít chỗ nhất. Hai bàn tay ông xoắn lại kẹp giữa hai chân. Lúc lúc ông lại bấm các ngón tay vào cả xương tay. Khi nói, ông lén nhìn Sultan lo lắng và trông giống như một con gà rù sợ sệt. Sultan ngồi dựa

vào lưng ghế, hỏi một cách bình thản.

– Tôi cần phải biết anh đã lấy bao nhiêu bưu ảnh!

– Tôi chỉ lấy những chiếc anh đã thấy đó.

– Tôi không tin anh.

– Nhưng đúng thế thật mà.

– Nếu anh không nói thật là anh đã lấy nhiều hơn, tôi sẽ tố cáo cảnh sát.

Người thợ mộc vội chụp lấy bàn tay Sultan và hôn lấy hôn để. Sultan gỡ ra.

– Thôi đi, đừng có xử sự như một thằng ngốc!

– Tôi xin thề có Allah, tôi lấy danh dự và lương tâm mà thề, tôi không lấy những cái khác nữa đâu. Đừng bỏ tù tôi,

tôi van anh, tôi sẽ xin trả lại cho anh, tôi là một người lương thiện, tha thứ cho tôi, tôi đã dại dột. Tôi có sáu đứa con, hai đứa con gái tôi bị bệnh viêm tủy xám. Vợ tôi lại có chữa nữa và chúng tôi chẳng có gì để ăn cả. Các con tôi đang suy yếu, vợ tôi cứ khóc suốt vì những gì tôi kiếm được chẳng đủ để nuôi sống gia đình. Chúng tôi ăn khoai tây và rau luộc, thậm chí chúng tôi không có tiền mua được gạo. Mẹ tôi mua các thức ăn thừa ở bệnh viện và các nhà hàng, vì đôi lúc trong đó cũng có ít gạo. Đôi khi họ mang các đồ thừa ra bán ở chợ. Những ngày này thậm chí chúng tôi không có cả bánh mì. Ngoài ra, tôi lại còn phải nuôi năm đứa con của chị tôi, chồng chị ấy không có việc làm, và tôi phải sống với bố mẹ già và bà nội tôi.

– Tùy anh lựa chọn lấy đấy, hãy thú

nhận là anh đã lấy nhiều hơn và anh sẽ khỏi tù, Sultan vắn lại.

Cuộc nói chuyện cứ lần quần. Người thợ mộc thì than nghèo, còn Sultan thì đòi ông ta thú nhận là đã ăn cắp nhiều hơn và kể cho ông biết đã bán các bưu ảnh cho ai.

Họ đã chạy qua cả Kaboul và lại trở ra vùng đồng quê. Rasul đưa họ đi trên những con đường lầy lội và vượt qua những người đang hối hả trở về nhà trước khi trời tối. Vài con chó dành nhau một khúc xương. Những đứa trẻ chạy chân trần. Một người cưỡi xe đạp cố giữ thăng bằng, vợ anh ta trùm burkha ngồi trên chỗ đèo hàng. Một cụ già vật lộn với chiếc xe bò chở cam, hai bàn chân lún sâu trong những vết bánh xe mà những trận mưa lớn vừa qua đã đào nên. Con đường đất đã được bao nhiêu bàn chân

dẫn cho cứng đến thế đã trở thành một lối đi ngập đầy rác, thức ăn thừa và phân súc vật mà mưa đã kéo ra từ các chỗ qua đường và các lề đường.

Rasul dừng lại trước một cách cổng. Sultan bảo nó xuống gõ cửa. Mirdzjan bước ra, thân mật chào hỏi họ và mời họ bước lên. Khi những người đàn ông nặng nề bước lên thang gác, thì nghe thấy tiếng váy lạo xạo nhẹ nhẹ. Những người phụ nữ trong nhà giấu mình đi. Một số sau những cánh cửa khép hờ, số khác sau tấm rèm. Một cô gái nhìn qua khe cửa xem ai mà đến muộn thế. Cậu con trai cả mang trà lên, các chị em cậu và mẹ cậu đã pha trà trong bếp.

– Thế nào? Mirdzjan hỏi.

Anh ta ngồi xếp bằng, mặc áo dài truyền thống và quần rộng ống đứng

bộ, lối trang phục bắt buộc đối với đàn ông dưới thời taliban. Mirdzjan thích lối trang phục đó, anh cảm thấy thoải mái trong những quần áo rộng này. Bây giờ thì ngược lại, anh bị buộc phải mặc theo lối anh không hề thích, bộ đồng phục cũ của cảnh sát Afganistan, được sử dụng trước thời taliban. Sau năm năm cất trong tủ hộc tường, nó đã trở nên quá chật. Lại còn nóng nữa, vì chỉ có đồng phục mùa đông, bằng len bua, mới chịu được để lâu. Các bộ đồng phục được may theo mẫu Nga và thích hợp với vùng Xi-bê-ri hơn là với Kaboul. Vậy nên những ngày trước mùa hè này Mirdzjan đầm đìa mồ hôi khi nhiệt độ thường lên tới hai mươi đến ba mươi độ.

Sultan trình bày vấn đề rất dễ. Như trong một cuộc thẩm vấn, Mirdzjan để cho từng người lần lượt phát biểu. Sul-

tan ngồi cạnh anh ta, Jalaluddin ngồi đối diện. Anh phát biểu một cách thông cảm về những điều được nghe và giữ một giọng nói nhẹ nhàng và đúng mực. Người nhà mời Sultan và Jalaluddin dùng trà và caramen mềm, hai ông thì cắt lời nhau.

– Chúng tôi giải quyết việc này ở đây thay vì đưa anh đến đồn cảnh sát là chính vì muốn điều tốt cho anh đấy, Mirdzjan nhấn mạnh.

Jalaluddin cúi đầu xuống, chập hai bàn tay lại và cuối cùng thú nhận, không phải với Sultan mà với Mirdzjan.

– Tôi đã lấy có thể là năm trăm chiếc, nhưng tôi vẫn để tất cả ở nhà, các anh sẽ lấy lại tất cả. Tôi không động gì đến chúng.

Nhưng Sultan không thỏa mãn.

– Tôi chắc chắn là anh lấy nhiều hơn.
Thú nhận đi! Anh đã bán chúng cho ai?

– Tốt hơn cả cho anh là anh thú nhận tất cả bây giờ, Mirdzjan giải thích. Nếu có một cuộc thẩm vấn của cảnh sát, thì sẽ hoàn toàn khác, không có trà cũng chẳng có caramen đâu, anh ta nói thêm một cách khó hiểu vừa nhìn thẳng vào Jalaluddin.

– Nhưng hoàn toàn đúng như thế. Tôi không đem bán lại. Tôi xin thề có Allah, ông nói hết nhìn người này đến nhìn người kia.

Sultan chưa chịu, các lời nói được lặp lại, đã đến lúc phải ra về. Gần đến giờ giới nghiêm vào 22 giờ và Sultan cần có đủ thời gian trả ông thợ mộc lại nhà của ông ta trước khi trở về. Kẽ nào lái xe sau giờ giới nghiêm sẽ bị bắt. Thậm chí một

số người bị bắn chết vì những người lính lo ngại các xe chạy qua.

Họ im lặng ngồi vào xe. Rasul yêu cầu ông thợ mộc nói tất cả sự thật.

– Nếu không thì ông không thể xong được với chuyện này đâu.

Khi họ đến nơi, người thợ mộc đi tìm các bưu ảnh. Ông nhanh chóng trở lại với một gói nhỏ. Các bưu ảnh được gói trong một mảnh vải có in các hình màu da cam và màu xanh. Sultan lấy chúng ra và thích thú nhìn các ảnh, chúng đã trở về với chủ nhân của chúng và sẽ trở lại nằm trên các kệ sách. Nhưng trước hết Sultan sẽ dùng chúng làm bằng chứng. Rasul đưa Sultan về nhà. Tiu nghỉu, người thợ mộc đứng lại ở góc đường dẫn về nhà mình.

Bốn trăm tám mươi chiếc bưu ảnh. Ngồi trên các chiếc chiếu của mình, Eqbal và Aimal đếm. Sultan thì ước xem số bưu ảnh người thợ mộc có thể lấy của mình là bao nhiêu. Các tấm bưu ảnh được trang trí các hình mẫu khác nhau. Trong phòng sau của cửa hàng, chúng được đóng gói từng trăm một.

Nếu mất cả gói, thì khó mà kiểm tra được, nhưng nếu mỗi gói thiếu đi một chục cái, thì có thể lão chỉ mở một số gói và lấy đi ở mỗi gói một số chiếc, Sultan lý luận. Ngày mai ta sẽ đếm xem.

Sáng hôm sau, trong khi ông đang đếm, thì đột nhiên người thợ mộc hiện ra ở cửa. Ông ta dừng lại trên ngưỡng cửa, lưng còng còng xuống hơn trước. Bỗng ông xô vào ôm lấy Sultan và hôn hai bàn chân ông ấy. Sultan đỡ ông dậy và rút lên:

– Trấn tĩnh lại đi, con người kia! Ta không thích những lời cầu xin của người đâu!

– Xin tha thứ cho tôi, tha thứ cho tôi, tôi sẽ trả lại anh, tôi sẽ trả lại anh, nhưng các con tôi ở nhà đang đói!

– Hôm nay tôi cũng nói lại với anh đúng như tôi đã nói với anh hôm qua, tôi không cần tiền của anh, nhưng tôi muốn biết anh đã bán chúng cho ai. Anh đã lấy bao nhiêu chiếc?

Faùz, ông bố đã già của Jalaluddin cũng cùng đi với ông ta. Ông cụp đến gần như sắp sụp xuống lạy dưới chân Sultan, nhưng Sultan đỡ ông cụp dậy trước khi ông cụp sụp được xuống đất, để cho một ai đó hôn lấy giày của mình thật bất tiện, nhất là một người hàng xóm già.

– Anh phải biết rằng suốt đêm qua tôi đã đánh nó. Tôi xấu hổ quá. Tôi đã luôn dạy dỗ để nó thành một người lao động lương thiện, vậy mà hôm nay, hôm nay tôi có một đứa con là một thằng ăn cắp! ông cụ nói vừa ném một cái nhìn về phía người con trai của mình đang đứng run rẩy trong một góc.

Người thợ mộc lưng còng trông giống như một đứa bé đã ăn cắp, nói dối và bị mắng.

Sultan bình thản kể lại cho ông bố nghe sự việc, ông giải thích rằng Jalaluddin đã mang các bưu ảnh về nhà anh ta và bây giờ ông cần biết anh đã đem bán đi bao nhiêu chiếc và bán cho ai.

– Hãy cho tôi một ngày và tôi sẽ kh-
iến nó phải thú nhận tất cả, trong chừng
mực nó còn có cái phải thú nhận, Faùz
cầu xin.

Giày ông cụ đã đứt chỉ ở nhiều chỗ. Cụ không có tất và quần thì buộc bằng một sợi dây. Hai tay áo sờn nát. Khuôn mặt cụ giống mặt người con trai, u ám hơn đôi chút, rắn và săn hơn. Cả hai đều mảnh khảnh và gầy. Ông bố đứng im không động đậy trước mặt Sultan, còn Sultan cũng không biết nên làm gì lúc này, sự có mặt của ông bố khiến ông khó xử, ông cụ có thể là bố của chính ông.

Cuối cùng Faùz nhúc nhích, cụ bước mấy bước chân chừ về phía người con trai. Khi đã đến gần, cánh tay cụ vung lên như một ánh chớp, và ngay ở đó, chính giữa cửa hàng, cụ đánh người con trai của mình.

– Quân thảm hại, quân ăn cắp, mày là mối nhục của gia đình, lẽ ra mày chẳng bao giờ nên được sinh ra trên đời này, mày là một thằng vô lại, một thằng lưu

manh, ông bố hét lên vừa dùng tay và chân đánh và đá con.

Ông tổng đầu gối vào bụng con, đập vào đùi, đâm vào lưng con. Jalaluddin chỉ húng chịu, gập người xuống và dùng hai cánh tay che lấy ngực, trong khi ông bố chuyển sang hút thuốc. Cuối cùng, ông ta thoát ra và chạy ra khỏi cửa hàng. Chỉ ba bước ông đã ra đến ngưỡng cửa và biến mất trên cầu thang, ra ngoài đường.

Chiếc mũ chụp bằng da cừu của Faùz rơi xuống đất trong khi cù đánh con. Cù nhặt lên, phúi qua và đội lên đầu. Cù đứng dậy, chào Sultan và đi ra. Qua khung cửa sổ, Sultan nhìn theo ông cù loạng choạng leo lên chiếc xe đạp, nhìn bên phải rồi bên trái, trước khi đạp về làng, tuổi già cứng còng và chậm chạp.

Khi đám bụi của cái pha khó xử đó

đã tan, Sultan lại quay lại với các tính toán của ông, đếm tính như không.

– Lão đã làm việc ở đây bốn mươi ngày. Cứ cho mỗi ngày lão lấy hai trăm bưu ảnh, vậy tất cả là tám nghìn chiếc. Ta chắc chắn ít ra lão cũng đã ăn cắp tám nghìn chiếc.

Ông ta nói vừa nhìn Mansur, cậu ta chỉ nhún vai.

Thật đau đớn khi phải nhìn người thợ mộc khốn khổ kia bị bố ông ta đánh đòn. Mansur cóc cần các tấm bưu ảnh. Cậu thấy họ nên quên phút chuyện này đi, khi bây giờ họ đã lấy lại được các bưu ảnh.

– Lão ta không nghĩ ra nổi chuyện đem bán lại đâu, thôi quên chuyện này đi, cậu gợi ý.

– Đây có thể là một vụ trộm cắp được đặt hàng. Mà biết đấy, tất cả đám chủ các quán đều đến mua bưu ảnh của chúng ta, đã lâu không thấy họ đến. Tao nghĩ họ đã có đủ, nhưng mà thấy đấy, họ đã mua được giá rẻ của lão thợ mộc. Lão ta khá là ngốc khi đem bán hạ giá. Mà nghĩ thế nào?

Mansur lại nhún vai. Cậu hiểu bố và biết rằng ông ta muốn làm đến cùng chuyện này. Cậu cũng hiểu rằng chính cậu sẽ phải kế tục trách nhiệm đó, vì ông ấy sắp đi sang Iran và sẽ vắng nhà hơn một tháng.

– Hay mà cùng với Mirzdzan điều tra đôi chút về vụ này trong khi tao đi vắng? Một ngày nào đó sự thật sẽ được phơi bày ra. Không ai được ăn cắp của Sultan, ông ta nói, đôi mắt nghiêm lại. Lão có thể phá tan tành sự nghiệp của

ta. Hãy tưởng tượng, lão ăn cắp hàng ngàn tấm bưu ảnh, mà lão đem bán lại ở các quán và các hiệu sách khắp Kaboul. Họ bán rẻ hơn tao nhiều, người ta bắt đầu đến chỗ họ thay vì đến chỗ tao. Tao mất tất cả cái đám lính vẫn đến mua bưu ảnh, tất cả những người đến mua sách nữa, và tao nổi tiếng là kẻ bán đắt hơn những người khác. Cuối cùng, tao có thể sạt nghiệp.

Mansur nghe các giả thuyết của bố một cách hồ hững. Nó tức tối vì lại thêm một sứ mệnh phụ nữa phải thực hiện trong khi ông ấy đi vắng. Ngoài những cuốn sách phải đăng ký, những thùng mới do các nhà in bên Pakistan gửi sang phải thường xuyên đi nhận, các thứ giấy tờ một hiệu sách ở Kaboul bắt buộc phải có, phải lái xe cho các cậu em và cái cửa hàng của chính cậu mà cậu phải trông

nom, thêm vào tất cả những thứ đó, cậu lại còn phải đóng vai thanh vai tra cảnh sát.

– Con sẽ lo chuyện này, cậu nói gọn lỏn. Không thể còn cách trả lời nào khác.

– Đừng có mà mềm lòng, đừng có mà mềm lòng, là những lời cuối cùng của Sultan trước khi bay đi Téhéran.

✱

Bố đi rồi, Mansur quên mất câu chuyện. Đã khá xa rồi cái giai đoạn sùng tín tiếp sau chuyến hành hương của cậu. Nó đã kéo dài được một tuần. Những lời cầu nguyện năm lần một ngày chẳng chút tác dụng gì. Râu ria khiến cậu ngứa ngáy và ai cũng bảo trông cậu có vẻ chững mẫn. Cậu không thích mặc áo dài thùng thình.

Nếu mình không có được những ý nghĩ được phép, thì mình cũng có thể vứt bỏ tất cả những thứ khác, cậu tự nhủ, từ bỏ việc sợ uy lực của Thượng Đế cũng nhanh chóng như khi cậu tiếp nhận nó.

Cuộc hành hương đến Mazar cuối cùng chẳng còn gì khác hơn là một cuộc đi nghỉ hè.

Buổi tối đầu tiên vắng bố, cậu đã hẹn trước một cuộc vui với hai thằng bạn. Chúng đã mua ở chợ rượu vodka ouzbek, rượu cognac arménie và rượu vang đỏ ở chợ với giá cắt cổ.

Đây là loại hảo hạng. Tất cả đều bốn mươi độ, rượu vang thậm chí bốn mươi hai độ, người bán hàng đã khẳng định như thế.

Bọn trẻ đã mua bốn mươi đô la một

chai, không biết rằng người bán hàng đã thêm hai vạch nhỏ trên chai rượu vang thường, nâng nó từ mười hai lên bốn mươi hai độ. Giá trị là ở độ. Phần lớn khách hàng là đám trẻ, trốn sự kiểm soát nghiêm khắc của bố mẹ, uống để mà say.

Mansur chưa bao giờ uống rượu, một trong những điều cấm nghiêm ngặt nhất của đạo Hồi. Hai cậu bạn của Mansur đã bắt đầu uống từ lúc mới sẫm tối, rượu cognac trộn với vodka, sau hai ly món cốc-tai đó, chúng đã loạng choạng trong căn phòng khách sạn mà chúng đã thuê để không cho bố mẹ chúng thấy được. Mansur còn chưa đến đó, vì cậu còn phải lái xe đưa các em về nhà. Khi cậu đến, hai thằng bạn của cậu hét lên và muốn nhảy xuống từ ban công. Rồi chúng chạy đi nôn mửa.

Mansur bèn thay đổi ý kiến, chung quy lại rượu cũng chẳng có gì hấp dẫn lắm. Nếu uống rượu mà sinh bệnh, thì cậu có thể chẳng chơi.

Rượu chè là một vấn đề ít phổ biến ở Afganistan. Hiếm người liều lĩnh nhập rượu lậu và những chai rượu tồn kém phải bán lén, trong các gian sau của quán. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng thế. Trong thời kỳ tự do khi Zaher Shad lãnh đạo đất nước, người ta có thể gọi một ly cốc-tai trong các quán rượu và hàng ăn và dưới thời Liên Xô chiếm đóng, rượu vodka được đưa sang hàng đồng, được binh lính bán rẻ. Rồi đến nội chiến và chế độ moudjadeh và những người Hồi giáo ban hành những hình phạt nặng đối với việc bán, mua và tiêu thụ rượu. Bọn taliban ban bố những hình phạt càng nặng hơn.

Hai cậu con trai lớn tuổi hơn đôi chút tiếp tục khìn khịt và mưu tính những chuyện đáng ngại. Có một cô gái Nhật mà chúng rất thích, một cô nhà báo trẻ và đẹp. Chúng bàn có nên mời cô ấy lên phòng này không, cô ấy ở cùng khách sạn này. Chúng kết luận bây giờ không phải lúc, nhưng một trong hai đứa có một kế hoạch đen tối. Cậu ta đã làm việc một năm trong hiệu thuốc của bố cậu, cậu có mang đến khối thuốc. Một lúc sau, chúng tìm ra được những viên thuốc ngủ.

– Một hôm nào đó chúng mình không say, chúng mình có thể mời cô ấy và bỏ thứ này vào ly của cô, và khi cô ngủ thiếp đi chúng mình có thể ngủ với cô ta mà cô ta không hề biết!

Các bạn của cậu tán thành ý kiến đó.

– Chuyện ấy, thế nào chúng mình

cũng phải làm một ngày nào đó, chớ quên.

Ở nhà Jalaluddin, không ai ngủ được. Bọn trẻ con nằm ngay dưới đất và lặng lẽ khóc. Hai mươi bốn giờ qua là những giờ tệ hại nhất trong đời chúng: chúng thấy ông bố yêu quý của chúng bị ông nội đánh đòn và gọi là đồ ăn cắp. Cứ như là mọi sự đều đảo lộn lên hết. Ngoài sân, ông cụ bố của Jalaluddin bước đi bách bộ.

– Làm sao mà tôi lại có một thằng con như thế này, nó làm nhục cả gia đình! Tôi đã làm gì nên tội tình này?

Người con trai cả, kẻ ăn cắp, ngồi trên một chiếc chiếu trong phòng của ông. Ông không thể nằm xuống vì lưng đầy những vết xé đỏ lôm, do ông cụ dùng một cành cây lớn để đánh. Cả hai

người đã trở về nhà sau cái pha ở hiệu sách. Trước tiên là ông bố, đi xe đạp, rồi tới người con, đi bộ. Sau đó ông bố tiếp tục cái việc ông đã làm ở hiệu sách, người con thì không hề kháng cự. Trong khi ông bị đánh đòn dưới một trận mưa những lời xỉ vả, thì cả gia đình khiếp sợ đứng nhìn. Những người đàn bà cố đẩy những đứa trẻ ra xa, nhưng chúng cũng chẳng biết đi đâu.

Ngôi nhà được dựng giữa một cái sân, một trong các bức tường được dùng làm hàng rào ngăn cách với con đường bên ngoài. Dọc theo hai trong các bức tường, có một hàng hiên xây và phía sau đó là những căn phòng có cửa sổ lớn được che bằng một chiếc chiếu nhựa nhìn ra sân – một phòng cho ông thợ mộc, vợ và bảy đứa con của ông, một phòng cho mẹ, bố ông và bà nội, một phòng cho người em

gái, chồng cô ấy và năm đứa con của họ, một phòng ăn và một nhà bếp với một lò nướng bằng đất, một lò sưởi và vài cái kệ.

Những chiếc chiếu nơi bọn con của ông thợ mộc đang ngồi túm tụm là một thứ bện lẫn lộn xộn những giẻ rách và những mảnh quần áo tồi tả. Đôi chỗ là những tấm bìa, chỗ khác thì những tấm nhựa và chỗ khác nữa là độn sợi đay. Hai đứa con gái mắc bệnh viêm tủy xám một chân đi giày có bánh xe và phải chống gậy. Hai đứa khác bị bệnh eczéma lở loét khắp người, nhiều chỗ vẩy kết gỏi đến bật máu.

Trước lúc hai thằng bạn của Mansur trở dậy mỗi đứa hai lần để nôn, thì ở đầu bên kia thành phố, những đứa bé trong gia đình người thợ mộc vẫn còn chưa đi ngủ được.

Khi Mansur thức dậy, cậu thấy tràn ngập một cảm giác tự do say sưa. Cậu được tự do! Sultan đã đi. Lão thợ mộc đã được quên phắt đi rồi. Mansur đeo cặp kính râm mua ở Mazar và phóng một trăm cây số giờ trên các đường phố Kaboul, vượt qua những con lừa được đóng yên nặng và những con dê bán thịt, những người hành khất và những người lính lực lưỡng đến từ nước Đức. Cậu đưa một ngón tay lên tỏ ý biểu dương những người Đức trong khi cậu nháy chồm chồm trên vô số các ổ gà trên mặt đường nhựa, cậu chửi và khiến những người đi bộ phải nhảy sang bên lề thấp của con đường. Mansur bỏ lại đằng sau kết phu phố này đến khu phố khác trong cái cái đám lổn nhổn những phế tích lổ chỗ và những ngôi nhà hỏng nát của Kaboul.

– Nó phải nhận lấy các trách nhiệm,

như thế mới rèn dũa được tính cách của nó, Sultan tuyên bố.

Ngồi trên xe, Mansur nhăn nhó. Kể từ hôm nay, Rasul phải đi mà nhận lấy các thùng hàng và gửi các thư từ, kể từ hôm nay Mansur chỉ có mỗi việc vui chơi, cho đến khi bố cậu trở về. Ngoài việc đưa các em cậu đến cửa hàng các buổi sáng - để phòng trước mọi sự tố giác - cậu sẽ không làm gì nữa hết. Bố cậu là người duy nhất Mansur sợ. Không bao giờ cậu dám phản đối Sultan, ông ấy là người duy nhất cậu tôn trọng, ít ra là khi đối diện với ông.

Mục đích của Mansur là gặp được các cô gái. Việc ấy chẳng dễ gì ở Kaboul, các gia đình giữ rịt các cô nhưng những kho của quý. Cậu nảy ra một ý kiến tuyệt vời và xin vào học một lớp tiếng Anh cho người mới bắt đầu. Những năm đến

trường ở Pakistan đã cho phép cậu đạt được một trình độ tiếng Anh khá tốt, nhưng cậu nghĩ ở những lớp cho người mới vào học cậu sẽ tìm được những cô thật trẻ và thật xinh. Cậu tính không sai. Cuối khóa học thứ nhất, cậu đã tìm được người ưng ý. Cậu cẩn thận tìm cách nói chuyện với cô. Một hôm, thậm chí cô còn để cậu đưa về nhà cô. Cậu mời cô đến cửa hàng, nhưng cô không bao giờ đến. Cậu chỉ gặp cô ở lớp. Cậu mua một cái điện thoại di động để họ có thể gọi nhau và cậu chỉ cho cô cách để cho máy theo chế độ “rung” chứ không “reo”, để gia đình cô không nhận ra được gì cả. Cậu hứa hẹn với cô sẽ cưới cô và có nhiều quà cáp sang trọng. Một hôm cậu kể rằng cậu không thể gặp cô vì cậu phải làm tài xế cho một người nước ngoài bạn của bố cậu. Cậu bịa ra chuyện người nước ngoài để làm ra vẻ quan trọng. Ngay buổi chiều

hôm đó cô nhìn thấy cậu lái xe đưa một cô gái khác đi phố. Cô chẳng hề thương xót, mắng cậu là đồ gian ác, khốn nạn, và không bao giờ muốn gặp lại cậu nữa. Cô không bao giờ trở lại lớp, không trả lời điện thoại. Cậu nhớ cô, nhưng trước hết cậu tiếc cho cô không đi học nữa trong khi cô rất muốn được học tiếng Anh.

Cậu chóng quên ngay cô sinh viên. Bởi vì trong mùa xuân đó chẳng có gì trong cuộc sống của Mansur là vĩnh hằng và xác thực. Một hôm cậu được mời đến một lễ hội ở ven thành phố. Cậu có những người quen, họ thuê một ngôi nhà trong khi người chủ nhà đứng gác ở trong vườn.

– Bọn tớ đã hun khói một con bò cạp, ngày hôm sau Mansur hăng hái kể lại cho một cậu bạn. Bọn tớ tán ra thành bột và trộn với thuốc lá. Cái món đó

khiến đầu óc rối mù lên và lại hơi căng thẳng thần kinh nữa. Tổ là người cuối cùng ngủ thiếp đi. Một lễ hội rất chi là mát mẻ, cậu khoe khoang.

Abdur, anh chàng quản gia, biết rằng Mansur muốn tìm một cô gái và đề nghị cậu gặp một cô là họ hàng của cậu ta. Ngày hôm sau một cô gái hazara mắt lác đã có mặt trên chiếc tràng kỷ trong cửa hàng, nhưng Mansur chưa kịp làm quen nhiều thì bố cậu đã náo tin ngày mai ông sẽ trở về. Mansur lập tức tỉnh người ra. Cậu tuyệt đối chẳng làm chút gì những việc bố yêu cầu. Cậu không đăng ký các sách, cậu không sắp xếp ngăn sau của cửa hàng, cậu không lập danh mục các sách mới cần đặt mua, cậu không đi nhận các bưu kiện đang tích đầy lại trong kho. Cậu không hề để chút thì giờ nào lo nghĩ đến vụ lão thợ mộc.

Sharifa loay hoay quanh cậu.

– Con làm sao thế, con? Con có ốm không?

– Không sao hết! cậu găm lên. Bà căn vặn.

– Trở về bên Pakistan với cái mồm rộng hoác của bà đi, Mansur hét lên. Từ ngày bà về đây, chỉ thêm lắm chuyện lên.

Sharifa khóc.

– Làm sao tôi lại có thể có những đứa con trai như thế này? Tôi đã làm gì không phải nào? Thậm chí chúng không muốn có mẹ chúng ở bên!

Sharifa gào lên và mắng con, Latifa thì khóc. Bibi Gul thì ngồi một chỗ mà đung đưa người. Bulbula nhìn vào khoảng không. Sonya cố dỗ Latifa. Lei-

la rửa chén bát. Mansur đóng rầm cánh cửa phong cậu cùng ở với Yunus. Yunus đã ngáy rồi. Nó bị viêm gan B, suốt ngày ngủ và uống thuốc. Mắt nó vàng khè, cái nhìn của nó càng lơ đãng và buồn hơn mọi ngày.

Khi Sultan trở về, vào ngày hôm sau, Mansur bị kích động đến nỗi cậu tránh cái nhìn của ông; nhưng cậu lo lắng là nhầm bởi vì Sultan chỉ quan tâm đến Sonya. Chỉ sang ngày hôm sau, ở cửa hàng, ông mới hỏi con trai có làm tất cả những việc ông đã dặn không. Ngay cả trước khi cậu trả lời, ông đã cho cậu biết những tin mới. Chuyến đi của Sultan sang Iran rất thành công, ông đã tìm lại được những người cộng tác cũ và chẳng bao lâu nữa hết thùng sách này đến thùng sách khác sẽ được gửi tới đây. Tuy vậy vẫn có một việc ông không quên: vụ lão thợ mộc.

- Mày không tìm ra được cái gì à?
- Sultan ngạc nhiên nhìn cậu con trai.
- Mày tìm cách phá ngầm công việc của tao ư? Ngày mai mày sẽ đi tố cáo lão ta với cảnh sát. Bố lão đã hứa trong một ngày sẽ mang các lời thú tội của lão đến mà bây giờ thì đã một tháng rồi! Nếu tao đi Pakistan về mà lão ta chưa bị tống vào tù, thì mày sẽ không còn là con trai tao nữa, ông đe dọa. Kẻ nào lấn chân vào lãnh địa của tao thì đừng có hòng mà yên, ông mạnh mẽ tuyên bố.

Sultan phải đi Pakistan ngay ngày mai. Mansur thở dài nhẹ nhõm. Cậu sợ một trong các cô bạn gái của cậu nhỡ bước chân đến cửa hàng. Sẽ xảy ra chuyện gì đây nếu cô ta đến tìm cậu và nói chuyện với cậu trong khi ông bố đang ở cửa hàng? Cậu phải kể cho các cô ấy nghe về bố cậu, khi đó các cô có thể nhìn

qua đôi chút các giá sách và lảng lạng ra đi. Dầu thế nào, bố cậu không bao giờ nói chuyện với những người khách trùm burkha.

Ngày hôm sau, Mansur đến bộ Nội vụ để tố giác lão thợ mộc và nhờ có Mirdzjan cậu lấy được các con dấu cần thiết trong vài tiếng đồng hồ, mang đến trình cho đồn cảnh sát Deh Khudaùdad, một túp lều bằng đất nện có một số cảnh sát trang bị vũ khí đứng trước cửa. Rồi cậu chỉ cho một viên sĩ quan mặc thường phục ngôi nhà của lão thợ mộc, anh ta sẽ bắt lão ấy ngay chiều nay.

Sáng hôm sau, trước khi trời sáng, hai người phụ nữ và hai đứa bé gõ cửa nhà gia đình Khan. Còn ngái ngủ, Leila ra mở cửa. Những người phụ nữ òa lên khóc. Mãi một lúc cô mới hiểu ra đó là bà nội và bà cô của người thợ mộc.

– Chúng tôi van các ông bà, xin tha thứ cho cậu ấy. Chúng tôi van các ông bà, nhân danh Thượng Đế, họ gào lên.

Bà nội người thợ mộc đã gần chín mươi tuổi, người bà bé nhỏ và khô đét, cảm bà nhọn và lông lá khiến khuôn mặt bà trông như mặt chuột. Bà là mẹ của bố người thợ mộc, mấy tuần qua bà đã cố buộc ông ta nói hết sự thật.

– Chúng tôi chẳng có gì ăn, chúng tôi đang đói, xin hãy nhìn những đứa trẻ này đây. Chúng tôi sẽ xin trả lại tiền các tấm bưu ảnh.

Leila không biết làm gì khác hơn là mời họ vào nhà. Bà cụ già trông giống như chuột sục xuống chân những người phụ nữ trong gia đình, lúc này đã thức dậy vì nghe những tiếng kêu khóc và đã bước vào căn phòng. Dường như họ đều

xúc động trước cái cảnh khốn cùng bất ngờ bày ra trong phòng khách này. Cùng đi với những người phụ nữ trong gia đình người thợ mộc có một đứa bé hai tuổi và một trong hai cô gái bị bệnh viêm tủy xám. Cô ta ngồi xuống đất một cách rất khó khăn. Chiếc chân cứng đờ đeo bánh xe của cô duỗi ra. Cô lặng lẽ lắng nghe những gì người ta đang nói quanh mình.

Jalaluddin không có mặt ở nhà lúc cảnh sát đến, nên họ đã bắt bố và chú ông đi thay. Những người cảnh sát báo trước là ngày mai họ sẽ trở lại. Từ sáng sớm, trước khi họ đến, hai người phụ nữ già đã tới đây cầu xin Sultan thương hại và tha thứ cho người thân của mình.

– Cậu ấy có lấy cắp đôi chút gì đó thì cũng là để cứu sống gia đình, các bà cứ nhìn những đứa trẻ này xem, chúng

gầy tong teo. Ăn mặc thì rách rưới, cũng chẳng có chút gì ăn. ở Microyan người ta mũi lòng, nhưng chẳng thể chia xẻ được chút nào với những người đến van xin này. Khi Sultan đã có một ý tưởng trong đầu, thì những người đàn bà trong gia đình không còn có thể làm gì khác. Nhất là những chuyện liên quan đến cửa hàng.

– Chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ, nhưng chúng tôi chẳng thể làm gì được.

– Sultan quyết định tất cả. Mà ông ấy thì hiện không có nhà.

Lại tiếp những lời kêu khóc. Họ biết rằng quả đúng là như vậy nhưng không thể từ bỏ hy vọng. Leila mang lên những đĩa trứng rán và bánh mì còn nóng. Cô đã đun sữa cho hai đứa bé. Khi Mansur bước vào phòng, những người phụ nữ lại lao đến ôm lấy chân cậu mà hôn.

Cậu đạp chân để đẩy ra. Họ biết rằng khi bố cậu đi vắng, chính cậu là người nắm quyền; nhưng Mansur đã quyết định làm đúng như lời bố đã yêu cầu.

– Từ khi Sultan tịch thu dụng cụ mộc của cậu ấy, cậu ấy không thể làm việc được nữa. Đã nhiều tuần nay chúng tôi ăn uống chẳng còn ra gì cả. Chúng tôi chẳng còn biết vị đường là gì, bà nội người thợ mộc kêu khóc. Gạo chúng tôi mua gần như toàn là gạo mục. Bọn trẻ ngày càng gầy. Cậu nhìn xem, chúng chỉ còn da bọc xương. Ngày nào Jalaluddin cũng bị bố đánh. Không bao giờ tôi ngờ được là tôi đã nuôi một tên kẻ cắp.

Những người phụ nữ ở Microyan hứa sẽ làm hết hết sức để thuyết phục Sultan, dù họ biết sẽ chỉ hoài công thôi.

Khi bà cụ nội, bà cô và bọn trẻ về

khập khiễng đi về đến làng, thì cảnh sát đã tới tìm Jalaluddin.

Buổi chiều, Mansur đến làm chứng. Cậu ngồi ở một bàn giấy của viên cảnh sát trưởng, hai chân bắt chéo. Bảy viên cảnh sát nghe cuộc hỏi cung. Không đủ ghế, hai người phải ngồi chung một ghế. Người thợ mộc thì ngồi xổm dưới đất. Đám cảnh sát ăn mặc khá tạp nham, một số diện đồng phục ấm mùa đông, một số mặc quần áo truyền thống, số khác lại đóng đồng phục xanh của lính cảnh sát. Ở cái đồn này chẳng có việc gì lớn, cho nên vụ bưu ảnh này bỗng trở thành khá quan trọng. Một trong những người cảnh sát đứng ở ngưỡng cửa, không quyết định được có nên theo dõi vụ này hay không.

– Ông phải nói ông đã bán chúng cho ai hay là ông sẽ sa vào nhà tù trung

ương là nơi giam giữ bọn tội phạm thật sự.

Những tù “nhà tù trung ương nơi giam giữ bọn tội phạm thật sự” khiến người thợ mộc rùng mình. Ông co rúm người lại dưới đất và trông như có vẻ rất bối rối. Hai bàn tay ông xoắn vào nhau. Trên hai bàn tay ấy chẳng chịt hàng nghìn vết cắt lớn nhỏ, lòng bàn tay thì ngang dọc những vết sẹo. Luồng ánh nắng lọt qua cửa sổ làm nổi rõ những chỗ dao, cưa, dùi, đục đã đâm cứa vào da. Cứ như thân phận của ông hiện lên trên đôi bàn tay chứ không phải trên khuôn mặt ông, ông uể oải nhìn bảy con người đang ngồi trong căn phòng. Cứ như tất cả cái vụ này chẳng hề dính dáng đến ông. Một lúc sau ông bị tống lại vào cái xà lim một mét vuông của ông, trong đó ông không

thể nằm mà chỉ đứng hay ngồi chồm hồm.

Chỉ có gia đình Mansur quyết định được số phận của Jalaluddin. Họ có thể rút lại hay giữ nguyên lời khiếu nại. Nếu họ quyết tiếp tục khiếu nại, thì họ có thể đi tiếp các bước theo hệ thống và đến lúc đó thì muốn tha cho ông sẽ là quá muộn, sẽ chỉ có cảnh sát mới quyết định được.

– Chúng tôi có thể giữ ông ấy ở đây bảy mươi hai tiếng, sau đó các anh phải quyết định, viên cảnh sát trưởng nói rõ.

Ông ta cho rằng Jalaluddin đáng phải bị trừng phạt, nghèo khổ không phải là một lý do để ăn cắp.

– Có bao nhiêu người nghèo. Nếu họ ăn cắp mà không bị trừng trị, thì rốt cuộc xã hội chúng ta sẽ trở thành vô đạo

đức hết. Khi các nguyên tắc bị vi phạm thì phải nêu gương.

Viên cảnh sát trưởng lớn giọng đó bàn cãi với Mansur, trong khi cậu thì đã thấy bắt đầu nghi ngại. Khi biết Jalaluddin có thể bị kết án năm năm tù vì tội ăn cắp bưu ảnh, cậu nghĩ đến các con của lão, cậu nhớ lại những đôi mắt đói khát, những bộ quần áo sờn rách của chúng. Cậu nghĩ đến cuộc sống của cậu, chỉ trong vài ngày cậu có thể xài bay một số tiền đủ nuôi sống gia đình lão thợ mộc trọn cả tháng trời.

Một bó hoa nhựa to tướng chiếm hết nửa bàn giấy. Các bông hoa từ lâu đã phủ đầy một lớp bụi dày, song chúng vẫn còn khiến cho căn phòng sáng lên. Rõ ràng những viên cảnh sát ở đồn Deh Khudaùdad thích màu sắc, màu xanh là bạc hà, ngọn đèn thì đỏ, rất đỏ. Cũng như trong

các công sở ở Kaboul, một bức chân dung lớn của Massoud, người anh hùng trong chiến tranh, được treo trên tường.

– Không được quên là dưới thời taliban lão ta đã có thể bị chặt đứt một bàn tay. Nhiều người mắc tội nhẹ hơn còn bị hình phạt đó.

Viên cảnh sát trưởng kể lại chuyện một người đàn bà trong làng, sau khi chồng chết, phải một mình nuôi các con.

– Bà ấy rất nghèo. Thằng con út của bà không có giày và bị lạnh chân. Bấy giờ là mùa đông và nó không thể đi ra ngoài. Thằng anh, mới lớn hơn một chút, đã ăn cắp một đôi giày cho em. Nó bị bắt quả tang và người ta đã chặt đứt bàn tay phải của nó. Thật là quá nghiêm khắc, viên cảnh sát trưởng bảo. Nhưng lão thợ mộc này, lão đã bộc lộ tính chất lưu manh, lão

đã ăn cắp nhiều lần. Khi người ta ăn cắp để cho con có cái ăn, người ta chỉ ăn cắp một lần thôi, ông ta khẳng định.

Viên cảnh sát trưởng chỉ cho Mansur xem tất cả những vật chứng tịch thu được để trên tủ hộc tường đằng sau lưng ông ta. Dao có lưỡi xếp lại được, dao làm bếp, dao xếp, dao có lá chắn che tay, súng ngắn, đèn pin bỏ túi, và cả bài tây cũng bị tịch thu. Tội đánh bạc có thể bị tù đến sáu tháng.

– Bộ bài tây này bị tịch thu vì tên thua bạc đã đánh tên thắng cuộc và bỏ chạy mang theo con dao này. Bọn chúng đã uống rượu, nên tên đó đã bị kết án về tội đánh nhau và gây thương tích bằng dao, tội uống rượu và đánh bạc. Tên kia thì không bị kết án vì đã trở thành tàn tật, tức cũng đã bị trừng trị đích đáng rồi!

– Uống rượu thì bị kết án như tế nào? Mansur hỏi, có phần lo lắng. Cậu biết rằng theo luật đạo Hồi, đó là một tội nặng bị phạt rất nghiêm.

– Theo kinh Coran, hình phạt là bị đánh tám mươi roi.

– Nói cho đúng, tôi thường làm ngơ đối với những loại chuyện kiểu này. Khi có đám cưới, tôi tuyên bố đó là một ngày tự do, nhưng tất cả chỉ được làm trong phạm vi gia đình.

– Còn tội ngoại tình?

– Nếu là những người đã có vợ có chồng, thì sẽ bị ném đá đến chết. Nếu còn độc thân, hình phạt là một trăm roi và sau đó phải lấy nhau. Nếu một trong hai người đã có vợ có chồng và đó là người đàn ông, trong khi người đàn bà

còn độc thân, thì người đàn ông phải lấy bà ta làm vợ hai. Nếu người đàn bà đã có chồng còn người đàn ông độc thân, thì người đàn bà sẽ bị giết chết, người đàn ông bị đánh roi và bỏ tù. Nhưng tôi thường nhắm mắt làm ngơ. Rất có thể đó là những người đàn bà, những bà góa cần có tiền, tôi cố tìm cách giúp đỡ họ, đưa họ trở lại con đường đoan chính.

– Vâng, ông muốn nói những người làm điểm. Nhưng đối với những người thường thì sao?

– Một hôm chúng tôi bắt được một đôi đang ngồi trong một chiếc xe. Chúng tôi, cuối cùng là bố mẹ họ đã buộc họ phải lấy nhau. Như thế là tốt, cậu có đồng ý như thế không?

– Hừm, Mansur lăm bắm, cậu không thể nghĩ được rằng mình có thể cưới một

trong những người bạn gái của mình.

Dẫu sao chúng ta không phải là bọn taliban, chúng ta không nên ném đá vào người khác. Người Afganistan đau khổ như thế này cũng đã là quá đủ rồi.

Viên cảnh sát trưởng cho Mansur một thời hạn ba ngày. Vẫn còn thời gian để tha cho kẻ có tội, nhưng nếu để sự việc đi xa hơn nữa theo hệ thống, thì sẽ là quá muộn.

Mansur rời đồn cảnh sát, rất ưu tư. Cậu không muốn quay lại cửa hàng và về nhà ăn trưa, là việc hầu như từ nay cậu không bao giờ làm nữa. Cậu buông mình xuống chiếu, và thật là may cho sự yên tĩnh trong gia đình, bữa ăn đã sẵn sàng.

– Cởi giày ra đi, Mansur, mẹ cậu bảo.

– Cút ỉa!

– Mansur, con phải nghe lời mẹ, Sharifa nói.

Mansur không thèm nghe và ngồi bệt ngay ra đất, một bàn chân dơ lên cao, gác lên bàn chân kia. Cậu không cởi giày. Bà mẹ bĩu môi.

– Từ đây đến mai chúng ta phải quyết định chúng ta sẽ làm gì đây đối với lão thợ mộc, Mansur bảo.

Cậu đốt một điếu thuốc, khiến mẹ cậu khóc. Không bao giờ cậu có thể đốt một điếu thuốc trước mặt bố, không bao giờ. Nhưng bố vừa bước ra khỏi nhà, là cậu lại thích hút thuốc và khiêu khích mẹ trước, trong và sau bữa ăn. Khói thuốc ngưng lại trong căn phòng nhỏ. Bibi Gul từ lâu đã trách cậu vô lễ với mẹ, từ lâu

bà đã bảo cậu phải vâng lời mẹ và không được hút thuốc. Nhưng, ngày hôm đó, bà lại thấy thèm, bà đưa bàn tay ra và gần như thì thầm.

– Cho bà một điếu được không?

Lặng phắc cả nhà. Bà cụ bắt đầu hút thuốc ư?

– Mẹ, Leila hét lên, rút điếu thuốc từ tay mẹ.

Mansur đưa cho bà một điếu khác, Leila bực tức bỏ ra khỏi phòng. Bibi Gul sung sướng rít một hơi thuốc và lặng lẽ cười. Cứ ngồi như vậy mà ngửa cổ lên rít từng hơi thuốc, thậm chí bà không còn dùng đưa người nữa.

– Thế này thì tao sẽ ăn ít hơn, bà giải thích. Thả lão ta ra thôi, bà kết luận sau khi đã thưởng thức hết điếu thuốc. Lão

ta đã đến tội với món đòn của bố lão rồi và đã chịu nhục, hơn nữa, lão đã trả các tấm bưu ảnh lại.

– Mẹ có nhìn thấy những đứa con của lão không? Chúng sẽ sống như thế nào nếu không có lương của bố chúng? Sharifa đồng tình.

– Chúng ta có thể sẽ chịu trách nhiệm về cái chết của các con lão, Leila nói, cô đã trở lại khi bà mẹ đã dụi tắt điều thuốc. Cú hình dung chúng sẽ đổ bệnh và không thể có tiền đi đến thầy thuốc, chúng sẽ chết vì chúng ta, hay chúng sẽ có thể chết vì không đủ ăn. Và lão thợ mộc có thể chết trong tù nữa. Rất nhiều người không sống sót nổi sau sáu năm tù, trong ấy đầy các bệnh truyền nhiễm, bệnh lao và bao nhiêu bệnh khác.

– Hãy biết thương người, Bibi Gul nói.

– Mansur dùng điện thoại di động gọi Sultan đang ở bên Pakistan. Cậu xin ông cho phép thả lão thợ mộc

– Lão muốn hủy hoại công việc làm ăn của tao, phá ngầm giá cả! Tao đã trả công cho lão đường hoàng, lão không cần phải ăn cắp. Lão là một tên lưu manh! Lão đã phạm tội và phải cho lão một trận để lão thú nhận hết mọi chuyện. Tao không để cho bất cứ ai phá hoại công việc làm ăn của tao.

– Lão có thể lĩnh sáu năm tù! Khi lão được ra tù, thì các con lão đã có thể chết mất rồi, đến lượt mình Mansur cũng hét lên.

– Cho lão lĩnh sáu mươi năm tù! Tao đểch cần biết. Phải đánh cho đến khi lão chịu khai ra đã đem bán các bưu ảnh cho ai.

– Bố nói như thế bởi vì bụng bố no! Chỉ nhìn thấy các con của lão gầy tong teo là con đã khóc rồi. Gia đình lão thế là hoàn toàn đi đời.

– Làm sao mà dám chống lại bố mày, hả! Sultan hét lên trong ống nói.

Trong căn phòng, mọi người đều nhận ra giọng nói của ông và biết rằng lúc này mặt ông đang đỏ bừng lên và tay chân ông run lên vì tức giận.

– Mày là cái thứ con cái gì vậy? Mày phải làm tất cả những gì tao bảo, tất cả! Mày làm sao thế, hử? Tại sao mà dám vô lễ thế với bố mày?

Cuộc đấu tranh bên trong hiện rõ trên khuôn mặt Mansur. Trước nay bao giờ cậu cũng tuân theo lời bố, chưa bao giờ cậu làm khác, nhất là về những gì bố cậu biết. Cậu chưa bao giờ dám công khai chống lại ông, và cậu không dám, cậu không dám để cho cơn giận của bố lại quay lại trút lên đầu cậu.

– Vâng, thưa bố, cuối cùng Mansur nói, trước khi dập ống nghe. Cả gia đình đều im lặng. Mansur rửa thầm.

– Ông ấy có trái tim bằng đá, Sharifa thở dài. Sonya không nói gì.

Ngày nào cũng vậy, hết buổi sáng đến buổi chiều, gia đình người thợ mộc đến gặp họ. Đôi khi, đó là bà cụ nội già, những lúc khác là mẹ, bà cô hay vợ ông ta. Bao giờ họ cũng dẫn theo một số đứa con của ông. Lần nào, họ cũng nhận

được những câu trả lời ấy. Sultan mới là người quyết định. Khi ông ấy trở về, chắc chắn mọi sự sẽ đầu vào đấy. Họ nói thế, tuy vẫn biết rằng không đúng là như thế, Sultan đã quyết định tất cả rồi.

Cuối cùng, những người trong nhà Khan không còn lòng dạ nào mở cửa đón cái gia đình khốn khổ ấy nữa. Họ cố không gây ra tiếng động nào, để cho người ta tưởng rằng không có ai ở nhà. Mansur đến đồn cảnh sát địa phương và xin tạm hoãn vụ án lại, cậu muốn chờ bố về, tự ông ấy sẽ giải quyết lấy. Nhưng viên cảnh sát trưởng không muốn chờ lâu hơn nữa. Ông ta không được giữ những người tù quá vài ngày trong căn phòng một mét vuông. Một lần nữa ông ta lại buộc người thợ mộc phải thú nhận là đã lấy cắp nhiều bưu ảnh hơn và phải nói rõ đã đem bán chúng cho ai, nhưng

cũng như những lần trước người thợ mộc lại chối. Jalaluddin bị xiềng tay và dẫn ra khỏi ngôi nhà bằng đất nện.

Cảnh sát địa phương không có xe, chính Mansur phải lái xe đưa người thợ mộc đến sở cảnh sát chính của Kaboul. Ông bố, cậu con trai và bà nội người thợ mộc đã đứng trước cửa. Khi Mansur đến, họ ngập ngừng bước tới. Mansur thấy cái tình cảnh này thật kinh khủng. Trong khi Sultan đi vắng, cậu phải gánh lấy cái vai kẻ nhẫn tâm đối với gia đình người thợ mộc.

– Tôi bị buộc phải làm theo đúng điều bố tôi bảo, cậu xin lỗi họ, trước khi đeo đôi kính râm và ngồi vào xe.

Người bà và đứa cháu trở về nhà. Người bố leo lên chiếc xe đạp cọc cạch và đuổi theo xe của Mansur. Ông vẫn chưa

chịu bỏ cuộc và muốn đi theo đứa con trai của mình chừng nào còn có thể. Họ nhìn thấy bóng ông thẳng đơ biến mất dần đằng sau.

Mansur lái chậm hơn mọi ngày. Rất có thể còn nhiều năm lắm nữa người thợ mộc mới lại được nhìn thấy những con đường này.

Họ đến sở cảnh sát trung tâm, một trong những ngôi nhà bị căm ghét nhất dưới thời taliban. Đây là hang ổ của bọn cảnh sát tôn giáo, thuộc Bộ các Thuần phong. Những người có bộ râu quá ngắn, mặc quần quá ngắn, những người phụ nữ đi trên các đường phố một mình hay với những người đàn ông không thuộc trong gia đình mình, những người phụ nữ đánh phấn bên dưới áo burkha của họ, đều bị đưa về đây. Họ có thể bị nhốt nhiều tuần dưới tầng hầm trước khi bị

chuyển đến các nhà tù khác hay được trả tự do. Khi bọn taliban bỏ chạy, nơi giam cầm này được mở cửa và những người bị giam giữ được phóng thích, người ta tìm thấy ở đây những sợi dây cáp và những chiếc gậy từng được dùng làm dụng cụ tra tấn. Đàn ông bị lột trần truồng khi bị đánh, đàn bà thì choàng một chiếc chăn trong lúc bị tra tấn. Trước thời taliban, ngôi nhà này thuộc quyền cơ quan tình báo khét tiếng của chế độ xô viết, rồi đến các lực lượng cảnh sát hỗn loạn của đám moudjahidin.

Người thợ mộc bước trên các bậc cấp nặng nề, leo lên đến tầng bốn. Ông cố lôi kéo Mansur đứng về phía mình và sợ sệt nhìn cậu một cách van nài. Trông cứ như đôi mắt ông đã to hằn lên sau một tuần bị giam giữ. Hai tròng mắt van nài của ông gần như lồi hẳn ra khỏi khuôn mặt:

– Xin tha thứ cho tôi, tha thứ cho tôi. Tôi sẽ làm việc không công cho cậu đến cuối đời tôi. Xin tha thứ cho tôi!

Mansur nhìn thẳng ra phía trước, lúc này không được nhu nhược. Sultan đã quyết định và Mansur không thể làm trái ý ông. Cậu có thể bị tước quyền thừa kế và vất ra khỏi nhà. Cậu đã có cảm giác từ nay bố cậu thiên về thằng em cậu hơn. Ông ấy đã cho Eqbal đi học các lớp tin học, Sultan hứa sẽ cho Eqbal một chiếc xe đạp. Nếu Mansur làm trái ý ông lúc này, Sultan có thể đi đến chỗ cắt đứt tất cả các mối quan hệ với cậu. Cậu không muốn vì người thợ mộc mà nhận lấy mối hiểm nguy đó, dẫu cậu có thương cảm lão ta đến đâu.

Họ ngồi chờ thẩm vấn và ghi nhận lời khiếu nại. Theo chế độ, người bị can phải ngồi tù cho đến khi chứng tỏ rằng

anh ta có tội hay không. Bất cứ ai cũng có thể đưa lời khiêu nại với một người nào đó và do đó khiến anh ta phải ngồi tù.

Mansur trình bày các sự việc. Người thợ mộc vẫn ngồi dưới đất. Các ngón chân của ông dài và cong queo. Móng chân có những lớp viền đen dày. Chiếc áo khoác và áo pun của ông rách bươm trên lưng. Quần ông toác ra ở háng.

Người viên chức ngồi ở bàn giấy ghi chép tỉ mỉ các lời khai của hai phía. Anh ta viết những chữ nắn nót trên một tờ giấy đặt trên giấy than.

– Tại sao ông lại thích các bưu ảnh Afganistan quá như vậy?

Viên cảnh sát cười, anh ta thấy vụ này có vẻ hơi kỳ lạ. Không chờ câu trả

lời của người thợ mộc, anh ta nói tiếp.

– Hãy khai ông đã bán các bưu ảnh cho ai, tất cả chúng tôi đều biết ông không ăn cắp chúng để gửi cho gia đình ông.

– Tôi chỉ lấy có hai trăm cái và Rasul có cho tôi một vài cái, người thợ mộc ướm lời.

– Rasul không hề cho ông một tấm bưu ảnh nào hết, ông chỉ nói dối, Mansur bảo.

– Rồi ông sẽ nhớ lại căn phòng này là nơi ông người ta cho ông có cơ hội để nói ra sự thật, người cảnh sát nói.

Jalaluddin nuốt nước bọt, bẻ các khớp ngón tay và thở dài nhẹ nhõm khi viên cảnh sát quay lại phía Mansur để hỏi cậu ta về đầu đuôi vụ việc này. Phía sau lưng viên cảnh sát là một trong những ngọn

núi của Kaboul, trên đó điểm những ngôi nhà nhỏ bám trên bờ vực của nó, ngang dọc những con đường mòn dích dắc. Qua khung cửa sổ, người thợ mộc nhìn thấy những con người, như những con kiến, đi lên đi xuống. Các ngôi nhà được dựng bằng các thứ vật liệu mà người ta có thể tìm thấy trong thành phố Kaboul bị tàn phá vì chiến tranh này. Đôi miếng tôn lượn sóng, một mẫu vải gai, một ít tấm nhựa, mấy viên gạch, những thứ còn lại từ những đồng đồ nát khác.

Đột nhiên viên cảnh sát đến ngồi cạnh ông ta và cũng ngồi xổm dưới đất.

– Tôi biết ông có nhiều con đang đói và tôi biết ông không phải là một tên tội phạm. Tôi để cho ông một cơ hội cuối cùng. Ông không được bỏ qua mất đi. Nếu ông nói cho tôi biết ông đã bán các tấm bưu ảnh cho ai, tôi sẽ thả ông ra.

Nếu ông không chịu nói cho tôi biết, thì sẽ phải ngồi tù nhiều năm.

Mansur nghe một cách lơ đãng, đây là lần thứ một trăm người ta yêu cầu lão thợ mộc khai đã bán bưu ảnh cho ai. Có thể lão đã nói thật, có thể lão không đem bán bưu ảnh. Mansur nhìn giờ và ngáp. Bất ngờ một cái tên buột ra khỏi miệng Jalaluddin. Khẽ đến nỗi chỉ thoáng nghe thấy.

Mansur bật dậy. Người Jalaluddin vừa nhắc tên có một cái quán ở chợ, ông ta bán lịch, bút máy và bưu ảnh. Các bưu ảnh dùng trong lễ hội tôn giáo, lễ đính hôn và sinh nhật – những tấm bưu ảnh in các hình ảnh Afganistan. Những tấm bưu ảnh ấy, bao giờ ông ta cũng mua ở hiệu sách của Sultan, nhưng đã ít lâu nay Mansur không còn thật nhớ ông ta vì ông ta luôn chê bậy bạ về chuyện giá cả.

Cứ như một cái nút chai vừa bật tung ra, nhưng Jalaluddin vẫn tiếp tục run khi nói.

– Một buổi chiều khi tôi sắp xong việc thì ông ta đến. Chúng tôi nói chuyện một ít và rồi người ta hỏi tôi có cần tiền không. Đúng là tôi đang cần. Rồi ông ta hỏi tôi có thể đi tìm cho ông ta ít tấm bưu ảnh không. Lúc đầu, tôi từ chối, nhưng ông ta nói số tiền tôi sẽ có được. Tôi nghĩ đến các con tôi ở nhà. Với món tiền lương thợ mộc tôi không nuôi nổi gia đình. Tôi nghĩ đến vợ tôi, mới ba mươi tuổi mà đã bắt đầu rụng răng. Tôi nghĩ đến những cái nhìn nặng nề trách móc của những người trong gia đình bởi vì tôi không kiếm được khá tiền. Tôi nghĩ đến những quần áo, giày dép mà các con tôi không bao giờ có được, tôi nghĩ đến người thầy thuốc mà chúng tôi không thể trả tiền

để chữa cho những người ốm đau trong nhà, đến thức ăn khốn khổ họ phải ăn. Rồi tôi nghĩ nếu tôi lấy vài tấm, trong khi làm việc ở hiệu sách thì có thể giải quyết được các vấn đề của mình. Sultan sẽ chẳng để ý đâu. Ông ấy có bao nhiêu là bưu ảnh và bao nhiêu là tiền. Và rồi tôi đã lấy mấy tấm bưu ảnh mà tôi đã đem bán lại.

– Chúng ta phải đi đến đó để thu các bằng chứng, người cảnh sát nói trước khi đứng dậy và ra lệnh cho người thợ mộc và Mansur đi theo ông ta.

Họ đi xe đến chợ và tới cái quán bán bưu ảnh. Một cậu con trai đang đứng trong cái quán nhỏ.

– Mahmoud đâu? viên cảnh sát mặc thường phục hỏi.

Mahmoud đang đi ăn trưa. Viên cảnh sát chìa cho cậu bé xem tấm thẻ của mình và đòi xem các bưu ảnh. Cậu bé để cho họ đi vào quán bằng cửa bên, theo lối đi hẹp giữa các bức tường, các đồng hàng hóa và cái quầy. Mansur và một người cảnh sát vợ các bưu ảnh trên các giá, tất cả những tấm do Sultan in được bỏ hết vào một bao tải. Cuối cùng, họ lấy được hàng nghìn chiếc. Nhưng vẫn còn có khó khăn làm sao phân biệt được những tấm do Mahmoud mua một cách hợp pháp và những tấm ông ta có được qua tay Jalaluddin. Họ đưa cậu bé và chỗ bưu ảnh về đồn.

Một người cảnh sát ở lại chờ Mahmoud. Quán bị đóng cửa. Ngày hôm đó, không thể mua ở quán của Mahmoud bưu ảnh chúc mừng cũng như các hình ảnh hùng tráng về chiến tranh.

Khi, cuối cùng, Mahmoud đến, hai bàn tay thơm nồng mùi chả nướng, các cuộc thẩm vấn được tiếp tục. Lúc đầu Mahmoud chối chưa bao giờ nhìn thấy người thợ mộc và khẳng định đã mua tất cả một cách hợp pháp của Sultan, Yunus, Eqbal và Mansur. Sau đó ông ta thay đổi lối giải thích và bảo rằng quả đúng là một hôm ông ta có đến gặp người thợ mộc, nhưng không mua của ông ấy cái gì cả.

Ông chủ quán cũng phải bị giữ một đêm ở phòng giam cứu. Cuối cùng Mansur đã có thể ra về. Ông bố, ông chú, đứa cháu và con trai của người thợ mộc đang ở trong hành lang. Họ bước về phía cậu, gặp cậu và, sững sờ họ nhìn cậu hồi hải đi qua. Cậu không có can đảm nhìn thấy họ một lần nữa. Jalaluddin đã thú nhận, Sultan sẽ lấy làm hài lòng, vụ việc đã được giải quyết. Việc ăn cắp và bán lại

đã được chứng minh, có thể bắt đầu tiến hành vụ án hình sự.

Cậu nghĩ đến điều viên cảnh sát trưởng đã nói.

– Đây là cơ hội cuối cùng cho ông. Nếu ông thú nhận, chúng tôi sẽ tha ông ra và ông có thể trở về với gia đình mình.

Mansur cảm thấy khó chịu. Cậu vội vã đi ra ngoài. Cậu nghĩ đến điều cuối cùng Sultan đã nói với cậu trước khi ra đi.

– Tao đã mạo hiểm cả cuộc đời tao để phát triển các cửa hàng của tao, tao đã bị tù, tao đã bị đòn. Tao làm việc chết xác để tạo nên được một cái gì đó cho đất nước Afganistan và cái tên thợ mộc khốn kiếp đó đã đến và xén gọt sự ngiệp của tao. Vậy thì lão phải chịu hình

phạt. Cả mày nữa, đừng có mà mũi lòng, Mansur, đừng có mũi lòng.

Trong một ngôi nhà bằng đất nén cũ kỹ ở Deh Khudaùdad, một người đàn bà ngồi thẫn thờ nhìn vào khoảng không. Những đứa con bé nhất của bà khóc, chúng chẳng có gì ăn và chúng chờ ông nội về. Có thể ông sẽ mua về đôi chút gì ăn được chẳng. Chúng lao ra khi nhìn thấy ông đạp xe qua cánh cổng. Trong tay ông chẳng có gì cả. Trên cái đeo hàng cũng chẳng có gì. Chúng dừng lại khi thấy khuôn mặt u sầu của ông. Chúng đứng lặng yên một hồi lâu trước khi bám vào người ông mà òa lên nức nở:

Bố đâu rồi? Khi nào bố mới về?

17. Oussama, mẹ tôi

Tajmir cầm cuốn kinh Coran áp vào trán, hôn lên đó và đọc một đoạn không chọn trước. Ông lại hôn cuốn kinh lần nữa, đút vào túi áo và nhìn qua cửa xe. Xe sắp ra khỏi Kaboul. Họ đi về hướng đông, hướng vùng biên giới bất an giữa Afganistan và Pakistan, nơi quân du kích taliban và Al- Qaida còn đông, nơi người Mỹ cho rằng bọn khủng bố đang lẫn trốn – trong vùng núi non hiểm trở này, nơi họ ra sức lùng sục, tra

vấn dân chúng địa phương, đánh mìn các hang động, tìm kiếm các nơi cất giấu vũ khí, khai các hầm ngầm, ném bom, giết chết vài người dân thường – trong cuộc truy đuổi những kẻ khủng bố và con mối lớn mà họ mơ ước: Oussama ben Laden.

Chính trong vùng này đã diễn ra chiến dịch Anaconda, cuộc tấn công lớn chống Al-Qaida mùa xuân năm nay, khi các lực lượng đặc biệt quốc tế dưới sự chỉ huy của Mỹ tiến hành những cuộc chiến đấu khó khăn chống lại những đồ đệ còn sống sót của Oussama ben Laden ở Afganistan. Vẫn còn có nhiều binh lính Al-Qaida trong các khu vực biên giới này, những khu vực mà những người đứng đầu không bao giờ thừa nhận một chính phủ trung ương, trái lại trị vì theo luật của các bộ lạc. Trong vùng vành đai ở hai phía biên giới, người Mỹ và

các nhà cầm quyền trung ương gặp rất nhiều khó khăn khi len lỏi vào các làng mạc. Các chuyên gia của chính phủ cho rằng nếu Oussama ben Laden và mollah Omar còn sống và còn ở Afganistan, thì họ trốn ở chính vùng này.

Họ là những người Tajmir phải cố tìm cho ra. Dẫu sao ông cũng phải tìm ra được một người nào đó đã biết một người nào đó đã từng nhìn thấy hay cho rằng đã nhìn thấy những người trông giống họ. Trái với người bạn đường của mình, Tajmir hy vọng cuộc tìm kiếm của mình sẽ hoàn toàn thành công. Tajmir không thích hiểm nguy. Ông không thích đi đến các vùng bộ lạc nơi lúc nào cũng có thể bùng nổ các cuộc đánh nhau. Trên ghế sau xe, đã để sẵn sàng các chiếc áo chống đạn và mũ sắt.

– Anh đọc gì đấy, Tajmir?

– Kinh Coran thiêng liêng.

– Vâng, tôi thấy rồi, nhưng anh đang đọc một đoạn đặc biệt nào kia? Tôi muốn nói một đoạn “traveller section” hay một đoạn nào đấy cùng loại?

– Không, tôi không bao giờ chọn những đoạn đặc biệt, tôi chỉ dở hủ họa. Đây, tôi vừa dở đúng đoạn nói rằng kẻ nào nghe theo lời Thượng Đế và sứ giả của người thì sẽ được đi vào vườn Địa đàng ở đây có suối chảy, còn những kẻ quay lưng lại với Người thì sẽ bị hình phạt đau đớn. Tôi đọc một ít kinh Coran khi tôi cảm thấy sợ một điều gì đó hay tôi thấy buồn.

–Ồ, vâng, Bob trả lời và tựa đầu vào cửa sổ.

Nháy nháy đôi mắt, ông nhìn những

con đường phủ đầy nhọ của Kaboul biến dần đằng sau xe.

Họ đi về hướng mặt trời buổi sáng, nóng cháy đến nỗi Bob phải nhắm mắt lại.

Tajmir nghĩ đến nhiệm vụ của mình. Ông được một tờ tạp chí lớn của Mỹ tuyển dụng. Trước đây, dưới thời taliban, ông làm việc cho một tổ chức nhân đạo. Ông chịu trách nhiệm phân phát bột mì và gạo cho người nghèo. Khi những người ngoại quốc ra đi sau ngày 11 tháng Chín, chỉ còn mình ông đảm nhận nhiệm vụ đó.

Bọn taliban ngăn cản tất cả các công việc ông làm. Các cuộc phân phát phải ngưng lại và một hôm, một quả bom ném trúng nơi phân phát thường ngày. Tajmir cảm ơn Thượng Đế đã chấm dứt

việc phân phát. Nếu hôm ấy nơi đó đông đặc đàn bà và trẻ con tuyệt vọng đến tìm xin lương thực thì ...

Ông có cảm giác cái thời ông phụ trách công việc cứu trợ nhân đạo đã lùi lại xa lắm rồi. Khi đám nhà báo đổ xô đến Kaboul, ông được tờ tạp chí Mỹ nọ tuyển chọn, được đề nghị với ông một khoản lương hằng ngày tương đương với số tiền bình thường phải làm việc mười lăm ngày mới có được. Ông nghĩ đến gia đình, đang cần tiền, và ông đã bỏ công việc đang làm để trở thành phiên dịch, bằng một thứ tiếng Anh tự đặt ra và kỳ quặc.

Tajmir là nơi nương tựa chính của gia đình, theo tiêu chuẩn Afganistan thì là một gia đình nhỏ. Ông sống với mẹ, bà chị nuôi, vợ và Bahar, mới một tuổi, trong một căn hộ ở Microyan, không xa

nhà Sultan và gia đình ông ta. Mẹ ông là chị cả của Sultan, chính là bà chị đã được gả chồng để cho Sultan có tiền mà đi học.

Feroza là bà mẹ nghiêm khắc nhất trong các bà mẹ. Ngay từ khi còn rất bé, Tajmir đã bị mẹ cấm chơi với những đứa trẻ khác bên ngoài nhà. Cậu phải chơi lặng lẽ, không gây tiếng động, được giám sát, trong phòng khách, và khi lớn lên thì phải làm các bài tập. Bao giờ sau giờ tan học cậu cũng phải đi thẳng một mạch về nhà và không được quyền đến chơi nhà bạn hay rủ bạn về nhà. Tajmir không bao giờ phản đối, cậu không thể chống lại Feroza; vì bà đánh cậu và đánh rất đau.

Bà ấy còn tệ hơn cả Oussama ben Laden, Tajmir thanh minh với Bob mỗi khi ông đến muộn hay phải đột ngột bỏ một công việc dở chừng.

Ông kể cho những người bạn Mỹ mới quen của ông những chuyện khủng khiếp về “Oussama”. Họ hình dung bà là một cơn tam bành trùm áo burkha, nhưng khi gặp bà lúc đến thăm Tajmir ở nhà ông, họ chỉ nhìn thấy một bà già bé nhỏ nhả nhặn có cái nhìn tò mò, đôi mắt kèm nhèm. Bà đeo trên ngực một tấm lác lớn bằng vàng biểu hiện phát thệ đức tin Hồi giáo mà bà đã đi mua ngay tức thì cái hôm Tajmir trở về nhà với đồng lương Mỹ đầu tiên. Feroza biết chính xác ông ta lĩnh được bao nhiêu tiền và Tajmir phải đưa hết cho bà, sau đó bà bỏ tiền túi ra cho ông mỗi khi ông cần. Tajmir đã chỉ cho những người bạn Mỹ của mình thấy những dấu giày và các đồ vật khác bà ném vào người ông và trúng vào tường. Bây giờ ông cười chuyện đó, tên bạo chúa Feroza đã trở thành một chuyện đùa.

Feroza hy vọng Tajmir sẽ có được một tương lai huy hoàng, mỗi lần bà kiếm được một ít tiền, bà lại cho ông đi học một khóa học, nào là học tiếng Anh, nào là học thêm toán ngoài giờ, nào là tin học. Người đàn bà mù chữ đã được gả bán để đem tiền về cho gia đình quyết phải trở thành một người mẹ được vinh danh và tôn trọng, do thành đạt của con trai bà.

Tajmir ít gặp bố hơn. Đây là một người đàn ông dễ mẩn và hơi rụt rè, thường hay đau ốm. Trong những ngày tốt đẹp nhất của ông, ông đi sang Ấn Độ và Pakistan với tư cách là thương gia, đôi khi ông mang tiền về, đôi lúc khác chẳng có gì.

Nếu Feroza có đánh Tajmir, thì bà lại không bao giờ tỏ ra hung bạo đối với chồng. Thậm chí nếu người ta biết ai thật

sự điều khiển mọi việc trong gia đình. Càng nhiều tuổi, Feroza càng trở thành một người đàn bà cương nghị, tròn trĩnh như một chiếc bánh mì nhỏ, đôi mục kính dày cộp cưỡi trên sống mũi hay đeo tòn teng trên cổ. Ông chồng thì xám xịt và gầy đi, yếu đuối và mảnh khảnh như một cành cây khô.

Ông chồng ngày càng nhỏ bé lại, Feroza trở thành người chủ trong gia đình. Tajmir là đứa con trai duy nhất của Feroza, và bà vẫn chưa nguôi ham muốn có thêm những đứa con khác nữa. Bà tìm đến một trong các trại mồ côi của Kaboul.

Ở đây bà nhặt được Khashmesh, bị bỏ rơi trước cửa trại mồ côi người quán trong một cái vỏ gối lấm lem. Bà bế con bé lên và nuôi nấng như một đứa em gái của Tajmir; nhưng nếu Tajmir cứ như

cùng một khuôn với mẹ đúc ra, cũng khuôn mặt tròn trịa đó, cũng cái bụng phệ đó, cũng bước đi đong đưa đó – thì Kheshmed lại khác hẳn.

Kheshmed là một bé gái hiếu động và bất trị, gầy như một cái đinh, nước da rõ ràng xỉn hơn các thành viên khác trong gia đình. Trông Kheshmed có một cái gì đó hoang dại trong cái nhìn, cứ như cuộc sống nội tâm của cô thú vị hơn nhiều so với tất cả những gì đang diễn ra trong thế giới thực. Các buổi lễ hội trong gia đình, cô bé cứ chạy lung tung khắp chỗ như một con ngựa cái tơ, khiến Feroza rất đổi thất vọng. Trong khi lúc còn nhỏ Tajmir bao giờ cũng vâng lời và phục tùng ý muốn của mẹ, Kheshmed luôn luôn tự bơi bản, tóc tai rối bù và da dẻ thì trầy suốt hết. Ngược lại, không ai tận tụy bằng Kheshmed khi cô bé bình

tĩnh, không ai ôm hôn mẹ âu yếm hơn cô, không ai siết chặt bà trong vòng tay bằng cô. Feroza đi đến đâu là Kheshmesd đi theo đó. Như một cái bóng mỏng manh nhỏ bé của bà mẹ cứng cáp.

Là đứa con thứ hai, Kheshmesd rất sớm hiểu thế nào là bọn taliban. Một hôm, Kheshmesd và một cậu bạn bị một tên taleb đánh trong lồng cầu thang. Chúng chơi với thằng con trai của y, thằng bé bị ngã và bị thương khá nặng. Bố nó túm lấy hai đứa và đánh rất đau bằng đầu một cây gậy. Kết quả là chúng chẳng bao giờ muốn chơi với thằng bé ấy nữa. Bọn taliban là những kẻ đã ngăn không cho con bé đến trường cùng với con trai, chúng cấm mọi người không được hát và vỗ tay, cấm nhảy múa. Bọn Talibam là những kẻ cấm nó không được mang búp bê ra đường. Tất cả các hình

nộm sinh vật, búp bê và vải lông thú đều bị dẹp bỏ. Khi bọn cảnh sát tôn giáo đi lòng soát và đập vỡ những chiếc ti vi và những cái đầu đọc, chúng cũng lấy đi luôn cả những đồ chơi của trẻ con nếu chúng thấy được. Chúng vặt đứt đầu và tay chân búp bê hay đập phá trước những con mắt sững sờ của bọn trẻ.

Việc đầu tiên Khesmesh làm khi Feroza báo tin bọn taliban đã bỏ chạy là đem con búp bê yêu thích giấu kỹ lâu nay ra cho nó được nhìn thấy mọi sự chung quanh. Tajmir cạo râu. Feroza tìm được một cái cát-xét đầy bụi và một cái đầu đọc cũ và vừa hát vừa đung đưa người trong phòng.

Bây giờ chúng ta phải mở hội để quên đi năm năm đã uống phí!

Feroza không có đứa con nào khác

để chăm nom. Ngay sau khi bà nhận nuôi Kheshmesh thì chiến tranh bùng nổ và Feroza đi tị nạn ở Pakistan cùng với gia đình Sultan. Khi bà từ nơi tị nạn trở về, thì đã đến lúc phải kiếm một người vợ cho Tajmir, điều đó không cho phép bà có thời gian tìm thêm được những đứa con bị bỏ rơi khác nữa trong các bệnh viện.

Cũng như đối với mọi việc khác trong đời ông ta, bà mẹ của Tajmir quyết định ông sẽ phải cưới người phụ nữ nào. Tajmir say mê một cô gái ông gặp ở lớp học tiếng Anh bên Pakistan. Trong chừng mực nào đó họ đã là người tình của nhau, dù chưa hề nắm tay nhau hay hôn nhau. Rất ít khi họ được gặp riêng nhau, nhưng không vì thế mà không yêu nhau tha thiết, họ viết cho nhau những mẫu giấy âu yếm và những bức thư tình

dài. Tajmir không bao giờ dám nói với Feroza về người con gái đó mà ông mơ ước được cưới. Cô ta có họ hàng với người anh hùng thời chiến Massoud và Tajmir biết rằng mẹ mình rất sợ khi nghĩ đến những chuyện rắc rối họ sẽ phải dính líu vào. Dầu sao, dù muốn chọn cô nào, Tajmir không bao giờ dám kể với mẹ tình cảm của mình. Sự phục thù đó, ông coi là lòng kính trọng đối với mẹ.

– Mẹ đã tìm được cô gái con sẽ lấy làm vợ, một hôm Feroza báo cho ông biết.

– Vâng ạ, Tajmir trả lời.

Cổ họng ông nghẹn lại, nhưng không hề phát ra một lời phản đối nào. Ông biết rằng ông chỉ còn có việc viết một bức thư cho con chim yêu bé nhỏ của ông để nói

với cô rằng như thế là mọi sự đã chấm dứt.

– Ai vậy ạ?

– Con em họ ruột của con, Khadija đó, đã lâu con không nhìn thấy nó. Con bé rất hay lam hay làm và gia đình nó rất tốt.

Tajmir chỉ biết gật đầu. Hai tháng sau, ông gặp Khadija lần đầu tiên. Trong lễ đính hôn. Suốt buổi lễ hai người ngồi cạnh nhau mà không hề nói với nhau một lời nào. Cô ấy, có thể mình sẽ yêu được, ông nghĩ thầm.

Khadija giống như một cô gái hát nhạc jaz ở Paris những năm tám mươi. Tóc cô đen và lượn sóng, có đường rẽ ngôi về một bên, và phủ xuống đúng trên vai. Nước da cô trắng, được đánh phấn,

và bao giờ cô cũng hóa trang thành da đen, với đôi môi đỏ. Hai gò má cô được tô điểm, miệng rộng và cứ như suốt đời cầm một chiếc ống điếu dài ở tay. Tuy vậy theo tiêu chuẩn Afganistan, cô không được coi là đẹp, có phần quá thanh mảnh, quá bé. ở Afganistan, những người phụ nữ tròn trịa, má phúng phính, hông nở, bụng to, được coi là đáp ứng với lý tưởng của người phụ nữ.

– Bây giờ, tôi yêu cô ấy, Tajmir bảo.

Họ đã đến gần Gardez và Tajmir đã kể cho Bob, anh chàng nhà báo Mỹ, nghe toàn bộ cuộc đời ông.

– Ô, Bob nói. Thật ly kỳ. Bây giờ anh yêu vợ anh thật ư? Còn cô gái kia¹⁷?

Tajmir chẳng hề biết chút gì về số phận cô gái kia. Và chẳng, ông không hề

¹⁷ Câu này được viết bằng tiếng Anh trong nguyên bản.

nghĩ đến cô. Bây giờ ông sống vì cái gia đình bé nhỏ của mình. Cách đây một năm, Khadija và ông đã có một đứa con gái.

Khadija rất sợ sinh con gái, ông kể với Bob. Lúc nào Khadija cũng sợ một điều gì đó, và lần này, là sợ sinh một đứa con gái. Tôi đã nói với cô, cũng như với mọi người, rằng tôi mong có một đứa con gái. Rằng hơn tất cả mọi điều, tôi mong có con gái. Như vậy, khi sinh con gái, sẽ không có ai nói: “Thật không may!”, bởi vì đấy là điều tôi vẫn mong ước, còn nếu sinh con trai, chẳng ai nói gì hết, vì mọi người sẽ rất bằng lòng.

– Hừm.

Bob cố hiểu cái lô gích trong lý lẽ của ông ta.

– Bây giờ thì Khadija sợ không có thai lại, bởi vì chúng tôi đã cố gắng, nhưng không thành công. Tôi bèn nói với cô rằng, một đứa con, thế là đủ rồi, có một đứa con thôi là rất hay. ở phương Tây, nhiều người chỉ có một con. Vậy đó, chúng tôi không có con nữa và nếu chúng tôi có con nữa, thì mọi người sẽ rất mừng.

– Hừm.

Họ dừng lại ở Gardez để mua nước uống và thuốc lá. Khi làm việc, Tajmar hút thuốc liên tục. Một bao, hai bao. Nhưng ông phải cẩn thận không để mẹ nhìn thấy, không bao giờ ông có thể đốt một điếu thuốc khi có mặt mẹ. Đơn giản là không thể như thế được. Họ mua một tút thuốc Hilite giá mười xu mỗi bao, một kilô dưa, mười hai quả trứng và bánh mì. Họ đang gọt dưa và bóc vỏ trứng thì đột

nhiên Bob kêu to lên “Dừng lại!”

Bên lề đường khoảng ba mươi người đang ngồi thành hình vòng tròn. Họ để các khẩu kalchnikov của họ dưới đất trước mặt, và đeo băng đạn chéo qua người.

– Đây là những người của Padsha Khan! Bob kêu to. Dừng xe lại!

Bob kéo Tajmir đi theo anh ta và tiến lại phía đám người. Ngồi chính giữa đúng là đích thân Padsha Khan, viên thống lãnh chiến tranh lớn nhất các tỉnh vùng Đông, một trong những người chống đối Hamid Karzaù hăng hái nhất.

Khi bọn taliban rút chạy, Padsha Khan được cử làm tỉnh trưởng tỉnh Paktia, nổi tiếng là một trong những vùng náo loạn nhất của Afghanistan. Với tư

cách là người cai trị của một vùng ở đó các hệ thống của Al-Qaida lúc nào cũng có tay chân, Padsha Khan đã trở thành một nhân vật quan trọng đối với tổ chức tình báo Mỹ. Họ phải cộng tác với một người nào đó ở tại chỗ và chẳng có viên thống lãnh chiến tranh nào tốt hơn hay xấu hơn viên thống lãnh chiến tranh nào. Nhiệm vụ của Padsha là khám phá ra bọn lính của taliban và Al-Qaida đang ở đâu. Sau đó báo lại những nơi ấy cho người Mỹ. Để làm được việc đó, người ta đã trang bị cho ông ta một máy điện thoại vệ tinh, mà ông sử dụng thường xuyên. Ông liên tục gọi người Mỹ để báo cho họ những di chuyển của bọn Al-Qaia trong vùng. Và người Mỹ oanh tạc. Xuống một làng ở chỗ này, một làng ở chỗ kia. Xuống các lãnh tụ các bộ lạc đang trên đường về Kaboul dự lễ tấn phong Karzaù. Xuống một hay hai đám

cưỡi. Xuống một nhóm người trong một ngôi nhà, những người đồng minh chính thức của người Mỹ. Chẳng có ai trong số đó có chút dính dáng gì với Al-Qaida, nhưng họ có một điểm chung là đều là kẻ thù của Padsha Khan. Những sự phản đối có tính chất địa phương đối với viên quan cai trị tuyệt đối này, kẻ bỗng nhiên có trong tay cả máy bay ném bom B 52 lẫn máy bay cường kích F16 để giải quyết các xung đột địa phương, mạnh mẽ đến nỗi Karzaù không còn cách nào khác là phải cách chức ông ta.

Vậy nên Padsha Khan không thấy còn cách nào tốt hơn là phát động cuộc chiến tranh nhỏ của riêng ông. Ông phóng tên lửa vào các làng nơi có những kẻ thù riêng của ông và các toán phiến loạn khác nhau công khai đánh nhau. Cuối cùng ông ta đành phải bỏ cuộc, một

thời gian. Bob đi tìm ông ta từ lâu, và bây giờ ông ta đang ở đó, ngồi ngay dưới đất cát, chung quanh là một đám người râu ria xồm xoàm.

Padsha đứng dậy khi nhìn thấy họ. Ông ta chào Bob qua loa, nhưng nồng nhiệt ôm chặt lấy Tajmir.

– Thế nào, ông bạn? Mọi sự vẫn tốt cả chứ?

Họ vẫn thường gặp nhau trong chiến dịch Anaconda. Tajmir chỉ làm việc dịch, thế thôi. Chưa bao giờ ông là bạn của Padsha Khan.

Phadsha Khan có thói quen chỉ huy vùng này như là cái sân sau của ông ta, cùng với ba người anh em của ông. Cách đây chưa được một tuần, ông đã phóng một trận mưa tên lửa vào thành phố

Gardez, bây giờ thì đến lượt thành phố Khost, nơi đã có một viên quan cai trị mới, một nhà xã hội học đã sống mười năm qua ở Úc. Ông ta trốn, vì sợ đám quân của Padsha Khan.

– Quân của tôi đã sẵn sàng, Padsha giải thích với Tajmir, ông này dịch lại cho Bob, còn Bob thì cuống cuống ghi chép. Bây giờ chúng tôi đang bàn tính xem nên tiếp tục làm gì đây, ông ta nhìn họ và nói tiếp. Nên chiếm thành phố ngay, hay chờ đã? Các anh định đi Khost đấy à? Vậy thì nói hộ với cậu em của tôi là mau mau tổng cổ viên quan cai trị mới đi. Bảo nó phải đóng gói y ta lại và gửi trả về cho Karzaù!

Padsha Khan làm động tác đóng gói và tổng gửi đi. Tất cả đám người nhìn viên chỉ huy của họ, rồi Tajmir, rồi anh chàng Bob tóc hoe vàng đang ghi chép.

– Nghe đây, Padsha Khan bảo.

– Ai là lãnh chúa hợp pháp của ba tỉnh mà người Mỹ chăm chăm theo dõi bằng cặp mắt chim ưng của họ, ông ta không hề có chút nghi ngờ nào. Viên thống lĩnh chiến tranh dùng cái chân của Tajmir để nhấn mạnh các quan điểm của mình, ông vẽ lên đùi Tajmir các bản đồ, các con đường và các mặt trận. Cứ đến mỗi tuyên bố ông ta khoái, ông ta lại phát đánh bốp lên đấy một cái. Tajmir dịch như một cái máy. Những con kiến to nhất ông từng nhìn thấy đang bò lên hai bàn chân ông.

– Karzaù dọa tuần sau sẽ phái quân đội đến. Vậy ông sẽ làm gì? Bob hỏi.

– Quân đội nào? Karzaù chẳng có quân đội nào sất! Ông ta có hai trăm tên cận vệ do người Anh huấn luyện. Không

ai có thể đánh bại tôi trong vùng lãnh thổ của chính tôi, Padsha Khan khẳng định vừa nhìn đám quân của mình.

Dép của họ mòn vẹt, quần áo cũ mềm, những đồ vật duy nhất được lau chùi cẩn thận và lóng bóng là vũ khí của họ. Một số súng được trang trí bằng những dây hạt ngọc nhuộm màu. Một số người còn trẻ trang trí các khẩu kalachnikov của họ bằng những mảnh giấy tự dính. Trên một mảnh giấy tự dính màu hồng, có những chữ đỏ “kiss¹⁸”.

Chỉ cách đây mới một năm nhiều người trong số họ đã chiến đấu trong hàng ngũ taliban.

Không ai có thể nắm chắc được chúng tôi, chỉ có thể thuê chúng tôi thôi, chính người Afganistan vẫn thường nói

18 Tiếng Anh = Hôn.

như vậy về những sự thay đổi hàng ngũ thường xuyên của họ trong tình thế chiến tranh.

Bây giờ họ là những người của Padsha Khan, đôi khi được người Mỹ thuê. Nhưng đối với họ điều chủ yếu là cuộc chiến đấu chống lại kẻ bị Padsha lúc nào cũng coi là kẻ thù của ông ta. Thứ đến mới là chuyện săn đuổi bọn Al-Qaida.

– Ông ấy điên rồi, Tajmir nói khi họ đã trở lại trong xe. Chính những người như ông ta đã làm cho Afganistan sẽ không bao giờ có hòa bình. Đối với ông ta, quyền lực quan trọng hơn là hòa bình. Ông ta khá là điên khi đem đánh đổi sinh mạng hàng nghìn con người chỉ để nắm được quyền lực. Người Mỹ đã hợp tác với một con người như vậy đấy.

– Nếu họ phải chọn làm việc chỉ với

những người tay không vấy máu, thì họ chẳng tìm được mấy người ở các tỉnh này, Bob đáp lại. Họ không có sự lựa chọn.

– Nhưng bọn chúng không còn lo chuyện tìm taliban cho Hoa Kỳ nữa, bây giờ chúng đã quay súng chống lại nhau, Tajmir phản đối.

– Hừm. Nhưng liệu có một cuộc đánh nhau thật sự nào không [Tiếng Aah trong nguyên văn.], Bob hỏi, với chính mình hơn là với Tajmir.

Tajmir và Bob có hai quan niệm hoàn toàn khác nhau về thành công của cuộc đi. Bob thích hành động, càng nhiều càng tốt. Tajmir muốn có thể trở về càng sớm càng hay. Vài ngày nữa Khadija và ông sẽ làm lễ kỷ niệm hai năm ngày cưới của họ, ông hy vọng có thể trở về đúng dịp ấy. Ông sẽ khiến Khadija ngạc nhiên vì một

món quà đẹp. Bob mơ tưởng những cái títt gây sốc trên giấy láng. Như vài tuần trước, khi Tajmir và anh ta suýt chết vì một quả lựu đạn. Nó không ném tới được chỗ họ nhưng đã chạm vào chiếc xe sau lưng họ. Hay khi họ phải chạy trốn trong đêm tối vì người ta đã tưởng nhầm họ là kẻ thù đang trên đường tới Gardez và đạn réo quanh người họ. Những chuyện đó kích thích Bob, cũng giống như phải qua đêm trong một chiến hào, trong khi Tajmir thì nguyên rũa công việc mới này của ông. Khía cạnh tích cực duy nhất trong các chuyến đi này, là món tiền bảo hiểm chiến tranh: Feroza không biết được có món tiền đó, vậy nên ông có thể giữ riêng cho mình.

Vùng đất này của Afganistan là vùng Tajmir và phần lớn người Kaboul cảm thấy ít gần gũi nhất. Các khu vực này

được coi là man rợ và hung dữ. Sống ở đây là những người không chịu thích ứng với bất kỳ chính phủ trung ương nào. Chính ở đây Padsha Khan và những người anh em của ông ta có thể chỉ huy cả toàn bộ một vùng. Xưa nay vẫn vậy. Luật của kẻ mạnh.

Họ đi qua một vùng hoang vắng cằn cỗi. Họ nhìn thấy đây đó những người du mục cùng những con lạc đà, bành thản và kiêu hãnh, đang bước đi đung đưa trên các cồn cát. ở một số nơi đám người này đã cắm các lều trại lớn màu cát. Những người phụ nữ, mặc váy xoáy nhiều màu sắc, đi lại giữa các lều trại. Phụ nữ dân tộc kouchi nổi tiếng là những người phụ nữ tự do nhất ở Afganistan. Ngay chính bọn taliban cũng không cố bắt họ phải trùm burkha, khi họ ở ngoài các thành phố. Những năm gần đây dân tộc du mục

này đã lâm vào hoàn cảnh rất khốn khổ. Chiến tranh và mìn gài khắp nơi đã buộc họ phải thay đổi hành trình quen thuộc hàng nghìn năm nay và phải di chuyển trong những vùng hẹp hơn nhiều. Nạn hạn hán đã giết chết phần lớn đàn dê và lạc đà của họ, chúng ngã gục vì đói.

Trong cái đơn điệu tuyến một màu xám này, cảnh vật hết sức trần trụi. Bên dưới là sa mạc, bên trên là núi. Các vách đá ngoằn ngoèo những vạch đen, nhìn thật tinh mới có thể nhận ra những đàn cừu, chen sát vào nhau, thành hàng dài, đang cố moi tìm thức ăn trong các hốc đá.

Họ đến gần Khost. Tajmir không ưa thành phố này. Đây là nơi mollah Omar tuyển được những chiến binh trung thành nhất của ông ta. Khi bọn taliban nắm được chính quyền, thì Khost và

vùng chung quanh chỉ lơ mơ nhận ra điều đó. Đối với họ, sự khác nhau là rất nhỏ. ở đây, phụ nữ xưa nay vốn không bao giờ ra làm việc bên ngoài nhà và con gái chẳng hề đến trường. Họ nhớ, từ thuở xa lơ xa lắc nào rồi, họ vẫn mặc burkha, không phải do Nhà nước mà là do gia đình bắt buộc.

Khost là một thành phố không có đàn bà. Trong khi phụ nữ Kaboul bắt đầu bỏ burkha vào mùa xuân đầu tiên sau khi bọn taliban bị sụp đổ, và thậm chí đôi khi có thể thấy phụ nữ trong các tiệm ăn, thì ở Khost hầu như không thể thấy một người phụ nữ nào, ngay cả những người giấu mình dưới một tấm burkha. Họ bị nhốt trong các sân sau, không được quyền đi ra ngoài, không được đi mua bán, và chỉ thỉnh thoảng mới được phép đi thăm một ai đó. ở đây, người ta sống

tuân thủ một purdah chặt chẽ, tách biệt hoàn toàn giữa đàn bà và đàn ông.

Tajmir và Bob đi thẳng đến chỗ Kamal Khan, em trai của Padsha Khan. Ông ta ở tại dinh thự của viên quan cai trị, trong khi viên này thì sống ở một thứ trú sở tự phân định tại nhà viên cảnh sát trưởng. Khu vườn đầy hoa của viên quan cai trị chen chúc những người thuộc bộ tộc Khan.

Những người lính thuộc đủ các cỡ tuổi, từ những cậu bé gầy nhom cho đến những người đàn ông tóc đã muối tiêu, đang nằm dài hay đang đi bách bộ. Không khí căng thẳng.

– Kamal Khan? Tajmir hỏi.

Hai người lính dẫn họ đến chỗ viên chỉ huy, đang ngồi giữa đám người. Ông

ta đồng ý trả lời phỏng vấn. Một cậu bé mang trà đến.

– Chúng tôi đã sẵn sàng chiến đấu. Cho đến khi viên quan cai trị dõm kia rời khỏi Khost và anh trai tôi nắm lại các chức vụ của ông ấy, sẽ không thể có hòa bình.

Những người chung quanh gật đầu tán thành. Một người trong số đó có vẻ rất cương quyết, đây là viên chỉ huy phó, dưới Kamal Khan. Ông ta ngồi xếp bằng dưới đất uống trà và lắng nghe. Trong suốt thời gian đó, ông ta vuốt ve mơn trớn một người lính khác. Hai người bấu chặt vào nhau, bốn bàn tay họ siết chặt lấy nhau trên đầu gối một người. Nhiều người lính ném những cái nhìn mơn trớn về phía Tajmir và Bob.

Trong một số vùng ở Afghanistan, đặc

biệt ở vùng đông-nam, tình trạng đồng tính luyến ái là phổ biến và được nghiêm nhiên công nhận. Nhiều viên chỉ huy có những người tình nam giới trẻ và ta thường thấy những người có tuổi cùng đi chơi với một nhóm các cậu con trai. Đám con trai này thường cài hoa trên tóc, sau tai hay trên cúc áo. Tình trạng đồng tính luyến ái thường được giải thích là do việc phải tôn trọng một cách nghiêm ngặt luật purdah đúng ngay ở vùng phía đông và phía nam của đất nước. Thường thấy từng đám con trai nhảy múa núng nính. Mắt họ tô đậm phấn đánh lông mày và dáng đi trông giống những người giả trang ở phương Tây. Họ nhìn chăm chăm, ve vãn và bước đi núng nính và vai đung đưa.

Những viên chỉ huy này không chỉ chịu dừng lại ở món đồng tính luyến ái,

phần lớn bọn họ đều có một người vợ và nhiều con. Nhưng hiếm khi họ ở nhà và thường sống với đám đàn ông của họ. Các cậu tình nhân trẻ đó thường là nguyên cớ của nhiều vụ xung đột lớn, không ít những cuộc trả thù đẫm máu là kết quả của những vụ ghen tuông do một kẻ tình nhân yêu một lúc hai người gây ra. Có lần hai viên chỉ huy đã đánh nhau bằng xe tăng trong một cửa hàng để giành một người tình. Có hàng tá người chết trong vụ đó.

Kamal Khan, một người đàn ông bảnh trai khoảng hai mươi tuổi khẳng định một cách tin tưởng rằng vẫn phải là bộ tộc Khan mới có đủ tư cách chỉ huy tỉnh này.

– Nhân dân đứng về phía chúng tôi. Chúng tôi sẽ chiến đấu đến người cuối cùng. Không phải là chúng tôi ham

muốn quyền lực, ông ta khẳng định. Chính là nhân dân muốn chúng tôi. Họ xứng đáng với chúng tôi. Chúng tôi chỉ tuân theo nguyện vọng của họ.

Sau lưng ông ta, hai con nhện chân dài đang bò trên tường. Kamal Khan lấy ra một cái túi nhỏ bần thủ từ trong túi áo ông ta, ông móc từ đấy ra vài viên thuốc và bỏ vào mồm.

– Tôi hơi bị ốm, ông nói, đôi mắt cầu xin được thông cảm.

– Đây là những người con người cương quyết chống lại thủ tướng Hamid Karzaù. Những người tiếp tục trị vì theo luật của các thống lãnh chiến tranh và không thừa nhận các mệnh lệnh của Kaboul. Việc dân thường chết là không đáng kể. Đây là vấn đề quyền lực, và quyền lực có nghĩa là hai điều: danh dự –

bộ lạc Khan phải nắm quyền trong tỉnh này – và tiền bạc, việc kiểm soát một hệ thống buôn lậu rất phát đạt và thu nhập của những nhân viên hải quan hợp pháp.

Tờ tạp chí Mỹ quan tâm nhiều đến thế tới xung đột địa phương ở Khost, không phải trước kết là vì Karzaù đe dọa tung quân đội tấn công các thống lãnh chiến tranh. Và chẳng việc đó chắc chắn không hề có, như chính Padsha Khan nói:

– Nếu ông ta phái quân đội đến đây, nhiều người sẽ chết và Karzaù sẽ bị xử vì phải chịu trách nhiệm.

Không, lý do thật, đó là sự có mặt của các lực lượng Mỹ trong vùng này. Những lực lượng đặc biệt bí mật hầu như không thể nào tiếp cận được. Những nhân viên bí mật lòng sục núi non truy tìm bọn

Al-Qaida, tờ tạp chí muốn có một bài viết về chính những người ấy, một bài viết độc chiếm: Truy đuổi bọn Al-Qaida. Điều Bob muốn, là tìm ra Oussama ben Laden. Hay ít ra là mollah Omar. Người Mỹ cố sức củng cố tối đa hậu phương của họ bằng cách cộng tác với cả hai phía trong cuộc xung đột địa phương này, là anh em nhà Khan và những kẻ thù của họ. Cả hai bên đều nhận được tiền, cùng đi lòng với họ, nhận được vũ khí Mỹ, phương tiện truyền thông, tin tức tình báo. Bởi vì họ có những tiếp xúc tốt với cả hai phía, ở cả hai bên đều có những người lính cũ của taliban.

Kẻ thù số một của anh em nhà Khan có tên là Mustapha. Ông ta là cảnh sát trưởng ở Khost. Mustapha cộng tác tốt với Karzaù cũng như với người Mỹ. Sau khi người của ông ta mới đây giết chết

bốn người thuộc bộ tộc Khan trong một cuộc đấu súng, Mustapha phải lánh mình trong trụ sở cảnh sát nhiều ngày. Những người nhà Khan đã báo trước rằng bốn người đầu tiên ló ra khỏi đồn cảnh sát sẽ bị giết chết. Khi họ hết lương thực và nước, họ chịu thương thuyết. Họ đạt được một thời hạn kéo dài. Điều đó chẳng có ý nghĩa gì mấy, bốn người của Mustapha đã bị kết án tử hình, việc hành quyết sẽ có thể diễn ra bất cứ lúc nào. Máu phải trả bằng máu, và lời đe dọa đó, ngay cả trước khi diễn ra các cuộc tàn sát thực sự, đã có thể là một cuộc cuộc tra tấn nặng nề lắm rồi.

Sau khi Kamal Khan và người em trai của ông ta là Wasir Khan đã mô tả Mustapha như một tên tội phạm, một kẻ tàn sát phụ nữ và trẻ em, cần phải loại bỏ, Tajmir và Bob cảm ơn họ và được hai

cậu con trai trông như những nữ thần các vùng biển phương Nam đưa ra đến cổng. Tóc hai cậu cài những đóa hoa lớn màu vàng, thân hình thì thắt eo bằng những chiếc thắt lưng được siết chặt, chúng nhìn xoáy vào người Tajmir và Bob. Chúng không biết nên hướng cái nhìn vào ai, vào anh chàng Bob mảnh khảnh tóc vàng hoe, hay Tajmir chắc nịch có khuôn mặt mèo đực đang gừ gừ.

Phải coi chừng bọn người của Mustapha, chúng bảo. Không thể tin bọn chúng, vừa quay lưng lại là chúng đã làm phản mình ngay. Ban đêm chớ đi ra ngoài! Bọn chúng sẽ cướp của mình ngay!

Hai người khách lữ hành đi thẳng đến chỗ kẻ thù. Đồn cảnh sát ở cách dinh tỉnh trưởng vài sải cáp và cũng được sử dụng làm nhà tù. Đây là một pháo đài

tường dày đến một mét. Người của Mustapha mở những cánh cửa nặng bằng sắt đón họ và họ đi vào trong một cái sân; ở đây nữa họ cũng được đón tiếp bởi một mùi hoa thơm tuyệt. Nhưng ở chỗ Mustapha, đám lính không cài hoa, hoa chỉ nở trên cây và trong các bụi. Thật dễ phân biệt lính của Mustapha và của các Khan: họ mặc đồng phục màu sẫm, đội mũ kết vuông và đi ủng nặng. Nhiều người trong số họ dùng khăn quàng bịt mũi và miệng, và keo kính râm. Các khuôn mặt bị che lại của họ khiến họ trông càng đáng sợ. Tajmir và Bob được dẫn vào trong pháo đài qua những lồng thang gác nhỏ bé và những hành lang hẹp. Mustapha ở trong một căn phòng tận cuối ngôi nhà. Cũng như ở chỗ kẻ thù của ông là Kamal Khan, vây quanh ông là những người đàn ông đeo vũ khí. Cũng những loại vũ khí ấy, cũng những kiểu râu ấy, cũng những cái

nhìn ấy, cũng những hình ảnh Mecca ấy treo trên tường. Chỉ có một điều khác, viên cảnh sát trưởng ngồi trên một chiếc ghế sau một cái bàn chứ không ngồi dưới đất. Ngoài ra ở đây không có cậu con trai nào cài hoa trên tóc. Những bông hoa duy nhất là một bó hoa thủy tiên bắc bằng nhựa đặt trên bàn viên cảnh sát trưởng, những bông hoa thủy tiên bắc màu vàng, hồng và xanh huỳnh quang. Bên cạnh chiếc bình, là cuốn kinh Coran bọc trong một lớp vải màu lục và một lá cờ Afganistan cỡ thu nhỏ trên một cái bệ.

– Chúng tôi có Karzaù đứng về phía chúng tôi và chúng tôi sẽ chiến đấu. Bọn Khan đã tàn phá vùng này từ khá lâu như thế này, bây giờ chúng tôi phải chấm dứt tình trạng dã man đó!

Quanh ông ta, những người đàn ông gặt đầu tán thành.

Tajmir dịch và dịch, cũng những lời đe dọa ấy, những ngôn từ ấy. Vì sao Mustapha thì tốt hơn là Padsha Khan, Mustapha sẽ lập lại hòa bình bằng cách nào. Kỳ thực là ông đang ngồi đó để dịch cái lý do vì sao hòa bình không bao giờ có thể trở lại hoàn toàn ở Afganistan.

Mustapha đã tham gia nhiều cuộc hành quân trinh sát cùng với người Mỹ. Ông ta kể lại họ đã theo dõi những ngôi nhà tin rằng ben Laden hay mollah Omar đang ở trong đó, nhưng rồi chẳng bao giờ tìm được cái gì cả. Các cuộc hành quân thám sát của người Mỹ vẫn tiếp tục nhưng bao quanh chúng là vô số bí mật và Bob cùng với Tajmir không muốn biết thêm nhiều nữa. Điều Bob thích hơn là

đi theo họ một đêm nào đó. Mustapha chỉ cười.

– Không, việc này là tuyệt mật, người Mỹ muốn thế. Anh có thể nài nỉ bao nhiêu đi nữa, anh bạn trẻ ạ, cũng chẳng thay đổi được đâu.

– Chớ đi ra ngoài sau giờ hoàng hôn, Mustapha ra lệnh một cách cương quyết khi họ chia tay. Bọn người của Khan sẽ tấn công các anh đấy.

Được cả hai phe cảnh báo, họ bèn đến cái quán chả nướng của thành phố – một căn phòng lớn có những chiếc gối đặt trên những chiếc ghế dài thấp. Tajmir gọi món palao và chả nướng, Bob gọi trứng luộc và bánh mì. Anh ta sợ vi khuẩn và ký sinh trùng. Họ ăn nhanh và vội trở về khách sạn trước khi hoàng hôn xuống. Trong thành phố này mọi sự đều

có thể xảy ra và tốt hơn hết là nên cẩn thận.

Một cánh cổng sắt nặng trước cửa khách sạn được mở ra rồi đóng lại sau lưng họ. Họ nhìn Khost, một thành phố các cửa hiệu đều đóng cửa, cảnh sát thì nguy trang và đẩy những người có cảm tình với Al-Qaida. Một người qua đường liếc nhìn Bob, chỉ chừng đó cũng đủ để Tajmir cảm thấy không an tâm. Trong vùng này, đầu người Mỹ được treo giá. Năm mươi nghìn đô cho kẻ nào giết được một người Mỹ.

Họ leo lên mái để đặt đài điện thoại vệ tinh của Bob. Một chiếc trực thăng bay qua trên đầu họ. Bob cố đoán nơi đến của nó. Một tá lính trong khách sạn vây quanh họ, đám lính trở mắt nhìn đài điện thoại vô tuyến mà Bob đang nói.

– Ông ta nói về bên Mỹ à? một người có vẻ là chỉ huy của đám lính cao kều này, đầu quấn khăn, mặc áo dài và đi dép, hỏi.

Tajmir gật đầu. Đám lính nhìn theo Bob. Tajmir đứng lại tán gẫu với họ. Điều duy nhất họ quan tâm là cái đài điện thoại và cách vận hành của nó. Một người trong bọn buồn rầu thổ lộ:

– Anh có biết vấn đề của chúng tôi ở đây là gì không? Chúng tôi biết tất cả về cách vận hành của một khẩu súng, nhưng chẳng biết tí gì về điện thoại.

Sau khi nói chuyện với bên Mỹ, hai người đứng lên. Đám lính đi theo họ.

– Chính những người đó nhằm tấn công chúng ta ngay khi chúng ta vừa quay lưng đi đấy à? Bob thì thầm.

Đám lính đi tản bộ từng người với khẩu kalachnikov của mình. Một số gắn những lưỡi lê dài lên đầu súng. Tajmir và Bob nằm trên một chiếc tràng kỷ dài trong hành lang. Phía trên họ có treo một tấm ảnh kỳ lạ. Đây là tấm áp-phích lớn đóng khung in hình New York, với hai tòa tháp của Trung tâm Thương mại Quốc tế vẫn đứng nguyên đó. Nhưng không phải là bầu trời thật của New York, bởi đằng sau các ngôi nhà là những ngọn núi lớn. Ở tiền cảnh, người ta đã chen vào một công viên lớn màu xanh điểm những bông hoa đỏ. New York trông giống như một thành phố nhỏ xây gạch, nằm ở chân một khối núi non menh mông.

Tấm ảnh này, đã bị cong lên, màu thì đã phai, dường như đã được treo ở đó từ lâu rồi. Nó đã được treo trước khi người ta biết rằng cái hình mẫu đó sẽ được gán

ghép một cách lố bịch với Afganistan và với thành phố Khost bụi bặm và do vậy sẽ đem đến cho đất nước này nhiều hơn cái mà nó cần tới: những quả bom.

– Các anh có biết đây là thành phố nào không? Bob hỏi.

Những người lính lắc đầu. Mới nhìn thấy đôi chút gì đó khác hơn là một ngôi nhà bằng đất nện một tầng, họ rất khó hình dung được rằng tấm ảnh đó chụp một thành phố có thật.

– Đây là New York, Bob giải thích. Nước Mỹ đấy. Đây là hai ngôi tháp mà Oussama ben Laden đã cho hai chiếc máy bay đâm vào.

Những người lính nhảy nhồm lên. Hai ngôi tháp ấy, họ có nghe nói đến. Chúng đang đứng đó! Họ đưa ngón tay

chỉ vào chúng. Chúng giống như t h ế này đây! Hóa ra ngày nào họ cũng đi qua trước tấm ảnh này mà chẳng hề biết!

Bob có mang theo một trong những tờ tạp chí và chỉ cho họ thấy một con người mà tất cả người Mỹ đều biết là ai.

– Các anh có biết ai đây không? anh ta hỏi. Họ lắc đầu.

– Đây là Oussama ben Laden.

Những người lính trở mắt, giật lấy tờ tạp chí và túm tụm lại. Ai cũng muốn nhìn.

– Ông ấy giống như thế này à?

Họ bị mê mẩn vì con người đó cũng như vì tờ tạp chí.

– Tên khùng bố, họ nói vừa đưa ngón tay chỉ vào đó và cười.

– Ở Khost, không hề có báo cũng chẳng có tạp chí và họ chưa bao giờ nhìn thấy ảnh Oussama ben Laden, con người là nguyên do khiến người Mỹ và Tajmir cùng với Bob có mặt trong thành phố của họ.

Đám lính lại ngồi xuống và lấy ra những miếng haschich lớn đưa mời Bob và Tajmir. Tajmir cầm lấy, ngửi và từ chối:

– Nặng quá, ông ta cười.

Hai người đi ngủ. Suốt đêm súng máy nổ ran. Ngày hôm sau họ suy nghĩ về một giải pháp và góc độ của tờ báo.

Họ đi lang thang trong thành phố và liếc nhìn đây đó. Chẳng có ai dẫn họ đi theo trong các cuộc hành binh quan trọng hay các cuộc truy tìm Al-Qaida trong các hang đá. Ngày nào cũng như

ngày nào, họ cố tìm hỏi tin tức từ hai kẻ thù không đội trời chung Mustapha và Kamal Khan.

Hãy chờ cho Kamal Khan khỏi bệnh đã, người ta nói với họ ở dinh tỉnh trưởng.

Hôm nay chẳng có gì mới, ở sở cảnh sát người ta lại lặp lại.

Padsha Khan đã biến mất. Mustapha nằm lì sau những bông hoa huỳnh quang của ông ta. Chẳng hề thấy bóng các lực lượng đặc biệt Mỹ. Chẳng có gì xảy đến cả. Chỉ có tiếng súng nổ ban đêm và những chiếc trực thăng quần quanh họ. Họ đang sống trong một vùng vào loại vô chính phủ nhất trên thế giới giới và họ thấy buồn chán. Cuối cùng Bob quyết định quay về Kaboul. Tajmir mê mẩn đi vì mừng thầm, được đi khỏi Khost, được trở về Microyan. Ông sẽ mua một chiếc

bánh thật lớn cho buổi kỷ niệm ngày cưới của ông.

Ông cảm thấy hạnh phúc được trở về bên Oussama của riêng ông, Oussama nhỏ bé, tròn trĩnh và cận thị, trở về bên người mẹ mà ông yêu nhất đời.

18. Trái tim tan nát

Từ nhiều ngày nay Leila nhận được những bức thư. Những bức thư khiến cô run lên vì lo sợ, nhịp tim cô tăng nhanh, và đầu óc cô không còn nghĩ được đến chuyện gì khác nữa. Sau khi đã đọc những lá thư ấy, cô đốt chúng đi và ném vào bếp lò.

Những bức thư ấy cũng khiến cô mơ tưởng. Mơ tưởng đến một cuộc sống khác. Các câu trong đó đem đến cho các

ý nghĩ của cô một nỗi hăm hở nhẹ nhàng và cuộc sống của cô có thêm được một chút đợi chờ hồi hộp. Cả hai cái ấy đối với Leila đều mới mẻ. Một thế giới mới mà cô chưa hề biết có thể có đột nhiên mở ra trong tâm trí cô.

– Tôi muốn bay lên! Tôi muốn ra đi! một hôm cô kêu to lên trong khi quét nhà. Được thoát ra ngoài kia! cô kêu to vừa quay tròn chiếc chổi trong căn phòng.

– Cô vừa nói gì vậy?

Sonya ngừng lên, cô ta đang mãi lần theo các hình mẫu trên tấm thảm trải dưới nền nhà.

– Không có gì cả, Leila trả lời.

Tự trong cô, cô tự nhủ rằng cô không sao chịu đựng được nữa. Rằng ngôi nhà

này là một nơi tù ngục.

Vốn là người không thích đi ra ngoài, bây giờ có cảm giác cô phải đi ra. Cô đi chợ. Mười lăm phút sau cô trở về với bó hành tây và gây nghi ngờ.

– Cô đi ra chợ chỉ để mua hành sao? Cô thích ra mặt ở tiệm bách hóa đến thế sao khi chúng ta chẳng cần gì cả? – Sharifa đang buồn. – Lần sau cô chỉ cần sai một đứa nhỏ đi.

Đúng mua bán là công việc của đàn ông và những người phụ nữ đã luống tuổi. Một cô gái đứng lại để mặc cả với một người bán hàng nam giới hay với những người đàn ông là chuyện không tốt. Tất cả những người có một cái quán hay một cửa hàng đều là đàn ông và dưới thời taliban, chính quyền cấm phụ nữ đi ra chợ một mình – còn bây giờ thì

Sharifa, trong tình cảnh bất mãn u sầu của mình, đã cấm cô.

Leila không trả lời. Cứ như cô cần phải nói chuyện với một người bán hàng! Cô dùng tất cả chỗ hàng đã mua trong khi nấu ăn, vì mỗi mục đích chúng tỏ cho Sharifa thấy cô thực sự cần hàng.

Lúc bọn con trai trở về nhà, cô đang ở trong bếp. Cô nghe thấy Aimal tặc lưỡi sau lưng cô và cô co người lại. Tim cô đập nhanh hơn. Cô đã bảo cậu đừng đem những lá thư khác về nữa. Nhưng Aimal lại tuần cho cô một lá thư mới và một cái gói cứng. Cô giấu chúng dưới áo dài và vội vã đem cất vào hòm của cô.

Trong bữa ăn, cô nhẹ nhàng ra khỏi phòng để đi đến chỗ cô giữ các kho báu của mình. Hai bàn tay run run cô mở hòm và gỡ tờ giấy ra. “L. thương yêu.

Bây giờ em phải trả lời anh. Trái tim anh cháy bỏng lên vì em. Em đẹp quá, em có muốn giải thoát nỗi buồn này của anh hay anh phải sống suốt đời trong bóng tối? Cả cuộc anh nằm trong đôi bàn tay em. Anh van em, em nhả cho anh một dấu hiệu nhỏ thôi. Anh muốn được gặp em, hãy trả lời anh. Anh muốn được chia sẻ cuộc đời anh cùng em. K.”

Trong cái gói có một chiếc đồng hồ mặt xanh và một chiếc vòng bạc. Cô ướm thử nhưng vội đặt xuống ngay. Không bao giờ cô có thể đeo chiếc vòng này. Cô sẽ trả lời thế nào khi những người khác hỏi của ai cho? Mới chỉ một mình mà cô đã đổ bưng mặt lên, và nếu các anh em trai cô hay mẹ cô biết được, sẽ kinh khủng, sẽ xấu hổ biết chừng nào! Sul-tan cũng như Yunus sẽ lên án cô. Nhận những lá thư này, cô đã phạm một hành

vi hoàn toàn vô đạo đức.

“Em có cảm thấy những tình cảm giống anh không?”, anh ta viết. Đúng ra, cô không cảm thấy gì cả. Cô điếng người đi vì sợ. Cứ như một hiện thực mới vừa hiện ra với cô. Lần đầu tiên trong đời cô, có một người đòi hỏi cô phải trả lời. Có một người muốn biết cô cảm thấy như thế nào, cô nghĩ gì. Nhưng cô không nghĩ gì cả, cô không có thói quen có một ý kiến. Và cô tự thuyết phục mình rằng cô không cảm thấy gì cả bởi vì cô biết rằng cô phải không cảm thấy gì cả. Các tình cảm là một điều đáng xấu hổ, Leila đã được học như vậy.

Karim, phần anh ta, anh ta có cảm thấy. Anh ta đã nhìn thấy cô một lần. Đây là cái hôm cô đi cùng Sonya đến khách sạn mang cơm trưa cho Sultan và các cậu con trai. Sultan chỉ thoáng nhìn thấy cô,

nhưng có một điều gì đó ở cô đã bảo với anh rằng cô sinh ra là để cho anh. Khuôn mặt tròn và xanh tái ấy, làn da xinh đẹp ấy, đôi mắt ấy.

Karim sống một mình trong một căn phòng ở khách sạn và làm việc cho một kênh truyền hình Nhật Bản. Đây là một cậu con trai đơn độc. Mẹ cậu đã bị chết vì một mảnh lựu đạn ném vào sân sau nhà họ trong thời nội chiến. Bố cậu đã nhanh chóng tái hôn với một người đàn bà khác, mà Karim không thích và bà ta cũng chẳng thích gì Karim. Bà chẳng biết làm gì với những đứa con đời vợ trước của chồng và bà đánh chúng khi ông ấy vắng nhà. Karim không bao giờ than trách. Bố cậu đã chọn bà ấy chứ không chọn anh em cậu. Sau khi ra trường, cậu đã làm việc vài năm ở hiệu thuốc do bố cậu cai quản ở Jalalabad, nhưng sau một

thời gian, cậu không thể sống với cái gia đình mới này của cậu nữa. Em gái cậu lấy một người đàn ông ở Kaboul và Karim đã chuyển đến ở cùng họ. Cậu đã học một vài môn ở trường đại học và khi bọn taliban tháo chạy và các đàn lũ nhà báo kéo đến chiếm các khách sạn và các nhà trọ ở Kaboul, Karim ra mắt và tự giới thiệu sự hiểu biết tiếng Anh của mình với người trả được khá nhất. Cậu gặp may và được một tổ chức đang mở văn phòng tại Kaboul tuyển dụng, nhận được một hợp đồng dài hạn với một đồng lương cao. Người ta thuê cho cậu một phòng ở khách sạn, ở đó Karim làm quen với Mansur và những người khác trong gia đình Khan. Cậu mến gia đình này, hiệu sách, sự hiểu biết, tính chất dễ gần của gia đình. Một gia đình tốt, cậu tự nhủ.

Chỉ cần một lần thoáng nhìn thấy Leila, và thế là xong. Nhưng Leila không hề trở lại khách sạn nữa, và chẳng lần đến khách sạn ấy đã khiến cô không thích. Đây không phải là một nơi tốt cho một người phụ nữ trẻ, cô tự nghĩ.

Chẳng có ai để cậu thổ lộ niềm say mê của mình, Mansur có nghe được hẳn chỉ cười, thậm chí tệ hơn còn có thể làm hại cậu. Chỉ có Aimal biết chuyện và Aimal im lặng. Aimal là sứ giả của Karim.

Karim nghĩ rằng nếu cậu kết bạn với Mansur thì có thể thâm nhập vào gia đình này qua trung gian của cậu ta. Cậu đã gặp may và một hôm Mansur mời cậu ăn tối. Mansur vẫn thường giới thiệu các bạn mình với gia đình và Karim là một trong những người bạn được kính trọng nhất của Mansur. Karim cố hết sức để được đánh giá cao, tỏ ra là người thú vị,

biết lắng nghe. Cậu khen lấy khen để các món ăn nấu rất ngon, và điều đặc biệt quan trọng là phải được bà nội đánh giá tốt, bởi vì chính bà là người có tiếng nói quyết định về chuyện Leila. Nhưng người vì chính cô ta mà cậu tìm đến đây, Leila, thì chẳng hề xuất hiện. Cô ở trong bếp lo nấu ăn. Sharifa và Bulbula mang thức ăn lên. Một người đàn ông trẻ không phải là người trong gia đình rất hiếm khi có cơ hội được nhìn thấy các cô gái chưa lấy chồng. Khi bữa ăn đã kết thúc, trà cũng đã uống xong, vào lúc mọi người sắp đi ngủ, cậu được nhìn thấy cô ta lần nữa. Do có lệnh giới nghiêm, những người khách đến ăn tối thường phải ngủ lại ở nhà bạn, và chính Leila là người có nhiệm vụ biến phòng ăn thành phòng ngủ. Cô trải chiếu, đi lấy chăn và gối, và trải thêm một chiếc chiếu cho Karim. Cô không thể còn nghĩ đến chuyện gì khác

ngoài việc tác giả những bức thư nọ hiện đang có mặt trong nhà.

Cậu nghĩ cô đã làm xong và sẽ đi vào để cầu kinh trước khi những người khác đi nằm, nhưng cô vẫn còn ở đấy, cúi người xuống trên chiếc chiếu, đuôi tóc dài tết lại trên lưng, chỉ quấn một chiếc khăn quàng nhỏ. Cậu quay người lại ở cửa, bất ngờ và mừng rỡ. Karim còn giữ mãi suốt đêm hình ảnh cô nghiêng xuống trên chiếc chiếu. Hôm sau, cậu thậm chí không hề thấy cả bóng cô đâu chính cô đã đun nước cho cậu rửa mặt, tráng trứng cho cậu ăn sáng, pha trà cho cậu. Thậm chí cô còn đánh giày cho cậu trong khi cậu còn đang ngủ.

Ngày tiếp sau đó, cậu phái cô em gái mình đến thăm những người phụ nữ trong gia đình Khan. Cô ta gặp Leila. Khi một người nào đó làm quen với

những người bạn mới, không chỉ những người bạn được giới thiệu với gia đình, mà thường là cả những người họ hàng của anh ta, mà em gái của Karim là người họ hàng gần gũi nhất của cậu. Cô ta biết Karim mê Leila và bây giờ cô tự mình đến quan sát đôi chút và làm quen với gia đình. Lúc trở về, cô kể lại cho Karim những điều cậu đã biết cả rồi.

– Cô ấy làm việc tốt và vất vả. Cô ấy xinh xắn và khoẻ mạnh. Gia đình ấy yên bình và đàng hoàng. Một chỗ tốt đấy.

– Nhưng cô ấy nói những gì? Em thấy cô ấy ra sao? Trông cô ấy thế nào?

Karim nghe không chán những câu trả lời của em gái, cả những lời cô ta mô tả Leila, theo cậu là quá ư nhạt nhẽo.

– Đây là một cô gái đứng đắn, tôi đã

bảo với cậu như thế mà, cuối cùng cô em kết luận.

Vì Karim không còn mẹ, nên cô em gái cậu phải thay cậu xin cưới. Nhưng hãy còn sớm quá, phải làm quen với gia đình ấy thêm nhiều nữa, bởi vì giữa họ không hề có chút quan hệ họ hàng nào. Nếu làm khác, chắc chắn sẽ bị từ chối.

Sau cuộc đến thăm của cô em gái Karim, cả gia đình bắt đầu trêu Leila về chuyện Karim. Leila giả làm ra vẻ dừng đứng khi bị trêu. Cô tỏ ý chẳng quan tâm, dù trong lòng đang bùng cháy. Chừng nào họ còn không biết có những bức thư kia. Cô giận Karim vì đã đẩy cô vào vòng nguy hiểm. Cô dùng một hòn đá đập nát chiếc đồng hồ và ném đi.

Trước hết cô sợ Yunus biết ra chuyện. Trong gia đình, cậu ấy là người hăng hái

nhất đề cao một lối sống Hồi giáo khắc nghiệt, tuy chính tự cậu lại không vì thế mà tuân thủ đúng lối sống đó. Ngoài ra cậu là người cô quý nhất trong nhà. Cô sợ cậu nghĩ xấu về cô nếu cậu biết cô đã nhận các lá thư. Một lần có người đã đề nghị với cô một công việc làm một phần thời gian do cô có biết tiếng Anh, Yunus đã không cho cô nhận lời. Cậu không thể đồng ý để cô làm việc trong một văn phòng có cả đàn ông. Leila nhớ lại cuộc nói chuyện giữa hai chị em về Jamila. Sharifa đã kể lại cho cậu nghe chuyện cô gái đã bị chèn ép cho đến chết như thế nào.

– Sao? Yunus hét toáng lên. Chị muốn nói cô gái đã chết vì cái quạt điện bị rò.

Yunus không biết rằng câu chuyện cái quạt điện chỉ là dối trá, rằng Jamila

đã bị sát hại bởi vì cô đã tiếp người tình trong phòng ban đêm. Leila tiết lộ câu chuyện thật.

– Kinh khủng, kinh khủng, kinh khủng. Leila đồng ý.

– Làm sao cô ta lại có thể làm một chuyện như vậy? cậu nói thêm.

– Cô ta? Leila kêu lên.

Cô đã hiểu nhầm tình cảm biểu lộ trên mặt Yunus và tưởng cậu bị sốc, giận dữ và đau buồn vì nghĩ rằng Jamila đã bị chính những người anh em trai của cô chèn nghẹt cho đến chết, trong khi đó là cậu bị sốc và giận dữ về việc cô đã có một người tình.

Chồng cô ấy đẹp trai và giàu có, cậu bảo, vẫn còn run lên vì tức giận. Thật là xấu hổ. Và đấy lại là một người Pakistan.

Chuyện này càng khiến em khẳng định rằng vợ em phải thật trẻ. Trẻ và nguyên vẹn. Và em phải siết chặt cương, cậu cau có.

– Còn vụ giết người?

– Chính cô ta đã phạm tội trước.

Leila cũng muốn mình được trẻ trung và nguyên vẹn. Cô kinh hoàng khi nghĩ đến chuyện bí mật riêng của cô bị phát lộ. Cô không phân biệt được cấp độ khác nhau giữa việc phản bội chồng với việc nhận thư của một cậu con trai. Cả hai đều bị cấm, cả hai đều là xấu, cả hai đều là một mối nhục nếu bị khám phá ra. Bây giờ khi cô đã nhìn thấy ở Karim người sẽ cứu cô, thoát ra khỏi gia đình, cô sợ Yunus sẽ từ chối ủng hộ cậu ta khi cậu ta xin hỏi cô làm vợ.

Đối với cô, vấn đề không phải là tình yêu. Cô mới thoáng nhìn thấy cậu ấy, chỉ từ sau một tấm rèm và qua khung cửa sổ khi cậu ấy đến cùng Mansur. Và qua cái nhìn thoáng qua đó cô thấy được, có thể thôi.

– Cậu ấy trông có vẻ trẻ con, một lúc sau cô nói với Sonya. Cậu ấy bé người và gầy và có một khuôn mặt trẻ con.

– Nhưng cậu ta có giáo dục, có vẻ tử tế và không có gia đình. Vì vậy cậu ấy là người cứu cô, bởi vì chắc hẳn cậu có thể đưa cô thoát ra khỏi cuộc sống này. Điểm hay nhất là cậu không có một gia đình lớn, nơi cô có nguy cơ sẽ trở thành một người đầy tớ. Cậu sẽ để cho cô được đi học hay làm việc. Họ sẽ chỉ có hai người với nhau, có thể cậu sẽ muốn đi đâu đó, cũng có thể đi ra nước ngoài.

Chẳng phải Leila chưa từng được ai cầu hôn, đã có đến ba người. Tất cả đều là những người họ hàng, những người họ hàng mà cô không muốn. Một người là con trai của một bà cô, mù chữ và thất nghiệp, lười biếng và chẳng được bất cứ việc gì.

Người thứ hai là cậu con trai của Wakil, một thằng chúa thộn. Cậu ta không làm việc, chỉ thỉnh thoảng giúp bố cậu trong các chuyến hộ tống của ông.

– Chị mới may mắn làm sao, chị sẽ được một tấm chồng có hai ngón tay, Mansur trêu cô.

Cậu con trai của Wakil, bị mất ba ngón tay vì một bộ pin cậu thao tác không đúng cách đã phát nổ, Leila cũng chẳng muốn. Shakila, chị cô, đã gây áp lực ủng hộ cuộc hôn nhân này. Chị ấy

muốn có Leila ở gần mình, nhưng Leila biết rằng cô sẽ tiếp tục là một tên đầy tớ thôi. Cô sẽ mãi mãi bị đặt dưới quyền chỉ huy của chị cô và cậu con trai của Wakil sẽ phải luôn luôn tuân lệnh bố.

Lúc đó mình sẽ không phải giặt quần áo cho mười ba người mà cho hai mươi người, cô tự nhủ.

Shakila sẽ là người đàn bà mạnh mẽ trong nhà còn cô sẽ lại là một con ỏ. Lần nữa.

Cô sẽ không đi xa được mà sẽ vẫn là tù binh trong gia đình, giống như Shakila tiếp tục sống với đàn gà con và gà mẹ, cùng với những đứa trẻ suốt ngày chạy quần quanh váy cô.

Người thứ ba là Khaleb. Khaleb là anh em con chú con bác của cô - một cậu

con trai đẹp trai và bình thản. Một cậu con trai đã cùng cô lớn lên và cô đánh giá là khá. Nhưng còn gia đình cậu ta, một gia đình kinh khủng. Một gia đình lớn gần ba mươi người. Bố cậu ấy, một ông già nghiêm khắc, vừa ra tù, ông bị kết án đã cộng tác với bọn taliban. Nhà họ bị cướp phá trong thời nội chiến, cũng như phần lớn những ngôi nhà ở Kaboul, và khi bọn taliban đến và thiết lập trật tự, bố của Khaleb kiện vài tên moudjahidin trong làng. Chúng bị bắt và phải nằm tù khá lâu. Khi bọn taliban rút chạy, những người này nắm lại quyền lực ở làng và trả thù bằng cách tống bố Khaleb vào tù.

Cũng đáng cho ông ấy thôi, chẳng hay ho gì chuyện đi kiện, một đôi người bình luận.

Bố Khaleb nổi tiếng vì tính cách bất thường. Ngoài ra ông ta có hai người vợ

cứ gây gổ với nhau suốt ngày và chẳng mấy khi có thể ngồi cùng nhau trong một phòng. Bây giờ, ông ta đang tính chuyện lấy một bà thứ ba.

Các bà ấy đã trở nên quá già đối với tôi, tôi phải tìm một bà giữ được cho tôi còn trẻ mãi, ông già bảy mươi ấy giải thích như vậy.

Leila không đủ sức hình dung được những gì sẽ đến với cô trong cái chốn hỗn loạn sẽ là gia đình cô ấy, và Khaleb lại không có tiền, nên họ không bao giờ có thể ở chung cùng nhau.

Bây giờ, số phận đã tốt bụng đem Karim đến cho cô. Cuộc sống mới có đôi chút hiểm nguy này mang đến cho sự thúc đẩy mà cô đang cần và một lý do để hy vọng. Cô không chịu thối lui và tiếp tục đi đến bộ Giáo dục để tìm cách đăng

ký làm giáo viên. Khi đã hiển nhiên là không có người đàn ông nào trong gia đình giúp đỡ cô, thì Sharifa thấy thương hại cô. Bà hứa sẽ đi cùng cô. Nhưng rồi thời gian cứ trôi qua và họ chẳng bao giờ đi được. Họ thiếu đúng một cuộc hẹn. Leila lại mất hy vọng, và rồi, thật kỳ lạ, tình thế bỗng trở nên có vẻ khá lên.

Cô em gái của Karim kể cho cậu biết những vấn đề của Leila trong chuyện xin làm giáo viên. Sau nhiều tuần làm việc ráo riết, và do cậu biết một người là cánh tay phải của ông bộ trưởng, Karim tổ chức một cuộc gặp giữa Leila với Rasul Amin, vị bộ trưởng mới của bộ Giáo dục. Leila được mẹ cho phép bởi vì bây giờ cô có thể nhận được công việc làm giáo viên mà cô vẫn mong ước. Rất may là Sultan đang ở nước ngoài và Yunus cũng không thọc gậy vào bánh xe. Cứ

như mọi việc diễn ra đúng như cô vẫn mong. Suốt đêm cô cảm ơn Thượng Đế và cầu nguyện cho mọi việc được tốt đẹp, việc gặp gỡ với Karim cũng như cuộc gặp ông bộ trưởng.

Karim sẽ qua đón cô lúc 9 giờ. Leila thử rồi lại bỏ đi tất cả các quần áo của cô. Cô thử quần áo của Sonya, của Sharifa, của cô. Sau khi những người đàn ông trong nhà đã ra đi, đám phụ nữ ngồi ra đất trong khi lúc lúc cô lại bước vào với những bộ trang phục mới.

Chật quá!

Nhiều hình vẽ trang trí quá!

Nhiều trang kim quá!

Mỏng tang thế!

Sao trông bẩn thế!

Lần nào cũng có một cái gì đó không ổn. Leila thiếu quần áo, bộ sưu tập của cô chỉ gồm từ những chiếc áo pun cũ đã sờn và nhăn nhúm cho đến những chiếc áo óng ánh với những trang trí giả vàng, nhưng cô không có quần áo bình thường nào cả. Những lần hiếm hoi cô mua quần áo, là vào dịp một đám cưới hay đám hỏi, và lần nào cô cũng chọn những gì hào nhoáng nhất. Cuối cùng cô mặc một chiếc áo sơ mi trắng của Sonya và một chiếc váy đen dài. Cũng chẳng có gì quan trọng lắm vì dầu sao cô cũng sẽ quần một tấm khăn choàng lớn phủ từ đầu đến hông. Nhưng cô không che mặt, vì Leila đã thôi trùm burkha. Cô đã tự hứa đến khi đức vua trở về, cô sẽ vất bỏ tấm khăn quàng bởi vì lúc đó Afghanistan sẽ trở thành một đất nước hiện đại. Buổi sáng tháng Tư khi Zaher Shad đặt bước chân lên đất Afghanistan, sau ba mươi

năm lưu vong, cô đã dứt khoát treo chiếc burkha của mình lên một chiếc đinh và tự hứa sẽ không bao giờ mặc lại cái thứ trang phục bỉ ổi ấy nữa. Sonya cũng như Sharifa đã làm theo cô. Đối với Sharifa việc ấy khá dễ dàng, phần lớn thời gian trưởng thành bà đã để hở mặt, đối với Sonya thì khó khăn hơn, cô đã chuyển từ tuổi thơ sang thể chế phụ nữ dưới tấm burkha và cau có không chịu gỡ bỏ. Cuối cùng chính Sultan đã cấm cô trùm burkha.

Tôi không muốn có một người vợ tiền sử, cô là vợ một người đàn ông tự do, chứ không phải chính thống.

Trong nhiều lĩnh vực, Sultan là người tự do. Lúc ở Iran, ông đã mua Âu phục cho Sonya và cho ông. Ông sẵn sàng coi áo burkha là một cái lồng áp bức con người và lấy làm vui mừng là trong chính

phủ mới có những người phụ nữ làm bộ trưởng. Ông hết lòng mong muốn Afghanistan trở thành một đất hiện đại và ông biết nói một cách hăng say về vấn đề giải phóng phụ nữ. Nhưng trong gia đình ông, ông vẫn là vị trưởng lão chuyên quyền.

Cuối cùng khi Karim đến, Leila đã trùm chiếc khăn quàng và đang đứng trước gương, đôi mắt ánh lên một tia nhìn trước nay họ chưa hề thấy ở cô. Sharifa đi ra trước cô. Leila có phần bị kích động và bước đi đầu cúi xuống. Cô chào qua cậu ta. Mọi việc đều tốt đẹp, cô vẫn còn căng thẳng, nhưng đã bớt kích động đôi chút. Cậu ta trông có vẻ hoàn toàn vô hại. Có vẻ dễ chịu, hơi khác lạ đôi chút.

Karim nói chuyện linh tinh với Sharifa, về các cậu con trai của bà, về công

việc. Bà hỏi cậu về gia đình cậu, công việc của cậu. Sharifa cũng định trở lại làm giáo viên. Trái với Leila, giấy tờ của bà đều ổn cả và bà chỉ cần đăng ký lại. Leila có một số vấn đề về các giấy chứng nhận, một số là chứng nhận của trường cô theo học ở Pakistan, số khác là của các lớp tiếng Anh cô đã học. Cô không được đào tạo chút nào về nghiệp vụ nhà giáo, thậm chí cũng chưa xong trung học, nhưng không có cô thì cái trường cô đến xin việc sẽ không bao giờ có giáo viên tiếng Anh.

Ở bộ, họ phải chờ nhiều giờ để được gặp ông bộ trưởng. Chung quanh họ có nhiều người phụ nữ đang ngồi, trong các góc, dọc ven tường, người trùm burkha, người không. Nhiều người khác đứng xếp hàng trước vô số cửa giao dịch. Người ta ném ra cho họ các thứ hồ sơ

để họ điền vào. Những người phụ nữ xếp hàng la mắng đám nhân viên ngồi sau các cửa giao dịch, và đám nhân viên la mắng những người phụ nữ đang xếp hàng. Như vậy trông có vẻ có một sự bình đẳng nào đó, đàn ông la mắng đàn bà và đàn bà la mắng đàn ông. Một số người trong đám đàn ông, chắc chắn là nhân viên của bộ, đi chạy chạy lại tay ôm những chồng giấy, có vẻ như họ cứ chạy vòng quanh. Mọi người đều la hét. Một người phụ nữ rất già và khô đét bị xây xẩm, bà ta đến sắp xỉu đi mất mà chẳng ai đến giúp bà cả. Một lũ, bà bèn ngồi vào một góc và thiu thiu ngủ. Một bà khác ngồi khóc.

Karim biết lợi dụng thời gian phải chờ đợi. Một lúc, cậu đã được ngồi riêng với Leila trong khi Sharifa đi hỏi một

điều gì đó ở một cửa giao dịch có người xếp hàng dài.

– Em trả lời anh thế nào?

– Anh biết rằng em không thể trả lời.

– Nhưng em muốn sao?

– Anh biết rằng em không được có ý muốn riêng.

– Nhưng em có thích anh không?

– Anh biết rằng em không thể có ý kiến về điều đó.

– Em có sẽ trả lời đồng ý nếu anh xin cưới em không?

– Anh biết rằng không phải em là người trả lời.

– Em có muốn chúng ta gặp lại nhau không?

- Việc đó, em không thể.
- Tại sao em không thể dễ chịu hơn với anh? Anh không làm em thích ư?
- Gia đình em sẽ quyết định anh có làm em thích không.

Leila bắt đầu thấy khó chịu vì cậu đã sẵn sàng hỏi cô những câu ấy, bởi vì, đầu thế nào đó nữa, chỉ có mẹ cô và Sultan mới là người quyết định. Tuy nhiên hiển nhiên là cô thích cậu ấy. Cô thích cậu vì cậu là một người cứu cô. Nhưng cô không cảm thấy chút tình cảm nào đối với cậu cả. Vậy thì làm sao cô có thể trả lời các câu hỏi của cậu.

Họ phải chờ nhiều giờ. Cuối cùng đến lượt họ. Đằng sau bức rèm là ông bộ trưởng. Ông chào qua họ trước khi cầm lấy những hồ sơ Leila đưa cho ông và ký

vào đó mà chẳng cần nhìn. Ông ký bảy cái hồ sơ rồi đưa lại cho họ.

Xã hội Afganistan vận hành như thế đó, cần phải biết một ai đó để có thể thoát ra khỏi nơi đó, một hệ thống đã tê liệt. Không có gì có thể xảy ra mà không có những chữ ký thuận lợi và những chứng nhận. Leila đã gặp được ông bộ trưởng, một người khác sẽ phải điều đình với một nhân vật ít quan trọng hơn. Tuy nhiên, vì ông bộ trưởng phải để phần lớn thời gian trong ngày để ký các tài liệu, của những người đã phải lót tiền tay để có thể đến được chỗ ông, chữ ký của ông ngày càng mất giá.

Leila hình dung bây giờ cô đã có chữ ký của ông bộ trưởng, con đường tiến tới nghề đi dạy học của cô hẳn phải được thông thoáng hơn, song cô còn phải qua vô số bàn giấy, của giao dịch và văn

phòng nữa. Nói chung, chỉ có Sharifa nói, còn Leila chỉ ngồi nhìn xuống đất. Trong đất nước Afganistan đang phải kêu lên vì thiếu thầy giáo mà việc xin làm giáo viên lại khó đến thế đấy. Tại nhiều nơi, trường học và sách giáo khoa có đủ cả, nhưng chẳng có ai ở đấy để dạy, ông bộ trưởng đã nói như thế. Khi Leila đến văn phòng nơi diễn ra các cuộc kiểm tra để chọn giáo viên mới, các giấy tờ của cô đã nhàu nát hoàn toàn sau khi phải qua những bàn tay đã thao tác chúng.

Cô phải qua một kỳ vấn đáp để chứng tỏ năng lực dạy học. Trong một căn phòng có hai người đàn ông và một người phụ nữ đang ngồi ở một chiếc bàn. Sau khi đã ghi tên, tuổi và quá trình đào tạo của cô, họ chỉ hỏi cô vài câu.

– Cô có biết đức tin Hồi giáo không?

– Không có thần thánh nào khác ngoài Thượng Đế và Mahomet là Đấng Tiên Tri của Người, Leila đọc thuộc lòng.

– Mỗi ngày một người Hồi giáo phải cầu nguyện bao nhiêu lần?

– Năm.

– Câu trả lời đúng là sáu, đúng không? người phụ nữ ngồi sau bàn thử cô, nhưng Leila không nao núng.

– Có thể đối với bà là thế, còn đối với tôi thì là năm.

– Và cô cầu nguyện mỗi ngày bao nhiêu lần?

– Năm lần mỗi ngày, Leila nói dối.

Rồi đến các bài toán. Cô giải được. Rồi một công thức vật lý. Mà cô chưa bao giờ nghe nói đến.

– Nhưng các ông bà có sẽ hỏi tôi bằng tiếng Anh không? Họ lắc đầu.

– Không, bởi vì lúc đó cô có thể nói bất cứ điều gì cô muốn, họ cười một cách độc ác.

Không người nào trong số họ nói được tiếng Anh. Leila cảm thấy họ không muốn cô hay bất cứ người dự tuyển làm giáo viên nào khác có được việc làm. Sau cuộc kiểm tra và những cuộc thảo luận dài dòng, họ khám phá ra là cô còn thiếu một hồ sơ.

– Hãy trở lại đây khi nào cô có được hồ sơ đó.

Sau tám giờ ở bộ, họ trở về, thất vọng. Đối mặt với những viên chức ấy, chữ ký của ông bộ trưởng cũng chẳng giúp được gì.

– Em chịu thôi, nói cho cùng, có thể là em không muốn làm giáo viên, Leila tuyên bố.

– Tôi sẽ giúp em, Karim cười đáp lời cô, và hứa: bây giờ tôi đã bắt đầu, thì tôi sẽ đi cho đến cùng.

Leila cảm thấy trái tim mình có ấm lên đôi chút.

Ngày hôm sau Karim đi Jalalabad nói chuyện với những người trong gia đình cậu. Cậu kể cho họ nghe về Leila, gia đình cô và bảo họ rằng cậu muốn xin cưới cô. Họ đồng ý và bây giờ chỉ còn việc phái cô em gái của cậu đi. Việc đó hơi kéo dài. Karim sợ bị từ chối và ngoài ra cậu cần có tiền để làm lễ cưới, sắm trang thiết bị, có một ngôi nhà. Hơn nữa, quan hệ của cậu với Mansur có phần hơi nhạt đi. Từ mấy ngày nay, Mansur cứ như không

biết đến cậu và chỉ gật đầu chào cậu qua loa. Một hôm Karim hỏi cậu ta liệu mình có làm điều không phải không.

– Tớ phải nói với cậu đôi điều về chuyện Leila, Mansur trả lời.

– Chuyện gì thế?

– Không, thật ra tớ không thể nói với cậu được. Rất tiếc.

– Nhưng có chuyện gì vậy? – Karim há hốc mồm. – Cô ấy ốm à? Hay cô ấy có người yêu khác? Có chuyện gì không hay với cô ấy sao?

– Tớ không thể nói với cậu là chuyện gì, bởi vì nếu cậu biết, cậu sẽ không bao giờ muốn lấy nó nữa. Bây giờ, tớ phải đi đây.

Ngày nào Karim cũng năn nỉ Mansur

nói cho cậu biết đã có chuyện gì với Leila. Ngày nào Mansur cũng tránh né. Karim hết van nài, khẩn khoản lại đến giận dỗi cau có, nhưng Mansur vẫn không chịu trả lời.

Mansur đã nghe Aimal nói về các bức thư. Lúc đầu, cậu không hề chống đối việc Karim lấy Leila, trái lại là khác, nhưng Wakil cũng nghe phong thanh việc Karim đeo đuổi Leila. Anh ta đã yêu cầu Mansur không để cho Karim gần gũi Leila. Mansur buộc phải làm theo điều người chồng của chị cậu bảo. Wakil mới là người trong gia đình, chứ không phải Karim.

Wakil cũng đã trực tiếp đe dọa Karim.

– Tôi đã chọn cô ấy cho con trai tôi. Leila là người của gia đình chúng tôi và

vợ tôi muốn cô ta lấy con trai tôi, và tôi cũng vậy, và điều đó cũng khiến Sultan và mẹ cô ta vui lòng, vì lợi ích của chính cậu, tốt hơn hết là cậu nên tránh ra.

Karim chẳng thể đáp lại gì nhiều với Wakil, người lớn tuổi hơn cậu. Hy vọng duy nhất của cậu là Leila sẽ chiến đấu vì cậu. Nhưng có chuyện gì đó không ổn với Leila chẳng? Điều Mansur nói, có đúng thật không?

Karim tự hỏi lại chính mình về toàn bộ câu chuyện đi hỏi vợ này.

Trong thời gian đó, Wakil và Shakila đến thăm Microyan. Leila biến mất trong bếp để nấu ăn. Sau khi họ ra về, Bibi Gul loan báo:

Họ đến hỏi con cho Saùd. Leila đứng im, tê điếng người.

Mẹ đã trả lời là mẹ thấy được, nhưng mẹ phải nói chuyện với con đã, Bibi Gul nói thêm.

Bao giờ Leila cũng nghe theo lời khuyên của mẹ. Bây giờ cô im lặng. Cậu con trai của Wakil. Với cậu ấy, cô sẽ có một cuộc sống giống hệt như cuộc sống cô đang có hiện giờ – chỉ trừ mỗi điều là cô sẽ có thêm nhiều nhiệm vụ nữa phải làm tròn. Cô sẽ có thêm một ông chồng chỉ có hai ngón tay, một ông chồng chưa bao giờ giở một trang sách.

Bibi Gul nhúng một mẩu bánh mì vào chỗ dầu trong đĩa của bà và đưa lên miệng. Bà thấy một cái xương trong đĩa của Shakila và cầm lên mút lấy tủy vừa nhìn cô con gái của mình.

Leila cảm thấy cuộc sống của cô, tuổi trẻ, hy vọng của cô đang tuột đi mất – mà

chẳng có lối thoát nào cứu vãn được. Cô cảm thấy trái tim mình nặng trĩu xuống như một tảng đá và thấm đẫm cô đơn, mãi mãi tan vỡ mất rồi.

Leila quay người lại, cô bước ba bước về phía cửa, nhẹ nhàng đóng cửa lại sau lưng cô và bỏ ra đi. Chỉ còn lại trái tim cô tan nát. Chỉ một chốc nữa thôi nó sẽ lẫn vào đám bụi bay vào vãn vũ qua khung cửa sổ, phủ lên tấm nệm. Tối nay, chính cô sẽ phải quét chỗ bụi đó, và đổ ra sân.

19. Lời bạt

Mọi gia đình hạnh phúc đều giống nhau, nhưng mỗi gia đình bất hạnh lại khổ sở theo cách riêng.

Lev Tolstoi, *Anna Karénina*

Vài tuần sau khi tôi rời khỏi Kaboul, gia đình đã vỡ tan. Sau một cuộc cãi vã, những lời qua tiếng lại giữa Sultan và hai bà vợ một bên, với bên kia là Leila và Bibi Gul, nặng nề cho đến nỗi thật khó tiếp tục cùng chung sống dưới một mái nhà.

Khi Yunus trở về nhà, sau cuộc xung đột, Sultan gọi riêng cậu ra và tuyên bố với cậu rằng mọi người - ông ta, các bà chị của cậu và mẹ cậu – phải đối xử với ông một cách kính trọng đúng với địa vị của ông là người anh cả và nhắc nhở cậu rằng miếng ăn của họ là do tay ông làm ra.

Ngày hôm sau, tờ mờ sáng, Bibi Gul, Yunus, Leila và Bulbula rời nhà ra đi tất cả hành trang mang theo chỉ có quần áo họ đang mặc trên người. Từ đấy không người nào trở lại. Họ đến ở nhà Farid, người em đã bị ruồng bỏ của Sultan, vợ ông ấy sắp nằm nơi, cùng ba đứa con của họ. Bây giờ họ đang tìm một chỗ ở.

Những người anh em Afganistan chẳng tốt lành gì với nhau, Sultan kết luận như thế trong điện thoại từ Kaboul. Đã đến lúc chúng ta có những cuộc sống độc lập với nhau.

Leila không có tin tức gì của Karim. Quan hệ của cậu ta với Mansur đã lạnh nhạt đi, cậu khó còn liên lạc được với gia đình. Hơn nữa, Karim cũng không biết đích xác cậu muốn gì. Cậu có được một học bổng Ai Cập đi nghiên cứu đạo Hồi tại trường đại học al-Azhar ở Cairo.

Cậu ấy sẽ trở thành mollah, Mansur cười nhạo trên một đường dây điện thoại đầy nhiễu nói từ Kaboul.

Người thợ mộc bị kết án ba năm tù. Sultan rất nhẫn tâm không thương tiếc.

– Tên lưu manh đó không thể sống tự do giữa xã hội. Ta chắc chắn lão đã ăn cắp ít nhất hai mươi nghìn tấm bưu ảnh. Những điều lão ta nói về sự nghèo khổ của gia đình, chỉ là dối trá. Ta đã tính lão làm được khá nhiều tiền, nhưng lão đã đem giấu đi.

Mariam, lo sợ sẽ sinh con gái, đã được Allah phù hộ, và sinh ra một đứa con trai.

Hợp đồng khổng lồ về sách giáo khoa của Sultan đã chấm dứt đột ngột. Trường đại học Oxford đã chọn kẻ hợp tác nào có lợi hơn, nhưng Sultan rất hài lòng.

– Vụ này đã hút cạn hết năng lượng của ta, món đặt hàng quả là quá lớn.

Hiệu sách làm ăn phát đạt. Sultan đã có được những hợp đồng bằng vàng ở Iran, ông ta bán sách cho các thư viện của các sứ quán phương Tây. Ông cố mua một trong những hiệu chiếu bóng nát nhất Kaboul để lập thành một trung tâm trong đó có hiệu sách, phòng hội thảo và thư viện, nơi các nhà nghiên cứu có thể tiếp cận bộ sưu tập lớn các tác

phẩm của ông. Ông hứa sang năm sau sẽ cho Mansur đi một chuyến giao dịch sang Ấn Độ.

Nó cần phải học biết thế nào là trách nhiệm, như thế nó mới rèn luyện được tính cách. Có thể tôi sẽ cho những thằng con trai khác đến trường.

Sultan cho ba cậu con trai được nghỉ ngày thứ sáu, tự do làm những gì chúng thích. Mansur tiếp tục đi đến các cuộc hội hè của cậu và lần nào về cũng có chuyện mới để kể. Cô gái cậu đang đeo đuổi lúc này là cô hàng xóm ở tầng ba.

Tuy nhiên, Sultan tỏ ra lo lắng về tình hình chính trị.

Rất nguy hiểm. Loya Jirga đã trao quá nhiều quyền cho Liên minh Phương Bắc, chẳng còn sự cân bằng nào cả. Karzaù

thì quá yếu, ông ta không điều khiển nổi đất nước. Giải pháp tốt nhất là chính phủ chúng ta gồm các nhà kỹ thuật do người châu Âu chỉ huy. Nếu chúng ta, những người Afganistan, chúng ta không cử ra được những người lãnh đạo của chính chúng ta, ấy là điều rất không ổn. Người ta không cộng tác với nhau và nhân dân thì đau khổ. Lại nữa, chúng ta chưa khôi phục lại được cho chúng ta những cái đầu biết suy nghĩ, nơi lẽ ra cần có những người trí thức của chúng ta, thì chỉ có khoảng trống không.

Mặt khác, Mansur không cho mẹ đi dạy học.

– Không tốt đâu, con chỉ có thể nói thế thôi.

Sultan đồng ý để bà trở lại làm việc, nhưng khi cậu con cả của bà còn cấm,

thì bà vẫn không thể. Những cố gắng xin làm giáo viên của Leila cũng chẳng đi đến đâu.

Bulbula cuối cùng đã có được Rasul của cô. Sultan đã ngồi nhà và không cho hai bà vợ và các con dự lễ cưới.

Từ nay Sonya và Sharifa là những người phụ nữ duy nhất trong nhà Sultan. Khi Sultan và các con trai ông đi làm việc, hai người ở nhà. Đôi khi như mẹ với con, đôi khi như tình địch. Vài tháng nữa Sonya sẽ sinh con. Cô cầu xin Allah sẽ sinh được con trai. Cô đã hỏi tôi liệu tôi có thể cầu nguyện được cho cô không.

Cứ nghĩ nếu lại là một đứa con gái!

Một tai họa nhỏ nữa trong gia đình Khan...

